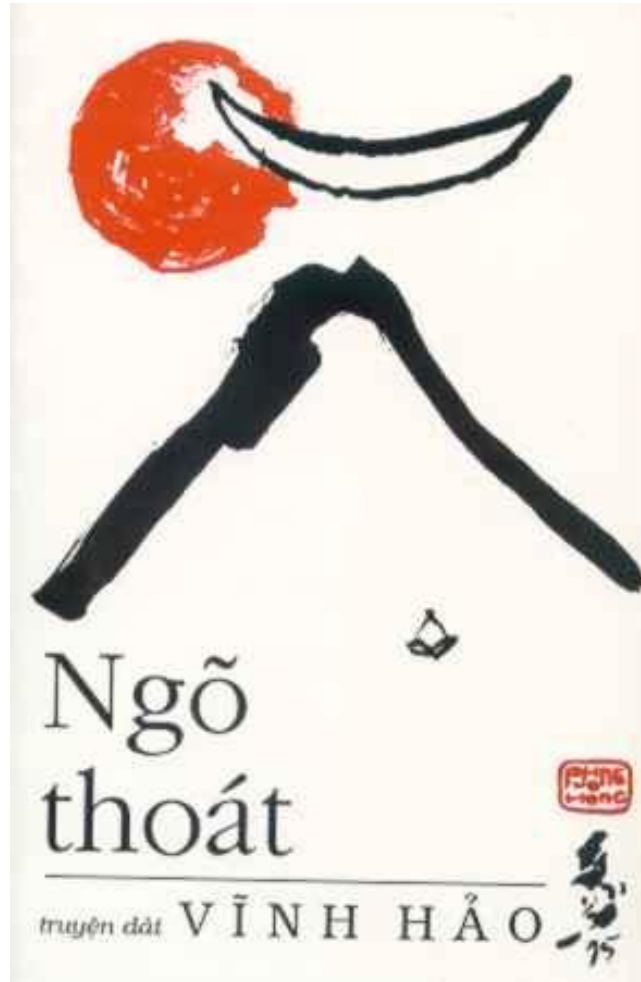


NGÕ THOÁT

(tức Phương Trời Cao Rộng 3)

VĨNH HẢO



*Bến xa ngun ngút mây trời
Cung đàn đứt nhịp trận cười ngang cơn
Bờ kia bến nọ hai đường
Dòng sông chảy mộng hồ trường nửa canh.*

Thơ **Phù Du**

MỤC LỤC:

CHƯƠNG MỘT	3
CHƯƠNG HAI	11
CHƯƠNG BA	18
CHƯƠNG BỐN	24
CHƯƠNG NĂM	34
CHƯƠNG SÁU	42
CHƯƠNG BẢY	48
CHƯƠNG TÁM	56
CHƯƠNG CHÍN	66
CHƯƠNG MƯỜI	82
CHƯƠNG MƯỜI MỘT	90
CHƯƠNG MƯỜI HAI	98
CHƯƠNG MƯỜI BA	110
CHƯƠNG MƯỜI BỐN	119
CHƯƠNG MƯỜI LĂM	138

Chương một

Mặt trời chưa mọc nhưng bên ngoài đã sáng ửng. Buổi sáng Chủ nhật ở khu xóm này dường như không có dấu hiệu của sinh hoạt con người. Chỉ nghe tiếng chim ríu ra ríu rít trên những hàng cây cao. Lá cây ướt đầm, tưởng chừng vừa được tắm dưới một cơn mưa. Thực ra chẳng có cơn mưa nào đêm qua cả; chỉ có sương mai kéo xuống thấp, mù tủa cả một vùng gia cư lụp xụp đang còn an giấc. Chú nhện trên nhánh muồng trâu có lẽ đã hì hục giăng cho xong cái lưới khổng lồ suốt đêm qua nên bây giờ hãy còn mời mệ thu nhỏ người lại, ngủ vùi ở vòng tâm của màng lưới. Nếu chú thức dậy sớm như tôi sáng nay, hẳn chú sẽ có dịp thưởng thức sự kết tụ kỳ diệu của những hạt sương sớm, tạo thành những chuỗi ngọc trai nhỏ, long lanh, óng ánh, ngang dọc theo những đường tơ mịn màng do chính chú dệt nên.

Con đường đất đỏ chạy ngang trước cổng là con đường duy nhất của xóm nhỏ này dẫn ra lộ chính, vắng hoe. Tôi thanh thân nhấp từng ngụm trà nóng. Chờ đợi.

Tất cả đều đổ vỡ, tan nát, hồng. Tôi sẽ làm lại từ đầu kể từ hôm nay. Một người đàn ông, xấp xỉ sáu mươi, sẽ đến đây, chờ tôi đi.

Bao nhiêu chuyện cũ, bao nhiêu thăng trầm bảy năm qua, dường như đã tiêu tằm, mất dạng theo nước qua cầu. Chỉ có bóng hình mới nhất, biển cổ đau thương mới nhất, là còn chồi dậy, nhập nhòa ẩn hiện theo cái màng nhện ướt sương, hay theo những nhánh dâm bụt thưa thớt nơi bờ rào.

Không phải tôi không tận tình khơi dậy những chuyện cũ. Chỉ vì từ nhiều năm nay, tôi bắt đầu lao mình vào những toan tính và sinh hoạt mới hơn trên đất lạ miền nam, nên không còn chút thời giờ thơ mộng nào để những kỉ niệm xưa được sống lại một cách trọn vẹn. Ký ức tôi như cái thùng hồ sơ của một chàng thư ký bận bịu thiếu ngăn nắp, được sắp theo thứ tự từ dưới lên trên: cái nào càng cũ thì càng được nằm ở gần phía đáy, cái nào mới thì nằm chổng lên trên. Mới chổng lên cũ. Hiện tại chổng lên quá khứ. Hôm nay chổng lên hôm qua. Nhìn vào thùng hồ sơ, chỉ thấy được cái gì nằm phơi mặt lên trên. Cuộc sống cứ thế mà chảy tới, chảy tới. Và vụt cái, đã bảy năm trôi qua, kể từ khi tôi rời bỏ đời Trại Thủy trong một đêm hè Nha Trang..

Cho nên, đáng lý vào lúc ngồi uống trà chờ đợi như sáng nay, tôi có thể nhớ về bao kỷ niệm buồn vui với những người thân và bạn bè, hoặc nhớ đến Như Như, thiếu nữ đứng lại trên đời Trại Thủy đêm ấy, thì tôi lại nghĩ đến nàng, Mộng Huyền, một cô gái đến và vượt khỏi con tim buồng khuâng ngỡ ngàng của tôi như một giấc mộng thoáng qua.

Đừng cho rằng tôi *có mới nói cũ*, hoặc xỉ vả rằng tôi là kẻ không chung tình, hay tệ hơn: bạc tình! Tu sĩ làm gì được phép có thứ tình cảm trai gái ủy mị vương vít nhau mà bảo rằng *chung* hay *bạc*. Con đường của tu sĩ Phật giáo là con đường giải thoát, mà muốn giải thoát, trước tiên phải vượt qua ái tình và dục vọng. Con đường tu tập của đạo nhân dẫn đến cõi vô thủy vô chung trong khi con đường tình yêu thế tục đòi hỏi một quá trình, một giai đoạn có thủy có chung. Tình yêu của tu sĩ là tình yêu đối phó, tình yêu xả ly, chẳng phải là tình yêu chiếm hữu. Chiếm hữu thì lẫn xả vào nhau, quấn quít nhau, cột trói nhau, giao ước với nhau bằng tâm lý, thể xác hay giấy tờ. Đối phó hay xả ly thì tìm cách kèm chế, chuyển hướng, rũ bỏ, vượt xa hay giải thoát—cùng lắm là chạy trốn trước khi sa đọa. Đối với tu sĩ, người ta phải cầu mong sao họ bạc tình, lạnh nhạt chừng nào tốt chừng đó vì càng chung tình đắm đuối thì càng khó giải thoát. Cho

nên, nếu tôi quên được Như Như, hay quên được Mộng Huyền, thì người ta phải mừng cho tôi mới phải. Vậy đó, nói lòng vòng một hồi, chẳng qua tôi chỉ muốn thú thực rằng, tim tôi hãy còn đau ê ẩm vì chuyện của Mộng Huyền, thiếu nữ mới quen cách đây hai tháng và chia tay cách đây một tháng. Tôi nghĩ đến nàng nhiều hơn Như Như chẳng qua là vì xấp hồ sơ của nàng nằm ở trên, vậy thôi.

Huông chi, tại sao phải nhắc đến một Như Như đã hoá thân vào hư không vô cùng vô tận để trở thành một cái gì không còn nói được nên lời, một cái gì bất sinh bất diệt!

Vâng, tôi có thể khẳng định rằng Như Như trong tôi là một Như Như bất diệt, dù rằng có một Như Như thực tế bước lên xe hoa một ngày mùa đông hai năm trước. Một khi cái đẹp hiện hữu một cách tròn đầy trong chính bạn, dù chỉ trong một thoáng chốc nào đó, tất cả những bóng sắc bên ngoài đều trở thành những phóng ảnh huyền hoặc của nó. Những phóng ảnh đó, đến và đi, sinh và diệt, trẻ hay già, lên xe hoa hay không lên xe hoa, đều chẳng làm hao tổn gì về mệnh mông tráng lệ của cái đẹp nội tại cả.

Như Như không làm bận lòng tôi nữa. Cảm ơn một dĩ vãng đã lặng lẽ nằm yên dưới lớp bụi thời gian. Tôi lao về phía trước. Tôi thấy bóng sắc lãng mạn, mới mẻ, sâu đậm khác, ẩn hiện chập chùng trước mắt. Tôi nghĩ đến Mộng Huyền, rồi tôi lại tiếp tục phấn đấu, giữ bó, xa rời, vượt thoát nàng. Ôi, tại sao tôi lại cứ gặp gỡ và rung động bởi những phóng ảnh mộng mị bên ngoài để rồi quần quai đau đớn! Người ơi, hãy đi đi, đừng đến bên tôi nữa. Cứ cho tôi nổi cô quạnh nhưng đừng cho tôi con đau xé lòng như thế!



Người đàn ông đưa tôi đến bến xe bằng xe đạp rồi vội vàng từ giả. Chiếc xe lam nhỏ khói mù mù. Thình thoảng nó lại hục hặc lên mây tiếng như một cụ già đang ho khi trời trở lạnh, rồi lại hú ga như một chàng thanh niên hứng chí lấy hơi trong một cuộc thi đấu thể lực nào đó, vùng lên chạy bon bon. Qua những khoảng đường xấu có nhiều ổ gà, nó bị xóc lên từng hồi, và thực chẳng khác một con cóc mệt mỏi đang cố gắng nhay những bước miễn cưỡng của nó.

Tôi đi gọn gàng, không mang hành lý. Đó cũng là cái cố để bà cụ ngồi đối diện gọi tôi giữ hộ một đứa bé trai, vì bà ấy phải lo trông coi ba, bốn giờ đồ linh tinh trên xe mà nếu sơ sẩy, có thể bị kẻ gian đánh cắp. Thằng bé ngồi trong lòng tôi trông khá khinh và khô ngô lắm. Nó tự nhiên ngồi với tôi, không thối má hay ngại ngùng gì. Nó cũng chẳng e dè vỗ lên đùi tôi hay vịn về cánh tay áo sơ mi của tôi bằng hai bàn tay mũm mĩm của nó. Dầu mang tâm trạng của một kẻ đi trốn, với tiếng xe ồn ào và khói xăng làm cay cả mắt, với niềm đau được chôn lấp vội vàng trong lòng, tôi vẫn thấy một chút thư thái, vui vui thế nào ấy. Có lẽ là nhờ sự hiện diện của một đứa bé hồn nhiên, đẹp như thiên thần đang ngồi trong lòng mình.

Càng rời xa phố thị, những ưu phiền trong tôi càng vơi đi dần. Tôi tận hưởng những giây phút an lành đó bên một đứa trẻ. Nó không an ủi tôi bằng những lời lẽ mà người lớn đã làm và gần như nó cũng không màng để ý đến tôi dù vòng tay tôi luôn trong tư thế bao bọc cho nó khỏi ngã. Hai thiếu nữ ngồi bên cạnh tôi cứ trầm trồ khen ngợi và nựng nịu đứa bé, và luôn tiện cứ nhìn tôi, cười duyên như ngầm thách thức tôi đã cho ra đời một *tác phẩm* khá khinh là đứa bé. Họ lên xe sau nên không rõ là tôi chỉ giữ dùm con cháu người ta chứ không phải tôi là cha đứa bé, Còn chuyện nựng nịu đứa bé, tôi không quen làm việc đó trước đám đông, và tôi cũng không muốn đánh mất tự nhiên của thằng bé, vì nếu tôi bẹo má hay xoa đầu nó, vô tình tôi nhắc rằng nó đang ở trong vòng tay của một kẻ lạ mặt, ít nói.

Tôi ngồi im lặng quan sát và giữ gìn nó như giữ cho loài hoa mắc cỡ đừng thẹn thùng khép lại những phiến lá nhạy cảm của chúng.

Cuộc sống dạy cho chúng ta những suy tư và cảm nghĩ khuôn khổ. Quen thuộc và quanh quẩn mãi trong giới hạn đó, chúng ta không còn khả năng để vươn tới một chân trời nào cao rộng hơn, hoặc mất đi ngay cả khuynh hướng muốn đập vỡ những tường vách ngục tù đã giam hãm chúng ta trong cố chấp, hẹp hòi và suy tư cục bộ. Sự tương giao giữa chúng ta với cuộc đời cũng không ra khỏi giới hạn đó. Tương giao ấy chỉ có ý nghĩa như sự hấp thụ và đào thải kiến thức hay kinh nghiệm của kẻ khác, hoặc là sự giao hợp giữa những cảm quan, hiểu biết để nặn đẽ ra một thai bào mới chẳng khác chi mấy về tính chất. Chúng ta tiến đến chỗ văn minh tột đỉnh của đời sống xã hội bằng con đường cải thiện, chế biến những kiến thức của đời. Cho nên, sự tôn thờ một đối tượng thần linh, con người, hay con đẽ của những thứ ấy—một nền văn minh vật chất hay tinh thần giả hiệu—cũng đều là một căn bệnh. Căn bệnh ấy khiến chúng ta chỉ tạo nên những ước lệ và tập quán trong đầu óc, trong nếp suy nghĩ, cảm tính, để rồi khó chấp nhận những cái gì mới lạ bên ngoài, từ kẻ khác, nhóm khác. Chúng ta thường u mê xác tín rằng cái gì của ta, thuộc về ta đều là hay, là đúng, là cao đẹp; còn của kẻ khác, nhóm khác thì chẳng có nghĩa gì. Kẻ nào có ý nghĩ và niềm tin trái ngược với chúng ta, ta cho là kẻ ấy lầm đường lạc lối, nếu không quay về với chúng ta thì đáng bỏ đi! Rồi chúng ta trở thành thù nghịch, chống báng, giết hại, bó buộc nhau chỉ để chứng tỏ chân lý của chúng ta. Chúng ta tạo biết bao đau khổ cho kẻ khác chỉ vì muốn họ được hạnh phúc bằng những suy tưởng và niềm tin y hệt chúng ta. Chúng ta muốn kéo kẻ khác vào gian phòng bưng bít của chúng ta chỉ để biết những gì ta có trong gian phòng đó. Cuối cùng, chúng ta đã tạo ra những kẻ đối lập, tạo nên nhiều kẻ thù trên cuộc đời. Chúng ta luôn đối diện nhau nhưng thường bị ngăn cách bởi những lý lẽ và quan niệm riêng của chúng ta. Chúng ta đối thoại với nhau bằng cách sắp xếp hay níu kéo, viện dẫn những kiến thức xưa cũ lượm lặt được từ những kẻ có đầu óc y hệt hệ thống tiêu hóa của loài nhai cỏ. Hoặc chúng ta nói với nhau bằng các phương thức: sử dụng những ngôn từ êm ái, ngoa ngoại để tự vệ hay để áp đảo kẻ khác, chinh phục kẻ khác—mà những thứ này vẫn chỉ là cách nói, kỹ thuật nói chứ không phải là tiếng nói của thương yêu, của sự thật. Càng lớn lên, càng già đi, chúng ta càng bị chôn sâu trong lòng đời man trá và gò ép đó mà không tự hay biết.

Đến với trẻ thơ, chúng ta không cần thiết phải trang bị sẵn những kiến thức và ngôn ngữ khuôn sáo. Chúng ta có thể vất bỏ tất cả những thứ vô nghĩa đó và ngồi bên cạnh đứa bé để lắng nghe, để quan sát, để hòa nhập với nó trong những ngạc nhiên và nét ngây thơ thú vị của nó. Nói chuyện với một đứa bé, chúng ta không bị bó buộc bởi những ngôn từ nữa. Nói sao cũng được, hoặc không nói gì cũng được. Cuộc đối thoại sẽ không còn là một cuộc đối thoại nữa, mà là sự hòa nhập trong nhau với tình thương, với sự cao khiết, trong sạch.



Chiếc xe lại gào lên với những tiếng rên của một con vật bị thương. Hành khách xầm xì lo lắng xe bị hư giữa đường. Chỉ có đứa bé là thân nhiên, đưa một mình với con mèo nhựa trên tay. Ấy thế mà xe không hư, nó tiếp tục chạy êm ru trên con lộ vừa ngập nắng mai.

Sương tan rồi không khí vẫn còn lạnh lạnh. Hình như có một cơn mưa bất thường đêm qua ở vùng ngoại ô này nên trên mặt đất đôi chỗ hãy còn đọng nước. Hai bên đường là đồng ruộng xanh ngắt. Đâu đó vẫn còn hương thơm ngai ngái của mùa gặt vừa qua. Màu lúa mới kéo tôi về một lúc với những kỷ niệm thôn dã mà tôi đã bỏ lại sau lưng để trở thành một kẻ lang thang lẩn trốn như hôm nay.

Đến một khúc quanh, xe bỗng giảm tốc độ rồi ngừng hẳn. Hành khách chưa hiểu chuyện gì. Tưởng là tài xế ham hồ muốn rước thêm một khách chịu khó nào đó để lấp vào cái bậc bước lên bước xuống ở sau xe. Nhưng không phải vậy: xe bị chặn lại bởi một tốp người vận thường phục

đang chờ sẵn dưới gốc cây phượng bên đường. Một trong những người chặn xe nói với tài xế và hành khách:

“Bà con bình tĩnh. Chẳng có gì quan trọng đâu. Chúng tôi là công an tỉnh Đồng Nai muốn *làm việc* với xe này một chút.”

Vừa dứt lời, anh công an mập mạp tuổi trung niên đó đảo mắt thật nhanh một lượt trong xe rồi nhìn ngay vào tôi, xong đi vòng ra phía sau xe. Tài xế vẫn ngồi trên xe, quay lui nói lớn với hành khách, giọng nhừa nhựa, kéo dài một nỗi chán chường, chịu đựng:

“Bà con xuống xe cho công an kiểm tra đi. Nhanh nhanh chút rồi đi bà con ạ.”

“Khỏi. Chúng tôi chỉ muốn xem giấy tờ tùy thân của các anh thanh niên thôi,” anh công an khi nãy tiếp lời ngay.

Trên xe chỉ có hai người trong lứa thanh niên: một người ngồi ở cuối xe, gần chỗ lên xuống; người còn lại là tôi. Người kia nhanh nhẩu xuống xe. Tôi trao đứa bé lại cho bà cụ ngồi đối diện, rồi lom khom bước xuống theo. Xe chật ních, tôi phải lách mình khó khăn mới lần được xuống đất. Không có chuyện xảy ra thì thôi, nay có chuyện, tôi bỗng thấy, bỗng hiểu tất cả. Sống quen trong một xã hội mà việc bắt bớ tù đày xảy ra hàng ngày, xảy ra khắp nơi, người thường dân trong đó có tôi, tự dưng có được kinh nghiệm và sự bén nhạy để đoán biết việc chặn xét chiếc xe này là nhằm vào ai. Chắc chắn phải là tôi, vì nhìn bộ vó chàng thanh niên xuống trước người ta biết ngay anh ta rõ ràng là một công an, bám theo xe, ngồi phía sau để canh chừng tôi. Tại sao tốp người này tự xưng là công an Đồng Nai trên quãng đường còn thuộc địa phận Sài Gòn? Trong chế độ công an trị, những người mặc áo sơ mi trắng, tóc hót cao, có quyền chặn xe lại và mặc nhiên khám xét, đâu cần phải tự xưng là công an Đồng Nai hay Sài Gòn? Việc tự xưng này rõ ràng là có một sự cố ý nào đó. Và tại sao các xe khác qua lại trên đường đều được chạy tự do, chỉ chặn duy nhất xe này? Tại sao chỉ muốn xét giấy tờ tùy thân của *các anh thanh niên* chứ không xét hàng hóa hay các hạng hành khách khác? Đó là các chi tiết cho thấy đã có sự dàn cảnh hay sắp xếp để chặn bắt tôi ngoài đường.

Khi tôi xuống tới đất thì chàng thanh niên kia đã làm xong phận sự trình giấy tờ. Thấy tôi ra khỏi xe, anh công an lúc nãy trờ tới đón ngay. Bảy anh công an khác cũng mặc sơ mi trắng, cùng hướng về phía tôi, vây quanh tôi. Anh công an mập mạp mà tôi nghĩ là có cấp bậc cao nhất trong bọn, nói với tôi mà hai mắt cứ nhìn hai tay tôi, có vẻ như là anh sợ tôi móc dao hay là súng ra—thói quen đề phòng nghề nghiệp của ngành công an tỉnh báo:

“Anh cho xem giấy tờ tùy thân.”

“Tôi không mang giấy tờ gì theo hết.”

“Đi đường mà không mang theo giấy tờ à?”

“Hôm nay Chủ nhật, đi chơi chút đâu cần phải mang giấy!”

“Thế anh tên gì? làm nghề gì? ở đâu?”

“Tôi tên Võ Khánh. Tôi ở quận Bình Thạnh.” Tôi chọn tên Võ Khánh với hai chữ đầu là V, K trùng hợp với tên thật của tôi cho dễ nhớ.

“Võ Khánh hả?” vừa hỏi anh công an vừa cười. Nụ cười của anh làm tăng thêm phần xác quyết trong tôi rằng việc chặn xét xe này chính là để bắt tôi chứ không ai khác. Tôi đã bị lộ, bị chỉ điểm, bị theo dõi, ngay từ sáng sớm khi đang trên đường ra bến xe. Tôi biết tôi không thể nào thoát được nữa. Vừa rồi tôi chỉ thử đưa ra một tên giả xem các anh công an phản ứng thế nào. Nếu họ bắt tôi vì tội không có giấy tờ, rồi lại tiếp tục chặn bắt những người khác trên đường thì việc bắt bớ này không có gì trầm trọng: không phải là chủ ý bắt tôi, chỉ tại *có tật giật mình* mà tôi nghĩ lung tung thôi. Nhưng anh công an đã đáp lại cái tên giả của tôi bằng tràng cười hèn hếch trong khi quay nhìn các đồng chí khác của mình, ý muốn nói với tôi rằng: thôi, chúng tôi biết anh quá rồi mà!

“Chứ không phải anh có cái tên gì nghe hay lắm sao! Cái tên đó cũng từng làm chúng tôi ăn ngủ không yên đó mà!”

Anh ta nói vậy thì tôi có biện hộ, giấu giếm hay chối quanh cũng vô ích. Tôi cười theo:

“Tên tôi quan trọng như vậy sao?”

Anh công an chia cái lệnh truy nã trước mặt tôi:

“Tên anh nè, phải không? Anh hiểu chúng tôi muốn gì rồi chứ hả?” nói rồi, anh rút tờ giấy lại thật nhanh, xếp tư, bỏ vào túi áo.

Tôi mỉm cười chấp nhận. Tôi không đọc hết được cái lệnh truy nã ấy nhưng cũng thấy loáng thoáng tên tuổi và nghề nghiệp của mình. Cách đây mấy tháng, mấy người bạn từ kinh tế mới về Sài Gòn đã cho tôi biết là công an tỉnh Đồng Nai có lệnh truy nã tôi, ra thông báo cho đồng bào các huyện là ai bắt được hay chỉ chỗ ẩn náu của tôi cho chính quyền sẽ được thưởng một con bò (phần thưởng hấp dẫn cho người dân quê); sau đó ít lâu, phần thưởng đổi thành năm chục ngàn đồng (tức ngang với ba con bò). Họ đã nắm chắc mọi vấn đề và biết đích xác tôi là ai mới chặn chiếc xe lam này. Dù tôi có miệng lưỡi cách mấy cũng không chối cãi được rằng cái tên trong lệnh truy nã chính là tôi. Huống chi, tôi vốn không phải là kẻ có khiếu ăn nói, biện luận đôi co bằng miệng. Tôi im lặng chấp nhận cho họ bắt, và trong một phản ứng vô tình khó hiểu nào đó của một kẻ lâm nạn sắp sửa vào tù, tự dưng tôi quay lại nhìn về hướng chiếc xe lam như muốn vẫy chào già biệt mọi người. Đám hành khách trên xe trở mắt nhìn tôi. Chàng thanh niên khi nãy là hành khách xuống trình giấy thì bây giờ cũng đứng nhập bọn với tốp công an, có lẽ vì vở kịch đã chấm dứt, không cần thiết phải đóng vai hành khách nữa. Thấy tôi quay lại nhìn về hướng xe, một anh công an nghi ngờ tôi có đồ đạc hay đồng bọn gì trên xe, bèn đến lục soát. Họ cẩn thận cho người đi cùng xe với tôi như vậy mà vẫn chưa thấy yên tâm. Phải xét lại trên xe. Trong khi một anh công an khám xét lại trên xe thì phía này, anh công an chỉ huy cũng bảo tôi đưa hai tay lên khỏi đầu và một người khác bắt đầu lục soát khắp người tôi. Thấy không có gì, họ ra lệnh tải xé xe lam lái đi.

Tốp công an này đều chạy xe hai bánh gắn máy. Anh công an chỉ huy lái chiếc *Vespa* màu xám tro, dẫn đầu. Một anh chờ tôi trên chiếc *Honda* màu đen loại 90 phân phối, có một người ngồi phía sau tôi ở giữa. Hai bên là hai chiếc *Honda* khác, mỗi chiếc hai người. Rồi hai người nữa đi chung một chiếc, chạy bọc hậu. Có lẽ họ sợ có người đến giải cứu tôi chứ để đối phó một mình tôi, họ đâu cần phải lo xa quá như vậy. Giả như đi bắt tôi họ chỉ có hai người thôi, tôi cũng bằng lòng đi theo chứ không kháng cự gì. Cái trò cút bắt này đã kéo dài bốn tháng nay rồi. Tôi đã ước mong chấm dứt nó sớm sửa bằng cách đào thoát ra nước ngoài, còn không thì trốn vào một chiến khu nào đó để tiếp tục đấu tranh, hoặc chấp nhận vào tù. Không tìm thấy chiến khu, rồi mấy lần trốn đi vượt biên đều thất bại, tôi đã mệt mỏi, chỉ muốn vào tù cho xong. Giờ thì kết quả đã rõ. Tôi không có ý trốn chạy hay phản kháng gì hết. Tôi chấp nhận bị bắt và đi theo họ vào tù.

Thay vì chở thẳng tôi về trại giam T20, họ đưa tôi đến một đồn công an trước mặt ga xe lửa Bình Triệu (thuộc quận Thủ Đức) rồi từ đó mới thuê một chiếc tắc-xi đưa tôi về T20. Họ không còng hay trói tay tôi gì cả, có lẽ vì biết tôi không có vũ khí, không có ý chống cự hay tẩu thoát. Dù vậy, các cửa kính của chiếc tắc-xi được quay lên kín mít. Hai anh công an ngồi kèm tôi ở băng sau; một anh ngồi băng trước với tài xế để hướng dẫn lộ trình xe chạy. Qua cửa kính, tôi thấy loáng thoáng những anh công an còn lại phóng xe gắn máy bám theo. Anh công an chỉ huy vẫn cỡi chiếc *Vespa* màu xám tro, đi trước.

Sau mười lăm phút chạy vòng vo, xe ngừng lại trước cổng trại giam T20 nằm ở số 4 đường Phan Đăng Lưu, trại giam khét tiếng của Sở công an thành phố Hồ Chí Minh (tức Sài Gòn cũ). Lúc còn ở kinh tế mới, tôi đã từng nghe tiếng trại giam này. Trước đây, đã có nhiều vị tu sĩ nổi

tiếng bị bắt giam hoặc bị bức tử trong trại giam đó. Trại nằm bên kia đường, hơi chệch mặt tiền của chợ Bà Chiêu một chút. Nghe nói trại này chỉ giam giữ những tội phạm chính trị, thỉnh thoảng cũng có giam một số tội phạm kinh tế và vượt biên nhưng chỉ tạm giam một thời gian để lấy cung rồi các tội phạm loại này cũng theo các tù nhân hình sự để vào trại giam Chí Hoà hay các trại giam khác của thành phố.

Anh công an chỉ huy đưa tay ra lệnh cho người gác cổng mở rộng hai cánh cửa sắt lớn có tôn che kín, rồi ra dấu cho xe tắc xi chạy luôn vào sân trại. Họ mở cửa cho tôi bước xuống, đưa tôi vào đứng chờ ở một góc tường, gần lối ra vào của các dãy buồng giam. Anh công an chỉ huy vào trong lo thủ tục gì đó. Tôi được *tự do* đứng lại chờ đợi nơi góc sân. Bảy giờ ở giữa sân có một toán công an bận quần đùi áo thun đang chơi bóng chuyền. Lúc xe mới vào đã thấy họ trở mặt nhìn, có vẻ ngạc nhiên khi có tù nhân mới vào trong ngày chủ nhật như sáng nay. Họ hỏi chuyện với những anh công an đi bắt tôi, rồi xàm xì to nhỏ với nhau, đi qua đi lại gần chỗ tôi đứng để ngắm nghía tôi như muốn xem tận mắt một vật lạ.

Tôi đứng im, nhìn đám mây qua bầu trời quang đãng. Trong bốn tháng vừa qua, đây là lần đầu tiên tôi thấy tâm hồn mình lắng đọng, bình thản, vô sự. Niềm an lạc này, hay cái tâm bình thản này hình như đã được kéo dài từ vài ngày trước, và bùng tỏa lên một cách tràn đầy lúc tôi ngồi với đứa bé trên xe lam. Bảy giờ, trong vài phút cuối cùng đứng nơi sân trại giam, tôi có cảm giác là mình bắt đầu khép lại cuộc dong ruổi lâu nay để tĩnh tu trong một tịnh thất; hoặc gần như là tôi đã tự nguyện bước vào những ngày khổ tu để trau luyện tâm đức.

Viên tài xế tắc-xi già nãy giờ run lập cập, mặt mày xanh mét, bây giờ đang mừng rỡ lui xe ra ngoài, hình như ông không dám lấy tiền thù lao của mấy ông công an. Chiếc xe vừa ra khỏi là anh công an gác cho khép cổng lại ngay. Qua khoảng hở nhỏ dần giữa hai cánh cổng sắt, tôi nhìn thấy xe cộ bên ngoài vẫn rộn rịp. Những khách bộ hành qua lại cúi gằm đầu xuống, hoặc bước thật nhanh, chẳng dám nhìn vào bên trong trại giam như thể sợ bị liên lụy.



Thời thế bây giờ nghĩ cũng tức cười. Những người thành thị thì về thôn quê hay đi vùng kinh tế mới để thử nghiệm sức lao động tay chân của mình, trong khi đó những người ở thôn quê hay trong rừng mới ra thì lại về thành phố để đảm đương công việc hành chánh từ cấp thượng tầng đến cơ sở địa phương. Sự hoán chuyển vai trò và chức năng xã hội này kể ra cũng đem lại khá nhiều kết quả ở phía thôn quê: những người trí thức thành thị, những người bị chế độ mới đặt cho cái tên gọi chung chung là *ngụy quân* và *ngụy quyền*, đã đem sở học của mình áp dụng vào đời sống thôn dã, khiến cho việc làm vốn nặng nề cực nhọc của thôn quê được nhẹ đi phần nào. Dù có kẻ mà kiến thức của họ không dính nhập gì được với đời sống nông thôn thì cũng học được cách làm việc lao động chân tay một cách nhanh chóng. Lao động có khó khăn gì, chỉ là tập cho tay chân được quen thuộc và có kinh nghiệm trong những động tác sử dụng và điều khiển vật dụng thôi! Coi mùa màng, thời tiết, chọn giống, trồng trọt v.v... cũng chẳng phải chuyện to lớn. Chịu khó để ý là được. Kiến thức phổ thông còn cho những tay nhà nông bắt đực dĩ này biết nhiều điều thú vị khác mà anh nông dân thuần túy không sao hiểu nổi (chẳng hạn chuyện đơn giản là tại sao và khi nào có mây, có mưa, có sấm chớp v.v...). Những người có máu buôn bán đã nghĩ ra cách mở tiệm, mở sạp, lập chợ, tạo cơ hội cho dân địa phương trao đổi thức ăn và vật dụng cần thiết mà thôn quê không sao có được hoặc không hề nghĩ đến. Còn các sinh viên và chuyên viên nông lâm súc thì thôi, mặc sức! Lâu nay cái biết cũng chỉ trong sách vở, nay có dịp đi vào thực tiễn ngành nghề chuyên môn của mình. Các kỹ sư cơ khí cũng đóng góp các công trình mà đối với quần chúng nông thôn, hay ngay cả tầng lớp lãnh đạo thành phố cũng phải

công nhận là *siêu đẳng* (chẳng hạn như ông anh rể của tôi, một *ngụy quân*, sĩ quan không quân, kỹ sư cơ khí, chuyên sửa máy bay, lên kinh tế mới bỗng nảy sáng kiến tự chế ra cái máy lột (vỏ), xắt và bào khoai mì. Sau này, ở thành phố biết được, bèn triệu anh về thuyết trình cho các chuyên viên cơ khí xã hội chủ nghĩa về cái máy tân kỳ mà anh sáng chế. Anh còn được mời làm cố vấn cho một nhóm kỹ sư xã hội chủ nghĩa lắp ráp *thí nghiệm* một cái máy cải tiến với sự cung cấp các nhu dụng cơ khí một cách tận lực của một xí nghiệp quốc doanh cơ khí thành phố. Sau đó, công trình đóng góp của anh được người ta trầm trồ khen ngợi vài ngày. Rồi sau đó nữa, dù có khả năng, dù có đóng góp một công trình thiết thực cho xã hội, anh vẫn cứ là *ngụy quân*. Anh được về thành phố, khỏi trở lên kinh tế mới. Nhưng nếu biết khôn thì im lặng khi thấy báo đăng “*nhờ tài lãnh đạo sáng suốt của đảng, một nhóm chuyên viên cơ khí ở Hà-nội có sáng kiến chế tạo một chiếc máy xay xát khoai mì củ rất tiện lợi*”! Chẳng có bằng phát minh hay giấy tờ chứng nhận rằng cái máy đó là do anh chế tạo ra cả).

Cho tới các văn nhân, thi sĩ, các nhà tu, các nhà xã hội làm việc từ thiện, các nhà chính trị v.v... không hèn mà cùng kéo về thôn dã để vui vầy với thiên nhiên, để hành đạo, để ẩn tích mai danh, để phục vụ đồng bào nghèo khổ, hoặc âm thầm hoạt động chờ cơ hội nổi dậy chống lại chế độ mới. Đây là giai đoạn trí óc họ được nghỉ ngơi. Họ xắn tay làm việc nặng nhọc của nông gia, của thợ rừng... Họ học việc nhanh chóng và hoa lợi họ thu hoạch được e còn vượt trội hơn các nông gia thực thụ. Họ góp phần làm cho cuộc sống nông thôn trở nên màu mỡ, phong phú hơn về mặt đất đai cũng như về đời sống tinh thần. Tóm lại, những tinh hoa của đất nước vì bị bỏ rơi, bị xua đuổi, đã không còn cơ hội để đóng góp đúng mức tài năng của mình. Nhưng sự có mặt của họ ở nông thôn cũng đã cải thiện phần nào cuộc sống vốn dĩ cơ cực và buồn tẻ nơi đây.

Nhìn sang phía các nhà nông về thành phố cầm quyền, người ta thấy rằng quả thực đất nước đã đi vào một ngõ cụt tối tăm, không chút ánh sáng hy vọng nào ngay từ khởi thủy. Giá trị và nhân cách của con người trong xã hội dĩ nhiên không thể chỉ đánh giá từ nơi bằng cấp và sở học của người ấy, vì đời sống còn có nhiều mặt khác cũng quan trọng không kém. Nhưng khi lực lượng trí thức tinh hoa của dân tộc bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu, hoặc tệ hơn, bị xóa tên trong sinh hoạt xã hội, thì nguy cơ lụn bại của một quốc gia đã có thể thấy rõ rồi vậy. Việc chấp chính không đơn giản như chuyện làm rẫy hay đốn cây rừng, làm lò than. Người ta có thể học làm nông từ lúc gieo mạ đến lúc gặt trong vòng ba hay bốn tháng. Vừa học việc vừa áp dụng luôn một lúc. Mùa đầu tiên, hoa lợi có thể kém vì cây trẻ hoặc vì chọn nhầm giống xấu, hoặc không biết cách trừ sâu rầy, hoặc chưa có kinh nghiệm bón phân, giữ nước và tháo nước trong ruộng. Nhưng cũng thu hoạch được lúa để ăn, không đến nỗi đói. Qua mùa thứ hai đã được coi là có kinh nghiệm, hoặc tệ lắm thì cứ làm theo bác nông phu thực thụ trong thôn làng thì thế nào cũng thành công. Còn việc chấp chính (dù là ở hạ tầng cơ sở, thôn quê hay thị thành) thì không dễ như vậy. Một chính sách sai lầm, một quyết định thiếu hiểu biết và thiếu kinh nghiệm, có thể giết chết một làng xã, một dân tộc hoặc lưu hại đến nhiều thế hệ sau.

Vậy mà đất nước này, từ mười năm nay, sau khi những cộng quân miền Bắc chiếm trọn miền Nam, đã hoàn toàn được phó thác cho những người thiếu học và không có kinh nghiệm lãnh đạo quốc gia. Dĩ nhiên người ta không thể phủ nhận sự hiện diện của lực lượng trí thức ở nửa phần đất phía Bắc, nhưng có thể nói rằng, lớp trí thức đúng nghĩa của miền Bắc là thiểu số già nua còn sót lại của thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ kháng chiến (mà thành phần này chỉ có mặt, chỉ tồn tại trong xã hội là để phục tùng chính quyền chứ không thực sự đóng góp được gì theo đúng khả năng và quan điểm của họ trong việc xây dựng đất nước; hiện diện theo cách đó thì có cần phải đếm kể không?). Còn lớp trẻ hiện nay của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, được đào tạo một chiều trong khuôn mẫu duy vật Mác-xít nhằm phục vụ và củng cố thế lực của bè đảng cầm quyền thì liệu rằng họ có thể được gọi là trí thức hay chăng? Xua quân vào chiếm miền Nam,

người cộng sản lại tiếp tục đào tạo, nhào nặn thêm một đám con em của những người cộng sản năm vùng, rập theo cái khuôn của họ từ mấy chục năm trước ở miền Bắc. Đám con em mới lớn đó hăm hở, hãnh diện với nguồn gốc xuất thân của mình, nhảy ra năm quyền với trình độ lớp ba, lớp bốn của các lớp bồi túc văn hoá cấp tốc—ba tháng nhảy một lớp; hoặc khá hơn: được cái bằng tiểu học. Cầm quyền dưới chế độ cộng sản có khó khăn gì, ngoài bằng cấp hay giấy chứng nhận học xong tiểu học, chỉ cần gia đình có một người có chút công trạng gì đó với chính quyền cách mạng (đại loại như giao liên, tổ giác chỉ điếm địch quân, gài mìn phá cầu, đốt xe jeep quân đội Mỹ hay quốc gia...) rồi khai thêm là nhiều đời họ hàng xuất thân con nhà nghèo, bần cố nông (vô sản càng tốt), có ông nội làm dân gánh nước thuê, có cha làm thợ hớt tóc hay đánh giày vân vân... thì chắc chắn là quyền lực và quyền lợi sẽ tới tay. Từ hạ tầng, trung tầng cho đến thượng tầng cũng được thành lập và tuyển chọn cấp lãnh đạo đại khái cũng một cách như thế, tức là chỉ dựa vào lý lịch, vào công trạng của đương sự và gia tộc đối với Đảng Cộng Sản.

Nói như vậy không có nghĩa rằng tôi đã lạc quan tin tưởng vào giới trí thức gọi chung là trí thức miền Nam Việt Nam. Tôi không tin rằng hề cứ lấy được một cái bằng cử nhân, cao học hay tiến sĩ của một ngành nào đó thì sẽ trở thành trí thức. Tôi cũng không tin rằng hề cứ thông được vài thứ ngoại ngữ để đọc sách báo hoặc làm thông ngôn cho Pháp, cho Mỹ, cho Nhật... thì sẽ là trí thức. Tôi cũng không tin rằng lối giáo dục đào tạo chuyên viên theo kiểu Mỹ—tức là chỉ nhào nặn ra được những cái máy người biết mỗi một việc chuyên môn trong ngành nghề của mình—có thể sản sinh ra được những nhà trí thức đúng nghĩa.. Tôi chỉ tin rằng trong hoàn cảnh tương đối tự do hơn ở miền Nam Việt Nam, người dân có nhiều cơ hội để mở rộng tầm nhãn quan của mình ra với thế giới bên ngoài mà tiếp thu và chắt lọc được tinh hoa văn hóa của nhân loại. Chỉ ở cái cơ hội tốt đẹp đó người ta mới có thể tin tưởng rằng ít nhất cũng đã có một số lượng trí thức nào đó phát sinh tại phần đất phía Nam để đảm nhận vai trò xây dựng đất nước. Họ đã có cơ hội để được có mặt. Có điều là họ chưa có cơ hội để đóng góp thực sự cho đất nước mà thôi.

Ở hai chế độ cộng hòa của miền Nam Việt Nam, giới trí thức đúng nghĩa không được sử dụng đúng chỗ (nếu không nói là chỉ hiện diện như những cây kiềng để tô điểm cho bộ mặt văn hóa của quốc gia). Người ta vẫn thấy sự tương đồng buồn cười nào đó giữa hai chế độ cộng hòa này với chế độ xã hội chủ nghĩa của miền Bắc: hề là con cháu, thân tộc hoặc biết xu phụ nhà cầm quyền thì thế nào cũng có được chức quyền để lèo lái đất nước. Như vậy, giới trí thức thực sự của Việt Nam ở đâu? Rõ ràng là họ có đó, ở miền Nam lẫn miền Bắc, mà cũng như không. Các nhà cầm quyền không cần họ nếu không nói là sợ, hoặc thù ghét họ.

Khi đất nước thống nhất trên mặt địa lý và pháp lý (cưỡng bức), giới trí thức miền Nam cũng lâm vào một hoàn cảnh y hệt như giới trí thức miền Bắc trước đây. Họ giống như những trái chín trong một vườn cây có rào, không ai ăn được. Trái cây chỉ được hái xuống bởi chủ nhân khoảnh vườn, và hái xuống để làm gì thì cũng tùy theo ý thích của chủ nhân ấy mà thôi.

Một khi quốc gia trong thời hiện tại, được điều hành theo lẽ lối thô sơ và dựa vào cảm tính của chế độ làng xã địa phương cổ truyền thì đất nước vẫn có khả năng tồn tại đấy (dù là tồn tại một cách què quặt, dật dờ, bệnh hoạn), nhưng sự chậm tiến (nếu không nói là lạc hậu) chắc chắn sẽ xảy ra. Mà ở bất cứ thời đại nào, nhất là thời đại văn minh ngày nay, đi lùi hoặc dậm chân một chỗ, có nghĩa là tự hủy diệt.

Như nhiều công dân khác của đất nước, tôi không muốn nhìn thấy sự hủy diệt đó. Tôi kịch liệt chống lại chính quyền, đòi hỏi một tương lai sáng sủa hơn cho đất nước. Tôi thất bại. Tôi lẩn trốn. Tôi mệt mỏi. Và hôm nay, tôi vào tù.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương hai

Anh công an chỉ huy để tôi đứng đợi phía ngoài chừng mười phút, rồi từ văn phòng trại bước ra, anh nói với tôi, giọng lịch sự, cố ý thân mật:

“Thôi mình vào trong này làm việc một chút há.”

Tôi được đưa vào một trong các phòng vấn cung. Các phòng này không được trang trí hay bày biện gì. Chỉ có một cái bàn và hai cái ghế đầu vuông vức không có chỗ dựa. Anh công an chỉ huy kéo ghế ngồi trước, rồi bảo tôi ngồi ở ghế còn lại. Một anh công an khác cũng bước theo nhưng dừng lại ở cửa phòng, đứng lại tựa lưng nơi khung cửa. Tôi không rõ anh ta đứng đó với trách nhiệm gì. Tất nhiên không phải là để canh chừng tôi trốn chạy. Có trốn chạy thì trốn chạy lúc còn ở ngoài chứ vào tới phòng vấn cung trong trại giam rồi thì làm gì còn có ý đồ đó nữa! Lý do duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra được về sự hiện diện của anh công an trẻ đứng nơi cửa là anh muốn được tham dự việc vấn cung của cấp chỉ huy với một tội phạm trẻ có *nghề nghiệp* tu sĩ như tôi.

Anh công an chỉ huy soạn ra trên bàn một xấp giấy gọi là “*Biên Bản Hỏi Cung*”, có in sẵn những chi tiết cần thiết cho việc lập biên bản một tội phạm với lý lịch và sự phạm tội của tội phạm đó. Anh đàng hăng lấy giọng rồi nói:

“Hôm nay Chủ nhật, không phải là ngày làm việc. Vậy chúng ta có thể nói chuyện một cách thoải mái, được không? Chúng ta làm việc cho có thôi, rồi ngày mai mới chính thức. Hùng, có thuốc đó không, không à, ra mua một gói thơm đi.”

Hùng, người công an đứng nơi cửa, mau mắn đi ra ngoài. Thấy Hùng đi rồi, anh công an chỉ huy bắt đầu gọi chuyện:

“Tôi tên Long. Trước kia tôi là một sinh viên của trường Đại học Vạn Hạnh. Anh Khang có học ở đó không?”

“Không. Trước năm 1975, tôi hãy còn ở trung học. Sau năm 1975 thì trường đại học Vạn Hạnh đã không còn nữa.”

“Vậy hả. Ừ phải rồi, trên giấy tờ cho thấy năm nay anh mới hai mươi sáu tuổi, anh trẻ hơn đứa em út của tôi ở nhà nữa. Vậy anh đã lập gia đình chưa? À không, ý tôi muốn hỏi là từ khi anh không mặc đồ tu nữa, ăn vận thường phục, để tóc dài như vậy, anh có quen bạn gái gì chưa, anh có quyền mà, phải không?”

Thấy tôi im lặng, nghiêm sắc mặt, Long cười xòa nói:

“Hỏi đùa chơi vậy thôi chứ tôi biết anh mà,” rồi Long lại đàng hăng, lật lật mấy tờ giấy trong cái bìa kẹp hồ sơ, nói tiếp:

“Thực ra, tôi chẳng vui về gì khi bắt giam một tu sĩ như anh cả. Nhưng tôi phải làm vậy thôi. Anh hiểu mà, phải không? Cái gì cũng có chừng mức của nó. Đến mức độ mà chúng tôi thấy là nguy hiểm cho vấn đề an ninh của nhà nước thì chúng tôi buộc lòng phải ra tay thôi.”

Nghe anh nói thế, tự dung tôi buột miệng nói:

“Chúng tôi cũng hành động trong một cách thế y hệt.”

“Nghĩa là sao?” Long hỏi lại.

“Cái gì cũng có chừng mức của nó. Đến mức độ mà chúng tôi thấy nguy hiểm cho đời sống dân tộc, chúng tôi buộc lòng phải đứng dậy thôi.”

Long nghe tôi nói vậy thì thay đổi thái độ, mặt đỏ lên, nói:

“Hừm, cái gì gọi là nguy hiểm cho dân tộc chứ! Các anh tưởng là chúng tôi không biết lo cho dân à? Chứ không phải rằng mười năm nay, chúng tôi nỗ lực xây dựng kiến thiết đất nước, quyết tâm đem lại ấm no hạnh phúc cho toàn dân hay sao?”

“Chuyện lo xây dựng đất nước là bổn phận của tất cả công dân, đâu phải là trách nhiệm riêng của những người cầm quyền. Anh tưởng rằng những người không cầm quyền thì không xây dựng đất nước sao?”

“Ừ... có. Nhưng nếu vậy thì nhân dân và cán bộ nhà nước phải hợp tác để phát triển đất nước, chứ sao lại chống đối công việc của chúng tôi?”

“Anh nói vậy là sai rồi. Chúng tôi không chống đối việc xây dựng đất nước. Chúng tôi chỉ chống đối những chính sách sai lầm, và nhất là chống đối chủ trương áp đặt lên đất nước này một thứ chủ nghĩa không thích hợp gì với tình tự dân tộc. Mà thôi, có cần phải bàn cãi gì chuyện đó nữa không khi tôi đã vào đây trong tư cách một tội phạm! Các anh có thói quen không thích lắng nghe tiếng nói của những kẻ bại trận mà, phải không?”

“Cũng cần bàn cãi đấy chứ. Tôi hỏi anh, thế anh hiểu gì về chủ nghĩa cộng sản?”

“Ý anh muốn tôi hay những người dân khác phải tìm hiểu, nghiên cứu về chủ nghĩa cộng sản tường tận trên mặt lý thuyết đó à? Vô ích, mất thì giờ. Tôi đâu cần phải đọc hết *Karl Marx Toàn Tập*, *Lê-nin Toàn Tập*, *Mao Trạch Đông Toàn Tập*, *Hồ Chí Minh Toàn Tập*... hoặc đọc hết những kinh điển của cộng sản thì mới hiểu được cộng sản! Cũng vậy, mười lăm năm nay ở chùa, tôi có đọc hết kinh điển Phật giáo đâu, nhưng tôi cũng hiểu được, cũng áp dụng được giáo lý đạo Phật đấy chứ. Mà học thuyết của một tôn giáo, một chủ nghĩa, thực ra có quan trọng gì lắm đâu. Điều quan trọng là khi áp dụng vào thực tế, nó có đem lại lợi ích thực sự cho con người hay không. Các anh đã có bốn mươi năm để áp dụng cho miền Bắc và mười năm để áp dụng cho miền Nam, vậy rồi cái gì đã xảy ra cho đất nước này? Không phải rằng cả nước lầm than đói khổ đó sao? Nhưng cái lầm than đói khổ về vật chất đó cũng có thể cắn răng chịu đựng được đi, còn nổi thống khổ về tinh thần thì sao? Từ khi các anh cầm quyền, người dân đã mất hết mọi thứ tự do, ai cũng sống nom nớp, lo sợ, sống mà có cảm giác như mình là kẻ phạm tội! Trước cái thảm trạng đó, các anh nghĩ là chúng tôi phải làm gì?”

“Sao các anh không đóng góp ý kiến, đề nghị sửa sai... vậy có phải là hay hơn các hoạt động chống đối nhà nước không?”

Tôi lắc đầu, cười nhạt:

“Bản thân anh, một cán bộ hay một đảng viên cộng sản, anh có thể đề nghị này nọ lên Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng không vậy? Tất nhiên là không. Anh mà lên tiếng là anh bị khai trừ ngay, hoặc anh cũng trở thành tội phạm như tôi ngay. Mà thực ra, những gì chúng tôi làm, cũng chỉ là một hình thức đề nghị, một hình thức đóng góp ý kiến với nhà nước đó. Nhà nước có chịu nghe đâu. Nhà nước chỉ biết bắt bớ, trấn áp, đè bẹp mọi ý kiến đối lập. Sao nhà nước không tự vấn: tại sao đến các ông thầy tu mà cũng đứng lên chống lại mình?”

Tôi nói ngang đó thì Hùng đem thuốc lá vào. Long có vẻ mất bình tĩnh, môi anh mấp máy cử động, có vẻ như đang cố dằn một cảm xúc nào đó.

Hùng bóc gói thuốc đưa Long rồi bật quẹt lửa. Hùng cũng mời tôi hút, tôi từ chối. Anh rút một điếu, mời, rồi đứng tựa cửa, vừa hút vừa lắng nghe. Rít vài hơi thuốc, Long lại vào chuyện. Hình như đến lúc này, anh mới thực sự *làm việc*, dù anh đã nhắc đi nhắc lại đôi lần rằng hôm nay là ngày chủ nhật.

“Tên tuổi và các hoạt động của anh, chúng tôi đã nắm vững. Chúng tôi theo dõi anh từ lâu. Thực ra, muốn bắt anh lúc nào cũng chẳng được. Anh như con cá trong chậu, làm sao thoát khỏi màn lưới thiên la địa võng của chúng tôi, phải không anh Khang, phải không Hùng?”

Hùng nghe Long hỏi đến mình, chỉ bật cười lên một tiếng khô. Tiếng cười của Hùng khiến tôi nghĩ cách Long nói là chỉ xóa đi cái mặc cảm vô dụng là một lực lượng công an hùng hậu của Sài Gòn phối hợp cả công an tỉnh Đồng Nai, ngày đêm hốt rập, kiểm tra nhiều khu vực và gia cư tình nghi, vẫn không bắt được tôi. Nếu hôm nay tôi không đi ra ngoài thì chưa biết đến bao giờ họ mới tìm thấy tôi mà bắt.

Thấy tôi mỉm cười không tỏ thái độ gì rõ rệt trước câu chào đầu không mấy hay ho, Long bắt vào chuyện khác, có lẽ là câu mở đầu quen thuộc cho việc vẫn cung:

“Ồ đây, tôi xin đại diện pháp luật làm việc với anh. Tương cũng nên báo trước cho anh biết rằng chúng tôi không sử dụng bất cứ hình thức tra tấn hay đánh đập nào đối với các bị can hay phạm nhân, nhất là các tội nhân chính trị như anh. Theo chính sách khoan hồng độ lượng của nhà nước, chúng tôi chỉ lấy khẩu cung của anh và tùy theo mức độ phạm tội mà xét xử; tuy nhiên, có thể nói rằng mức án của một phạm nhân cũng một phần tùy thuộc vào sự cung khai của phạm nhân ấy. Sự thành thật của anh sẽ có lợi cho anh về mức án cũng như sự cư xử của chúng tôi đối với anh. Vì vậy, chúng tôi yêu cầu anh khai rõ, khai thành thật, tất cả những gì anh đã làm, đồng thời cung khai hết những gì anh biết về đồng bọn của anh, bao gồm những người bị bắt rồi hay đang còn lẩn trốn chính quyền cách mạng,” ngưng một lúc, lại lật lật xấp hồ sơ trong cái bia cứng, Long nói tiếp, “những người bị bắt trước anh đã cung khai tất cả mọi việc rồi, nhắc cho anh rõ điều đó để tự chọn thái độ khôn ngoan có lợi cho anh trong việc khai cung. Vậy bây giờ, anh hãy thông thả, giống như ngồi tâm sự với bè bạn, kể lại hết tất cả những gì anh và đồng bọn đã làm trong tổ chức gọi là... gì nhỉ, à, *Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên*. Kể lại một cách thành thật, không che giấu, để tỏ lòng ăn năn đối với tội lỗi đã phạm. Đó là lối thoát duy nhất để anh được khoan hồng và lãnh mức án nhẹ nhất.”

“Tôi không thấy có gì hấp dẫn trong những hứa hẹn đó cả. Còn về sự thành thật thì cương vị tu sĩ của tôi đáng tin tưởng hơn các anh, phải không, có cần thiết phải kêu gọi chẳng? Thôi thì các anh muốn hỏi gì cứ hỏi, tôi sẽ tuân tự trả lời theo chỗ biết của tôi.”

Long ngập ngừng một lúc rồi mở xấp hồ sơ ra nhìn, không cho tôi thấy. Long hỏi:

“Anh giữ chức vụ gì trong *Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên*?”

“Tôi không giữ chức vụ gì cả,” tôi đáp.

“Sao lại không? Nói thực đi, mới câu hỏi đầu đã thấy anh cố tình che giấu, không thành thực rồi.”

“Tôi có hoạt động nhưng không nhận một chức vụ nào của tổ chức đó cả.”

“Thế lực lượng đó có cấp giấy tờ gì chứng nhận anh là một thành viên của họ không?”

“Hoàn toàn không.”

“Sao ông Bản khai rằng anh là cố vấn chính trị trong giai đoạn đấu tranh và sẽ là một trong những bộ trưởng trong giai đoạn thành công, thiết lập một chính phủ mới?”

“Ha, anh tin lời khai đó à?”

“Thì cũng có cái gì na ná như vậy ông ấy mới khai ra rõ ràng cái chức vụ của anh chứ.”

“Chứ không phải rằng vì tôi từ chối không chịu nhận bất cứ chức vụ nào nên họ, và có thể là cả các anh nữa, gán cho tôi cái chức cố vấn? Anh không đoán nhìn ra được khía cạnh này sao? Còn chức vụ bộ trưởng của một bộ phận nào đó trong nội các, anh nghĩ cái đó có thể hấp dẫn được một tu sĩ như tôi à?”

“Ai mà biết được các tu sĩ như anh muốn gì. Tham gia một lực lượng chống đối và đòi lật đổ chính quyền để thành lập một chính quyền mới, lẽ nào anh không chọn trước cho mình một thể đứng nào đó? Làm cách mạng mà không mong đợi một phần thưởng nào cho mình cả sao?”

“Ôi, thực buồn cười! Các anh chỉ suy bụng ta ra bụng người thôi. Điều này có nói muốn đời các anh cũng không hiểu nổi. Nhưng nói tóm lại là tôi không nhận bất cứ một chức vụ nào

trong lực lượng đó.”

“Lạ nhỉ, hoạt động cho một tổ chức chính trị mà không nắm giữ một chức vụ nào cả. Bảo sao chúng tôi tin được.”

“Tin hay không là quyền của các anh. Phần tôi, tôi khai thực như thế.”

“Vậy trách nhiệm của anh trong tổ chức đó là gì? Anh đảm nhận những công tác gì trong tổ chức?”

“Vì không nhận một vai trò hay chức vụ nào trong tổ chức nên tôi không bị bó buộc phải lãnh một trách nhiệm gì cả. Có chức vụ mới có trách nhiệm. Tôi chẳng có chức vụ nên chẳng có trách nhiệm nào.”

“Ồ, thế là anh vô tội, anh không làm gì hết, anh không biết gì hết. Chúng tôi bắt làm anh à?”

“Các anh không bắt làm. Nhưng các anh đánh giá làm.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là tôi có giúp cho tổ chức ấy một số công việc mà họ nhờ vả. Như vậy trên *nguyên tắc của các anh*, tôi bị coi như có tội đồng lõa với những người chống chính quyền, và các anh đã bắt đúng. Nhưng các anh không sao hiểu được sự kiện này: không phải tất cả những người đối lập, phản đối chính quyền, muốn cất lên tiếng nói của người dân, đều là những người mong cầu danh vọng hay chức vị, hay bất cứ thứ quyền lợi nào đó cho bản thân họ.”

Long im lặng, ngẫm nghĩ một lúc, rồi xua tay nói:

“Thôi, chuyện đó cũng chẳng can hệ gì. Cứ đi vào vấn đề: anh đã làm những công tác gì để giúp họ?”

“Tôi hướng dẫn cách in tài liệu bằng cách quay ronéo tay với dụng cụ thô sơ tự chế.”

“Gì nữa?”

“Tôi ủng hộ họ mực in và giấy stencil. Một trục quay và khung lụa để in.”

“Coi như gần đủ những dụng cụ cần thiết để in truyền đơn. Còn gì nữa?”

“Hết.”

“Chứ cái máy đánh chữ của ai?”

“Máy đánh chữ? À, máy đánh chữ cũng của tôi.”

“Lý do nào anh sống trên vùng kinh tế mới mà lại sắm máy đánh chữ? Anh có máy đánh chữ trước hay là mới mua khi gặp lực lượng Phục quốc?”

“Tôi mua máy đó từ lâu.”

“Từ năm nào?”

“Đầu lới năm 1982.”

“Để làm gì? Máy của anh có đăng ký không?”

“Đăng ký à? Tại sao phải đăng ký? Tôi chỉ mua máy để đánh những kinh sách khan hiếm mà vùng kinh tế mới không có.”

“Do đâu mà anh biết cách in truyền đơn bằng những dụng cụ tự chế bằng tay?”

“Đã từng thấy người ta làm việc bằng máy in và máy quay ronéo, tự dưng tôi nghĩ ra cách in bằng trục quay tay, mục đích là để tự in lấy các bản kinh ngắn cho phát-từ vùng kinh tế mới, vậy thôi.”

“Chứ không phải có ai bày anh chế cái máy đó sao?”

“Không.”

“Làm sao nhóm Phục quốc biết là anh có khả năng sáng chế cái máy quay ronéo bằng tay để rồi nhờ anh hướng dẫn việc quay in truyền đơn?”

“Có lẽ một người trong nhóm họ có được bản kinh ngắn do tôi tự in cho chùa từ mấy năm trước nên đã nghĩ đến chuyện nhờ vả tôi.”

“Sáng nay anh đi đâu mà có mặt trên chiếc xe lam Hàng Xanh-Thủ Đức?”

“Tôi có quyền đi lại không vậy?”

“Dĩ nhiên trước khi vào đây, anh có quyền đi lại như mọi công dân khác, nhưng hiện nay anh đang là bị can của chúng tôi, tôi có quyền điều tra nguyên do nào anh đi Thủ Đức?”

“Tôi đi chơi, không được sao?”

“Anh không đi chơi. Anh là tông phạm đang bị truy nã. Chúng tôi biết anh không đi chơi.”

Tôi bị bắt buộc phải nghĩ thật nhanh đến hai nhân vật cuối cùng tôi gặp sáng nay trước khi bị bắt. Hân và ông Tư. Một người là tu sĩ Phật giáo hoàn tục; một người là tu sĩ Thiên Chúa giáo, không biết tên, chỉ quen gọi là Thầy Tư—có lẽ là một chức sắc nào đó của nhà thờ mà tôi rành. Lẽ nào Hân và ông Tư có dính dấp đến công an, tức là họ có can dự vào việc bắt tôi sáng nay? Có thể lắm, nhưng đầu sao đó cũng chỉ là nghi vấn, chưa xác định được. Nghĩ vậy, tôi bèn tránh đề cập đến hai nhân vật đó, tôi nói:

“Ở Thủ Đức có nhiều chùa nổi tiếng như Nam Thiên Nhất Trụ, Hoa Nghiêm, Tu viện Quảng Đức... Tôi muốn đi thăm viếng các chùa ấy, được không vậy?”

“Dĩ nhiên là được. Nhưng anh quen ai ở các chùa đó?”

“Không quen ai cả. Đi chùa thì có cần thiết phải quen ai mới đi.”

“Nhưng khi đi, hẳn anh phải nghĩ trước trong đầu là sẽ đi chùa nào, phải không?”

“Phải, chùa Nam Thiên Nhất Trụ,” tôi đáp nhanh vì biết chùa này nằm trong hệ thống giáo hội nhà nước.

Long ghi chú vào sổ tay một lúc rồi đứng dậy:

“Thôi được, ngày mai chúng ta sẽ làm việc tiếp. Anh đi theo tôi.”

Long đi trước dẫn đường. Hùng ra dấu chờ tôi đi trước rồi bước theo sau lưng tôi. Đi ngoằn ngoèo một lúc qua các phòng vấn cung, bỗng dưng Long quay lại hỏi:

“Anh Khang là bà con gì đó của sư cô Trí Hải, phải không?”

“Phải.”

“Anh muốn gặp cô ấy không?”

“Muốn.”

Chẳng hiểu vì lý do gì, Long lại tỏ vẻ dễ dãi với tôi về chuyện này. Long rẽ sang bên phải, đến trước một phòng giam rộng với cánh cửa lớn có song sắt. Long bảo tôi đứng chờ ở phía trước, cách phòng giam đó khoảng mười thước. Qua chần song sắt, tôi thấy ló nhó mấy chị nữ tù, chẳng biết tội gì. Họ có vẻ thong thả qua lại vì phòng rộng, nhưng nét lo âu và buồn bã vẫn hiện rõ trên những khuôn mặt xanh xao đó. Long nói với mấy người nữ tù đứng gần song sắt:

“Gọi giùm sư cô Trí Hải đi.”

Đám nữ tù lảng xãng một lúc rồi dạt ra hai bên, nhường khoảng trống cho sư cô Trí Hải bước đến song sắt. Long hỏi ngay khi thấy sư cô:

“Sư cô nhận ra ai đây không?”

“Sư cô không trả lời, chỉ nhìn tôi gật đầu, rồi cười tươi. Tôi cũng chào lại cô bằng một nụ cười. Sư cô hỏi:

“Khang mới vào hả?”

Tôi đáp:

“Dạ. Cô khoẻ không?”

Sư cô lại gật đầu, cười. Cô nhìn kỹ tôi từ đầu đến chân như quan sát một cái gì mới lạ. Lạ cũng phải. Cô ấy không có gì thay đổi; còn tôi thì đã mang hình thức khác với hình thức tu sĩ trước đây mà cô từng gặp. Tôi đã mặc áo quần của người thế tục, lại để tóc dài, mang kiếng cận. Hình như cô thoáng ngậm ngùi về sự thay đổi này của tôi. Nhưng chỉ một khoảnh khắc, nét mặt cô đã trở lại ngay với vẻ rạng rỡ và trầm tĩnh cổ hũu. Nhìn nét mặt và phong thái của sư cô, tôi

biết cảnh tù không ngăn ngại gì đến cái tâm an lạc, siêu thoát ấy. Tôi yên lòng từ già sư cô, theo Long qua dãy phòng giam C1. Nhưng cán bộ trực của dãy này cho biết đã hết chỗ trống. Long bèn đưa tôi qua dãy C3. Ở đây cũng có một bàn gỗ đặt ở đầu dãy. Viên cán bộ trực ngồi gập, thấy Long thì vội vàng đứng dậy chào, rồi ngạc nhiên nhìn tôi. Long và cán bộ trực nói nhỏ với nhau, nhưng tôi vẫn nghe:

“Thứ đặc biệt. Còn biệt giam trống không?”

“Báo cáo đồng chí, để xem lại sổ... Coi nào, còn một chỗ, nhưng phòng này ăn thông với phòng kia, phòng kia có một người, như vậy là phải giam chung rồi.”

“Xem còn phòng nào khác không?”

“Báo cáo đồng chí, không ạ. Chỉ còn duy nhất phòng đó là trống một chỗ thôi.”

“Ai bị giam trong phòng ấy vậy?”

“Báo cáo... một tên tinh nghi phản cách mạng.”

Long do dự một lúc, rồi gật đầu nhẹ. Vậy rồi Long giao tôi cho anh cán bộ trực đó. Anh cán bộ bảo tôi bỏ hết đồ đạc lên bàn. Tôi có mang theo gì đâu. Một cái khăn tay. Một ít tiền bạc, một đồng hồ đeo tay điện tử mà một người bạn mới tặng, một cái mũ cát-két, một giầy nịt da và một cặp kiếng cận (thực ra chỉ là mắt kiếng trong, tôi chỉ dùng để cải trang lúc ra đường). Cán bộ đưa trả tôi cái khăn tay, còn bao nhiêu thứ linh tinh khác, anh lừa hết vào hộc bàn. Chẳng thấy ghi sổ sách hay giấy chứng nhận là có giữ vật dụng cá nhân. Tôi cũng chẳng thắc mắc về chuyện ấy, cứ tưởng bị tù thì phải bị tịch thu hết đồ đạc nên im lặng, không đòi hỏi giấy kê khai. Chỉ có tên tôi là được ghi vào cuốn sổ to mà thôi. Theo sau tên tôi, ở cột kế tiếp trong cuốn sổ, là một dòng chữ để phân biệt tôi thuộc loại tù nhân gì: *phản cách mạng*.

Viên cán bộ trực còn kỹ lưỡng bảo tôi đứng thẳng đưa hai tay lên trời để anh khám xét lần nữa. Khám xong, anh đưa tôi đến phòng biệt giam số 9. Phòng biệt giam bit bùng, đứng ngoài chỉ thấy như một bức tường sắt, có then bằng thép đúc, xò ngang hai cái ngàm cũng bằng sắt, đầu then được khóa bằng hai ổ khóa lớn. Cánh cửa dày khập khập, không song; phía trên, ngang mặt một người đang đứng có một lỗ thông gió hình chữ nhật, kích thước cỡ một quyển sách. Lỗ thông gió cũng có cánh cửa nhỏ, được kiểm soát bằng cách mở ra bên ngoài, có một then sắt cài ngang, xò vào một cái khuy nhỏ.

Cán bộ lấy chùm chìa khóa nặng trĩu, lần dò tìm cái chìa mang số 9. Cửa mở ra, anh hất cầm, ra dấu bảo tôi bước vào.

Một mùi hôi nồng nặc bốc lên. Tôi chưa kịp nhìn rõ bên trong căn phòng giam thì cánh cửa đã đóng ập lại sau lưng kéo theo một chuỗi âm thanh khô khan của khung sắt rỉ sét, rồi có tiếng khóa cửa lách cách bên ngoài. Tôi đứng im, lắng nghe. Tiếng khóa cửa lúc đó khiến tôi một lần nữa lại nảy ra ý tưởng lạc quan rằng, cuộc sống mới của tôi hôm nay được khởi đầu bằng hành vi khép lại; mà sự khép lại đó rõ ràng là giống như việc bế quan nhập thất của những nhà tu trong cửa chùa. Dù tự nguyện hay miễn cưỡng, sự bế quan ấy cũng có ý nghĩa hỗ trợ cho việc khép chặt mối tương giao vốn đa tạp phiền toái với cuộc đời.

Lúc đó mới mười một giờ trưa nhưng trong phòng tối om om. Tôi đứng lặng một lúc để ngắm kỹ cái thế giới mới lạ đang chờ đón mình và cũng để lắng nghe tận cùng những cảm xúc đang cháy lên trong tôi. Không có sự sợ hãi, cũng không có sự buồn chán, tuyệt vọng nào. Chỉ thấy một cơn rùng mình thoáng qua, cái còn lại là sự an nhẫn, chịu đựng—như con chó đang rùng mình để giữ đi những bùn đất hay nước bám vào bộ lông của nó. Sau đó là trạng thái nghỉ ngơi.

Khi mắt đã quen được bóng tối trong phòng, tôi mới nhớ lại lời của viên cán bộ trực nói với Long khi nãy, rằng đây là một căn phòng đôi. Đứng ở ngoài thì thấy phòng 8 và 9 riêng biệt, vì mỗi phòng đều có cửa sắt riêng. Nhưng vào trong thì hai phòng chỉ là một. Cái vách ngăn đôi giữa hai phòng đã bị đập phá. Dấu vết của vách tường ngăn đôi vẫn còn để lại vài chỗ lõm chõm

trên nền xi măng. Diện tích mỗi phòng được gần ba mét vuông mà cái cầu tiêu đã chiếm hết một phần ba rồi. Bên cạnh cầu tiêu có một vòi nước. Như thế, cái phòng đôi tôi có đến hai cái cầu tiêu và hai vòi nước.

Trong góc phái bên phòng 8, tôi thấy lù lù một bóng người đang chăm chú nhìn tôi. Người ấy cũng im lặng từ nãy, bây giờ thấy tôi nhìn, mới cất tiếng hỏi với giọng ồm ồm của một người đàn ông đứng tuổi:

“Mới bị bắt hả?”

“Vâng, mới bị sáng nay.”

“Tội gì vậy?”

Tôi ngập ngừng một lúc rồi trả lời:

“Chính trị.”

“Chính trị! Cha, chính trị mà sao trẻ quá vậy. Tiếc thật! Thôi, cởi đồ ra cho mát đi.”

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương ba

Khi ta chào đời, có những thứ không cùng có mặt với tiếng khóc, với cảm giác đói no, nóng lạnh của ta. Một trong số đó là sự hồ thẹn.

Năm xưa, có lần vào một đêm mưa nhẹ ở Nha Trang, tự dưng tôi muốn đi một cách thong thả xuống phố và tôi đã đánh một vòng tản bộ dưới cơn mưa đó. Thịnh thoảng ở Nha Trang mới có một cơn mưa phùn lất phất. Thường thường là mưa lớn. Cơn mưa nhỏ hạt nhất thì trong vài phút cũng đủ thấm ướt cả áo quần. Tôi đi như thế, băng qua con đường đất trên lưng đồi Trại Thủy, xuống phố, cố ý không mang theo áo mưa. Lầm lũi và thật chậm rãi, tôi đi xuống trung tâm thành phố Nha Trang, vòng qua đường Duy Tân chạy dọc theo bãi biển rồi quay lui, băng đồi Trại Thủy, về phòng riêng. Trên đường đi, hầu như tôi không lưu ý gì chung quanh. Tôi cũng chẳng suy tư về bất cứ vấn đề gì. Trong tôi chỉ có cảm giác mát lạnh, vui vui. Những giọt nước mưa thi nhau vỡ trên cái đầu ít tóc của tôi, chảy từng dòng trên má, lòn xuống cổ, lăn vào áo trong và thấm vào da thịt. Chiếc áo nhật bình để đi đường của tôi nặng trĩu cả nước. Đồi chỗ trên đường phố, nước mưa chảy thành dòng, như con suối nhỏ. Chân tôi vui thích lội bì bõm trong dòng nước chảy xiết đó như thườ còn bé.

Sau khi ghé phòng tắm để rửa chân, tôi về phòng riêng, cởi hết áo ngoài, áo trong, cởi tất cả và lấy khăn lau toàn thân. Sau đó tôi lên đi-văng, tắt đèn, nằm duỗi thẳng hai tay hai chân, trần truồng mím cười mà ngủ. Luật chùa ngăn cấm tăng sĩ làm điều đó, cho là mất tư cách, mất oai nghi. Nhưng tôi đã tự cho phép mình một lần. Tôi nghĩ những điều răn cấm tương tự như vậy đều được chế ra để áp dụng trong đời sống tập thể ở các đại tùng lâm, các tu viện lớn có đông đảo tăng sĩ; còn đối với người ẩn cư trên núi thẳm rừng sâu, điều răn cấm như thế trở nên vô nghĩa. Tôi có phòng riêng, biệt lập với mọi người trong chùa thì có khác gì tôi đang ở một mình trên núi cao?

Đêm đó, tôi ngủ rất ngon. Nhưng khi tiếng chuông khuya lọt vào khung cửa sổ rộng, tôi giật mình thức dậy và sực thấy mình trần truồng, lập tức tự xấu hổ. Ôi niềm xấu hổ đã trở thành thói quen đến nỗi người ta không sao tẩy xóa được dù ở riêng một nơi hoang vu, tịch mịch không có bóng dáng người thứ hai. Rõ ràng là một câu nói trong *Luận ngữ* hay kinh luật của Phật, đã uốn nắn cho tôi cái thói quen tự chế đó. *Tọa mật thất như xử thông cù*, tức là ngồi trong phòng kín cũng phải giữ cái lễ như đứng trước ngã tư đường. Phải thấy như mình đang ở trước một đám đông, phải giữ tư cách, phải biết hổ thẹn. Không thể hồn nhiên mãi như những đứa con nít. Phải trưởng thành và phải học mọi thứ từ nề nếp và qui ước của xã hội, của đoàn thể, của tôn giáo, vân vân.

Bây giờ đứng đây, trong cửa sắt ngăn cách với xã hội, bên cạnh người bạn tù đang cởi trần mặc quần cụt, tôi biết tôi có thể thực tập trở lại những động tác hồn nhiên của trẻ nít khi cởi bỏ áo quần. Và đồng lúc, tôi lột bớt sự hổ thẹn của mình để bắt đầu cuộc sống của một tù nhân.

Trong phòng không có chỗ nào để treo áo quần. Người ta không cho phép tù nhân có bất cứ một vật cứng nhọn gì trong phòng giam. Tôi phải xếp gọn áo quần của mình, đặt dưới đất, nơi đầu nằm.

Người bạn tù của tôi ngoài năm mươi tuổi. Khi ông đứng dậy bước đến bên cửa thông gió, đưa mũi ra ngoài để thở, tôi thấy tướng ông hiện ngang như một con gấu ngựa. Ông ta cao

đến gần một thước chín, vạm vỡ, to lớn lạ thường. Cái bụng phệ đưa ra trước như một cái trống vẫn không làm giảm đi vẻ mạnh mẽ, rắn chắc của một gã đàn ông có thể lực tốt. Râu tóc ông đã điểm bạc. Hàm râu rậm với những sợi cứng, tua tủa chia ra và quắp lên phía trên như những cái móc câu. Ngó ông, tôi bỗng liên tưởng đến hình ảnh của Từ Hải trong truyện Kiều. Có lẽ ông có cái bụng không được cân xứng với thân thể như cái bụng của Từ Hải, nhưng “*râu hùm hàm én mày ngài, vai năm tấc rộng lưng mười thước cao*” thì hẳn là chẳng chịu thua kém.

“Ăn gì chưa?” ông ấy hỏi tôi.

“Dạ chưa,” tôi đáp.

“Vậy để tôi báo cho mấy anh trực sinh biết để họ đưa cơm vào.”

Dứt lời, ông gọi một anh tù đang quét dọn ngoài hành lang. Những người tù có tội nhẹ và án nhẹ, hoặc ở lâu gần mãn án, được cán bộ chọn ra để lo việc vệ sinh, chia cơm nước cho các tù nhân khác trong trại, được gọi chung là *trực sinh*. Từ năm na hơn, thông dụng hơn, là “anh nuôi”. Tôi thích cái từ năm na ấy hơn là cái từ trực sinh, một từ Hán-Việt nặn ra từ khuynh hướng đua đòi sáng tạo và tâm lý thích khoe chữ. Buổi chiều sau giờ ăn, các anh nuôi cũng bị tống vào giam trở lại cho đến sáng hôm sau.

Một anh nuôi tiến đến gần cửa thông gió, hỏi:

“Gì vậy?”

“Thông báo cho anh biết có tù mới vào phòng này, chưa có cơm nước gì cả.”

“Đưa ca ra đây,” anh nuôi nói.

“Anh ta mới vào, đi tay không, có ca đâu mà đưa.”

“Có đồ đạc gì không?”

“Đã nói rồi anh ta đi tay trơn à.”

“Tội gì?”

“Chính trị.”

Anh nuôi bước qua phòng giam tập thể đối diện phòng biệt giam chúng tôi. Nơi đó, có người bạn tù không quen biết nào đó đã biểu tặng tôi một ca cơm và cái muỗng nhựa cắm sâu vào đó. Anh nuôi quay lại đưa cho tôi ca cơm ấy. Vừa nhận xong các thứ linh tinh đó từ tay ông bạn tù chuyên vào, đã nghe cửa gió đóng sập một tiếng mạnh: đến giờ nghỉ trưa.

Tôi ngồi xuống nền xi-măng. Trong phòng đã nóng, bây giờ càng nóng hơn. Đã vậy, không khí có vẻ bị thiêu đi trong không gian chật hẹp. Chỉ một chốc, mồ hôi đã tẩm ướt thân tôi, chẳng có gì có thể dùng thay quạt. Người bạn tù của tôi có một tấm cạp-tông nhỏ, hai bên được dán đắp lên cho dày bằng những bao thuốc lá Hoa Mai và Đà Lạt. Ông ta thấy cái quạt tự chế đến tôi:

“Quạt dở đi. Thay nhau mà quạt. Rán chịu rồi sẽ quen thôi. Cậu tên gì?”

“Thưa, tên Khang.”

“Tôi là Trọng. Cũng tội chính trị như cậu, nhưng tôi chỉ bị tình nghi thôi. Cậu mới bị bắt hay ở trại nào chuyển qua?”

“Dạ mới bị bắt sáng nay.”

“Bắt ở nhà hả?”

“Thưa không, bị bắt ngoài đường.”

“Khổ thân! Như thế ở nhà chắc chẳng ai hay biết gì hết.”

“Phải. Nhưng không sao, nhà không biết càng tốt chứ. Biết thì mất công lo lắng thôi, đâu ích gì.”

“Nói như cậu là biết chẳng có kinh nghiệm gì ở tù cả. Thực ra bị tù cộng sản mà gia đình biết, thăm nuôi mỗi tháng, thì còn có cơ may sống được đến ngày tự do. Và lại, gia đình biết cậu ở tù sẽ ít lo hơn là chẳng biết cậu trôi dạt nơi đâu. Chẳng phải vậy sao? Cậu có vợ con gì chưa?”

“Thưa chưa.”

“Bao nhiêu rồi mà chưa vợ?”

“Dạ hai mươi sáu.”

“Hăm sáu mà chưa có vợ con! Trễ vậy! Vào tuổi đó tôi đã có hai ba đứa con rồi. Hề hề. Ở ngoài cậu làm nghề gì?”

“Ồ... chẳng làm gì. Giống như kẻ thất nghiệp vậy thôi.”

“Thất nghiệp là phải! Cái mã của cậu chỉ ngồi văn phòng là thích hợp thôi chứ đâu có lao động nặng nhọc đua theo người ta được. Mà cái nghề ngồi phòng giấy ngày nay thì chỉ có con cháu gia truyền của tụi quý đó mới được ưu tiên thôi. Cậu làm sao chen vào nổi.”

“Trước đây cháu cũng có làm ruộng, làm rẫy đó chứ.”

“Cậu mà làm ruộng à? Nói thiệt hay giỡn chơi vậy! Cỡ như tôi đây, sức gấp ba người thường mà nghe tới ruộng, rẫy cũng thấy ngán nữa là... Thôi, mình ăn cơm trưa chứ.”

Bữa cơm được bày ra. Mỗi người một ca cơm loại có dung tích một lít nhưng cơm chỉ được chừng nửa ca. Giữa chúng tôi là một chén chao nhỏ, chỉ có mấy miếng chao bị vữa nát nổi lên bề mặt trong chút nước trong sền sệt. Ông Trọng múc chao bỏ vào ca cơm của tôi, nói:

“Rán ăn nghe. Chắc ăn kiểu này cậu không nuốt nổi đâu hả? Thôi, đằng nào mình cũng phải ở tù lâu rồi. Đừng lo nghĩ chi cho mệt. Ăn khỏe, ngủ ngon để có sức chịu đựng lâu dài.”

“Không sao đâu chú. Cháu ăn uống kham khổ cũng quen rồi. Mà ăn chay kiểu này càng thích chứ sao. Chú cũng ăn chay à?”

“Đâu có, ở đây anh em cho gì mình ăn nấy. Chao của mấy người có thắm nuôi bên phòng giam tập thể họ biểu mình đó. Ở đây, hễ mình mới vào thì người ta hỏi ngay mình tội gì, nếu nói là tù chính trị thì họ gọi đồ biểu xén cho đến ngày mình có thắm nuôi mới thôi. Còn những tù hình sự như buôn đồ la, tổ chức vượt biên... họ đâu thèm đếm xỉa, hoặc có giúp đỡ chẳng thì cũng chỉ lấy lệ chứ không tận tình như đối với tù chính trị đâu. Thực ra tôi bị bắt ở nhà, gia đình đều biết cả, nhưng cán bộ trại chưa cho phép thì cũng đâu có thắm nuôi hay gọi gắm gì được. May mà lúc bị bắt đi có mang theo được áo quần, thuốc hút...”

Bữa cơm đạm bạc trôi qua thật nhanh. Ăn xong, ông Trọng bảo:

“Để ca ở đó đi. Chốc nữa có nước mình tắm rồi rửa luôn thể.”

“Bao giờ thì có nước, thưa chú?”

“Giác trưa này thì thường có. A, có rồi kia.”

Tôi nhìn sang cái vòi nước cạnh nhà cầu, thấy nước chảy lờm tờm từng giọt. Có một bình nhựa dung tích khoảng một lít rưỡi đặt sẵn ở đó để hứng nước. Vòi nước được ông Trọng mở sẵn, không bao giờ đóng. Tôi nói:

“Đâu có, nước đâu đã chảy!”

“Đó, chảy đó. Chảy như vậy chứ muốn chảy sao nữa! Hề hề. Nó chảy như thần lằn đái á. Như vậy là tốt rồi. Mình hứng đầy mấy cái ca với bình nhựa là đủ tắm thôi.”

Nói rồi ông ấy bước đến vòi nước, rửa cái ca nhựa của ông và luôn tiện rửa luôn cái ca của tôi nữa. Tôi giành làm việc đó nhưng ông xua tay bảo tôi cứ nghỉ cho khỏe, khi nào có nước đủ tắm ông sẽ gọi. Tôi ngồi bó gối quan sát kỹ phòng giam.

Vì là phòng đôi nên chúng tôi có được hai câu tiêu và hai vòi nước. Nhưng câu tiêu và vòi nước phía phòng 8 đã bị hư. Sửa câu tiêu có lẽ là công việc khó khăn, trở ngại, tốn nhiều thời gian và công sức. Có lẽ đó là lý do người ta đập cái vách ngăn đôi hai phòng. Vách đúc bê tông dày hai tấc. Không có chỗ nào để bám tựa vào mà leo lên trần nhà. Trần nhà khá cao, cũng đúc bằng bê-tông có một lỗ vuông trống với diện tích ngang bằng với cửa thông gió dưới này. Công dụng của lỗ trống này không phải để thông gió, mà để mấy anh lính gác ở tầng trên có thể nhìn xuống quan sát người tù trong phòng. Lỗ vuông trên trần nhà được ngăn lại bởi một tấm lưới sắt. Qua

tấm lưới sắt, tôi thấy một cái bóng đèn tròn cỡ 100 watt. Có lẽ tấm lưới sắt được gắn vào để bảo vệ cái bóng đèn nhằm tránh sự phá hỏng của tù nhân bên dưới. Mỗi phòng có mỗi bóng đèn. Như vậy, cái phòng ăn thông giữa tôi và ông Trọng có được hai bóng. Có điều, theo ông Trọng nói, điện chỉ được thắp lên từ sáu giờ chiều cho đến sáu giờ sáng hôm sau.

Trên vách, phía đầu nằm của phòng 9, tức là phía của tôi, có một ảnh đức Phật Thích Ca, có lẽ được vẽ bằng đầu cây diêm quẹt, đường nét khoét sâu vào lớp vôi dày, không màu sắc, ở trong bóng tối phải nhìn kỹ mới thấy. Vách phía phải bên phòng 8 của ông Trọng là ảnh đức Chúa Giê-su trên thập tự giá. Cả hai bức ảnh đều do bàn tay của một họa sĩ kỳ tài vẽ nên. Nét vẽ rất điêu luyện, sống động, làm nổi bật phong thái riêng của hai vĩ nhân siêu việt của nhân loại. Đức Giê-su với khuôn mặt an nhần, tha thứ và chịu đựng; đức Thích Ca với vẻ an nhiên, tự tại và nụ cười từ bi, giải thoát.



Tôi được hơn ba lít nước để tắm. Phải xối nước thật tằn tiện mới đủ. Nhưng cũng thật là thú vị để được tắm một cách trang nghiêm và đầy sự chú tâm như thế. Tôi cũng lắng nghe những giọt nước trong mát chảy trên cơ thể y như lúc nào đi trong mưa vậy. Ông Trọng tắm trước rồi, bây giờ ngồi nhìn tôi, ông bật cười vì tôi vẫn còn mang cái e thẹn xấu hổ từ thế giới bên ngoài vào. Khi tôi thay đồ, ông nói:

“Lần sau có tắm cậu đừng bận quần nữa. Thiệt đúng là cậu chưa từng ở tù. Đây, cậu coi, có một cái quần cụt mà làm cho nó ướt đi thì có phải là cậu phải mặc quần dài suốt ngày trong cái phòng nóng như thiêu này không! Còn thay đồ cứ thay tự nhiên, làm gì mà trốn nấp vậy! Làm như con gái không bằng! Ở tù phải dẹp ba cái chuyện mặc cỡ, rụt rè. À này, chắc hồi trước đến giờ cậu chưa hề đi lính phải không?”

“Không hề,” tôi đáp.

“Thảo nào. Nếu cậu có ở trong quân đội rồi thì chuyện ở tù cũng không khó lắm đâu. Nói tóm là phải có sống một đời sống tập thể thì mới sớm quen thuộc được với cảnh tù.”

Ông Trọng nói vậy mà không biết rằng tôi cũng đã từng sống tập thể. Nhưng cái tập thể của tôi không phải là tập thể quân đội. Cái tập thể đó không những đã dạy tôi nếp sinh hoạt đồng đội và sự phân công phân nhiệm hợp lý trong nếp sống chung, mà còn dạy tôi kiểm soát thân và tâm, đưa tất cả mọi ý nghĩ, lời nói, động tác vào khuôn khổ nề nếp của một con người trang nghiêm, có đạo đức. Con người ấy đâu cần thiết phải biết đứng tòng ngồng tro trên trước đám đông mà không hổ thẹn. Con người ấy không cần thiết phải biết thay áo quần thật nhanh, chạy thật lẹ, ăn thật mau, nói thật lớn tiếng... mà tất cả đều phải ngược lại: chậm chạp, trang nghiêm, cẩn trọng, đầy chánh niệm. Dù sao, tôi cũng phải cố gắng và tin là vài lần sau đó, tôi sẽ quen được việc khỏa thân trước mặt kẻ khác, dù kẻ ấy là một gã cai tù, một tù nhân đúng tuổi; hoặc thậm chí, kẻ ấy là một đức Phật, một tượng vẽ trên vách tường...

Tôi ngả lưng một giấc ngắn thì nghe tiếng khóa mở lách cách. Ông Trọng nói:

“Mặc áo vào đi. Nó kêu cậu lên hỏi cung tiếp đó.”

Cửa sắt mở toang ra với tiếng khô khốc của cặp bản lề rỉ sét. Đúng như ông ấy đoán, một viên cán bộ thò đầu vào, gọi tên tôi và hồi thúc, làm tôi chưa kịp cài nút áo.

“Ra ngoài rồi cài nút,” ông Trọng nhắc và cầm đôi giép da đưa tôi, ra đầu tôi bước ra ngoài gấp.

Tôi ra ngoài, đứng cài nút áo và mang giép. Viên cán bộ lườm hỏi tôi:

“Mới nhập trại hả?”

“Vâng.”

“Lần sau nghe gọi là ra liền nhé, chậm là tôi đập cho một cái à!”

Tôi được đưa đến bàn trực ở đầu dãy. Long và Hùng đang chờ tôi ở đó. Long ra hiệu tôi đi theo anh về phía phòng vấn cung. Lúc ấy các phòng vấn cung đề trống vì hãy còn trong ngày Chủ nhật. Tôi chẳng hiểu sao khi sáng Long nói ngày mai mới làm việc tiếp, vậy mà chiều nay anh đã trở lại. Long kéo ghế ngồi trước, soạn hồ sơ ra. Tôi ngồi vào ghế còn lại. Hùng vẫn đứng ở mép cửa.

“Sao, ở dưới đó thoải mái không?” Long hỏi.

“Cũng thường,” tôi đáp.

Im lặng một lúc như để lựa lời, Long nói:

“Đáng lẽ ngày mai chúng ta mới làm việc, nhưng tôi muốn tranh thủ làm sớm cho xong. Chắc anh Khang cũng muốn vậy, phải không?” Long tăng hắng một tiếng, tiếp tục. “Tôi vẫn còn thắc mắc một điểm là ai đã soạn viết các tài liệu cho Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên. Cuối các bài viết đều có đóng dấu và cả chữ ký của ông Trần Văn Lương hoặc Chủ tịch Nguyễn Hữu Thiện, nhưng trên thực tế, chúng tôi biết ông Lương và ông Thiện không tự viết các bản văn ấy. Họ chỉ đọc và ký thôi. Người khác viết. Mà có người khai là chính anh viết.”

“Vâng, tôi viết.”

Tôi chấp nhận sự kết tội đó dễ dàng quá khiến Long hơi lúng túng. Hình như anh mong đợi là tôi khẳng khái chối cãi để rồi buộc tội phải khai một người nào khác đã làm công việc ấy. Long ngập ngừng, rồi nói:

“Tôi không nghĩ vậy. Phải có một người khác. Có thể là người kia soạn viết và anh chỉ góp ý hay hiệu đính các tài liệu đó thôi.”

“Tất cả đều do tôi..”

“Thế bây giờ anh có thể viết lại y hệt những tài liệu đó không?”

“Y hệt thì dĩ nhiên là không. Nhưng viết lại các văn bản ấy bằng một bộ cục và lời lẽ khác thì được.”

“Thế anh có thể nói lại đại ý các văn bản mà anh đã soạn viết không?”

“Anh nói văn bản nào?”

“Anh viết mấy bản?” Long khôn khéo hỏi lại.

“Thế anh tịch thu được mấy bản?” tôi cũng hỏi ngược lại Long.

“Anh không có quyền hỏi tôi đâu. Anh chỉ có bốn phen khai cung là anh đã viết bao nhiêu bản văn cho tài liệu truyền đơn của lực lượng Phục quốc mà thôi!”

“Tôi không chối chạy đâu. Tôi chỉ yêu cầu anh nói rõ là anh muốn tôi nói đại ý của bản văn nào mà thôi.”

Long ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Lời hiệu triệu quốc dân.”

“Ừ thì bài đó là lời hiệu triệu của lực lượng Phục quốc, kêu gọi toàn dân đứng dậy lật đổ chế độ cộng sản, kêu gọi cả những người đã lầm lỡ đi theo con đường cộng sản sớm quay trở về với dân tộc để cùng nhân dân xây dựng một xã hội dân chủ, bình đẳng, thịnh trị, thái bình. Đại ý lời hiệu triệu chỉ có vậy thôi. Cùng một ý đó, anh muốn tôi viết lại bao nhiêu bản hiệu triệu có bộ cục và lời lẽ khác nhau, tôi đều viết được cả.”

Hai má Long giật giật lên mấy cái. Y lườm tôi một lúc rồi cười khinh khỉnh, nói:

“Bể nạng chống trời. Các anh chỉ biết điên cuồng làm công việc ấy. Thôi, không cần phải nói chuyện đó với anh. Rồi đây, ai là kẻ chấp bút, làm bí thư cho ông Lương cũng sẽ lộ ra, không che giấu gì chúng tôi được đâu.”

“Tôi có che giấu đâu. Tôi đã tự nhận tôi viết rồi mà.”

“Không phải anh. Có một người khác viết hết các văn kiện. Còn anh thì chỉ sửa chữa hay

góp vào một vài quan điểm chính trị mà thôi.”

“Thế à? Ừ thì vậy cũng được đi. Tôi viết hay ai khác viết thì cũng ý đó, quan điểm đó. Cũng là chống lại chế độ này cả. Có khác gì đâu chứ.”

“Anh đồng ý là có một kẻ khác viết, phải không?”

“Không. Tôi nói là tôi viết. Còn chuyện tin hay không là quyền của các anh.”

Long ghi vào sổ tay. Xong, y đốt thuốc, ngậm chắc điếu thuốc giữa hai môi, bập mấy cái rồi nói:

“Chuyện đó tạm gác lại, điều tra sau. Bây giờ tôi muốn anh kể lại nguyên do nào đưa dẫn anh đến chuyện rời bỏ chùa Già Lam, thành lập tổ chức từ thiện tên gì nhỉ, à, *Đoàn Phật Tử Phụng Đạo*, rồi lại để ra cái gọi là Hội Lạc Long tại Long Thành, ngay chính ở cơ sở của anh? Không phải chỉ nguyên do không thôi, ý tôi còn muốn hỏi là những ai đã xúi giục anh, hoặc đã tham gia, cộng tác với anh trong các tổ chức nói trên.”

Câu hỏi của Long đẩy ngược tôi về bao nhiêu chuyện dập dờn của năm năm trước.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương bốn

Năm 1980, thầy Tuệ Sỹ được Hòa thượng Thích Trí Thủ bảo lãnh ra khỏi tù để cùng giáo sư Lê Mạnh Thát (Trí Siêu) soạn thảo bộ *Phật Học Bách Khoa Từ Điển*. Lợi dụng công tác biên soạn từ điển cần nhiều phụ tá làm việc lâu dài, Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát yêu cầu Hòa thượng Thích Trí Thủ mở một khóa đào tạo tăng sinh viên hậu-đại-học ngay tại tu viện Quảng Hương Già Lam do Hòa thượng làm tu viện trưởng. Hòa thượng Thích Trí Thủ bấy giờ bị nhà nước vừa ve vãn vừa làm áp lực, phải lãnh trách nhiệm đứng ra vận động việc thống nhất giáo hội Phật giáo toàn quốc dưới sự kiểm soát của chính quyền cộng sản. Nhưng cũng nhờ thế mà việc mở một khóa học đặc biệt cho tăng sinh viên không bị nhà nước làm khó dễ. (Tuông cũng nên nhắc ở đây rằng, từ khi người cộng sản cầm quyền trên cả nước, tất cả cơ sở trường lớp của giáo hội Phật giáo cũng như các tôn giáo khác đều bị nhà nước sung công, chiếm dụng).

Trên bề mặt, đây là khóa học nhằm đào tạo các “chuyên viên” Phật học để phụ giúp hai vị giáo sư Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát soạn thảo bộ *Phật Học Bách Khoa Từ Điển*, nhưng có thể nói rằng lớp học của tu viện Quảng Hương Già Lam (thường gọi tắt là chùa Già Lam) được tăng ni và Phật tử trong nước mặc nhiên coi như là trường đại học Phật giáo duy nhất của giáo hội được sinh hoạt dưới chế độ cộng sản thời kỳ đó. Chương trình học được soạn thảo bởi chính thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát, hai vị học giả uyên thâm lỗi lạc nhất của Phật giáo Việt Nam. Ngoài hai vị giáo sư này, ban giáo sư còn có các vị học giả uy tín khác của Phật giáo như Hòa Thượng Trí Thủ, Thượng tọa Minh Châu, Đại Đức Chơn Thiện, Đại đức Nguyên Giác và giáo sư Nguyên Hồng. Chương trình học đặc biệt này sẽ kéo dài bốn năm, tập trung vào các môn chuyên luận cao cấp của Phật giáo và các môn cổ ngữ Ấn Độ như chữ Sanskrit (còn gọi là Bắc Phạn), chữ Pali (còn gọi là Nam Phạn), chữ Trung Hoa, (tân văn và cổ văn), tiếng Nhật và tiếng Anh.

Suốt năm năm (từ 1975 đến 1980) không có một trường lớp Phật học nào được mở ra dưới chế độ cộng sản, nay nghe chùa Già Lam sắp khai giảng khóa đào tạo sinh viên soạn thảo *Phật học Bách khoa từ điển*, nhiều tăng sĩ có trình độ đại học từ trước 1975 kéo đến xin nhập học. Rồi tin tức lan rộng đến các tỉnh khác để rồi mỗi tỉnh đều có vài tăng sĩ ưu tú do các giáo hội địa phương giới thiệu đến. Ban đầu, điều kiện nhập học đòi hỏi trình độ đại học, nhưng sau, điều kiện được nới rộng hơn để đón nhận luôn cả các tăng sĩ đã xong Tú tài II trước năm 1975, thậm chí cả những tăng sĩ ở cấp trung học đệ nhị cấp, tự học thêm sau 1975, có trình độ đặc biệt mà bằng cấp học đường không thể đánh giá được.

Với tâm độ lượng và ý nguyện hoằng pháp, ai đến xin nhập học Hòa Thượng Trí Thủ (thường gọi là *Ôn Già Lam* hoặc *Hòa thượng Già Lam* – vì ngài là tu viện trưởng của tu viện Quảng Hương Già Lam) cũng vui vẻ chấp nhận, bảo thầy Nguyên Giác ghi danh. Vì vậy, khóa học chưa khai giảng mà nhân số chùa Già Lam đã tăng lên đến gần năm mươi vị. Phải có một buổi họp để thông báo điều lệ nội quy của khóa học, đồng thời tìm cách giải quyết vấn đề cư trú trước khi khóa học khai giảng. Một số tăng sĩ từ tỉnh xa đến, được tạm trú ngay tại chùa Già Lam (nội trú) nếu có giấy thông hành hợp lệ; còn không, họ phải tìm cách xin tạm trú ở các chùa khác trong thành phố Sài Gòn (ngoại trú) rồi đến học mỗi ngày. Trong buổi họp vào tối thứ bảy (trước buổi khai giảng hai ngày), chỉ gần một nửa nhân số sinh viên tăng xin nhập học được ghi danh nội trú.

Sau nhiều lần vượt biên thất bại, tôi được giới thiệu đến chùa Già Lam đúng vào sáng thứ bảy hôm ấy, tức buổi sáng trước khi có buổi họp về điều lệ nội quy của khóa học. Lúc tôi đến lạy Hòa thượng tại tịnh thất riêng của ngài, có hai vị tăng sĩ trẻ khác từ Phan Thiết đang lạy hòa thượng để được xin nhập học. Tôi bước vào sau, quỳ lạy Hòa thượng. Thầy Nguyên Giác, vừa là giáo sư tiếng Phạn, vừa là thư ký của ban giám học, ghi tên hai vị tăng sĩ kia xong, thấy tôi lạy mà chẳng thưa trình hay nói năng gì, bèn hỏi hòa thượng:

“Bạch Ôn, ghi tên thầy này vào khóa học luôn, phải không ạ?”

Hòa thượng ngồi nơi võng, nhìn tôi, cười nói:

“Thằng ni à? Không, hấn có xin học chi mô. Cho hấn xuống làm điếu.”

Điếu chỉ là chú tiểu. Lúc ấy, tôi không biết là có một khóa học đặc biệt sắp khai giảng. Mục đích của tôi đến chùa Già Lam lúc đó là để có được một chỗ yên ổn mà tu chứ không phải để xin nhập học. Vì vậy, tôi không thắc mắc hay buồn phiền gì về việc Hòa thượng khước từ không cho ghi danh tôi cả. Hơn nữa, khi Hòa thượng bảo “cho hấn xuống làm điếu” (tức là chỉ cho làm chú tiểu quét lá đa thôi), có nghĩa là trong mắt ngài, tôi vẫn còn là một chú tiểu nhỏ bé của nhiều năm trước mà ngài biết. Điều này, không những không làm tôi buồn phiền mà còn làm tôi sung sướng nữa là đằng khác. Sau hai năm tìm đường thoát ra nước ngoài, liên tục thất bại, dĩ nhiên khi đến đây với một tấm thân và tâm hồn rã rời mệt mỏi, tôi thích được làm chú tiểu găn gũi hầu hạ Hòa thượng hoặc quanh quẩn trong vườn chùa để được sai vặt hơn là được ngài cho ghi danh nhập học.

Tối thứ bảy hôm ấy, buổi họp mở ra không phải chỉ dành riêng cho những vị tăng sĩ đến xin nhập học mà còn liên hệ đến tất cả những người hiện có mặt trong chùa Già Lam để cắt chia công tác và sắp đặt phòng ở. Buổi họp không có Hòa thượng mà chỉ có thầy thư ký và thầy Tuệ Sỹ. Thầy thư ký cho biết là tu viện Già Lam sẽ chia tăng chúng nội trú thành hai: chúng của lớp học và chúng thường trú. Chúng của lớp học thì ở bên dãy lầu phía bên trái của chính điện (từ ngoài cổng tam quan nhìn vào), chúng thường trú (tức những vị lâu nay ở tu viện, không dính nhập gì đến lớp học) thì ở bên dãy lầu phía bên phải. Dãy lầu bên trái dành cho tăng sinh viên của lớp học thường được gọi là *lầu xanh* vì tường vách quét vôi màu xanh da trời để phân biệt với dãy lầu của chúng thường trú quét vôi màu vàng. Thầy thư ký yêu cầu những ai trong chúng thường trú (có cả tôi là người mới vào) muốn ghi danh vào lớp học thì ghi để thầy sắp xếp chỗ ở. Đọc đến tên tôi trong danh sách những người tham dự buổi họp, thầy thư ký quên mất là khi sáng đã gặp tôi nơi phòng Hòa thượng, nên quay qua hỏi thầy Tuệ Sỹ:

“Chú này có được nhập học không vậy?”

Thầy Tuệ Sỹ nhìn tôi, hơi giật mình. Dĩ nhiên thầy ấy đâu có quên được tôi là đứa học trò chưa đầy hai tháng của thầy vào năm 1976 – đứa học trò nông đang học ngon trớn thì bỏ ngang để làm thợ! Từ ngày thầy bỏ Nha Trang vào Sài Gòn (năm 1977) hoạt động chính trị rồi vào tù, bây giờ là lần đầu tiên thầy và tôi thấy mặt nhau. Thầy có vẻ ngạp ngừng một lúc rồi chẳng hiểu nghĩ sao, Thầy quyết định:

“Cứ ghi tên chú ấy vào đi. Chắc học được.”

Tôi định đứng dậy nói lời từ chối nhưng thầy Tâm Hải, cũng dân Nha Trang có biết tôi, kéo tôi ngồi xuống, nói nhỏ:

“Kệ mà, học cho vui chứ Khang được nội trú, lại được ghi danh học còn muốn gì nữa. Bao nhiêu người phải lặn lội từ xa đến, lạy lục năn nỉ xin được ghi danh không thấy sao!”

Tôi miễn cưỡng ngồi im, chấp nhận. Thế là tên tôi được ghi vào danh sách lớp học.

Hai ngày sau, lớp học khai giảng, tôi theo các đàn anh của mình vào học mà chính Hòa thượng cũng không hay. Hòa thượng có dạy môn Luật Tỳ Kheo cho lớp học, mà môn này thì chỉ dành cho những ai đã thọ giới tỳ-kheo, tôi chỉ là chú sa-di mười giới, đâu có vào lớp ấy được. Và

vì tôi không vào lớp do Hòa thượng đảm trách, ngài không hề biết là tôi cũng tham gia chương trình học đặc biệt của tu viện Già Lam. Do sự không hay biết này mà mỗi ngày, khi dạo quanh vườn chùa để hướng dẫn các chú tiểu dọn quét hoặc làm công tác gì, Hòa thượng cứ gọi tên tôi:

“Khang! Khang mô rồi?”

Đang ngồi học hoặc làm bài trong phòng riêng, nhiều lúc tôi phải bỏ ngang để chạy xuống sân nghe Hòa thượng sai bảo. Công tác của tôi là đi theo Hòa thượng để lượm lá vàng! Sân chùa đã được quét dọn sạch sẽ từ sáng sớm. Trưa trưa, Hòa thượng chống gậy đi dạo, khoèo những chiếc lá vàng còn nằm trên đọt cây cho rơi hẫ xuống sân. Những lá vàng mới khoèo xuống ấy, chẳng có bao nhiêu, không cần phải quét; Hòa thượng chỉ việc bảo tôi bước theo, lượm lá bỏ vào giỏ rác. Có khi cần dọn dẹp hoặc phơi xác cây sương sáo ngoài sân để nhúm lửa bếp, Hòa thượng cũng cứ nhè tên tôi mà gọi. Lúc ấy ở chùa Già Lam có khoảng mười lăm chú tiểu, Hòa thượng chỉ nhớ tên vài chú, mà nhớ nhất là tên tôi. Chẳng qua Hòa thượng nhớ là vì đã biết tôi từ mười năm trước, lúc tôi mới xuất gia tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang, cũng như vì có vài chuyện gần đây liên quan đến tôi.



Năm ấy, lúc tôi mới xuất gia, do sự giới thiệu của thầy bốn sư tôi như thế nào đó mà Hòa thượng có gọi tôi đến để xem mặt xem tướng (trong thiền môn gọi là xét oai nghi), rồi Hòa thượng bảo thầy tôi cho tôi đi theo ngài vào Sài Gòn. Thầy tôi từ chối khéo, hứa sẽ cho tôi vào hầu hạ Hòa thượng khi nào học xong chương trình Trung đẳng Phật học. Tôi chưa kịp học xong Trung đẳng thì đất nước thay đổi, các Phật học viện trên toàn quốc đóng cửa.

Vài năm sau đó, bỏ Nha Trang vào Sài Gòn, tôi đã đến lạy Hòa thượng xin được ở lại tu học bên ngoài. Lúc ấy, Hòa thượng không giữ tôi bên ngài mà dạy tôi hãy tìm cách rời khỏi Việt Nam, ra nước ngoài tiếp tục học để giữ gìn mỗi đạo. Hòa thượng viết hai lá thư cho hai người đệ tử thân tín ở Nha Trang và Vạn Giã, bảo tôi mang đi, trao cho họ thì họ sẽ tận tình lo cho tôi vượt biên.

Tôi lạy tạ Hòa thượng rồi lại rời bỏ Sài Gòn, đi ngược về Nha Trang. Ở Vạn Giã, người đệ tử của Hòa thượng tổ chức một chuyến đi, thất bại. Sau đó, người đệ tử ở Nha Trang đưa tôi đi vài lần, cũng đều hỏng. Người ta bỏ cuộc. Tôi đâu cần nấn ná Nha Trang làm gì, bèn vào lại Sài Gòn; nhưng chẳng muốn đến quấy rầy Hòa thượng, tôi sống tạm một thời gian nơi nhà người anh ruột đã lập gia đình, và để thuận lợi hơn trong việc đi lại, tôi cải trang làm người thê tục, để tóc dài, mặc âu phục. Chẳng lâu sau đó, vì quen biết thêm nhiều mối, tuyến đường Sài Gòn – Nha Trang, tôi đi ra đi vào như đi chợ, chỉ tập trung vào mỗi việc là vượt biên. Cho đến mùa hè năm 1980, sau lần thất bại cuối cùng trong một chuyến tổ chức vượt biên tại Tu Bông – một làng đánh cá cách Nha Trang chừng 40 cây số -- bị bắt nhốt và bị đánh đập, qua ngày sau mới được thả ra, tôi buồn bã lê những bước nặng nhọc lên Phật học viện Hải Đức trên đỉnh đồi Trại Thủy, nơi mà năm xưa tôi xuất gia làm chú tiểu. Tôi đã rời bỏ nơi này hai năm trước đó, nay trở lại, tôi không muốn gặp lại bất cứ ai, chỉ muốn ngồi lặng lẽ ở một bóng cây mát mẻ nào đó trước sân chùa. Cái tháp trông trước kia là phòng riêng của tôi, nay đã có thầy nào đó dọn vào ở. Từ xa tôi có thể nghe được tiếng tụng kinh phát ra từ một cái máy thu băng, văng ra khỏi khung cửa sổ hình lục giác của ngôi tháp ấy. Một vài kỷ niệm êm đềm và lãng mạn nào đó, bỗng hồi sinh trong tôi một lúc. Tôi nhớ dáng người thiếu nữ có tên Như Như đã từng làm tôi quay quắt nhớ nhung, mất hết chính niệm... Tôi nhớ một đêm nào hẹn hò với Như Như nhưng rồi tôi đã bỏ chạy ở phút cuối, để lại ngọn đồi Trại Thủy và thành phố Nha Trang thơ mộng có dấu chân nhỏ của người con gái yêu kiều ấy...

Tôi lão đảo ngời tựa lưng vào gốc cây sứ có tàng lá rậm mát. Tựa để cho bao kỷ niệm tha hồ dâng dậy một lúc, rồi tôi tẩy xóa hết, chỉ còn lại một cái tâm trống rỗng mênh mang. Một cảm giác vừa thất thối, vừa êm lành, tuôn nhẹ theo những làn gió núi trưa hè. Trong một phút bình an như gã cùng tử tìm lại được chỗ ngã lưng nơi căn nhà xưa yêu dấu, tôi bỗng cảm thấy mọi nỗ lực vượt biển của mình lâu nay thực là vô ích, lãng phí. Tôi không tin rằng tôi có thể tìm thấy được bất cứ thứ hạnh phúc nào đó to lớn hơn niềm an lạc được làm chủ tiểu sống hồn nhiên trong cửa chùa... Tôi cảm thấy con đường vượt biển không phải là phương cách dân thân có ý nghĩa và cũng không phải là phương cách hay nhất, thích hợp nhất cho tôi để giữ gìn mỗi đạo. Tại sao Hòa thượng dạy tôi thực hiện con đường đó trong khi tôi có thể bám lấy đất này, bám lấy những tủi nhục đau thương của dân tộc này để vun bồi và thể nghiệm hạnh nguyện cứu đời! Tôi thấy không cần thiết phải tìm kiếm con đường vượt biển nữa, và như vậy, cũng không cần thiết phải cải trang làm người thế tục nữa. Tôi muốn lấy lại những gì đã mất. Tôi phải trở lại với thiên môn. Nhưng trở lại với thiên môn bằng cách nào đây? Hai năm trước, tôi bỏ ngôi viện Hải Đức này để vào Sài Gòn mà không xin phép tác gì với chính quyền, công an đã gạch tên tôi khỏi sổ hộ khẩu ở Nha Trang. Tôi không còn là cư dân (nói theo từ chính quyền mới là *thường trú nhân*) hợp pháp của Nha Trang nữa làm sao tôi có thể trở lại bất cứ ngôi chùa nào thuộc thành phố này! Và chẳng, khi quyết định từ bỏ Nha Trang, tôi muốn cắt đứt cái tình cảm ủy mị từng làm vương vấn, đày đọa tâm hồn mình; lý nào tôi quay trở lại khi hương tình năm ấy hãy còn phảng phất đâu đó, chưa thể nhạt phai! Chỉ còn con đường trở vào Sài Gòn. Nhưng ở phương ấy, tôi cũng chẳng biết có ngôi chùa nào vui vẻ đón nhận tôi chẳng. Hai năm qua, tôi đã bị nhiều chùa từ chối vì bản thân tôi chẳng có giấy thông hành hay giấy tờ tùy thân nào ngoài cái thẻ cử tri và giấy chứng nhận căn cước tạm thời đã quá hạn. Trở lại với Hòa thượng thì ăn nói làm sao cái chuyện vượt biển? Hòa thượng lại viết thư gửi gắm ai đó, hoặc cho tiền, thúc tôi ra đi nữa!

Đang ngồi im lặng suy tính con đường quay về với cửa chùa, bỗng thấy thầy môn sư của tôi đột ngột xuất hiện. Tôi giật mình, lúng túng đứng dậy chấp tay chào thầy. Thầy chẳng nói chẳng rằng, im lặng nhìn tôi một lúc từ đầu đến chân, quay nhìn xuống núi một lúc, rồi không nhìn tôi, thầy nói:

“Đã dần vào nam, sao không tiếp tục bước tới, còn quay trở lại đây làm gì! Không có cái dĩ vãng nào có thể mang lại hạnh phúc cho con người cả. Vứt hết đi. Đừng quay lui. Đừng bao giờ trở lại đây nữa. Đi, đi khỏi nơi này mau!”

Bàng hoàng không nói được một lời, tôi chấp tay cúi chào thầy, quay đi. Trên con đường Hoàng Hôn băng ngang ngọn đồi, nắng hè gay gắt đổ qua vai. Chân tôi như muốn quy xuống bởi sức nặng của mặc cảm tủi thân, bị hất hủi. Phải, sau những thất bại với xác thân rã rời và một tâm thức hoang mang hồi tiếc, tôi chỉ muốn được nương tựa, được an ủi, được vỗ về, khuyên răn bằng những lời dịu ngọt của những người ở ngôi chùa cũ đã từng thương yêu và quen biết tôi. Nhưng tôi đã không tìm được những thứ ấy. Chỉ có sự xua đuổi của thầy tôi mà thôi. Năm xưa, lời nào thầy nói ra, tôi cũng lắng lòng mà nghe, mà ghi nhận. Tôi thường tìm ra những nghĩa lý sâu xa ẩn tàng sau những lời dạy đơn sơ của thầy tôi. Nay, tôi chỉ thấy lời thầy là sự xua đuổi. Nước mắt tôi bỗng rơi rớt trên con đường đất đá lờm chờm ấy. Đã từ lâu rồi, tôi mới khóc được một cách con nít như thế. Nhưng bỗng thấy một nỗi quyết tâm mạnh mẽ dâng lên. Tôi lau nước mắt, mím môi, tay nắm chặt lại, tự hứa: “Ta sẽ khởi sự lại từ đầu, kể từ ngày hôm nay.”

Vài hôm sau, tôi lại lên chuyến tàu lửa xuôi nam, vào Sài Gòn. Lần này, tôi không đến Hòa thượng Trí Thủ. Tôi tránh mặt Hòa thượng từ lâu, dù rằng đã có lúc Hòa thượng cho người nhắn tôi quay trở lại chùa Già Lam để gặp ngài. Hòa thượng đã hỏi thăm tôi qua vài người khác, biết tôi thất bại nhiều lần và chưa rời khỏi nước được. Dĩ nhiên Hòa thượng không chấp trách gì tôi trong chuyện thất bại ấy, nhưng tự dung, tôi cảm thấy không muốn quay về bên ngài để rồi lại

tiếp tục làm phiên ngài nữa. Tôi bèn đến lạy thầy Tịch Quang ở chùa Ân Quang.



Thầy Tịch Quang đóng cửa nhập thất ngay từ khi cộng sản mới chiếm miền Nam. Ngài đóng cửa để không tiếp xúc với chính quyền mới, giới hạn những người khách đến thăm, chứ không phải tuyệt đối không tiếp khách. Tôi có cái diễm phúc là lúc nào đến cũng được thầy mở cửa cho vào. Thực ra, tôi chẳng là thứ gì quan trọng cả. Chẳng qua, thầy cũng như nhiều vị cao tăng khác của Phật giáo, đã biết tôi qua trung gian mẹ tôi, một nhà thơ Phật giáo nổi tiếng, thường có những bài thơ đạo đăng trên các báo Phật giáo từ những năm trước 1945 tại Huế. Năm đầu tiên vào Sài Gòn, tôi có đến lạy thầy để xin tìm cách giúp đỡ tôi một chỗ yên ổn mà tu học. Thầy hứa sẽ giới thiệu một chùa. Nhưng vì không đủ giấy tờ hợp lệ, tôi phải sống lẩn tránh chính quyền, phải thay đổi chỗ ở liên tục, khiến thầy chẳng biết đâu mà gặp hay nhắn tôi đến.

Có hai ngả đi đến phòng thầy. Tôi chọn lối đi kín bên trong. Gõ cửa ba tiếng. Từ trong, thầy cất giọng hỏi:

“Khang đó phải không?”

“Dạ, con đây, bạch thầy.”

Thầy mở cửa, tôi lách vào. Cửa đóng lại ngay. Tôi lạy, thầy ngăn, bảo tôi ngồi xuống ở cái ghé thấp còn thầy thì nằm ở cái ghé bó.

“Bạch thầy, sao thầy biết con đến?”

“Ừ thì nghe tiếng gõ cửa tự dung biết. Mỗi người có một cách gõ cửa khác nhau. Tiếng nặng, tiếng nhẹ, tiếng thưa, tiếng nhặt. Giống như giọng nói chứ khác chi. Sao con ăn bận như ri, lại để tóc nữa? Lâu nay con đi mô, ở mô?”

“Dạ... con phải cải trang như vậy để đi vượt biên. Nếu mang hình thức tu sĩ mà đi vượt biên thì bị bắt giam lâu lắm, chẳng biết lúc nào mới thả. Con đã đi nhiều lần nhưng không được. Bây giờ con chán ngán chuyện ấy lắm rồi, muốn ở yên một chùa nào đó để tu học, xin thầy giúp con.”

“Hôm trước thầy có tìm được chỗ tương đối yên ổn cho con, nhưng chẳng biết con đi đâu mà gọi. Nay, muốn hỏi lại chỗ đó thì phải chờ thầy liên lạc lại. Con có gấp không? Mà thôi, để thầy gọi con chỗ nì. Con biết chùa Già Lam chứ hí?”

“Dạ... biết.”

Tôi nghe nói chùa Già Lam thì e ngại trở lại gặp Hòa thượng Trí Thủ lần nữa, nhưng thầy dạy sao thì nghe vậy, đâu dám cãi. Huống chi, tôi đâu có lý do nào chính đáng để từ chối. Tôi im lặng. Thầy lấy giấy viết một lá thư ngắn.

“Con đến chùa Già Lam, lạy thầy Trí Thủ, đưa thư nì, rồi ở bên nó mà tu học.”

Tôi cầm thư định đi ra thì thầy gọi lại.

“Khang, thôi đưa thư lại cho thầy. Con cầm thư đi như ri không tốt. Con hiểu không? Thầy không muốn có thư từ chi của thầy mang ra ngoài, đi trên đường... Chẳng hại chi cho thầy, nhưng bất lợi cho con. Thôi, để thầy điện thoại trực tiếp đến chùa Già Lam. Đi, theo thầy xuống văn phòng thầy nói chuyện với thầy Trí Thủ một chút.”

Tôi theo thầy xuống văn phòng trụ sở trung ương của giáo hội. Thầy gọi điện thoại đến chùa Già Lam, tôi đứng chờ.

“À, thầy đó hả, khoẻ không? Tôi có thằng điệu muốn gọi tới thầy, được không? Hắn chừng hai mươi, hai một tuổi... Hắn tu lâu rồi... Lâu nay hắn chạy lung tung... thôi không tiện nói mô. Tôi bảo hắn đến thầy hí? À, thứ năm sắp tới? Hợp ban chỉ đạo à? Rứa cũng được. Tôi giao hắn cho thầy lúc nó luôn hí?... Được rồi, thôi hí,” thầy quay qua tôi, “thầy xin cho con được

rồi. Thứ năm ni con đến đây, thầy gọi con cho thầy Trí Thủ, rồi con theo thầy ấy về bên chùa Già Lam. Nếu bên đó có chương trình gì cho con học được thì học, còn không thì đạp xe đến đây, thầy dạy kèm cho con.”

Hai ngày sau, tôi lại đến chùa Ân Quang. Tôi chẳng hiểu sao lúc ấy tăng ni thành phố kéo đến rất đông, bu quanh ở văn phòng Viện Hóa Đạo tại chùa Ân Quang. Tôi ngồi nơi phòng thầy Tịch Quang. Thầy dạy:

“Hôm nay Viện Hóa Đạo họp về chuyện thống nhất Giáo hội toàn quốc rồi cũng bàn luận chuyện tổ chức lễ cúng kỵ cho thầy Thiện Minh bị chết trong tù. Chuyện ni tế nhị lắm, thầy không đồng ý, nhưng chưa biết góp ý ra rǎng. Thầy Thiện Minh đi rồi thì thầy Trí Thủ đâu có ai cố vấn, không làm rǎng mà từ chối được chuyện vận động thống nhất giáo hội do nhà nước hướng dẫn... Chao ôi, thống nhất giáo hội thì quý hóa quá, nhưng không phải thống nhất theo kiểu ni... Mà này, con qua chùa Già Lam thì lo ở yên mà tu học, đừng để ý chi ba cái chuyện đó, nghe không. Con chỉ biết lo việc học tu thôi. Còn chuyện quý thầy lớn làm, mỗi người mỗi cách, ai cũng có lập trường, quan điểm và nỗi khổ riêng... Con xuống văn phòng xem thử thầy Trí Thủ đã đến chưa, đến rồi thì lên nói thầy biết để thầy đem con vào giới thiệu trước khi buổi họp bắt đầu. Con biết mặt thầy Trí Thủ chứ hi? Không biết thì cứ hỏi mấy thầy dưới đó.”

Tôi rời phòng riêng của thầy Tịch Quang để xuống dưới. Vây quanh văn phòng trụ sở của giáo hội, đông nghịt những thầy tu trẻ. Tôi phải khó khăn lắm mới xin chen vào được gần cửa sổ để nhìn vào trong. Thấy có mặt Hòa thượng Trí Thủ rồi, tôi vội trở lên phòng thầy Tịch Quang. Thầy nghe tôi thưa, liền mặc áo nhật bình lam vào, bảo tôi theo thầy xuống văn phòng. Tăng ni thấy thầy bước về hướng văn phòng thì vǎi chào rồi dạt ra hai bên để nhường lối. Nhưng cái lối đó khép lại rất nhanh sau lưng thầy, khiến tôi không làm sao bước theo được, đành đứng lại bên ngoài.

Tôi nghe tăng ni xầm xì bàn tán về việc xuất hiện đột ngột của thầy Tịch Quang:

“Thầy Tịch Quang hôm nay phá lệ hay sao mà cũng xuống họp Viện Hóa Đạo? Có lẽ từ nay thầy không đóng cửa nhập thất nữa.”

“Lâu nay thầy ấy đâu có năm giữ bất cứ một chức vụ nào trong giáo hội đâu mà xuống họp?”

“Ừ thì giáo hội lâm nguy rồi, thầy phải có mặt chứ!”

Lời bàn tán chưa ngưng đã thấy một thầy từ văn phòng bước ra, đứng nơi cửa gọi lớn:

“Chú Khang đâu, chú nào đi theo Thượng toạ Tịch Quang đâu, vào trong mau lên.”

Tôi nghe vậy thì xin phép tăng ni, chen đến cửa. Vị thầy kia thấy tôi mang hình thức thể tục liền hỏi lại:

“Là chú đó à? Sao Thượng toạ Tịch Quang nói là một chú tiêu mà?”

“Dạ, con đây. Con đi theo thầy Tịch Quang.”

“Vậy thì vào mau đi, quý thầy chờ ở trong.”

Bên trong, Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo đang ngồi đàm đạo trước buổi họp. Thầy Tịch Quang xoay qua chỉ tôi, nói với Hòa thượng Trí Thủ:

“Tôi gọi thầy thẳng điệu ni. Lạy Ôn đi con. Ôn nhận còn về chùa Già Lam rồi đó.”

Hòa thượng Trí Thủ ngó tôi, ngạc nhiên:

“Ủa, thẳng điệu ni à? Tưởng ai xa lạ chứ hẳn thì tôi biết mà. Hẳn ở Hải Đức Nha Trang chứ mô!”

“Rứa à, thầy biết hẳn càng tốt, tôi khỏi phải giới thiệu chi dài dòng. Thôi hí, tôi giao hẳn cho thầy. Tui lên à,” thầy Tịch Quang vừa nói, vừa dợm đứng dậy.

“Khoan cái đã, hôm nay tôi còn bận lắm. Hay thầy cứ giữ hẳn cho đến thứ sáu tuần sau, đúng ngày vía Quan Âm, cũng là ngày sinh nhật tôi, và là ngày kỵ thầy Thiện Minh tổ chức tại

chùa Già Lam, thầy đến thì mang hấn theo luôn, được không?”

“Thôi thì để hấn lên thẳng thầy luôn, tôi đâu có giữ hấn ở Ân Quang được.”

Thứ sáu tuần sau, lễ lớn tổ chức tại chùa Già Lam. Với ba cái lễ dòn chung lại một ngày như thế, tôi đoán biết là tăng ni và Phật tử sẽ qui tụ rất đông đảo. Tôi không muốn đến vào ngày đó. Tôi muốn đến vào ngày kế tiếp, sau lễ.

Những ngày chờ đợi đến chùa Già Lam, tôi tiếp tục tá túc tại xưởng làm nước tương của Thiện, một người bạn học cũ của tôi ở Phật học viện Quảng Nam. Thiện đã hoàn tục sau một thời gian làm Đông y sỹ châm cứu, đổi qua kinh doanh, mở hãng nước tương. Tại đây, lúc đó còn có chú Hòa, chú Sâm, cũng là hai bạn học cùng lớp của tôi và Thiện. Tôi muốn đến chùa Già Lam bằng hình thức tu sỹ cho tiện, nên lo cạo tóc trước để mặc đồ tu trở lại. Ở xưởng nước tương không có dao cạo tóc. Tôi nói với các bạn:

“Thôi, để tôi ra tiệm hớt tóc nói thợ lấy tông-đơ ủi sạch là xong.”

Thiện nói:

“Í, Khang cạo đầu tu lại thì phải để cho mấy thầy cạo tóc giùm mới tốt chứ! Ai lại ra tiệm hớt tóc?”

“Tôi có bỏ tu hồi nào đâu mà nói là tu lại? Tôi có xả giới hay hoàn tục gì đâu! Tôi chỉ cái trang để đi vượt biên, bây giờ không đi vượt biên nữa thì cạo tóc, có gì quan trọng đâu mà phải chờ đến mấy thầy cạo giùm?”

Vậy là tôi cùng Sâm thả bộ ra tiệm hớt tóc. Sâm hồi trước ở Phật học viện Quảng Nam là chú tiểu nổi tiếng trong câu chuyện tình với cô gái Thiên Chúa giáo nơi quán bánh mì bà Đạo. Cộng sản chiếm miền Nam, Sâm hoàn tục, lo làm ăn sinh sống nuôi mẹ già. Rồi vì nằm trong tuổi quân dịch, chú bị nhà nước gọi đi bộ đội. Không muốn cầm súng, chú trốn vào Sài Gòn, đến ở tạm với Thiện và gặp tôi với chú Hòa ở đó. Nhờ chính quyền địa phương dễ dãi với ông chủ xưởng có tiền, chúng tôi cùng ở chung với Thiện gần một năm trời mà không bị công an kiểm tra hay để ý đến. Nghe tôi cạo tóc trở lại chùa, Sâm mừng cho tôi nhưng cũng buồn vì không có bạn tâm đắc mỗi ngày để nói chuyện vui vẻ sau những giờ làm việc mệt nhọc nơi xưởng nước tương. Trong thời gian sống chung nơi xưởng nước tương ấy, Sâm chỉ chơi thân với tôi. Đáng ra chú Hòa và Sâm để gần gũi nhau hơn vì đã chơi thân từ nhỏ, nhưng Sâm đã hoàn tục còn chú Hòa thì vẫn còn giữ hình thức tu sỹ, vì vậy mà có chút khoảng cách. Còn Thiện thì tuy đã hoàn tục, và tuy chung lớp với chúng tôi những năm trước, nhưng tuổi tác lớn hơn, lại bận bịu chuyện làm ăn, chuyện tình cảm đôi lứa. Nên cuối cùng, ở xưởng nước tương, Sâm chỉ chơi thân được với tôi. Sâm rủ tôi ghé vào quán cà phê, nói rằng người ta chia tay nhau lấy rượu mà tiễn, bọn mình xưa nay ăn chay cũ rượu, thôi thì vào uống với nhau ly cà phê rồi mai Khang lên đường trở lại chùa. Trong quán cà phê, tôi hỏi Sâm có muốn trở lại chùa không. Sâm chỉ chúc may cho tôi. Sâm ứa nước mắt.

Ở tiệm hớt tóc, anh thợ trẻ hỏi tôi:

“Anh muốn hớt sao đây? Chà, tóc mềm mà nhiều sợi quá há, lại quăn nữa, tóc này để dài hip-pi, chải ra phía sau mới đẹp. Nhưng mà thanh niên để tóc dài thì bị mấy ông công an với tụi du kích chặn lại ngoài đường, cạo trọc cho thì cũng phiền!”

Tôi cười nói:

“Ồi dào, cạo trọc cũng được chứ phiền gì đâu. Cạo trọc cho tôi đi.”

Anh thợ cười ha hả:

“Cái gì? Cạo trọc? Giỡn sao cha! Hớt sao đây, nói thiệt để tôi hớt.”

“Cạo trọc giùm đi,” tôi nói.

Sâm đứng cạnh người gạt nghễ, phụ hoạ:

“Cạo trọc đi anh thợ ơi, anh ấy nói thiệt đó. Anh nổi hứng rồi, muốn cạo trọc thôi, để tóc

mắt công sinh chí rận!”

Anh thợ hỏi lại một lần cho chắc, thấy tôi nghiêm giọng nhắc lại một ý y hệt, anh mới dám đưa tông-đơ lên, ủi những sợi tóc vương mùi trần tục của gần hai năm lẫn lóc tìm đường xuất dương của tôi.

Sáng sớm hôm sau, tôi khoác áo nhật bình, đón xe xích lô máy đến chùa Già Lam. Đường khá xa. Và có lẽ vì thầy Tịch Quang đã gửi gắm tôi như gửi gắm một chú tiểu, nên Hòa thượng Trí Thủ cũng xem tôi như chú tiểu mà thôi.



Được trở lại với chùa, lại được tham gia khóa cao đẳng Phật học dưới sự đảm trách của nhiều giáo sư đại học nổi tiếng, tôi hứng thú say mê học thêm các môn ngoại ngữ, đọc sách, viết, quên hết những gì xảy ra chung quanh ngoài xã hội. Nội qui của viện lúc ấy cũng khá gắt gao. Tăng sinh viên chúng tôi suốt ngày chỉ ở trong chùa viện để chăm lo bài vở và tụng niệm, tham thiền; cuối tuần mới được cho phép ra ngoài với sự chấp nhận của vị quản chúng. Nhưng tôi chẳng muốn bước ra khỏi cửa chùa. Tôi không thiết đi đâu và cũng chẳng cần phải gặp gỡ bất cứ người nào ngoài khuôn viên chùa, ngoại trừ đôi lúc phải đến chùa Ấn Quang để thăm thầy Tịch Quang. Từ ngày rời Nha Trang rồi bị thầy bổn sư đuổi, dù không chính thức nói ra, tôi cũng đã bái thầy Tịch Quang như là vị thầy hướng đạo cho việc tu học của tôi. Thỉnh thoảng tôi phải đến thăm thầy để nghe lời chỉ dạy. Thường thì thầy tiếp tôi đầu khoảng một tiếng đồng hồ; thầy nói, tôi ngồi nghe, rồi không chờ tôi có ý kiến gì, thầy tự nói:

“Thôi con về, hôm nay nói chuyện với con như vậy đủ rồi. Thầy có việc phải làm. Khi mô rảnh con trở lại thầy nói chuyện tiếp.”

Chùa Già Lam chỉ đãi thợ nơi ăn chốn ở cho tăng sinh viên chúng tôi, ngoài ra, tiền tiêu riêng đều phải tự túc. Hầu hết các thầy cùng lớp tôi đều có sự tài trợ của vị thầy bổn sư, của gia đình, hoặc phật-tử quen biết. Tôi đã xa quê hương Nha Trang, lại bị thầy bổn sư đuổi, nên quanh năm suốt tháng, chẳng có một món tiền nhỏ nào. Cũng may là tôi không có nhiều nhu cầu. Lâu lâu ở chùa có lễ trai tăng do Phật tử phát tâm thiết cúng, tôi có được chút tiền nhỏ để dành mua thêm sách đọc. Một số thầy cùng quê Nha Trang có biết tôi, thỉnh thoảng cũng chia sớt cho tôi một ít quà, tiền hoặc những món ăn nhỏ dậm thêm vào cái bao tử trống để có thể thức đêm học bài.

Vậy rồi một năm học cũng trôi qua.

Chúng tôi phải trải qua kỳ thi cuối năm học thứ nhất, nhằm vào dịp tháng bảy Vu Lan. Kỳ thi này khá quan trọng vì theo thông báo bằng miệng của ban giám học, tăng sinh viên nội trú chúng tôi, người nào bị rớt không những sẽ không được dự học chính thức mà còn phải rời khỏi chùa Già Lam để nhường chỗ cho những tăng sinh viên chính thức đang còn ở tạm các chùa bên ngoài. Điều an ủi cho những tăng sinh viên thi rớt là họ vẫn có thể đến học dự thỉnh mỗi ngày.

Kỳ thi kéo dài gần một tuần lễ. Tình cờ, mẹ tôi từ Nha Trang vào thăm tôi đúng vào dịp thi này. Đang ngồi làm bài cho môn thi cuối cùng, tôi nhắc thấy dáng mẹ đi ngang cửa sổ. Tôi làm vội bài thi xong, ra gặp bà. Mẹ tôi hỏi:

“Nghe nói chú đang thi mà, sao không làm bài cho xong rồi hãy ra?”

“Làm xong rồi. Mẹ mới vào hử?”

Mẹ nhìn tôi sung sướng. Hai năm rồi, biết tôi vất vả tìm đường vượt biển phải cải trang làm người thế tục, bà buồn lo lắm. Nay thấy tôi đã trở lại với chùa mà còn được học nữa, bà vui vô cùng. Mẹ con tôi đang ngồi nói chuyện đầu được một lúc thì đến giờ làm lễ Vu Lan. Tôi phải chia tay mẹ, trở về phòng mặc y áo. Khi tôi bước ra khỏi phòng, bỗng thấy bốn thiếu nữ từ đâu

dưới phòng khách bước đến, chận tôi lại bằng cách vây quanh. Tôi không làm sao bước đi được, phải đứng dựa vào tường. Các cô đòi cài hoa trên ngực áo tôi theo tục cài bông hồng vào lễ Vu Lan để tưởng nhớ đến mẹ. Các cô cười đùa hồn nhiên nhí nhảnh. Một cô nói:

“Phúc, bây giờ đến phiên mày rồi đó. Mày cài cho chú Khang đi.”

Cô gái tên Phúc e lệ một chút rồi cũng tiến tới, cài bông hồng cho tôi. Tôi đứng thẳng đuột, ngưng ngưng chờ đợi cái tục cài hoa. Xong, tôi nói lời cảm ơn rồi vội vã lên chính điện làm lễ. Đúng ra, việc cài bông hồng không diễn ra theo cách đó mà được tiến hành ngay trên điện Phật, sau khóa lễ Vu Lan. Chẳng hiểu sao các thiếu nữ này lại tự động đến cài hoa cho tôi ngay trước cửa phòng như vậy.

Sau khóa lễ, tôi thay áo y rồi lại xuống phòng khách tìm mẹ. Bà ngáp ngừng một lúc rồi nói:

“Mấy cô nào hồi trưa đến đùa giỡn với chú vậy? Mẹ thấy cách các cô ấy nói chuyện, cười giỡn, không được bình thường.”

“Ồi chao, con có quen biết gì mấy cô ấy đâu. Các cô thường đi chùa, quen với mấy thầy ở đây. Hôm nay lễ, các cô đi cài bông hồng cho quý thầy cho vui vậy mà, chứ trên đây lâu con ở, ngày thường đâu có khách tục nào được phép bước lên.”

“Không đơn giản như vậy đâu. Trước đám đông, có mẹ ngồi dưới nhìn lên mà các cô còn làm vậy, thử hỏi khi không có ai thì các cô còn lộng hành đến mức nào. Mẹ chỉ nhắc chú để phòng ngừa vậy thôi. Có lẽ tại chú hiền quá, không chịu la mắng mấy cô nên mấy cô không sợ. Mẹ nghe mấy người Phật tử ở đây khen rằng chú nghiêm lắm, khó có ai đến gần được, nếu chú dễ dãi một chút chắc chắn là *Ma-đăng-già* vây quanh còn nhiều hơn. Nhưng mẹ nghĩ, có lẽ chú cần phải nghiêm hơn nữa mới được. Hề mình nghiêm thì chẳng ai dám đùa giỡn với mình cả.”

“Ui cha, mấy cô đó ngày nào cũng lảng vảng ở chùa, có biết sợ thầy nào đâu. Thôi mẹ đừng lo. Con biết được cái gì nên làm, cái gì nên tránh mà.”

“Chú đừng tự tin như vậy. Mẹ nhắc là thương chú, muốn bảo vệ chú thôi. Tánh chú mẫn cảm, dễ tin người, nếu không cẩn thận thì có ngày vấp ngã không biết đường mà gỡ.”

Tôi nghe vậy thì giật mình. Tôi tưởng tôi đã xa gia đình khá lâu, mẹ tôi sẽ không hiểu gì về tôi. Vậy mà không phải. Cái mặt tâm lý hay tình cảm nào đó ẩn sâu trong tôi, cũng được bà nhìn ra bằng đôi mắt nghệ sĩ tinh anh, nhạy bén. Có thể tôi khinh bỉ những cảm dỗ nào đó của thế gian, nhưng tim tôi không phải là gỗ đá trước những sắc đẹp. Tôi chỉ là kẻ phấn đấu bằng cách xa lánh, tăng lờ hoặc chạy trốn cái thực tại đầy sức mời gọi của nữ sắc mà thôi.

Buổi chiều cùng ngày, ban giám học họp tại thư viện để tổng kết kết quả kỳ thi. Nghe rằng, bảng kết quả đã có nhưng sau lễ Vu Lan mới được nêu lên ở bảng thông cáo của lớp học. Ban giám học không muốn tăng sinh viên chúng tôi bị xao động bởi kết quả kỳ thi này trong dịp vui của ngày đại lễ Vu Lan.

Buổi tối, có khoa cúng chẵn tế cô hồn tổ chức tại chùa. Phật tử tập trung đông đảo, nghẹt cả sân. Tiếng tụng niệm của ban kinh sư được hỗ trợ bởi mấy cái loa phóng thanh, vang khắp vùng. Tôi đứng một mình ở góc bao lơn trên lầu, nhìn trời đêm vắng vạc ánh trăng. Tự dưng, tôi thấy không khí ồn ào bên dưới hội trường, nơi chính điện, chung quanh sân, khu vực nhà bếp, khu vực nhà ăn, khu nhà khách, và các dãy phòng tầng, không có thứ gì dính nhập đến mình cả. Và hình như ngay chính tôi cũng không thuộc về thế giới nhộn nhịp này nữa. Trong cái vui rộn ràng của ngày hội Vu Lan, bỗng dưng tôi lại nghĩ đến niềm thống khổ của dân tôi. Niềm thống khổ ấy, không có thứ lễ lạc tung bừng nào có thể khóa lấp nổi. Vu Lan – ngày *xả tội vong nhân*, cũng không sao xả bỏ được gông cùm xiềng xích cho những tù nhân của chế độ, cho mấy chục triệu lương dân phải chịu oằn vai mình xuống để gánh hết nỗi nhục nhằn tội phạm của quê hương... Tự dưng tôi thấy một niềm uất nghẹn nào đó, chận ngang cổ họng. Tôi tự hỏi, tại sao

mình lại có thể an phận cắm đầu cắm cổ ngồi ghế nhà trường trong giai đoạn khổ đau cùng tột của đất nước nhỉ? Cái học đó sẽ đóng góp được cái gì cho hiện tình quê hương? Chẳng phải là đất nước này, và cả giáo hội nữa, đang lâm nguy hay sao? Sách vở, nghiên bút, lúc này có nghĩa lý gì chứ? Chữ Phạn, chữ Hán, chữ Anh, chữ Nhật, luận đề Phật Pháp, A-tỳ-đạt-ma Câu Xá luận, Trung Luận, Kinh Dịch... Ôi, những môn học ấy, những buổi giảng ấy... có thứ nào chuyển dịch nổi vận mệnh đen tối của đất nước tang thương này chứ! Tôi phải làm một cái gì, hoặc ít nhất cũng phải bước ra khỏi cái trường lớp khoa bảng đang êm đềm yên phận lướt trôi từng ngày bên cạnh cái vực sâu khổng lồ chứa đầy nghiệp dĩ khổ đau của quê hương. Một lần nữa trên đời, tôi lại cảm thấy việc học hành chữ nghĩa chẳng có giá trị gì cả.

Đang đứng lặng lẽ một mình với những cảm xúc mạnh mẽ ấy, bỗng nghe có tiếng chân bước đến bên tôi nhẹ nhẹ. Tôi quay lại, bắt gặp thầy Tuệ Sỹ. Tôi mở một nụ cười để chào thầy. Thầy đến đứng bên cạnh tôi. Cũng ngược nhìn trời cao, nhìn cảnh vật chung quanh một lúc, rồi nói:

“Chú Khang đỗ thủ khoa trong kỳ thi này rồi đó nghe! Khá lắm.”

“Vậy hả thầy?”

Thầy tôi có vẻ không ngạc nhiên, không hứng thú gì trong việc đón nhận một tin vui như vậy, thầy im lặng một lúc, rồi nói:

“Dĩ nhiên đó chẳng phải là thành quả gì to lớn đáng để vui mừng, nhưng ít ra, trong khi chưa tìm được lối thoát nào, nó cũng là điều khích lệ cho một năm học khó khăn vừa qua, phải không?”

“Dạ, cảm ơn thầy.”

Sáng hôm sau, bảng kết quả được treo lên ở trước cửa phòng học. Tin vui và tin buồn lan đi thật nhanh khắp các dãy phòng. Không những tầng sinh viên khóa học đi xem “*bảng vàng ghi danh*” mà phật-tử thành phố từng quen biết tầng sinh viên, cũng xúm xít chen coi. Tôi thì đã biết kết quả nên không chen đến chỗ treo bảng kết quả làm gì. Người ta thương xót đi an ủi những vị bị rớt, nhưng cũng không quên tìm tôi, ngỏ lời chúc mừng, hoặc chỉ đứng nhìn từ xa, chỉ tỏ, trầm trồ. Cứ bước ra khỏi phòng để xuống nhà ăn, hay đi tụng kinh, tôi đều bị người ta chặn lại giữa đường để chúc tụng, ngợi khen. Tôi mệt cái mần đó quá, trốn luôn trong phòng, khóa kín cửa lại.

Trong phòng riêng, ngồi nhìn đống sách vở trên bàn, tôi bỗng phì cười một mình. Cảm ơn công khó của các vị giáo sư đã hướng dẫn giảng dạy, nhưng, xin thực tình mà nói, tất cả những gì mà tôi thu nhận được sau một năm trời theo đuổi chương trình ấy, đến phút này, tôi thấy cũng chẳng ý nghĩa gì. Tôi đang vùng vẫy muốn thoát khỏi vùng hào quang của chữ nghĩa, khoa bảng, trường lớp... Tôi muốn lên đường.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương năm

Sau kỳ thi, chương trình và nội qui lớp học càng gắt gao hơn và không khí lớp học có vẻ căng thẳng khi một số tăng sinh viên vì thi rớt mà phải rời chùa Già Lam. Tăng sinh viên nội trú không được ra khỏi chùa ngoại trừ các ngày cuối tuần. Không được tiếp khách ngoài giờ qui định. Thời gian tiếp khách cũng bị giới hạn trong vòng mười lăm phút và chỉ tiếp khách nơi phòng khách của tu viện. Tăng sinh viên nào thường đi ra ngoài, hoặc vắng mặt vài ngày để đi đâu không rõ ràng, hoặc đi vượt biên... đều bị ban giám học khiển trách, thậm chí dùng lời khéo léo mời ra khỏi chùa Già Lam, gạch tên khỏi danh sách tăng sinh viên chính thức... Những người còn lại phải chăm chỉ học bài, làm bài, thức đêm thức hôm nhiều ngày liên tục để thanh toán bài vở. Chỉ có tôi là người ở lại chùa mà không thiết tha gì với chương trình học đó. Tôi đang băn khoăn tự tìm cho mình một lối thoát, một con đường thích hợp nhất để đóng góp một cái gì thực tiễn cho đời.

Ba năm trước, ngày sắp rời bỏ Nha Trang, tôi đã có lần nói với Đức, một người bạn tu đáng tuổi anh tôi, rằng tăng sĩ Phật giáo hiện tại phải *“đưa thân mình ra mà gánh lấy tội nhục của quê hương, lấy đại nguyện của mình ra mà rửa nghiệp cho dân tộc...”* Tăng sĩ Phật giáo phải thực hiện Bồ-tát hạnh, dân thân cứu đời, không thể an nhiên ngồi nhìn quê hương thống khổ. Đức nghe tôi nói thì xúc động rớm nước mắt, hưởng ứng ngay. Nhưng chỉ hơn nửa năm sau khi tôi rời Nha Trang, Đức đã trở thành người thiên cổ. Bây giờ, tôi không tìm được người bạn hay một người anh em trong đạo nhiệt tình và hiểu tôi như Đức. Đọc theo hành lang dãy lầu của tăng sinh viên, nhìn vào những cái bàn học riêng trong mỗi phòng, tôi thấy buồn là các bạn mình chỉ biết có mỗi việc học là học, trong khi đó, cả dân tộc phải trông đầu vào cổ mình cái ách thống khổ nhọc nhằn từ khi chủ nghĩa cộng sản hiện diện trên đất nước; đó là chưa kể nguy cơ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị giải thể để nhường chỗ cho một giáo hội do nhà nước chỉ đạo. Các bạn chung lớp với tôi bây giờ, thực ra đều là những người anh trong đạo của tôi. Họ đều lớn tuổi hơn tôi cả -- lúc đó tôi là người nhỏ tuổi nhất lớp --thì đáng ra, họ phải là những người nhạy bén hơn tôi về thời cuộc; đáng ra với lứa tuổi ấy họ phải xem thường chuyện học hơn tôi, dân thân làm việc mới phải! Đàng này, họ chỉ biết học, học, và học... làm như thể bên ngoài cánh cửa chùa này, thế sự êm đềm trôi qua vậy. Tôi không dám có ý chê trách hay khinh rẻ gì họ, nhưng quả thật là tôi rất buồn vì không tìm ra được một người bạn tri âm trong lớp học ấy. Chỉ còn cách là tìm cố gắng học, ra ngoài tìm những người cùng chí hướng.

Điều khổ tâm nhất của tôi lúc ấy là công cuộc vận động thống nhất Phật giáo toàn quốc để thành lập một giáo hội mới dưới sự lãnh đạo của nhà nước, lại do chính Hòa thượng Trí Thủ đứng ra đảm nhận. Nhà nước cố tình dẹp bỏ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (giáo hội truyền thống của Phật giáo, được thành lập với Hiến chương năm 1964 tại miền Nam Việt Nam mà chính quyền mới thì coi như là giáo hội thuộc chế độ *ngụy quyền*) nên mới bày ra chuyện giúp đỡ Phật giáo lo việc thống nhất để nhà nước dễ bề kiểm soát, chỉ đạo. Sự phản ứng mạnh của tăng ni và tín đồ Phật giáo tại miền Nam, nhà nước lợi dụng uy tín và đức độ của Hòa thượng Trí Thủ để bắt đầu cho âm mưu giải tán giáo hội Phật giáo có trước tại miền Nam. Nhà nước tìm cách bắt thầy Thiện Minh bỏ tù và giết chết trước khi cưỡng bức Hòa thượng Trí Thủ đảm nhận việc vận động thống nhất Phật giáo. Dù biết Hòa thượng Trí Thủ phải miễn cưỡng

làm việc đó, tôi vẫn thấy trong lòng nảy sinh đôi chút bất mãn đối với công việc mà ngài phải làm. Tính tôi vốn ôn nhu ở mặt ngoài, nhưng lại cương ngạo ngầm bên trong, nên không thể chấp nhận được sự thỏa hiệp với nhà nước, dù bằng bất kỳ hình thức nào. Tôi cho rằng chỉ có mỗi một con đường để cái thiện tồn tại là phải quyết liệt chống lại cái ác. Nhưng tôi mang ơn nặng của Hòa thượng Trí Thủ, được ngài đỡ đầu, nuôi dạy tại chùa Già Lam, tôi phải hành xử thế nào để không phải lỗi đạo. Im lặng đi theo con đường của Hòa thượng tức là chấp nhận để nhà nước giải tán giáo hội truyền thống; chống lại Hòa thượng thì có vẻ vô ơn bội nghĩa. Điều khó xử này dần vật tôi nhiều ngày. Cho đến một hôm, Hòa thượng gọi tôi lên tịnh thất riêng của ngài. Hòa thượng nằm trên võng, tay lần chuỗi hạt, mắt nhìn đăm đăm lên trần nhà. Thầy thị giả thông báo, Hòa thượng mới ngồi dậy, bảo tôi đến gần:

“Răng? Lâu nay con có chương trình chi không?”

“Đạ... chương trình chi, bạch thầy?” tôi hỏi.

“Có tính đi vượt biên không?”

Vì đã có lệnh ngầm cấm các tăng sinh viên theo học chương trình của chùa Già Lam bàn nói hoặc có ý vượt biên, mà tự tâm tôi lúc ấy lại chẳng còn mang ý định đó, nên tôi đáp ngay, không cần suy nghĩ:

“Thưa không, con quyết định ở lại không đi đâu nữa, bạch thầy.”

“Thầy Tịch Quang bảo con như vậy hả?”

“Thưa không. Tự con quyết định như thế.”

Hòa thượng lại nằm xuống võng, nói với tôi giọng trách yêu:

“Ồ lại làm cái chi chứ!”

“Bạch thầy, tu học và...”

“Tu học chi dưới chế độ ni chứ. Tất cả những gì con thấy hôm ni đều là tạm bợ, vá vúi cả. Con đi đi. Sang bên nớ tu học mà giữ gìn đạo. Ở lại đây con chẳng làm gì được chi đâu. Thầy đưa lưng ra cho họ đâm mà che chở các con, nhưng cũng trong giai đoạn nào đó thôi. Chỉ cốt sao cho các con có cơ hội bồi bổ thêm kiến thức, nuôi lớn được bồ-đề tâm, để có thể tồn tại được trong những nghịch cảnh... Phải thấy trước điều đó mà tự chọn lối đi thích hợp. Riêng về phần con, theo ý thầy, con hãy ra đi. Vì nếu con không quyết định hôm nay, sau này cũng phải quyết định. Chi bằng chọn trước, để về sau thì muộn màng mà không chừng lại chẳng dễ dàng như hiện nay. Thầy có xin người ta dành cho con một chỗ. Khi nào đi, họ đến đây báo. Có lẽ cũng sắp sửa rồi. Thầy nói con biết để chuẩn bị.”

“Bạch thầy, nói vậy có nghĩa là thầy khuyên tất cả tăng sĩ trẻ chúng con nên rời khỏi nước để hành đạo và giữ đạo ở nước ngoài, phải không ạ?”

“Không. Đã nói rồi, đây là nói riêng chuyện con. Mấy thầy mấy chú khác, ai đi được thì đi, thầy không có ý kiến. Thầy chỉ có ý kiến về con mà thôi.”

“Tại sao vậy, bạch thầy?”

“Vì... vì cái chi mô! Chỉ vì thầy nghĩ rằng ở ngoài sẽ tốt cho con, yên ổn cho con tu học, làm việc... Tóm lại là cái duyên của con... phải đi xa nữa kia, không có lần quần ở đây được.”

“Con lại thấy rằng, nếu con ở lại, có thể con sẽ phụ giúp được chút gì đó cho giáo hội. Giáo hội đang...”

“Xuyt, chuyện nớ không phải chuyện để con bàn mô. Mỗi người có mỗi việc. Tuổi già có việc của tuổi già, tuổi trẻ có việc của tuổi trẻ. Bản phận của các con là lo trau dồi giới hạnh và tài năng để sau này phục vụ cho đất nước, phụng sự đạo. Đừng gắng gượng chống đối hay đấu tranh làm gì, vô ích. Chẳng làm nên chuyện chi mô. Các bậc cha anh của con sẽ ở lại chống đỡ con thuyền đạo pháp; phần các con, phải tự biết phận vị và cái thế của mình. Căn nhà sắp sụp đổ, những người cha của con đưa vai, đưa lưng ra mà chống chịu, nếu không sớm tìm được ngõ

thoát, một khi những người cha đuổi sức, đổ quy theo căn nhà, các con cũng sẽ chịu chung số phận. Điều này vô ích và làm mất đi ý nghĩa chịu thay của những người cha. Người cha chống chịu để bảo vệ các con, mong muốn các con an ổn mà kể tục sử mệnh của tiền nhân, lý đâu lại chịu chết chung phủ phàng oan uổng chứ! Cha mất đi, con phải nổi gót, không việc chi phải chết chum. Tương lai của dân tộc và đạo pháp ở trên vai các con. Phải giữ thân mà thực hiện con đường dang dở của những người đi trước. Con phải đi thôi.”

“Nhưng nhiều thầy, nhiều chú khác đã ra được nước ngoài rồi. Thêm hay bớt con cũng đâu có gì quan trọng. Con biết con có thể làm được cái gì đó trong nước. Con không thể bỏ chạy lúc này được.”

“Không phải là bỏ chạy. Đã nói là mỗi người có một việc. Người đi có việc của người đi, người ở có việc của người ở. Có gì gọi là bỏ chạy chứ. Con tưởng trốn ra nước ngoài là hèn nhát, còn ở lại là anh hùng sao? Hèn nhát hay anh hùng thực ra không phải chỉ xét ở mặt hành xử mà còn ở tâm xử nữa. Chính tâm trí mới tạo nên giá trị của con người. Tóm lại, con không thích hợp để ở lại đâu. Đi đi.”

Nghe Hòa thượng dạy như vậy, tôi giật mình nhớ đến lời thầy bổn sư của tôi ở viện Hải Đức những năm trước. Thầy cũng xua tôi đi, không cho tôi lẩn quẩn bên thầy. Bây giờ, tôi lại bị Hòa thượng dùng lời khuyên, xua đi. Tại sao vậy? Cái số, cái mệnh, cái nghiệp gì nơi tôi mà hết thầy bổn sư rồi đến Hòa thượng, (và cả thầy Tịch Quang, cũng đã có lúc khuyên tôi đi vượt biên), ai cũng xua tôi đi xa? Dù sao, sau lúc hầu chuyện với Hòa thượng, trong tôi càng dậy lên niềm kính trọng, biết ơn và thông cảm nỗi lòng của ngài. Có điều, tôi vẫn cứ giữ quan điểm của tôi: cương quyết ở lại.

Những người tổ chức vượt biên mà Hòa thượng gọi gắm tôi là vợ chồng ông Trần Đức Trang, những Phật tử thân cận của cố Hòa thượng Thiện Minh trước đây. Họ có giấy đi chính thức do người con gái ở Gia Nã Đại bảo lãnh, nhưng không hiểu sao họ lại tổ chức ghe để vượt biên, có lẽ vì chuyện bảo lãnh chậm trễ quá. Hòa thượng nói với họ là muốn gọi gắm một bà con (tức là tôi), chứ không nói là gọi ai. Không may, chiếc tàu đánh cá của họ bị công an tịch thu, việc tổ chức bị đình trệ. Tôi nghĩ, âu đó cũng là trợ duyên tán đồng ý muốn ở lại Việt Nam của tôi vậy. Hòa thượng lại gọi tôi, bảo là sẽ lo chuyện khác. Tôi chỉ ậm ừ. Tự nghĩ, để đến phút chót, mình không đi thì Hòa thượng cũng đâu ép được. Vậy mà chuyện vượt biên ấy không rõ bằng cách nào, lại đến tai thầy Tuệ Sỹ. Một buổi chiều thấy tôi ngồi bên hồ cá non bộ ở sân chùa, thầy Tuệ Sỹ bước đến, hỏi chuyện:

“Nghe nói chú có ý định vượt biên hả?”

“Thưa, trước đây thì có, bây giờ thì hết rồi.”

Im lặng một lúc, thầy tiếp:

“Nếu vẫn còn ý đó thì dẹp đi. Chuyện ra nước ngoài, tôi và thầy Lê Mạnh Thát có giấy mời và bảo lãnh của một trường đại học Mỹ để đảm nhận phân khoa Phật học và Triết học Đông phương của trường ấy, mà chúng tôi còn không đi, chú ra ngoài làm gì... Dĩ nhiên là có thể có chuyện để học, để làm đó, nhưng làm sao có thể bỏ đi được khi đất nước đang cần mình!”

Tôi nghe vậy thì lòng bỗng run lên, tưởng chừng bắt được một nguồn mạch nào đó cho con đường dân thân mà mình đang dọ dẫm tìm kiếm. Lâu nay tôi ngỡ thầy Tuệ Sỹ sau đợt ở tù về, sẽ không còn nhuệ khí đấu tranh, sẽ im lặng lo việc dịch thuật kinh điển hoặc dạy học... Vậy mà bây giờ thầy mở lời với tôi như thế. Tôi nhìn thẳng vào mắt thầy ấy. Đôi mắt cha Lão mẹ Việt rất ướt át nhưng cũng đầy cương quyết. Tôi nói dò đường một câu:

“Có ở lại cũng làm được gì đâu. Chúi đầu chúi cổ vào kinh sách, vào ba thứ ngôn ngữ cổ xưa hay tân kỳ chẳng dính nhập gì với máu lệ của dân đen!”

Thầy Tuệ Sỹ cười:

“Lớp học để đào tạo nhân tài nhưng cũng là cơ hội để đãi lọc thôi. Gạo ra gạo, thóc ra thóc.”

“Thế thầy cần gạo hay cần thóc?”

“Thứ nào cũng cần, nhưng gạo thì có thể đem nấu cơm liền; còn thóc thì để dành làm giống, mai sau cũng có lúc cần.”

Im lặng một lúc, thầy Tuệ Sỹ nói tiếp:

“Chú đâu cần phải làm một học giả. Hôm trước tôi có nói điều đó với chú một lần rồi, chắc chú tưởng tôi nói đùa hở? Tôi nói thực đó, chú đâu cần phải theo học lớp học này để làm một học giả nghiên cứu, dịch thuật! Chú có ngòi bút, chú phải làm nhà văn, chừng đó tưởng cũng đủ rồi.”

Nói rồi, thầy dợm chân bước đi, nhưng nghĩ sao, thầy quay đầu lại, nói:

“Cứ mài cho bén ngòi bút, một ngày nào đó sẽ có lúc dùng đến.”

Thầy quay đi. Tôi ngồi nhìn theo, mỉm cười. Dáng thầy ấy mỏng manh và khô đét như bộ xương, vậy mà ý lực cũng từ con người ấy, tỏa ra thật mạnh mẽ. Bất chợt tôi nhớ lại năm ngoái, thầy Lê Mạnh Thát trong môn Hán văn, đã dạy và bình giảng bài *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi. Thầy dạy đâu được hai tuần thì có lệnh của nhà nước cấm dạy môn ấy (có lẽ trong lớp học của tôi có nhà sư nào đó làm việc ngầm cho nhà nước, đã đi báo cáo chính quyền nên mới có lệnh cấm này). Và từ đó, thầy Thát bị cấm dạy. Nhưng lời hịch của *Bình Ngô Đại Cáo* hình như vẫn còn âm hưởng trong tôi. Có lẽ thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát có cùng chí hướng và đang ngầm ngầm thực hiện một chương trình hoạt động bí mật nào đó. Cả hai thầy đều có vóc dáng ốm o, gầy đuột như nhau. Tôi càng cảm mến họ nhiều hơn, dĩ nhiên không phải từ kiến thức quảng bác, từ những tác phẩm trước tác dịch thuật của họ, hay những cái bằng tiến sĩ, mà chính từ tâm hạnh cao cả của họ đối với đạo pháp và dân tộc.

Tuần sau, tôi đến thăm sư cô Trí Hải. Tôi hỏi ý kiến sư cô về tình hình giáo hội và tình hình đất nước (vì tôi được biết, vào năm 1977, sư cô có tham gia lực lượng đấu tranh cho tự do dân chủ của thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát). Sư cô nói:

“Thôi Khang ơi, đừng bàn chuyện đó nữa. Cái quá khứ đó cô đã bỏ quên rồi. Không được chi mô. Minh yếu quá trong khi họ có cả một hệ thống đảng, hệ thống nhà nước, công an và quân đội...”

“Minh có sáu chục triệu dân...”

“Dân đói nghèo, bị kiểm soát chặt chẽ bởi kinh tế, bị nhà tù và chết chóc đe dọa, chẳng dám làm chi mô.”

“Vậy mình cứ ngồi yên, lo việc tu niệm?”

“Muốn ngồi yên cũng đâu được. Phải làm cái chi chứ. Có điều, làm trong sức mình thôi, làm theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế trước mắt cho phép. Chẳng hạn làm việc từ thiện xã hội. Thực ra công việc đó cũng bị nhà nước ngăn cấm, chứ không phải mình muốn làm là được. Nhà nước muốn độc quyền ban phát cơm ăn áo mặc cho toàn dân. Cả chúng ta cũng chỉ là những người được hưởng ân huệ áo cơm của nhà nước mà thôi. Chúng ta làm việc từ thiện xã hội sẽ bị nhà nước bắt bớ chứ chẳng để yên cho đâu. Họ sẽ nói, đất nước ta hôm nay đã hòa bình, no ấm, cơm gạo thuốc men có nhà nước lo cả rồi, các người làm việc từ thiện là ý gì, bộ các người cho rằng nhà nước để dân đói khổ sao? Các người xuyên tạc chính sách của nhà nước à? Dù sao, công việc từ thiện xã hội cũng không phải là điều phạm pháp trầm trọng như các hoạt động chính trị chống đối nhà nước công khai... Có thể làm trong mức độ nhỏ, âm thầm, miễn đừng quá phô trương hình thức là được. Mỗi tuần cô đều có đi thăm nuôi, ủy lạo các bệnh viện. Có khi vào nhà thương điên hay trại cùi nữa. Tội nghiệp bà con mình, ở bệnh viện thiếu thốn lắm, thuốc men hay thực phẩm đều bị hạn chế...”

“Nhưng như vậy cũng chỉ giúp được một số bệnh nhân nào quanh thành phố này thôi, còn những nơi khác thì sao? Còn sáu chục triệu dân khác thì sao? Họ đâu có mặt trong nhà thương điên hay trại cùi, nhưng sống dật dờ, khổ đau, uất hận dưới một chế độ... như vậy thì có khác gì người điên, những người cùi?”

“Biết rằng vậy, nhưng chúng ta cứ làm theo sức mình. Mỗi người chỉ cần làm tươi vui và hạnh phúc cho một người khác thì trần gian đã bớt khổ nhiều đi rồi. Cả nước hiện nay lâm bệnh, chúng ta không chữa bệnh được thì cũng phải xoa dịu phần nào niềm đau khổ của họ. Căn bệnh cấp bách, trong khi chờ đợi lương y hay thuốc tiên nào đó, ta cứ tạm thời đắp vá, băng bó cho những vết thương lở lói đó, đỡ được phần nào hay phần nấy. Công việc từ thiện xã hội là như rứa.”

Trở về chùa Già Lam, tôi suy nghĩ rất nhiều về quan điểm và việc làm của sư cô Trí Hải. Một ni cô tay yếu chân mềm còn không chịu ngồi yên, làm sao các thầy tăng trẻ lớp tôi có thể ngồi yên được nhỉ? Không dám đối đầu với chính quyền thì ít ra cũng làm được những công việc nho nhỏ như chữa bệnh, cho cơm ăn áo mặc... khiến cho đời bớt khổ. Trước đây, tôi vẫn thường cố chấp, cho rằng tăng sĩ Phật giáo chẳng cần phải làm những việc từ thiện xã hội ngoài da như thế, mà chỉ cần nỗ lực tu tập, hoặc nếu có cần thiết phải làm gì thì cũng làm như các vị thiền sư thời Lý-Trần đối với đất nước mỗi khi gặp nạn ngoại xâm. Bây giờ, gặp sư cô Trí Hải, rồi tự nghiệm lại, tôi lại thấy khác: *bất cứ hành xử nào được tác động bởi lòng từ bi, đều là bỏ tát hạnh*, cho dù đó là điều nhỏ nhặt, đơn giản như là những công việc chữa bệnh, cứu đói... Chính vì nghĩ vậy, tôi thấy tôi không thể im lặng, không thể ngồi yên được nữa.

Buổi chiều, tôi rủ Tâm Huy đi dạo quanh sân chùa để nói chuyện. Huy là người bạn đã quen biết tôi từ bốn năm trước khi anh từ Phú Yên vào viện Hải Đức Nha Trang để dự khóa an cư. Anh cũng là một con một sách có tiếng. Anh hiền lành, đáng điệu lúc nào cũng nghiêm trang, lời nói mực thước, chăm chỉ học hành không biết mỏi mệt. Kỳ thi vừa qua, anh đỗ hạng nhì, có uy tín trong lớp học. Thăm dò vài câu về chuyện học hành, tôi nói:

“Tôi nghĩ rằng chúng ta không thể chần chờ được nữa. Anh nghĩ sao? Đất nước như thế này, giáo hội như thế này, tăng sĩ trẻ bọn mình làm sao ngồi yên được trong hoàn cảnh lửa bỏng dầu sôi đó chứ! Có phải là chúng ta nên bắt tay vào việc ngay, hơn là găm đầu vào việc đèn sách?”

Huy ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Nói chung, những khắc khoải của bạn cũng chính là những gì tôi thao thức, suy tư. Tôi tự ý thức rằng đó là trách nhiệm của mình, không cần ai phải mời gọi hay sách động. Tôi sẵn sàng hưởng ứng bất cứ phong trào hay tổ chức nào có chính nghĩa để đem lại hạnh phúc cho dân tộc. Có điều, tôi nghĩ rằng tôi cần phải học hỏi thêm nhiều, nhiều nữa, sau này mới có đủ tầm vóc và uy tín để nói được tiếng nói có trọng lượng.”

“Anh nói rất phải. Nhưng anh thử nhìn lại quanh ta xem, những người trí thức trong nước, có những người mà vốn liếng kiến thức của họ đáng là thầy dạy của bọn mình, họ đã làm gì hay chỉ biết bó tay, than vắn thở dài. Anh lo học một thời gian nữa để trình độ của anh ngang bằng với họ hoặc may mắn lắm, có thể hơn họ chút xíu, rồi anh cũng ngồi ì ra đó nếu anh không có ý chí đấu tranh, không quan tâm đến nỗi suy vong của dân tộc. Đâu phải có đầy đủ kiến thức mới làm được chuyện. Và lại, đã gọi là góp sức với nhau thì ai cũng có một khả năng nào đó để đóng góp, mỗi người mỗi việc khác nhau. Ai cũng lo học để khi nào cảm thấy kiến thức đầy đủ thì mới ra làm việc, lúc đó thì đất nước này chết khô chết cạn rồi, còn gì mà bàn nữa. Đèn không thắp thì không thấy được lối đi, đường không mở thì không có khách qua lại. Học hỏi là nhu cầu cao của đời sống trí thức, nhưng trong một hoàn cảnh và giai đoạn nào đó, nhu cầu ấy phải nhường chỗ cho những sinh hoạt khác quan trọng, cấp bách và thiết thực hơn. Giặc đến nhà đàn bà phải đánh,

kẻ sĩ phải quẳng bút mang gươm. Đây không phải là lúc tính chuyện đèn sách nữa. Sự học thì không cùng, mà nghĩa vụ lại cần kíp. Chờ học cho đủ mới bắt tay vào việc thì muộn màng quá rồi. Trong khi bao nhiêu người đói khổ lắm than, chúng ta cứ cặm cụi học hành thì quả là điều bất nhân! Tôi nghĩ, chúng ta nên bắt tay vào việc là vừa.”

Dù tôi đã đôi ba lần tìm cách thuyết phục, Tâm Huy vẫn cứ giữ lập trường của anh: cần phải bồi bổ thêm kiến thức; sau này có tổ chức nào kêu gọi thì tham gia. Anh không muốn làm một trong những người mở đường để kêu gọi và tập hợp người khác. Thấy tôi có vẻ buồn và sắp quay đi, Huy nói lời an ủi:

“Khang à, bạn còn trẻ nhưng tôi tin nhiệt huyết của bạn có thừa, có thể bạn làm được chuyện chứ chẳng phải không. Khang đi trước mở đường đi. Khang quen biết nhiều lại có sức thuyết phục hơn tôi, Khang có thể bắt tay làm việc được ngay bây giờ. Để tôi học thêm một thời gian. Sau này, học xong, tôi ra phụ giúp Khang.”

Tôi đứng lại cảm ơn lời khích lệ của Huy. Tôi nói:

“Thôi vậy cũng được. Hứa nhé, tôi dẫn thân trước, chiêu tập nhân sự, tạo cơ sở khắp nơi để dọn đường chờ các anh. Huy ở lại dù có bận học cách mấy cũng cố gắng tạo uy tín để thu phục được anh em trong lớp. Sau này các anh mãn khóa, nên nhớ rằng có tôi chờ đợi ở ngoài.”

Tôi đó không ngủ được, tôi tự phác vẽ cho mình một con đường hành động. Con đường ấy phối hợp chủ trương của cả thầy Tuệ Sỹ và sư cô Trí Hải. Nó mang hình thức như một tổ chức từ thiện xã hội, không công khai đối đầu với chính quyền, nhưng nuôi dưỡng và làm khởi phát ý chí dẫn thân tích cực của những thành viên tham gia qua bốn phương thức chinh phục nhân tâm và phục vụ cuộc đời (tức là *Tứ Nhiếp Pháp* của Phật giáo). Tôi tin tưởng những thành viên của tổ chức ấy, qua thời gian lâu dài hoạt động cứu tế, thường trực đối diện với niềm đau nỗi khổ của nhân sinh, và qua các khóa huấn luyện đặc biệt chú trọng về bồ đề tâm, bồ tát hạnh, sẽ tự nguyện dẫn mình vào con đường cứu nguy dân tộc trong tương lai.

Hai giờ khuya, tôi ngồi dậy soạn viết bản sơ thảo của điều lệ nội qui, bản nhận định và cương lĩnh sinh hoạt của *Đoàn Phật Tử Phụng Đạo*. Tâm nguyện dẫn thân đặt nền tảng trên Bồ đề tâm, lấy kinh *Tám Điều Giác Ngộ của Bạc Thượng Nhân* làm chất liệu hành đạo, phương thức hành động thì dựa vào Tứ nhiếp pháp, phương châm cứu đời là *Phụng sự chúng sinh tức cúng dường chư Phật*.

Sáu giờ sáng, tôi đem bản sơ thảo đến nói chuyện với thầy Tâm Hải, một người bạn học chung lớp tại chùa Già Lam. Tâm Hải hưởng ứng ngay. Cùng ngày đó, tôi lại nói chuyện với Tửu, một người bạn cũ ở Phật học viện Quảng Nam, đang tạm trú tại chùa Bửu Đà ở quận 11 và học dự thính tại khóa học chùa Già Lam. Tửu cũng nhiệt tình hưởng ứng. Hai người bạn này giới thiệu thêm một vài người bạn khác. Trong vòng một tuần lễ, chúng tôi đã thành lập xong cái sườn của ban điều hành tổ chức. Sư cô Trí Hải cũng ủng hộ tôi khá nhiều trong giai đoạn phôi thai. Và trong vòng ba tháng sau, Đoàn Phật Tử Phụng Đạo (gọi tắt là Phụng Đạo) đã kiện toàn được những nhân sự nòng cốt và tạm thông qua các khóa hội thảo về đường hướng nền tảng để bắt đầu hoạt động. Tăng ni và phật-tử ủng hộ càng lúc càng nhiều. Tôi cũng tự động liên lạc với Thượng toạ Nhất Hạnh ở Pháp và sau đó ít lâu, đã được sự hỗ trợ tinh thần lẫn vật chất của thầy ấy.

Dĩ nhiên trong thời gian đó, tôi không thể tiếp tục theo học chương trình của lớp học Già Lam. Tôi chỉ giữ lại hai môn quan trọng như *Câu Xá Luận* và *Trung Luận* do thầy Tuệ Sỹ dạy. Muốn được vậy, tôi phải cáo bệnh, xin rút tên ra khỏi danh sách chính thức của lớp học. Thầy Thái Siêu, lúc đó giữ chức quản chúng, hỏi tôi:

“Sao vậy? Chú học khá ai cũng biết, tự dung lại nghỉ học?”

“Bệnh quá thầy ơi. Học gì nổi nữa.”

“Bệnh ra sao?”

Tôi ngậm ngừng một lúc rồi bịa đặt ra một cái bệnh thật trầm trọng:

“Thì ... bệnh đó đó.”

“Bệnh đó là bệnh làm sao?”

Có một bệnh mà phái nam rất xấu hổ phải nói ra, đặc biệt là đối với các nhà tu hành, càng không muốn khai cho bất cứ ai biết. Từ những ngày sau biến cố năm 1975, có khá nhiều sách thuốc nam (còn gọi là *thuốc dân tộc*) được nhà nước xã hội chủ nghĩa in ra, hết lòng cổ xúy và phổ biến rộng để khỏa lấp hiện trạng khan hiếm thuốc tây, phần khác để thay thế thuốc bắc của kẻ thù Trung Hoa đang xua quân đến biên giới Việt–Trung. Tôi đọc và nhớ được nhiều loại bệnh cũng như cách chữa trị gia truyền từ các sách đó nên biết được cái bệnh buồn cười này. Và tôi phải chọn cái bệnh mà chẳng ông con trai nào muốn nhìn nhận đó để thầy quản chúng và ban giám học tin tưởng là tôi bệnh thực chứ không phải giả đồ để nghỉ học:

“Bệnh di tinh đó mà.”

“Thực không? Bị ra sao mà chú nói là di tinh? Có nằm mộng thấy gì không? Đêm nào cũng nằm mộng, phải không?”

“Không, có mộng mị gì đâu. Nằm mộng mà xuất tinh thì gọi là mộng tinh. Còn di tinh thì khác chứ. Di tinh là cứ bị xuất tinh hoài mỗi khi ngủ, ngay cả khi ngủ trưa, mà chẳng mộng mị gì, chẳng có cảm giác gì. Di tinh mà không lo chữa thì sẽ tiến tới hoạt tinh... tức là không thể kiểm soát gì được nữa.”

Thầy quản chúng tức cười, nhưng cũng rán nín, vì không lý lại cười một người bệnh đáng thương. Thế là thầy báo cáo lên ban giám học. Ngoại trừ hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát, có lẽ ban giám học giật mình, vừa tiếc rẻ vừa ngậm ngùi thương cảm cho một tăng sinh viên xuất sắc mà phải mang bệnh. Còn Hòa thượng Trí Thủ, nghe được tin ấy, cho thị giả gọi tôi lên tịnh thất ngay.

“Con bệnh chi rứa?”

Tôi có thể khai bệnh đối với thầy quản chúng, nhưng lại khó mở miệng qua mặt vị hòa thượng đức độ này. Tôi ấp úng trong miệng không nói được. Hòa thượng đã nghe ban giám học thưa chuyện, nghĩ là tôi xấu hổ việc khai ra cái bệnh quái ác kia nên bỏ qua, không hỏi nữa, chỉ dạy:

“Có bệnh chi thì lên đây nói thầy nghe để thầy đưa tiền đi bác sĩ, mua thuốc uống. Đức Hải ơi, lấy xe đưa chú Khang đi bác sĩ, lấy toa rồi mua thuốc cho chú luôn.”

Trong khi thầy Đức Hải, vị thị giả của Hòa thượng, lo mặc áo dài, Hòa thượng lại nói riêng với tôi:

“Đã nói con nên đi ra nước ngoài, vậy ôn hơn, có bệnh hoạn chi cũng dễ trị. Cha, cái bà Trang sao tổ chức chi mà lâu rứa!”

Tôi ứa nước mắt thầm cảm tạ ơn sâu của Hòa thượng. Tôi may mắn được Hòa thượng quan tâm, lo lắng mọi thứ. Có điều là cái gì tôi muốn làm cũng không đúng ý ngài cả. Ở chùa Già Lam, chỉ có vài người biết tôi được thầy Tịch Quang gọi gắm đến đây, nhưng ai cũng biết tôi được Hòa thượng Trí Thủ chăm sóc như một học trò cưng. Còn chuyện tôi bỏ học, thực ra cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc ăn ở của tôi tại chùa Già Lam cả. Tôi cáo bệnh để Hòa thượng và ban giám học khỏi buồn lòng thất vọng là tôi biếng học mà thôi, chứ không phải cáo bệnh để khỏi bị đuổi ra chùa. Trên thực tế, tôi đến chùa Già Lam đâu phải với mục đích tham gia lớp học. Vậy dù có học hay không, tôi vẫn cứ ở đó, chẳng ai ngoài Hòa thượng có thể đuổi tôi được. Năm năm trước, khi thầy Đức Chơn – vị trụ trì chùa Già Lam, một cao đồ của Hòa thượng – báo động là ngân quỹ của chùa không đủ để lo cho các tăng sinh viên càng lúc càng tăng nhân số. (Hòa thượng đã lập nên tu viện Quảng Hương Già Lam từ nhiều năm trước, người ta quan gọi ngài là

tu viện trưởng. Nay Hòa thượng đã giao cho thầy Đức Chơn giữ chức vụ trụ trì, trông coi mọi tài sản và sinh hoạt tài chánh của chùa Già Lam). Nghe thầy trụ trì than phiền, Hòa thượng đã triệu tập một buổi họp, tuyên bố trước đại chúng rằng:

“Tôi thương mấy anh em, thấy người nào ham học đến xin học hay xin ở lại đây, tôi cũng hoan hỷ chấp nhận hết. Nhưng thực ra, chuyện học thì có ban giám học quyết định, còn quyết định cho anh em ở lại chùa này hay không là do thầy trụ trì. Thầy ấy sẽ tùy theo khả năng tài chánh của chùa cũng như sự hợp lệ của anh em trên mặt giấy tờ để cho phép anh em ở đây hay không. Tôi không có quyền hạn chi mô, anh em cứ xin phép thầy trụ trì hí. Tôi mà còn phải xin thầy trụ trì hướng chi mấy anh em,”

Hòa thượng cười, cả hội trường cũng cười theo, không hiểu tại sao ngài lại nói vậy. Một lúc, Hòa thượng tiếp, “tôi nói thiệt đó, sẵn có thầy trụ trì, ban giám học và đại chúng ở đây, tôi xin phép thầy trụ trì một điều: tôi muốn bảo lãnh một người thôi, đó là chú Khang. Khang đâu rồi, đứng lên coi. Kia, chú Khang đó. Thầy trụ trì có hoan hỷ chấp nhận không? À, hoan hỷ. Vậy thì dù thế nào thì thầy cũng cho phép chú Khang ở đây tu học nghe.”

Nhờ Hòa thượng tuyên bố như thế mà tôi được yên, mặc dầu bản thân tôi không có một manh giấy tùy thân hợp lệ nào cả. Xin cho tôi ở yên để tu học cũng là ơn Hòa thượng, lo liệu cho tôi vượt biên cũng là ngài. Tôi ray rứt nghĩ rằng một ngày nào đó rất gần, tôi sẽ lên đường rời khỏi nơi này mà không phải là vượt biên theo ý Hòa thượng. Tôi đã chọn con đường theo ý riêng của tôi.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương sáu

Con đường theo ý riêng của tôi, xét ở một khía cạnh nào đó, trở thành chống đối lại Hoà thượng ân sư của mình. Một vài người bạn của tôi đã trách cứ tôi điều đó. Cho rằng, Hoà thượng có ơn nuôi dưỡng bảo bọc tôi yên ổn một thời gian để tu và học tại chùa Già Lam, tôi không nên làm điều gì đi ngược lại công việc của ngài. Nhưng riêng tôi, tôi tự thấy rằng nếu tôi hoàn toàn thụ động, không dẫn thân đầu tranh, không đếm kể gì đến nỗi suy vong của đất nước và giáo hội, thì hóa ra tôi càng phân bội ngài một cách trầm trọng đáng khinh hơn.

Trước mắt là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị nhà nước mặt nhiên giải tán sau kỳ đại hội thống nhất Phật giáo tổ chức tại Hà Nội với sự lãnh đạo của chính quyền cộng sản. Hoà thượng Trí Thủ là Trưởng ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo, nay đại hội bầu Hoà thượng làm Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương, tương đương với chức vụ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo mà trước kia cũng do Hoà thượng đảm nhận trong giáo hội cũ (các chính quyền trước và sau năm 1975, cũng như các tổ chức ngoài Phật giáo thường gọi tắt là Giáo hội Ấn Quang). Tăng ni và tín đồ Phật giáo bất mãn vô cùng, nhưng chẳng làm gì được, vì bị đặt vào cái thế khó xử: một số cao tăng đứng ra vận động công cuộc thống nhất (dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của nhà nước) chính là những bậc thầy có uy tín, đức độ, và ân sâu đối với nhiều thế hệ tăng ni tín đồ tại miền Nam trước cũng như sau năm 1975. Trước ngày đại hội, một số tăng ni khác thuộc Giáo hội Thống Nhất đã cứng cỏi đứng ra chống lại âm mưu xen vào nội bộ Phật giáo của nhà nước, và họ đã bị công an bắt giam, hoặc bị lưu đày (như trường hợp Thượng tọa Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ). Đoàn Phật Tử Phụng Đạo được khai sinh trong thời gian bồng chấy đau buồn đó.

Vào những buổi họp cuối cùng của Ban Chỉ Đạo Viện Hoá Đạo (trước khi hạ bệ giáo hội Ấn Quang để nhường chỗ cho văn phòng của giáo hội mới), tôi có đến thăm thầy Tịch Quang. Thầy có vẻ nóng ruột về các chuyện biên của giáo hội, nhưng cũng chẳng phát biểu cảm nghĩ hay ý kiến rõ rệt nào cho tôi nghe cả. Buồn bã rời phòng thầy, tôi gặp vài người bạn ở sân chùa Ấn Quang, và tôi được thầy Tâm Hải (người bạn đã cùng tôi khai sinh ra Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và giữ chức Đoàn Phó đặc trách ngoại vụ) giới thiệu một người bạn mới tên Hân. Hân trước kia xuất gia ở Đà Nẵng, học chung lớp với thầy Tâm Hải ở Phật học viện Liễu Quán (Phan Rang), hoàn tục từ năm 1975, có vợ con. Hân đã cùng hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát thành lập Lực Lượng Việt Nam Tự Do vào năm 1977. Nghe rằng Tâm Hải cũng có dính líu vào vụ ấy. Thoạt gặp lại Tâm Hải, Hân đã hỏi:

“Này, thầy có học ở lớp Già Lam, phải không? Lớp ấy có một chú tên Tâm Quang. Thầy có quen thân không?”

Tâm Hải cười, quay qua giới thiệu tôi:

“Tâm Quang tức là chú Khang đây nè. Bộ anh nghe ai nói xấu gì chú Khang sao?”

Hân nhìn tôi, chào bằng một cái gật đầu:

“Hân hạnh biết chú. Hôm trước tình cờ gặp được thầy Tuệ Sỹ ở chùa Tập Thành, tôi có hỏi thăm về những sinh viên tăng xuất sắc của lớp học và được thầy Tuệ Sỹ nhắc tên chú.”

Hân mời tôi đến chơi chùa Tập Thành, do thầy Nguyễn Như trụ trì. Ở đây, tôi còn được quen thêm một người bạn khác tên Sanh, cũng là một tu sĩ hoàn tục, sống độc thân. Sanh thành

lập nhóm thân hữu sinh hoạt mỗi cuối tuần tại chùa Huệ Lâm ở quận 8, lấy tên là Nhóm Thi Văn Chánh Pháp. Cả thầy Nguyên Như, Sanh và Hân, đều là những người đã từng cùng thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát sáng lập Lực Lượng Việt Nam Tự Do vào năm 1977. Họ cho tôi biết rằng lực lượng ấy bị tan rã bởi những lý do có tính cách cá nhân. Thứ nhất, thầy Tuệ Sỹ bị bắt giam vì tội cư trú bất hợp pháp (hộ khẩu chính thức của thầy ở Phật học viện Hải Đức Nha Trang mà lại sống ở Sài Gòn). Thầy Nguyên Như bị bắt về tội tích trữ hàng hóa bất hợp pháp (thực ra đây là một hình thức kinh tài của lực lượng do một người Phật tử khác đảm trách và thầy trụ trì chấp nhận cho mượn nhà bếp của chùa để làm kho cất chứa). Hân thì bị bắt vì tội vượt biên sau khi hai thầy kia vào tù và vị lãnh tụ lực lượng là Thượng tọa Từ Mẫn đã vượt biên trước đó. Chỉ có Sanh và một số nhân sự khác là không bị dính vào vòng tù tội, nhưng cũng phải ẩn lánh một thời gian. Tuy các nhân sự trên bị bắt giam vì những lý do cá nhân, nhưng vì họ là những nhân tố cốt lõi nên sự vắng mặt của họ cũng mặc nhiên khiến Lực lượng Việt Nam Tự Do bị tan rã từ đó.

Như vậy, đây là lần đầu tiên, tôi thực sự tiếp xúc với những người đồng đạo có khuynh hướng dân thân cứu đời bằng con đường đấu tranh chính trị. Trọn một buổi chiều tiếp xúc, tôi học được nhiều kinh nghiệm quý báu từ họ, và tinh thần tôi cũng nhờ họ mà phấn chấn hơn lên. Vì thầy Tâm Hải và Sanh đã về trước, buổi tối, Hân cùng tôi rời chùa Tập Thành một lúc. Trên đường đi, Hân còn cho tôi biết là Thượng tọa Thích Đức Nhuận có ý muốn gặp tôi. Thượng tọa nguyên là Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, từng Là Khoa trưởng Phân Khoa Phật học của trường đại học Vạn Hạnh. Thượng tọa có viết vài cuốn sách về Phật giáo rất sâu sắc, được giới tăng ni Phật tử cả nước hâm mộ.

Tôi hỏi Hân:

“Thượng tọa muốn gặp tôi để dạy việc gì?”

“Cứ gặp đi rồi sẽ biết. Nhưng muốn gặp thì tốt hơn là Khang hãy chờ tôi trình Thượng tọa trước, rồi tôi sẽ sắp xếp ngày giờ cho Khang đến.”

Tôi ừ, nhưng rồi không chờ Hân, tự động một mình tôi đến bái kiến Thượng tọa. Vào chùa, tôi bị chú thị giả của Thượng tọa chặn lại ở bên ngoài. Chú bảo tôi ngồi chờ ở phòng khách để chú lên thưa trước. Tôi xưng tên rồi ngồi chờ chú thị giả lên lầu. Một chặp, chú thị giả trở xuống, mời tôi lên phòng Thượng tọa.

Là một bậc cao tăng khiêm cung, đức độ, Thượng tọa tiếp tôi, một chú sa-di học trò, với một cung cách cởi mở, thân tình, khiến tôi cảm thấy tự nhiên và mạnh dạn trình bày cùng ngài đường hướng và cương lĩnh hoạt động của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo do tôi sáng lập. Ngài rất hoan hỷ biết được ý của tôi và đã khích lệ tôi rất nhiều, cũng hy vọng là tôi sẽ không dừng chân mãi trong khuynh hướng từ thiện xã hội. Theo Thượng tọa, con đường nhập thế của người con Phật, muôn đời vẫn đặt trên nền tảng giải thoát giác ngộ, và phải khởi đi từ nỗ lực cải thiện nhân cách rồi sau đó mới hướng đến việc chuyển hoá xã hội. Chuyển hoá xã hội không phải chỉ là một cuộc thay đổi, cải tạo, cải cách, xoa dịu bề mặt xã hội, hoặc hoán chuyển những thể chế cầm quyền. Chuyển hoá là công trình lay chuyển trọn vẹn tâm thức và cộng nghiệp của xã hội để thể nghiệm tính bình đẳng, giác ngộ và toàn thiện, hầu mang lại phúc lợi thực sự cho con người xã hội ấy. Cụ thể hơn, ở khía cạnh tích cực và mang tính cấp thời, có thể nói rằng sứ mệnh thời đại của người con Phật trong hiện tình của đất nước dưới sự thống trị của một phe đảng độc tài, là phải dấn thân vào công cuộc giải trừ những tham vọng, thù ghét và u mê của những kẻ cầm quyền hầu đem lại hạnh phúc thịnh vượng cho toàn dân. Công cuộc giải trừ đó đòi hỏi người con Phật phải vun bồi, thấp sáng, trang trái lòng thương, trí tuệ cùng hạnh nguyện kiên cường của mình để bước vào một lộ trình gian nguy, đòi hỏi nhiều thử thách, có khi đe dọa đến tất cả quyền lợi riêng tư và ngay cả đến tính mệnh của mình nữa.

Rời phòng Thượng tọa, lần đầu tiên sau bảy năm sống dưới chế độ cộng sản, tôi mạnh mẽ

xác định con đường nhập thế mà tôi từng tìm kiếm và lựa chọn.

Bấy giờ đã vào mùa hè năm 1982. Đoàn Phật Tử Phụng Đạo kết nạp thêm nhiều thành viên. Ngoài các hoạt động từ thiện xã hội tiên khởi trong thành phố Sài Gòn, chúng tôi còn phải lo vấn đề tự túc kinh doanh, mở rộng các cơ sở của đoàn bằng cách kêu gọi đoàn viên (nếu là tăng sĩ) đảm nhận trụ trì các ngôi chùa bỏ trống ở vùng quê, hoặc kết nạp vào những tăng ni trẻ hiện đang trụ trì hay đang cư trú tại các chùa ở Sài Gòn, ở các vùng phụ cận. Khá nhiều tăng ni trong thành phố hưởng ứng phong trào. Kẻ thì tích cực tham gia, kẻ thì hỗ trợ tinh thần, kẻ thì ủng hộ tài chánh... Đoàn Phật Tử Phụng Đạo còn cho ra một tờ báo phổ biến nội bộ, lấy tên *Diệu Âm* do thầy Tâm Tường phụ trách. Trong lớp học chùa Già Lam, gần một nửa tăng sinh viên tán trợ chương trình của Phụng Đạo. Nhưng hình như có một sự ngậm ngậm nào đó từ ban giám học khiến cho các tăng sinh viên này dè dặt trong sự liên hệ thường xuyên với tôi. Dù sao, những người này đã giới thiệu đến tôi một số nhân sự khác không có trong lớp học, và còn hứa sẽ tham gia Phụng Đạo sau khi tốt nghiệp tại lớp Già Lam.

Cùng thời gian Phụng Đạo thành lập và phát triển, có một lực lượng khác cũng vừa khai sinh ngay tại chùa Già Lam. Các tăng sinh viên ủng hộ Phụng Đạo đã cho tôi biết điều đó. Nhưng tôi biết rõ ràng hơn là do Tâm Huy. Vào dịp nghỉ hè, trước khi về quê ở Phú Yên, Tâm Huy đến gặp tôi tại phòng riêng khi tôi đang bận viết báo. Huy hỏi:

“Khang à, tôi không biết thầy Tuệ Sỹ có mời Khang tham gia lực lượng của thầy ấy không?”

Tôi cười đáp:

“Thầy ấy biết tôi đang lo Phụng Đạo mà. Tôi có việc của tôi, thầy ấy mời gọi làm gì. Nhưng thầy có nhờ tôi giới thiệu cho thầy một người. Tôi chỉ giới thiệu thôi, chứ không hề hỏi thầy ấy hay người kia về chuyện mà họ làm. Sao, thầy ấy mời anh cộng tác à?”

“Ừ, thầy có chọn lựa một số anh em trong lớp, mời cộng tác. Thầy ấy vừa cho ra đời một tổ chức đấu tranh cho tự do nhân quyền. Nhân dịp nghỉ hè này thầy trao cho mỗi người một bản tuyên ngôn của lực lượng để vận động kết nạp nhân sự khắp các tỉnh. Khang có bản tuyên ngôn ấy chưa? Đây nè, đọc xem.”

Tôi đón lấy bản tuyên ngôn được quay ronéo, đọc qua một lượt. Cuối bản tuyên ngôn không ký tên ai, chỉ để danh xưng của lực lượng, gọi là ỦY BAN BẢO VỆ PHẬT GIÁO và GIẢI CỨU DÂN TỘC. Vì đã tiếp xúc với Hân, tôi biết đây chỉ là tổ chức ngoại vi của Lực Lượng Việt Nam Tự Do mà thầy Tuệ Sỹ đang cố gắng tái lập và gây dựng trở lại. Dù vậy, tôi vẫn thành thật góp ý:

“Khỏi cần phải bàn rộng cũng thấy rõ nội dung bản tuyên ngôn rất súc tích, hợp lý, có chính nghĩa, rất hùng hồn, lôi cuốn, nhưng danh xưng của lực lượng thì không ổn.”

“Sao vậy?”

“Nếu tôi không phải là một người theo Phật giáo, tôi sẽ không tham gia ủy ban này vì đây là *Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo*; còn nếu tôi là một người Phật giáo không có tinh thần dân thân, không có ý thức chính trị, tôi cũng sẽ lánh xa ủy ban này, vì đây là *Ủy Ban Giải Cứu Dân Tộc*, khuynh hướng chính trị được nêu rõ ngay trong tên gọi. Như vậy, một danh xưng mà đã loại trừ hai thành phần đông đảo của đất nước, làm sao phát triển được!”

“Ừ, cũng phải. Thế mà thầy ấy giao mỗi người một bản, bảo mang đi về các tỉnh. Tôi ớn quá. Nội mang đi giữa đường đã thấy không ổn rồi, nói chi chuyện trình bày quan điểm của ủy ban để kết nạp người khác! Như Khang biết, lần trước Khang rủ tôi bỏ học để cùng Khang dân thân hoạt động, tôi đã từ chối vì muốn tiếp tục con đường học vấn, được chừng nào hay chừng nấy, khi nào tốt nghiệp rồi mới tính. Vậy mà bây giờ lại gặp lực lượng này, lý do nào để từ chối, vì nó phát sinh từ chính trong lớp học! Không phải tôi không muốn tham gia hoạt động, có điều,

tôi thấy chưa đến lúc... Bây giờ ăn nói làm sao đây với thầy ấy?”

“Chuyện anh đi vận động hay chẳng muốn tham gia thì tôi không dám có ý kiến. Riêng chuyện góp ý về danh xưng, xin thêm rằng hãy chọn một trong hai, hoặc là Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo hoặc là Ủy Ban Giải Cứu Dân Tộc. Không cần phải ôm đồm cả hai mà rồi chẳng được thành phần nào hưởng ứng cả. Thực ra, với danh xưng này, thầy ấy đã có mục tiêu rõ rệt là gây một phong trào đấu tranh mà lực lượng chủ lực là thành phần Phật giáo, những người Phật giáo sẵn sàng dấn thân chống lại chính quyền. Điều này có chỗ lợi là có thể chất lọc cán bộ nòng cốt ngay từ khởi điểm, nhưng mặt khác, như đã nói, lại giới hạn vô cùng về mặt phát triển. Không phải tôi đặt nặng vấn đề số lượng, tuy nhiên, thực tế cho thấy, mang danh xưng đó đi vận động e rằng khó ăn khác, phải không?”

“Ừ, tôi sẽ trình bày với thầy ấy.”

Đó là những gì tôi biết được về sinh hoạt của lực lượng do thầy Tuệ Sỹ thành lập. Nhưng từ lúc nói chuyện với Tâm Huy về sau, vì công việc càng lúc càng bẽ bộn của Phụng Đạo, tôi không có thời giờ để tìm hiểu hay nghe ngóng gì thêm về lực lượng đó nữa, dù rằng tôi hãy còn ở lại chùa Già Lam cho đến cuối thu năm 1982.

Mùa hè trước khi tôi rời chùa Già Lam, do lời giới thiệu của thầy Kiến Tánh ở huyện Long Thành, Đoàn Phật Tử Phụng Đạo cử thầy Minh Hào lên trụ trì chùa Long Quang, một ngôi chùa tranh nhỏ ở vùng kinh tế mới để phục vụ đồng bào nghèo khổ tại đây. Thầy Minh Hào biết châm cứu và trị bệnh bằng thuốc nam nên sự đóng góp của thầy nơi đó rất thiết thực, hữu hiệu, gây được cảm tình sâu rộng trong quần chúng. Nhưng sau vài tháng hoạt động tích cực, thầy Minh Hào thông báo giao lại ngôi chùa Long Quang ở kinh tế mới cho Đoàn Phật Tử Phụng Đạo vì phải trở về giúp việc cho ngôi chùa gốc của thầy bổn sư ở Cần Thơ. Ban điều hành Phụng Đạo họp để người đi kinh tế mới thay thế. Vì nhiều lý do, không ai xung phong đảm trách chuyện này. Tôi biết nhân sự Phụng Đạo sẵn sàng đóng góp thời giờ, công sức và tiền của để thực hiện các công tác từ thiện xã hội do đoàn đề ra và giao phó; nhưng quyết định rời bỏ thành phố Sài Gòn để lên sống và hành đạo trực tiếp tại vùng kinh tế mới thì không phải là chuyện đơn giản. Tất cả cử tọa trong buổi họp đều im lặng. Cuối cùng, tôi giao trách nhiệm điều hành Phụng Đạo tại thành phố lại cho hai vị đoàn phó và chính tôi quyết định lên đường đi kinh tế mới. Quyết định của tôi làm mọi người xôn xao, sợ rằng sự vắng mặt của đoàn trưởng tại thành phố trong thời kỳ mới phôi thai, đang phát triển, sẽ làm phong trào bị xẹp xuống. Nhưng tôi lại tin rằng kết quả sẽ ngược lại: chuyện tôi đi kinh tế mới giúp đồng bào nghèo khổ sẽ làm cho phong trào lớn mạnh lên và gây được niềm tin sâu rộng hơn trong quần chúng về mục tiêu của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo. Không ai tìm được lý do nào để ngăn cản quyết định của tôi.

Vậy là cuối năm ấy, gần Tết nguyên đán, tôi lên tịnh thất của Hòa thượng Già Lam, đánh lễ ngài.

“Chi rứa?” Hòa thượng hỏi.

“Bạch thầy, con muốn đi Nha Trang.”

Tôi buộc lòng phải nói vậy vì nếu nói thực là đi kinh tế mới, có thể sẽ làm Hòa thượng buồn lòng và không chừng ngài sẽ ngăn cản.

Hòa thượng im lặng một lúc rồi hỏi:

“Đi Nha Trang à? Có phải là con tìm được chỗ đi tốt không?”

“Dạ... cũng tùy nhân duyên. Có thể con sẽ đến nơi nào cần sự có mặt của con nhất. Nếu con không quay trở lại, ba lạy này xin khắc ghi ân sâu giáo dưỡng của thầy.”

Thấy tôi cúi lạy mà rom róm nước mắt, Hòa thượng đoán biết tôi sẽ đi luôn, bèn dạy:

“Khi bỏ đề tâm đã kết thành hoa trái thì ở trong hoàn cảnh nào cũng tỏa hương, cũng đem lại an lạc hạnh phúc cho cuộc đời. Cứ hết lòng vun bồi, phát triển cái tâm ấy thì không có

thế lực nào, không có sức mạnh nào có thể ngăn trở hay huỷ diệt được con cả.”



Cùng lên đường với tôi về chùa Long Quang kinh tế mới, còn có thầy Tâm Tường. Vài tháng sau, lại có thêm hai chú sa-di khác cũng là đoàn viên của Phụng Đạo, từ Sài Gòn, muốn theo thầy Tâm Tường lên phụ giúp tôi. Một chú tên Tùng (sau này là thầy Thông Trí), một chú tên Minh (sau này là thầy Nhật Quang).

Đất ở vùng này khá xấu. Trước khi Phụng Đạo cử thầy Minh Hào đến đây, tôi đã cùng thầy Tâm Tường và Tâm Minh đi xem đất rồi. Lúc ấy, thầy Kiến Tánh, vị cựu trụ trì của chùa Long Quang, không phải chỉ giới thiệu cho Phụng Đạo ngôi chùa Long Quang thôi đâu: còn có hai cơ sở khác nữa cũng thuộc phạm vi huyện Long Thành, cách Sài Gòn lối sáu mươi cây số. Một là chùa Bửu Lâm, nằm sâu trong rừng cao su; chùa xây bằng gạch, mái ngói khang trang, có điện nước, có nhiều cây ăn trái và nhiều phòng ốc cho chụm táng. Hai là một ngôi tịnh thất nằm gần quốc lộ, do một phật-tử người Hoa hiến cúng. Ngôi tịnh thất lợp tôn, vách ván, cũng khá khang trang và có điện nước đầy đủ. Tịnh thất được bao bọc bởi một khu vườn rộng với hàng trăm loại cây ăn trái mà mức thu lợi có thể nuôi sống được ít nhất là ba người. Chỉ có ngôi chùa Long Quang là tọa lạc ngay trên miếng đất cần cỗi thuộc vùng kinh tế mới. Thầy Tâm Minh nhìn ngôi chùa vách đất, mái tranh, không điện, không nước, không cây ăn trái, không có cây cao bóng mát... đã chắc lưỡi bàn ra:

“Coi kia, giếng nước đục ngầu. Đất có phèn. Đất như vậy chẳng làm ăn gì được. Chó ăn đá, gà ăn muối. Dân ở đây cũng nghèo rách, nghèo nát, làm sao mà phát triển nổi ngôi chùa này chứ.”

Cũng may Tâm Minh không phải là nhân sự của Phụng Đạo. Thầy ấy chỉ theo chúng tôi để xem vị thế đất mà góp ý thôi. Tâm Minh đề nghị chúng tôi chọn ngôi chùa Bửu Lâm trong rừng cao su hoặc ngôi tịnh thất có vườn cây ăn trái cho khỏe, vì mọi thứ nơi đó đã ổn định. Nhưng tôi nhất quyết không chọn hai cơ sở kia: tôi chọn chùa Long Quang, ngôi chùa tranh vách đất và cuộc đất cần cỗi chỉ có cỏ dại và tre gai với con đường đất đỏ tung bay mịt mù theo gió. Tôi không nói thẳng ý kiến của tôi cho Tâm Minh nghe. Chỉ nói riêng với Tâm Tường, một thành viên tích cực của Phụng Đạo:

“Chúng ta rời Sài Gòn không phải để chọn chỗ yên thân, ẩn dật. Phụng Đạo chủ trương tìm đến những nơi đau khổ, đói nghèo nhất để hành đạo. Dù cho ngôi chùa Long Quang này có nằm ở vùng sa mạc, chúng ta cũng phải biến nó thành vùng đất lành có đủ bóng mát để che chở cho người dân đói khổ nơi đây.”

Vài tháng sau lúc đi xem đất, Tâm Minh tìm mua được một miếng đất ở Long Khánh để trồng tiêu và cà phê; trong khi đó, Phụng Đạo thì cử thầy Minh Hào đến chùa Long Quang, rồi cuối cùng là chúng tôi kéo về. Chỉ hơn một năm sau, Tâm Minh đã thành công với khu đất màu mỡ của Long Khánh; còn chùa Long Quang cứ ì à ì ạch như một con thuyền ọp ẹp, gắng sức chống chọi để sống còn giữa bao bão tố phong ba. Nhưng với riêng tôi, chính từ những túp lều tranh xiêu vẹo rách nát, chính từ những lon gạo, củ khoai hay miếng vải chia sẻ cùng những người dân khốn khổ cơ cực chung quanh, chính từ những giàn mướp, những luống rau, những bụi khoai mì đèo đuột, những gàu nước ngẫu đục và những ngọn đèn dầu chong đêm đục sách... chính từ giang sơn tiêu điều hoang lạnh ấy, tất cả ý lực và lòng thương của tôi được nuôi dưỡng và un đúc thành một khối vô cùng mạnh mẽ, mệnh mang... đến nỗi đã có khi tôi nghĩ rằng, nếu có một giai đoạn nào đó được xem là ý nghĩa và thơ mộng nhất trong đời tôi, thì đó chính là giai đoạn tôi sống ở vùng kinh tế mới này.

Cũng chính từ nơi đây, sau khi Lực Lượng Việt Nam Tự Do của Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát bị đổ vỡ tại chùa Già Lam (1984) và toàn bộ nhân sự của lực lượng bị bắt dẫn đến việc Hòa thượng Trí Thủ bị bức tử trong bệnh viện nhà nước, mấy tháng sau, tôi vận động một số bằng hữu, trong đó có Hiền (anh ruột tôi), Hân, Dũng (bạn Hân), Huy, Thế (hồi xưa có sống chung với tôi ở chùa Linh Phong ở Nha Trang), Lạc (học lớp Già Lam), thành lập Hội Lạc Long. Một phần nhân sự của hội này, hỗ trợ cho Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên do ông Trần Văn Lương cầm đầu. Từ sự đổ vỡ của lực lượng Phục quốc này mà tôi bị công an truy nã và cuối cùng bị bắt.

[TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC](#)

Chương bảy

Long lôi khẩu súng Colt 45 dắt nơi thắt lưng ra, để lên bàn đánh “cốp” một cái, ra dấu bảo Hùng cất giùm – hình như đó là một cách để khùng bố tinh thần người đang bị hỏi cung – rồi hướng về tôi, Long hỏi:

“Vấn đề thành lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, làm việc từ thiện xã hội của anh, thực ra chỉ là một cách để vận động nhân sự, tạo thanh thế cho anh để tiến đến việc thành lập một lực lượng phản cách mạng nào đó, chẳng hạn Hội Lạc Long... phải không?”

“Chẳng có sự liên hệ nào giữa Phụng Đạo và Hội Lạc Long cả. Khi thành lập Phụng Đạo, tôi không hề nghĩ đến Lạc Long; khi lập Lạc Long, tôi không còn nghĩ gì về Phụng Đạo, vì trên thực tế, tôi đã giải tán Phụng Đạo từ cuối năm 1983, trong khi Lạc Long lại khởi động từ cuối năm 1984. Còn nữa, Lạc Long chỉ là một hội thề, không phải một tổ chức, một lực lượng.”

Long cười khẩy:

“Phụng Đạo bị anh tuyên bố giải tán chỉ là giải tán trên nguyên tắc, trên mặt hình thức, vì anh sợ bị kết tội thành lập hội đoàn bất hợp pháp đối với nhà nước, chứ còn mặt trong, Phụng Đạo vẫn âm thầm sinh hoạt, có chết đâu! Bằng chứng là bản thân anh đó: vẫn còn ở kinh tế mới, làm việc từ thiện xã hội để mua chuộc lòng dân, gây uy tín trong hàng tầng ni và tín đồ Phật giáo, và để kết cấu với các tu sĩ phản động ở hải ngoại như Thích Nhất Hạnh! Phụng Đạo đã giải thể, nhân sự Phụng Đạo không còn sinh hoạt, nhưng cái tinh thần của Phụng Đạo vẫn còn sống đấy chứ! Phụng Đạo chính là anh đấy thôi! Anh mà còn thì Phụng Đạo vẫn cứ còn, rồi cái tinh thần Phụng Đạo ở trong anh mà các hoạt động phản động sẽ nảy sinh, để ra các lực lượng hay tổ chức khác! Cái mầm nó còn tốt quá thì làm sao không sinh hoa sinh trái!”

Tôi giật mình nghe Long nói vậy. Câu nói ấy, lối kết luận ấy, hình như tôi đã nghe một người bạn nào đó của tôi nói qua một lần, chỉ khác là ở cách nói và giọng nói, chứ nhận định thì chỉ là một. Tôi cố nhớ lại xem người nào đã nói với tôi câu nói đó mà trong nhất thời không nhớ nổi. Tôi nhìn Long nói:

“Các anh đâu thể kết tội một cái mầm, mà cũng không thể nào bắt hay tiêu diệt được cái tinh thần. Cái tinh thần của Phụng Đạo đâu phải là do tôi nặn đẻ ra hay cấy mầm nơi người khác. Nó đã có sẵn, đã tiềm tàng sẵn nơi mọi người rồi. Và lại, nếu cho rằng công việc cứu tế xã hội của Phụng Đạo là bất hợp pháp thì điều này hàm nghĩa nhà nước cấm đoán người dân thành lập hội đoàn, cấm đoán các việc làm từ thiện hữu ích cho nhân dân sao? Thế thì đâu là hiến pháp của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hả?”

“Anh đừng có lo! Chúng tôi đâu có bắt bớ gì mấy người linh tinh trong tổ chức Phụng Đạo! Chỉ vì anh là kẻ phạm tội phản cách mạng nên chúng tôi phải điều tra bất cứ cái gì và những ai liên quan trực tiếp đến các hoạt động của anh mà thôi. Ừ thì cứ cho là Phụng Đạo chẳng phải là thứ tổ chức gì quan trọng hoặc có liên quan đến các hành vi chính trị, nhưng cái gọi là Hội Lạc Long, anh bảo không phải là một tổ chức, vậy chứ nó là thứ gì đây? Từ hai người trở lên, có cùng một lý tưởng và đường hướng hoạt động thì đã là tổ chức rồi. Đảng này, Hội Lạc Long có những bảy người, kết nghĩa lập hội, thề thốt chống lại cộng sản, anh nghĩ nó là thứ gì đây?”

Tôi lại thêm một lần giật mình vì Long nói chính xác con số bảy người của Lạc Long.

Điều này chứng tỏ trong số bảy người của hội thề ấy, có người là nội gián của công an. Người này phải tận tình báo cáo tất cả sinh hoạt của tôi, của những bằng hữu khác cho nên Long mới nắm vững vấn đề như vậy. Vấn đề còn tế nhị ở chỗ: trong ba tổ chức có mặt tôi, không phải tổ chức nào cũng có đủ mặt nhân sự của tổ chức kia. Những nhân sự theo tôi làm việc từ thiện xã hội trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, không một ai biết gì về chuyện tôi lập Hội Lạc Long và liên kết với lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương; những người bạn kết nghĩa trong Hội Lạc Long với tôi, không ai là nhân sự của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và họ cũng chỉ biết rất mơ hồ về tổ chức từ thiện này; cùng tôi liên kết với lực lượng Phục quốc thì chỉ có hai người thuộc Hội Lạc Long; còn phía Phục quốc của ông Trần Văn Lương, ngay cả bản thân ông Lương, không ai biết gì về Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và Hội Lạc Long cả. Vậy, kẻ nội gián này phải là người rất thân cận với tôi, biết rất rõ về các hoạt động của tôi từ năm 1981, khi Đoàn Phật Tử Phụng Đạo mới hình thành. Hẳn là ai? Hình ảnh những người của Hội Lạc Long lướt nhanh qua đầu tôi. Hiền, anh ruột của tôi, không biết gì về Phụng Đạo, chỉ biết về Lạc Long và Phục quốc, hiện đang ẩn lánh tại một vùng quê Nha Trang: không phải. Tâm Huy, người bạn tu cũng là bạn học cùng lớp tại chùa Già Lam, có tham gia Phụng Đạo một thời gian ngắn, không liên can gì đến lực lượng Phục quốc, hiện đang lẩn trốn tại Sài Gòn: không thể nào. Nguyên Thề, người bạn tu vai em của tôi, từng chung sống với tôi ở chùa Linh Phong Nha Trang trước khi tôi vào Sài Gòn, có biết sơ về Phụng Đạo, không can hệ gì đến Phục quốc, hiện đang lẩn trốn ở đâu không biết: không phải. Thiện Lạc, một người bạn tu nhỏ tuổi khác của tôi, cùng sống chung với tôi ở chùa Hải Đức Nha Trang những năm cộng sản mới cầm quyền tại miền Nam, biết sơ về Phụng Đạo, không biết gì về Phục quốc, hiện đã hoàn tục và ẩn náu tại nhà một người thân: cũng không phải. Dũng, võ sư, một người bạn do Hân giới thiệu, rất nhiệt tình, ngay thẳng, không biết gì về Phụng Đạo, không biết gì về Phục quốc, hiện đang ở Sài Gòn: có lẽ cũng không phải. Và cuối cùng là Hân, người bạn tôi mới quen từ năm 1981, không tham gia nhưng biết rõ về sinh hoạt của Phụng Đạo (có lần anh ủng hộ tiền bạc cho tổ chức từ thiện này), cùng tôi hỗ trợ cho lực lượng Phục quốc. Phải rồi, Hân. Tự dung đến lúc này, dù muốn dù không, tôi cũng phải nghĩ đến Hân. Hân là kẻ đáng ngờ nhất trong bảy người của Hội Lạc Long.



Từ mẩu chột ấy, tôi lại sức nhớ ra, nhận định của Long về tinh thần Phụng Đạo, hình như trùng hợp với câu Hân nói với tôi từ hai năm trước. Chưa hết, từ khi tôi bỏ vùng kinh tế mới về Sài Gòn để đi lẩn trốn sự lùng bắt của công an tỉnh Đồng Nai, các bạn tôi ở thành phố ai cũng cảnh giác tôi hãy đề phòng Hân, vì trong thời gian tôi lẩn trốn, Hân là người ráo riết đi tìm tôi nhiều nhất (trong khi những bạn có liên hệ dù nhiều hay ít với tôi, đều thu mình, ẩn lánh, không dám chường mặt ra đường). Rất có thể Hân chính là kẻ phản bội. Nhưng yếu tố này cũng chưa đủ kết luận là Hân có ý xấu. Tôi thoáng ôn lại những lời nói, cử chỉ, những hoài bão và quan niệm sống mà Hân từng trao đổi với tôi... Ồ, có thể Hân ráo riết đi tìm tôi trong thời gian đó là muốn giúp tôi chỗ ẩn náu an toàn – như Hân đã giải thích cách đây vài ngày khi tôi tự động đến tìm gặp anh ấy... Tự dung tôi muốn xua đi hết những điều nghi kỵ của mình. Khó có thể tin được rằng một con người hiểu biết nhiều, đối xử rất tốt với tôi như thế... lại là kẻ phản bội, bán đứng tôi và bằng hữu cho cộng sản... Ừ mà cũng có thể lắm. Hân phản bội chứ không thể là ai khác. Tôi có vài luận cứ để tin như vậy...

Nhưng nếu cái nghi vấn của tôi về Hân là một sự thực, tôi nên giữ thái độ thế nào cho thích đáng trong khi khai cung với Long hoặc những công an khác? Một khi Hân, người bạn thân đã biết tất cả mọi hoạt động của tôi trước đây, lại làm việc cho công an, hoặc có thể chính Hân là

một đảng viên cộng sản, thì tôi sẽ khai cung như thế nào? Chấp nhận hết hay là chối bỏ những gì mình đã làm? Và thế nào là anh hùng trong lao ngục?

Cái chết thường tình và hợp lý cho những kẻ làm cách mạng là cái chết trong lao tù. Và “*cọp chết để da, người ta chết để tiếng*” là thái độ thông thường của bao anh hùng đi trước. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, chữ *anh hùng* không bị ép khuôn trong phạm trù cương hay nhu của thái độ mà được thể hiện qua sự khôn khéo của trí thông minh và sự bền bỉ của ý chí. Chọn cái chết bất khuất đúng là thái độ anh hùng, nhưng chọn đường sống để tiếp tục đeo đuổi lý tưởng và mưu thành đại sự thì cũng là một nghĩa cử anh hùng khác, không hơn không kém.

Nhưng đối với tôi bây giờ, sự việc không đơn giản như vậy. Tôi không cần làm anh hùng theo cách chết hoặc sống nói trên. Điều mà tôi phải cân nhắc lúc này chính là mối an nguy cho những người bạn khác của tôi đang còn ở ngoài xã hội mà thôi. Tôi chấp nhận vào tù hay chấp nhận cái chết không có nghĩa rằng tôi có quyền kéo theo những người khác vào hoàn cảnh của tôi. Tôi mà khai tất cả sự thật thì có thể nhiều người bạn khác của tôi cũng sẽ sa vào tù tội ngay. Nhưng khai dối thì có vẻ hèn quá. Hân biết tất cả về tôi. Sau lưng Long, là Hân. Tôi đang khai cung với Long nhưng cũng giống như tôi đang đối khẩu với Hân. Khai thực hay khai dối? Nếu tôi cứ chối quanh, chối co trước mặt Long thì còn gì hèn nhục bằng! Khai thực với hy vọng được ân giảm, khoan hồng là điều nhu nhược, thấp hèn. Nhưng khai dối, theo quan niệm của tôi, cũng có vẻ hèn nhất (vì từ hồi nhỏ, đọc cuốn *Tâm Hồn Cao Thượng*, tôi đã quen tôn thờ hình ảnh người học trò đứng dậy chịu lỗi thay cho bạn, đến nỗi đã có nhiều lần tôi nhận tội thay cho người khác, và nếu có lầm lỗi, tôi cũng nhận chứ không bào chữa). Ngoài ra, trường hợp khai dối còn mang một ý nghĩa tế nhị thâm trầm khác liên quan đến lĩnh vực luân lý, hay đúng hơn, lãnh vực giới luật của tôn giáo mà tôi thấm nhuần đến độ trở thành một thói quen, không cần cố gắng. Khai dối là gì nếu không phải là sự quanh co, vọng ngữ, có nói không, không nói có. Mà cái thói quen nói dối này, tôi đã từ bỏ khá lâu, từ khi mới xuất gia làm chú tiểu mười lăm năm trước. Không được nói dối là một điều răn cấm căn bản trong đạo đức của những môn đồ Phật giáo. Tuy thế, Phật giáo vẫn cho phép việc nói dối trong điều kiện sự nói dối đó có mục đích cao cả, hoặc có lợi cho số đông, hoặc vì bảo vệ sinh mạng cho kẻ khác.

Các quan điểm mâu thuẫn, đối nghịch làm chông chênh đầu óc tôi. Lời khai của tôi chắc chắn là có liên can bất lợi cho người anh ruột của tôi và một số người khác. Anh tôi hiện vẫn còn lẫn trốn ở một nơi nào đó tại thành phố biển Nha Trang. Sự thành thật của tôi chính là việc mở cửa mời anh tôi vào tù. Nhưng nếu với sự tiếp tay của Hân, công an đã có đầy đủ chi tiết để kết tội hai anh em tôi thì việc tôi chối quanh là điều vô ích và cũng là tự phơi bày sự hèn nhất, run sợ của mình trước bạo lực.

Tóm lại, chỗ then chốt của vấn đề là làm sao đánh giá chính xác được rằng công an đã biết hay chưa biết gì về những đóng góp khác của tôi trong tổ chức Phục quốc. Hân đã cung cấp cho công an tất cả sự thật về tôi hay chỉ một phần sự thật? Và một phần sự thật mà Hân cung cấp cho công an là phần nào?



Tôi nhìn thẳng vào mắt Long, nói:

“Định nghĩa một tổ chức theo cách của anh thì nhân dân cả nước này chỉ còn sống như những thầy ma vất vương ly tán, chẳng có tinh thần hợp quần tương thân tương ái nữa. Chỉ có đảng cộng sản là được độc quyền thành lập, phát triển đến con số hai triệu đảng viên hoặc sẽ hơn nữa... còn người dân thì tụ họp hai người trở lên thì bị coi là lập hội bất hợp pháp?”

Long nghiêm giọng nói nhanh như học thuộc lòng:

“Hiến pháp nhà nước có qui định rõ rệt việc tự do thành lập các tổ chức và hội đoàn, đâu phải không có, nhưng cũng phải có sự xét duyệt và thông qua của nhà nước, chứ đâu phải muốn lập cái hội nào thì lập để rồi xã hội lại rối beng cả lên như các xã hội Âu - Mỹ!”

Tôi lắc đầu nói:

“Các nhà nước Âu - Mỹ cũng đòi hỏi người dân xin phép chuyện lập hội hay tổ chức các sinh hoạt có tính cách tập thể đấy chứ! Nhưng hễ dân xin phép thì ắt nhà nước phải cho. Còn trong xã hội chủ nghĩa, người dân biết họ không thể nào được nhà nước cho lập hội nên họ không dám lập hội, và nếu thấy cần thiết phải lập, họ đành phải lập hội kín, lập hội kín thì bị bắt bớ, kết tội. Rối loạn xã hội một phần cũng từ đó mà ra cả. Hiến pháp của nhà nước nói cho phép tự do này, tự do nọ, mà trên thực tế, người dân có hưởng được bất kỳ thứ tự do nào đâu! Nếu tôi xin phép nhà nước thành lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo để làm công tác từ thiện xã hội, giúp cho những nơi nghèo đói, anh thực lòng trả lời giùm cho một tiếng, có được nhà nước chấp thuận không vậy?”

Long hơi lúng túng một chút, rồi bỗng tự tin ngênh mặt lên, nói như máy:

“Từ khi đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của đảng và nhà nước từ thượng tầng đến hạ tầng cơ sở, mọi sinh hoạt của nhân dân trong nước được tiến hành nhịp nhàng và đồng bộ trong guồng máy chỉ đạo chung, không nơi nào mà không có sự quan tâm của trung ương đảng; hạ tầng có chỗ nào bị thiếu hụt hay yếu kém thì lập tức có báo cáo trình lên trung ương, sau đó mọi vấn đề sẽ được giải quyết. Những tệ trạng bất công, bóc lột của chế độ phong kiến và tư bản đều bị chế độ ta quét sạch, nhân dân hồ hởi tiến lên xã hội chủ nghĩa vinh quang. Đảng và nhà nước hết lòng ban phát và bảo vệ đời sống ấm no hạnh phúc cho dân, ngăn chặn và triệt tiêu mọi phần tử địa chủ, cường hào há hiếp bóc lột sức lao động của người dân... Trong diễn trình đó, mỗi người dân đều được ổn định đời sống cơm áo, việc làm. Có cần thiết phải lập những tổ chức từ thiện nữa không nhỉ? Tổ chức từ thiện xã hội là kết quả tự nhiên thoát thai từ những xã hội tư bản bóc lột nhân dân đến tận xương tuỷ. Điển hình là nước Mỹ, hàng triệu người thất nghiệp, ăn xin, không nhà ở, lang thang đầy đường, cũng chỉ vì bị tư bản bóc lột. Rồi để xoa dịu sự căm phẫn của dân, họ mới bày đặt nặn đẻ ra các hội từ thiện này nọ mà thôi. Xã hội chủ nghĩa là một xã hội được hình thành từ giai cấp công nhân vô sản chống bất công, lại thêm sự lãnh đạo sáng suốt của đảng, làm gì có chuyện đói thiếu bóc lột nữa mà anh đòi lập hội từ thiện! Nếu có một gia đình nào, một người nào đói khổ, thiếu ăn, chẳng qua chỉ vì họ không chịu lao động đúng mức mà thôi.”

Nghe đến đây thì máu huyết trong tôi sôi sục lên. Tôi muốn chỉ thẳng vào mặt Long để nói một câu gì đó, nhưng xét lại thấy cũng chẳng cần thiết, đành tự trấn tĩnh, thở dài:

“Thôi, khỏi bàn nữa. Nói tóm một câu, năm 1981 tôi đã lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo để làm việc từ thiện một cách bất hợp pháp.”

Long thêm vào:

“Chưa hết, anh còn lập Hội Lạc Long với chủ đích kết tập bằng hữu chống lại đảng và nhà nước, đây cũng là việc làm phạm pháp.”

“Vâng, đối với các anh thì phạm pháp. Nhưng mục đích của Lạc Long không phải là chống lại đảng và nhà nước mà là đấu tranh để đòi hỏi tự do cho người dân. Nếu có chống thì chống lại bất kỳ chủ thuyết nào, phe phái nào, tập đoàn thống trị nào chà đạp lên quyền lợi của dân tộc Việt Nam chứ không phải chỉ chống đảng cộng sản.”

“Thì cứ nói đại là các anh chống cộng sản đi. Các anh lập hội thề ngay trên mảnh đất này, đúng vào giai đoạn này, cái giai đoạn mà chúng tôi đang nắm quyền, không phải nhắm vào chúng tôi thì nhắm vào ai! Các anh thù hận cộng sản nên mới làm thế!”

“Người theo Phật chúng tôi không thù hận bất cứ con người nào. Chúng tôi không có kẻ

thù như những con người. Chúng tôi chỉ có kẻ thù là lòng tham lam, ích kỷ, thù hận, cố chấp, cuồng tín... Chúng tôi không thù hận các anh, nhưng sẽ chống các anh nếu các anh ôm ấp những tham lam, sân hận, cuồng tín mà gieo rắc khổ đau cho đất nước.”

“Cũng chẳng có gì khác giữa cách nói này hay cách nói kia. Tóm lại là anh thù hận cộng sản, muốn chống lại cộng sản.”

“Thù hận là tâm lý hèn mạt của những kẻ mà dù ở trong hoàn cảnh thuận lợi hay bất lợi cũng không vói tay được đến cái cao cả của đối phương nên mới lấy nó làm khí giới trả đũa. Tâm lý thù hận đó chỉ có trong xã hội cộng sản và trong lòng người cộng sản mà thôi. Thù hận thì không thể lắng nghe, không thể thông cảm, không thể thương yêu và xây dựng cho nhau được. Thù hận là tâm lý thành kiến một chiều, què quặt, tầm thường, chẳng làm nên trò trống gì cho cuộc đời dù có nắm quyền bính trong tay. Người theo Phật chúng tôi coi thường và thương hại cho những con người luôn mang tâm lý và thái độ thù hận, làm gì chúng tôi lại ôm lòng thù hận ai!”

Long vẫn ngoan cố:

“Đó là trên lý thuyết thôi, còn trên thực tế, các anh phải thù hận chúng tôi mới có thể chống đối chúng tôi một cách hữu hiệu được.”

“Tại sao anh lại muốn ép tôi phải nhận hai chữ *thù hận* ấy nhỉ? Có cần phải đồng hoá chúng tôi trở thành một đối thủ, một chiến sĩ cách mạng khác chính kiến nhưng cùng tâm lý thù hận nhỏ mọn không vậy? Để làm gì? Để dễ kết tội hơn sao? Chứ không phải rằng sự kết tội của các anh chỉ nhắm vào hành vi chứ không nhắm vào tâm lý à?”

Long giương mắt ngó tôi, giận dữ, nhưng anh cũng cố kìm hãm lại một lúc bằng cách lấy thuốc đưa lên môi, quẹt lửa. Phà một hơi thuốc, Long cúi xuống ghi gì đó vào biên bản. Xong, y ngược lên, nói gần:

“Còn nữa, dù anh khai rằng anh không đảm nhận bất cứ chức vụ nào trong lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương, nhưng việc anh giúp họ quay in truyền đơn, soạn viết các văn kiện của lực lượng... đều là các hành vi phạm tội chống đối chính quyền cách mạng. Anh có nhận rằng anh đã làm những việc ấy không?”

“Có.”

“Câu hỏi chốt: có sự liên hệ nào giữa Lực Lượng Việt Nam Tự Do của Tuệ Sỹ với các tổ chức Phụng Đạo, Lạc Long và Phục quốc? giữa cá nhân anh và ông Tuệ Sỹ?”

“Không có bất cứ sự liên hệ nào giữa các tổ chức. Còn về liên hệ cá nhân thì tôi là học trò của thầy ấy như bao nhiêu tăng sinh viên khác, vậy thôi.”

“Tuệ Sỹ đánh giá anh cao lắm mà. Chẳng lẽ anh có tham dự lớp Già Lam do Tuệ Sỹ điều hành mà ông ấy chẳng kết nạp anh vào lực lượng của ông ấy sao?”

“Không. Tôi có con đường của tôi, thầy ấy có con đường của thầy ấy. Tôi đã rời bỏ chùa Già Lam từ năm 1982. Thầy Tuệ Sỹ làm việc gì tại Già Lam sau giai đoạn đó thì tôi không biết.”

“Thế lúc anh còn ở chùa Già Lam thì sao? Ông ấy làm gì và có mời anh cộng tác chứ?”

“Không hề. Thầy ấy chỉ vào lớp dạy học, và tôi học.”

“Thế khi ông ấy bị bắt vào năm 1984, chẳng phải ông ấy đã hóa thân thành anh để rời ở bên ngoài, anh lại tiếp tục vận động tổ chức, thành lập các lực lượng đấu tranh khác hay sao?”

Tôi lại thêm một lần giật mình. Cách Long ví tôi như một hóa thân của thầy Tuệ Sỹ trong vấn đề tranh đấu tự dung lại khiến trong tôi nảy lên một nỗi nghi hoặc buồn bã. Rõ ràng là cách ví ấy không phải chỉ là phỏng đoán hay thăm dò. Long biết cái liên hệ xa hơn giữa tôi và thầy Tuệ Sỹ trong vấn đề đấu tranh, chứ không phải chỉ là liên hệ thầy trò. Mà cái liên hệ đấu tranh đó, thực ra chỉ có những bạn bè thân của tôi, trong đó có Hân, mới biết được.

Đầu năm 1984, Tuệ Sỹ nhờ thầy Tâm Hải – một người bạn học của tôi ở chùa Già Lam,

cũng là Đoàn phó Đoàn Phật Tử Phụng Đạo – lên kinh tế mới nhắn tôi về Sài Gòn gặp thầy. Tôi được sắp xếp để gặp riêng thầy Tuệ Sỹ tại một căn nhà của một Phật tử thân tín chùa Già Lam. Sau vài lời thăm hỏi, thầy Tuệ Sỹ nói ngay mục đích cuộc tiếp xúc này là muốn giao tôi đứng ra đảm nhận việc tổ chức và điều hành Lực Lượng Việt Nam Tự Do. Tôi hết sức ngạc nhiên, một mực khước từ, tự cho mình không đủ khả năng để đảm nhận việc ấy. Nhưng thầy đưa ra hai lý do khiến tôi không thể từ chối. Lý do thứ nhất: Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đang bị công an đày, theo dõi, không thể tiếp tục hoạt động. Họ muốn rời khỏi chùa Già Lam và rút vào một vùng rừng núi nào đó để ẩn cư; còn tôi thì thay mặt hai thầy ấy, đứng ra tiếp tục điều hành mọi hoạt động của Lực Lượng Việt Nam Tự Do trên mặt nổi. Cương lĩnh và đường hướng sinh hoạt sẽ do hai thầy soạn thảo từ bên trong. Lý do thứ hai: tôi là tăng sĩ trẻ tuổi, chưa phải là đối tượng của công an, tôi có thể âm thầm hoạt động để mở rộng phong trào dễ dàng và hữu hiệu hơn hai thầy ấy. Cuối cùng, tôi đồng ý. Vậy là thầy Tuệ Sỹ sắp xếp cho tôi gặp cả thầy Lê Mạnh Thát để cùng thảo luận về những gì cần làm trong những ngày sắp tới. Tôi trở về vùng kinh tế mới, rồi đảo một vòng quanh các cơ sở mà tôi có lúc ấy để thử tìm một chỗ tương đối kín đáo cho hai thầy ấy rút vào. Một khu đất sâu trong vùng núi ở vùng kinh tế mới Bàu Cạn; một mẫu đất và một hang động của thầy Quảng Hiền trên núi Thị Vải; một cơ sở trồng điều ở Hồ Nai; một cơ sở trồng cà phê và điều ở chân núi Gia Lào; một cơ sở cà phê khác ở Long Khánh... Tôi chưa quyết định chọn cơ sở nào và cũng chưa kịp bàn kỹ về kế hoạch đưa hai thầy ấy rời chùa Già Lam để rút đi an toàn thì vào sáng sớm một ngày cuối tháng 3 năm 1984, công an bao vây chùa Già Lam, đọc lệnh bắt thầy Tuệ Sỹ, Mạnh Thát và Nguyên Giác. Một vài bạn bè thân của tôi tức tốc lên kinh tế mới báo tin và thúc tôi đi lánh sớm. Tôi tạm ẩn ở xã Ông Quế, Long Khánh. Một tuần sau thì được tin Hòa thượng Trí Thủ bị mất trong bệnh viện. Sáu tháng sau, tôi vận động bạn bè thân thành lập một lực lượng mới lấy tên Hội Lạc Long thay vì tiếp tục khai triển Lực Lượng Việt Nam Tự Do. Tôi không muốn sử dụng lại cương lĩnh và danh xưng của một lực lượng đã bị thất bại và bị truy tố ra tòa – vì điều này sẽ bồi thêm án nặng cho Tuệ Sỹ trong tù mà cũng bất lợi cho tôi trong khi hoạt động. Mặt khác, tôi không hề có ý làm hậu thân của một ai khác.

Cho nên, niềm tự hào, hay đúng hơn, một thứ tự ái vặt nào đó của tôi, không vừa lòng với lối ví von của Long. Từ lâu, tôi vốn kính trọng và ngưỡng mộ các vị cao tăng thạc đức, hay bậc thức giả uyên bác và nghĩa khí như thầy Tuệ Sỹ, nhưng tôi chưa hề bao giờ muốn mình là cái bóng hay là cánh tay phải, tay trái, hậu huệ, hậu thân gì của ai cả. Tôi là tôi với lối đi tự tại và độc lập của tôi. Có chăng một sự tương đồng tương hợp nào, tôi nghĩ rằng, đó không phải là sự mô phỏng, nối gót của kẻ sau đối với người trước mà là sự động dụng tất nhiên của những kẻ từng thấm nhuần bồ đề tâm. Vâng, cái tâm bồ đề, nói như Hoà thượng Trí Thủ, khi đã kết thành hoa trái thì ở đâu cũng tìm thấy an lạc. Và một khi đã khởi phát, nó tự nảy ra những lối đi thênh thang của nó giống như những nụ mầm trên cùng một nhánh cây, tùy theo thời tiết và hoàn cảnh mà nở rộ những hoa lá tinh nguyên mới mẻ. Những hoa lá ấy, cái nào lại chẳng giống nhau, nhưng không phải hoa này là hậu thân của hoa kia, lá này là hoá thân của lá nọ. Chúng chỉ nở trước hoặc sau với cùng một thứ dưỡng chất do nhánh cây hút lên từ gốc rễ và dung hóa, nhào nặn thành.

Tôi không dám xác quyết rằng cái tâm lý nhột nhạt khó chịu khi bị ví như một thứ hậu thân nào đó có phải là thứ mặc cảm tự ái nhỏ nhen, hay đó là phản ứng của một tâm thức muốn vươn tới tự do. Mà cái tự do nào còn sót lại ở đây? Phải chăng nó lẩn quẩn loanh quanh giữa bốn vách của các phòng giam? Phải chăng nó đang la đà trước mặt những nhân viên công lực cặm cụi thực hiện chức năng bắt bớ, giam cầm những kẻ đòi hỏi đấu tranh cho nó? Tự do đâu? Có sự quan hệ nào giữa tự do và một cái hậu thân? Tôi ngược lên, nhìn thẳng vào mặt Long, và bất chợt, trong một ngẫu nhiên khó hiểu, tôi bỗng nhớ đến câu nói lừng danh của thiền sư Lâm Tế:

“*Phùng Phật sát Phật, Phùng Tổ sát Tổ*” (*gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ*). Tôi bật cười lên một tiếng.

“Anh cười cái gì?”

“Không, không có gì. Chẳng liên hệ gì.”

“Anh có nghe câu hỏi của tôi không? Có phải anh nói gót ông Tuệ Sỹ để tiếp tục vận động mấy ông thầy chùa phản động chống lại chính quyền cách mạng không?”

Tôi khẳng định:

“Không làm gì có chuyện đó. Tôi chỉ làm công việc của tôi, theo tôi, chẳng liên hệ gì đến thầy ấy cả.”

“Thế anh có liên hệ gì với ông Tịch Quang mà thỉnh thoảng anh lại thăm ông ấy ở Án Quang? Tại sao ông ấy lại tiếp anh trong khi đóng cửa nhập thất?”

Rõ ràng là Long theo dõi tôi khá kỹ, hoặc là Hân đã báo cáo về tôi rất tường tận. Tôi hơi nản, nói:

“Tôi là đệ tử câu thầy ấy làm y chỉ sư.”

“Y chỉ sư? Là thầy thế nào?”

“Là vị thầy mà tôi nương tựa để tu học khi bỏn sư tôi mất hoặc ở quá xa.”

“Nghe nói ông ấy khó tính lắm mà, đâu có thu nhận đệ tử, sao lại nhận anh?”

“Không biết. Cái đó tuy nhân duyên tu học mà thôi, mà nhân duyên này thì chẳng dính nhập gì đến chuyện vãn cung hôm nay cả.”

Im lặng một lúc, Long hỏi tiếp:

“Anh cầu ông Tịch Quang làm thầy, vậy chứ chuyện anh hoạt động chống phá cách mạng, bộ ông ấy không hay biết sao? Ông ấy có sai bảo anh làm không? Hoặc khi anh làm, có hỏi ý ông ấy không?”

“Không can dự gì đến thầy ấy cả.”

“Vậy chứ anh bái ông ấy làm thầy để làm quái gì mà thầy trò ai làm việc nấy chẳng biết gì nhau hết vậy?”

“Có cần thiết là tôi phải trả lời câu hỏi không dính dự gì đến việc khai cung không vậy?”

“Có dính dự chứ sao không. Chúng tôi muốn điều tra về tất cả những ai có liên hệ với anh nếu xét thấy đó là đối tượng đáng tình nghi. Chúng tôi muốn biết anh được cái lợi ích gì khi bái ông ấy làm thầy để rồi anh hứng gì làm đó, chẳng thưa trình gì với ông ấy? Hay là mọi hành vi của anh đều do ông ấy chỉ đạo, cố vấn?”

Tôi mỉm cười, đáp:

“Tăng sĩ Phật giáo chúng tôi hoàn toàn được tự do trong vấn đề hành xử của mỗi cá nhân, không bị lệ thuộc vào vị thầy bỏn sư hay bất cứ vị thầy y chỉ nào. Việc tôi làm, tôi đâu cần phải báo cáo mọi thứ cho thầy ấy như cách các anh báo cáo cấp lãnh đạo chỉ huy. Việc thầy ấy làm, tôi đâu nhất thiết phải biết đến tất cả.”

“Vậy thì đâu là lý do để có cái liên hệ thầy trò?”

Câu hỏi của Long đẩy tôi quay trở lại với câu nói thời danh của Lâm Tế. *Gặp Phật giết Phật, Gặp Tổ giết Tổ*. Đâu là cái lý do, là chất keo trong liên hệ thầy trò? Cái liên hệ thầy trò trong Phật giáo là cái liên hệ bình đẳng trong căn đê. Tiên trình giác ngộ giải thoát là tiên trình của sự dẫm đạp, vượt qua. Không vượt qua được Phật, không vượt qua được Tổ, thì không làm sao có được giải thoát cả. Nhưng ý niệm này, thực ra, có cần thiết đối với biên bản khai cung, với ngục tù? Có. Tôi mỉm môi tự nhủ, cho dù những vách ngục của thế gian này có sụp đổ lên đầu lên cổ tôi, chìm sâu tôi vào nỗi thống khổ vô hạn của kiếp người, thì tâm thức tôi cũng phải vươn lên, dẫm đạp, vượt qua, vượt qua tất cả, vượt qua mọi đối tượng, mọi ảo tưởng, mọi thần tượng, mọi lý niệm, mọi ác niệm và thiện niệm, mọi bóng dáng của ác quỷ hay thiện thần, mọi

thứ giá trị tinh thần và ngay cả cái tôn tượng mà tôi hằng quy kính là đức Phật... phải vượt qua hết. Bởi cái tâm thức này mà còn quy lụy, nổi gót, mô phỏng một cách trung thành những thứ trên thì dù có đóng kịch làm kẻ nhân du rao giảng lý nhiệm mâu thuẫn thang của đạo giác ngộ, thì vẫn cứ là tâm thức của một kẻ nô lệ mà thôi. Vậy thì, thà cứ bị giam trong bốn vách... Nhưng dù gì, tôi cũng phải trả lời câu hỏi của Long, anh công an đại diện cho pháp luật thế gian đang chờ đợi tôi:

“Anh muốn biết điều này lắm sao? Anh muốn ghi vào biên bản không, thì đây, hãy ghi rằng tôi bái ông Tịch Quang làm thầy chỉ vì ông ấy quá siêu việt, và ngày nào tôi còn tin tưởng nơi sức mạnh tâm linh từ ông, từ cái diệu dụng của sự bất động nơi ông, thì ngày ấy chân lý còn tồn tại, không thể hủy diệt. Thế thôi.”

Long ngó sững tôi, hai mắt trợn ngược một lúc rồi bỗng dờ dẩn ra một cách khó hiểu. Tôi chẳng làm sao đoán được trong cái đầu thật lớn của y đang chứa đựng những ý tưởng u ám mê muội nào mà khiến đôi mắt trông ngây dại hẳn ra như vậy. Một chập sau, Long chớp chớp đôi mắt rồi cúi xuống tờ biên bản, hí hoáy ghi. Biên bản viết rất sơ sài về Đoàn Phật Tử Phụng Đạo và Hội Lạc Long. Tôi có cảm tưởng là Long chỉ nhắm vào việc tôi có cộng tác với lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương mà thôi. Ừ, vậy thì tốt quá đi chứ. Các nhân sự Phụng Đạo và Lạc Long sẽ chẳng bị liên can gì đâu. Tôi yên lòng nghĩ vậy. Và tôi đặt bút ký vào biên bản.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương tám

Nắng buổi chiều theo tôi lùa vào khung cửa sắt, rọi sáng cả phòng, nhưng chỉ được một vài giây ngắn ngủi. Viên cán bộ trực đóng ập cửa lại, khóa lách cách. Tôi cởi áo sơ mi và quần tây dài ra, bắt đầu thấm ngay được cái nóng bức và ngọt ngào của phòng biệt giam.

Tôi đến bên cửa, ló mặt ra cửa gió để hít thở không khí bên ngoài. May phòng này là phòng đôi nên có được hai cửa gió, ông Trọng một cái, tôi một cái, khỏi phải thay phiên hít thở như các phòng biệt giam khác.

Tôi đứng hít thở đầu chừng mười lăm phút thì đến giờ điểm danh. Theo nội qui, các tội nhân trong phòng biệt giam phải đứng nơi cửa, không được ló mặt ra cửa gió, nhưng phải giữ khoảng cách và vị trí thế nào để khi cán bộ kiểm tra nhìn lướt vào là thấy có mặt. Tội nhân trong phòng biệt giam không bị bắt buộc phải mặc quần áo, xếp hàng, đếm số, đọc nội qui như bên các phòng giam tập thể. Nhưng khi cán bộ điểm danh đến ngay cửa phòng của mình thì phải có sẵn đó để báo cáo nhân số.

Sau giờ điểm danh, tù nhân bắt đầu ăn cơm tối và vui chơi, ca hát cho đến giờ báo nghiêm, tức là giờ ngủ. Đến giờ đó, không được ồn ào nữa. Riêng các phòng biệt giam như phòng chúng tôi, cửa gió sẽ bị cán bộ trực đóng lại và cài chốt từ bên ngoài trước khi trời tối. Cửa gió đóng rồi, chúng tôi chỉ có thể tiếp xúc với thế giới bên ngoài bằng một kẽ hở rất nhỏ ở cái góc cong gần như hình bán nguyệt bên dưới của cánh cửa gió. Như vậy, không gian bên ngoài lúc cửa gió đóng lại sẽ được trình hiện trước mắt tôi qua cái khuôn giới hạn của một vầng trăng lưỡi liềm mỏng manh.

Khi cửa gió đóng, chúng tôi ăn bữa cơm tối dưới ánh đèn vàng vọt của phòng giam. Phần ăn của mỗi người vẫn là chén cơm hơi vun, hai muống nước mắm trại. Nước mắm trại là thứ nước muối đun sôi có bỏ vào một ít đường đã thắng làm màu cho có vẻ là nước mắm thật. Ông Trọng nói, đôi lúc trong thùng nước mắm bốc khói mà các anh nuôi mang phân phát, thấy có vài tóp mỡ nổi lênh bênh trên mặt. Mỗi tuần, có một lần được ăn canh rau muống hoặc canh bí. Có canh thì phần nước mắm hàng ngày bị cúp. Phần canh của mỗi người là một chén nước lỏng bỏng với hai cọng rau muống không đây một gấp đũa. Gặp khi có canh bí rợ thì mỗi người được nửa chén nước vàng vàng chẳng thấy bí ở đâu. Kẻ nào may mắn lắm thì được một miếng bí lớn bằng ngón chân cái vô tình lọt vào phần của mình.

Ăn xong, chúng tôi lại đứng bên cửa gió để ráng hít lấy chút không khí lọt vào cái khe hở hình vầng trăng lưỡi liềm.

Bỗng nghe tiếng gõ trên vách từng chập một, rồi có tiếng người ở phòng giam kế bên hô lên:

“Phòng 8 đến bên cửa gió chưa?”

“Có đây,” ông Trọng đáp lớn.

“Có một người mới vào phải không, tôi mở cửa gió cho phòng 8 nha?”

“Ừ, mở dùm đi,” ông Trọng đáp.

Vài giây sau, bỗng nghe “cạch” một tiếng, cái then cài cánh cửa gió phía bên ông Trọng được kéo ra. Ông Trọng đẩy hẳn cửa gió ra ngoài:

“Ồi, sướng quá! Cám ơn nghe! Có muốn nhắn chuyện gì với người mới vô không?”

“Muốn. Anh ấy tên gì? ở đâu vậy? tội gì?”

“Tên... gì vậy?” ông Trọng quay qua tôi, “à, tên Khang. Tù chính trị. Cũng ở Sài Gòn,” ông Trọng trả lời.

“Mới vào chưa có thăm nuôi phải không? Để tôi chuyển ít đồ qua nghe. Đón sẵn ở cửa gió nè.”

Một cái túi ni-lông nhỏ đựng thức ăn và thuốc lá, từ phòng giam kế bên được một cánh tay vô danh nào đó trườn qua, dúi vào tay ông Trọng đang chờ sẵn. Tôi thắc mắc làm sao họ có thể tự mở cửa gió lại còn mở dùm cho phòng khác, rồi đưa thức ăn qua nữa. Ông Trọng nói họ làm một cái giầy thòng lọng luồn qua khe hở, kéo cái then ra; còn mở cửa cho phòng kế thì cứ việc trườn hết cánh tay qua mà mở thôi; có điều, phải cẩn thận kéo cán bộ trông thấy. Các phòng biệt giam, cứ theo thứ tự, từng cặp có cửa xây khít nhau, khoảng cách giữa hai cửa gió đâu chừng tám tấc; như vậy, cửa của phòng 1 sát với phòng 2, cửa phòng 3 sát với cửa phòng 4... cửa phòng 7 sát với phòng 8. Nhờ vậy mà người bên phòng 7 có thể mở được cửa phòng 8 của ông Trọng. Mà vì cái then sắt cài cửa gió nằm thuận từ phía phòng số nhỏ, cho nên, nếu ông Trọng có thể tự mở được cửa gió phòng 8 của ông thì cũng không mở giúp được cho cửa gió phòng 7, chỉ có phòng 7 giúp được cho phòng 8 mà thôi.

Đèn phòng giam thấp sáng suốt đêm, đến 6 giờ sáng mới tắt. Buổi tối, các phòng giam ồn ào hẳn lên. Tôi nghe tiếng nói cười, ca hát, tiếng trống vỗ bập bùng của những bàn tay vào các thau hay ca nhựa... Bằng sự chú tâm phân biệt các âm thanh huyền ảo, tôi có thể nghe được đủ loại ca khúc từ dân ca đến cổ nhạc, tân nhạc... Mạnh ai nẩy ca, mạnh phòng nào, phòng nấy ca... nhộn như một cái chợ. Âm thanh hỗn loạn, hòa vào nhau, có khi va chạm vào nhau nghe như tiếng loảng xoảng của kim khí hay thủy tinh vỡ. Ban ngày có cán bộ trực làm việc, phòng giam có vẻ im lìm, có nói cười gì thì cũng vừa phải. Ban đêm, chỉ có lính canh (tù mới gọi là *chiến sĩ gác*) lâu lâu đi tuần qua một vòng ngoài hành lang; mà những anh lính gác này không chú trọng đến chuyện ồn ào ca hát của đám tù nhân bên trong phòng giam. Có lẽ lính gác chỉ có nhiệm vụ kiểm soát các cánh cửa và các vách tường của buồng giam mà thôi. Ông Trọng nói lính gác dễ dãi và vui vẻ với tù nhân lắm. Có đêm ông chờ lính gác đi ngang qua, nhờ anh mở giúp cánh cửa gió, hỏi chuyện anh đôi điều. Lính gác dễ dãi hơn cán bộ công an nhiều.

Đến khi keng đánh báo nghiêm, tiếng ồn ào lắng xuống thật nhanh rồi im bật. Ông Trọng và tôi cùng rời cửa gió, quay lại chỗ nằm. Chỗ nằm của chúng tôi là hai cái bục xi măng xây cao hơn nền đất chừng một gang tay, chiều ngang tám tấc, chiều dài đâu chừng một mét sáu vì có một bức vách nhỏ bằng gạch chắn ngang giữa chỗ nằm và cái cầu tiêu. Với chiều dài khiêm tốn đó, cả ông Trọng lẫn tôi đều phải nằm co chứ không duỗi thẳng chân được. Chẳng có mùng mền, chiếu, gối gì cả. Chúng tôi lấy áo quần mà gối đầu. Cũng may trời đang mùa hè, không lạnh. Hai ngọn đèn từ trên trần chiếu thẳng xuống ngay mặt, chói chang. Cũng ngọn đèn đó, lúc chúng tôi ăn cơm tối thì thấy ánh sáng vàng vọt lơ mờ mà tự dung bây giờ lại sáng trưng như có tăng thêm điện hay bóng đèn vậy.

Không ngủ liền được, ông Trọng ngồi dậy, đốt thuốc hút, ngồi tư lự, ủ rũ. Các phòng giam tập thể phải theo nội qui, không được nói chuyện trong giờ báo nghiêm nữa, nhưng ở phòng biệt giam, chúng tôi không bị ràng buộc bởi nội qui cho lắm. Tôi gọi chuyện với ông Trọng:

“Chú bị giam ở đây bao lâu rồi?”

“Trước cậu nửa tháng chứ đâu có lâu gì.”

“Chú cũng bị tội chính trị nên mới vào trại giam này?”

Ông Trọng rầy tàn thuốc vào miếng giấy bạc xếp thành cái gạt tàn, kéo thêm một hơi thuốc dài rồi nói với giọng buồn buồn, nhưng cung cách ông nói thì lại có vẻ như rất hứng thú:

“Chỉ bị tình nghi thôi. Tôi thường lui tới ông Vạn để thăm bệnh, hốt thuốc nam cho ông ấy. Chẳng dè ông là lãnh tụ một nhóm Hòa Hảo có vũ trang, chống lại chính quyền. Công an bắt tôi cùng một ngày với nhân sự của lực lượng Hòa Hảo đó. Vào nhà lục soát tùm lum, rồi bắt tôi đi trước mặt vợ con. Tội nghiệp, đưa con tôi nó la khóc dữ quá, cứ níu áo níu chân, chẳng chịu để tôi đi. Nó còn lay mấy thằng công an để xin tha cho ba nó. Hờ, nó có năm tuổi chứ mấy. Cậu thắc mắc à, có gì đâu, tôi lấy vợ trẻ hơn tôi hai mươi bốn tuổi. Tôi chưa nói rõ chắc cậu lại không hiểu, tưởng rằng tôi già xồn rồi mới chịu lấy vợ. Không phải đâu, tôi lấy bà thứ hai đó. Bà vợ trước tôi lấy từ lúc tôi mới lớn kia, và bây con của đời vợ trước có đứa út cũng xấp xỉ tuổi cậu chứ có nhỏ nhít gì. Đó là lúc còn ở Long Xuyên, sau này về Chợ Lớn, tôi mới lấy cô vợ trẻ này. Năm nay cô ấy mới ba mươi tròn, có đứa con năm tuổi thì đâu có gì lạ.”

Thực ra tôi đâu có thắc mắc gì chuyện ông có đứa con năm tuổi. Chuyện vợ con của người đời, tôi chỉ hiểu đơn giản rằng, lập gia đình thì phải có con, ông lớn tuổi, đã có vợ, vậy thì ông có con, có gì lạ đâu mà thắc mắc...

“Cậu không tin hả? Tôi nói thiệt đó, vợ tôi trẻ lắm. Cậu mà gặp cô ấy có thể cậu làm là con gái tôi chứ chẳng chơi.”

“Đâu có, cháu tin chứ. Chú cứ kể tiếp đi. Vậy rồi khi bắt chú, họ có đọc lệnh bắt gì không?”

“Lệnh thì có nhưng lệnh bằng miệng thôi chứ có văn bản giấy tờ đâu. Bọn nó vô nhà nói: chúng tôi có lệnh bắt ông vì tội phản cách mạng. Rồi bảo tôi đưa hai tay lên, khám xét trong người, lôi ra xe. Vợ tôi bình tĩnh lắm, khóc thì khóc nhưng cũng gom vôi vài thứ linh tinh vào một cái giỏ lác, xách ra xe, xin tụi công an cho tôi mang theo. Nhờ vậy mà có thuốc hút, có khăn lau và mấy cái quần đùi để thay. Cũng đỡ hơn cậu há. Cậu bị bắt ngoài đường thì làm sao gia đình biết đường mà rờ. Phải chờ lâu lắm, khi nào khai cung xong xuôi mới xin cán bộ thông báo cho gia đình để thăm nuôi. Tôi bây giờ cũng chưa được thăm nuôi, nhưng ít nhất gia đình tôi cũng biết tôi hiện bị giam ở đâu. À, trở lại chuyện tôi. Như tôi nói với cậu khi nãy, thực ra tôi đâu có tham gia gì lực lượng của ông Vạn! Tôi chỉ hốt thuốc cho ông ấy thôi. Cái tội này nó nghi thì nó bắt chứ chẳng có chứng cứ khi khô gì hết. Cho nên bữa giờ bọn nó kêu tôi lên, quần hết ngày này đến ngày nọ mà có nể ra được chút manh mối nào chúng tớ tôi có hoạt động với lực lượng của ông Vạn đâu. Nhưng mà, kinh nghiệm tù cộng sản cho biết, trường hợp tình nghi cũng phiền lắm chứ chẳng phải chơi. Thà mình phạm tội gì rõ ràng, bị chúng kết án mấy năm cho xong, như vậy dễ tính, còn biết ngõ mà chờ đợi, mà tính ngày, chứ cái màn tình nghi này thì *mút mùa lệ thủy* đó cậu ơi. Chúng điều tra cho đến khi nào hết nghi, lúc đó chúng mới chịu thả. Mà đã nghi thì làm gì có chuyện hết nghi, phải không? Thà bắt lầm còn hơn bỏ sót, hừ, đó là phương châm bắt người của tụi cộng sản. Còn cậu thì sao, cậu có phạm tội rõ ràng không, hay là cũng bị tình nghi như tôi?”

Thấy ông Trọng có vẻ trực tính, cởi mở, tôi cũng chẳng ngại ngần nói ông nghe chuyện của tôi:

“Chuyện của cháu rõ ràng lắm, không phải tình nghi.”

“Hồi trưa cậu nói rằng cậu bị bắt ngoài đường, phải không. Cha, cái vụ của cậu không phải đơn giản đâu nghe.”

“Sao vậy?”

“Vi cậu bị bắt ngoài đường. Chưa hiểu à? Thường thường mấy người bị bắt ngoài đường thì một là xui xẻo gặp phải chiến dịch xét bắt tội phạm ở khắp nơi, hai là bị công an theo dõi từ lâu, ba là có người chỉ điểm. Cậu kể tôi nghe rõ hơn chút là tôi biết ngay cậu dính vào trường hợp nào. Cậu bị bắt ở đâu vậy?”

“Đạ... trên chuyến xe lam từ Hàng Xanh đi Thủ Đức.”

“Cậu đang đi đâu mà bị chặn bắt?”

” À, cháu đi theo một ông thầy...”

“Một ông sư hả?”

“Không, một ông thầy bên Thiên Chúa Giáo. Cháu chẳng hiểu rõ các chức sắc bên đó, chỉ biết đại khái ông cũng là một thầy tu, chưa thụ phong linh mục. Bạn cháu gọi ông ấy là thầy Tư.”

“Vậy là cậu cũng không quen thân ông ấy. Mới biết nhau thôi chứ gì?”

“Đúng, chỉ mới biết nhau, do một người bạn cháu giới thiệu cách đây chừng một tuần.”

“Cậu đi theo ông ấy làm gì?”

“Ừm... ông ấy hứa là sắp xếp chỗ an toàn để cháu vừa ẩn lánh công an, vừa có thể tiếp tục tham gia đấu tranh...”

“Sao mới quen mà cậu lại tin ông ấy quá vậy!”

“... Vì ông ấy có quen một vị thầy uy tín trong Phật giáo mà cháu biết, mà ông ấy lại do bạn thân cháu giới thiệu nữa.”

“Vậy rồi cậu cùng ngồi xe lam với ông ấy, cậu bị bắt, ông ấy không bị bắt?”

“Không, ông ấy không có mặt trên xe lam. Ông ấy lấy xe đạp chờ cháu đến bên xe, nói rằng ông ấy về lấy xe gắn máy đi trước và sẽ chờ đón cháu tại chợ, trước mặt bến xe lam Thủ Đức.”

“Vậy mà cậu không nghi ngờ gì hết à?”

“Ông ấy nói cháu là người đang bị truy nã, còn ông ấy là người hoạt động có chút ít uy tín bên đạo Thiên Chúa, không nên đi chung xe, dễ gây sự chú ý...”

“Ừa, vậy chứ thằng bạn thân nào của cậu, bộ hấn không có ý kiến gì về chuyện cậu đi theo ông thầy Tư à?”

Thực ra lúc này, như đã nói ở trước, tôi đã nghi ngờ về Hấn, người bạn mà ông Trọng muốn hỏi tới; nhưng tôi cố tình kể chuyện thật vô tư, không đưa ra nhận xét chủ quan nào của mình về Hấn, để âm thầm nhờ cậy sự xét đoán khách quan của ông Trọng. Tôi nói:

“Anh ấy giới thiệu ông thầy Tư cho cháu thì dĩ nhiên anh ấy cũng tin tưởng ông thầy Tư rồi.”

Ông Trọng lắc đầu nguầy nguậy:

“Tức quá! Sao lại tin cái thằng bạn trời đánh gì đó của cậu chứ! Cậu quen hấn bao lâu, hấn đối xử với cậu thế nào mà cậu giao cái mạng cậu cho hấn?”

“Anh ấy luôn tốt với cháu và anh ấy cũng cùng hoạt động chung với cháu từ bốn năm nay.”

“Cùng hoạt động mà sao hấn không bị bắt vậy hả?”

“Anh ấy cũng trốn tránh như cháu. Trốn trong một ngôi chùa giống như chùa hoang.”

“Cậu cũng trốn chung một chỗ?”

“Không, cháu trốn ở nhà một người quen, ở quận khác.”

“Thế sao cậu không ở yên chỗ đó mà lại nghe lời hấn đi theo ông thầy Tư làm gì!”

“Thì... cháu không muốn ở yên nữa, cháu muốn tìm chỗ mới, tìm cách kết hợp với một lực lượng mới... Bạn cháu thấy vậy nên giới thiệu ông thầy Tư cho cháu.”

“Té ra là vậy! Cậu cũng gan há, đang bị truy nã mà còn tính chuyện tiếp tục hoạt động! Nhưng mà, tôi hãy còn thắc mắc nhiều lắm: bạn cậu cũng trốn, cậu cũng trốn, vậy sao hấn không cùng đi với cậu theo ông Tư, lại để cậu đi và bị bắt một mình? Hấn sợ không dám hoạt động nữa hay vì lý do nào khác?”

“Anh ấy cũng muốn theo ông thầy Tư, nhưng bảo cháu đi trước để đánh giá xem thực hư thế nào rồi mới cho anh ấy biết, anh ấy sẽ theo sau. Và lại, anh ấy còn bận bịu vợ con, có một số

việc cần phải lo thu xếp trước khi quyết định đi theo ông thầy Tư hay không; còn cháu thì độc thân, muốn đi lúc nào lại chẳng được. Ngoài ra, cháu còn nghĩ: nếu có đi cũng chia nhau mà đi, lỡ có gì thì một người chịu thôi, chứ ai lại kéo đi một lúc để chết chum.”

“Cậu nói như thể cậu cần thận lắm vậy, nhưng thực ra, cậu sơ hở quá. Thứ nhất, đáng lẽ trốn được chỗ nào, cậu nên ở yên chỗ đó, đừng qua lại nhiều; thứ hai, cho dù là bạn thân, cũng không nên vì tin hấn mà tin luôn cả người do hấn giới thiệu; thứ ba, cậu không chịu dành nhiều thì giờ để tìm hiểu thêm về ông thầy Tư trước khi đi theo ông ta. Cậu gặp ông ấy chỉ một hai lần thôi, phải không? Cho dù những lần gặp gỡ đó kéo dài suốt ngày, cũng chưa thể hiểu rõ được ông ấy thực sự thuộc thành phần nào... Ôi chà, hoạt động chính trị, nhất là dưới chế độ cộng sản, phải hết sức cẩn thận mới được. À, vậy chứ cậu hẹn gặp ông thầy Tư ở đâu để cùng ra bên xe lam?”

“Ông ấy đến chùa, chỗ người bạn cháu đang ở, để đưa cháu đi.”

“Bạn cậu chơi thân với cậu lắm phải không? Ý tôi muốn hỏi, tình cảm giữa cậu và hấn có sâu đậm không, có nhiều kỷ niệm gắn bó với nhau không? Có hả. Vậy bạn cậu biết rõ cậu sẽ đi với ông thầy Tư, phải không? Hấn có tiễn cậu ra cửa không?”

“Tiễn ra cửa? Chi tiết này có quan trọng gì đâu?”

“Thì cứ trả lời đi, có hay không?”

“Không.”

“Lúc đó hấn ở đâu, làm gì mà không tiễn cậu ra cửa?”

“À... anh ấy đi ra nhà sau làm vệ sinh buổi sáng. Lúc ấy còn sớm lắm, mới sáu giờ kém. Ông Tư đến gõ cửa, cháu đã dậy sớm từ trước nên mở cửa cho ông vào. Cháu ngồi tiếp ông Tư một lúc thì ông Tư giục cháu đi. Bạn cháu thức dậy... để cháu nhớ lại xem... bạn cháu thức dậy, bước ra chào ông Tư, rồi xin phép ra sau làm vệ sinh...”

“Hấn chỉ chào ông Tư thôi, chứ không nhìn cậu à?”

“Nhìn cháu? Dĩ nhiên là có nhìn. Nhưng chi tiết này cũng đâu quan trọng...”

“Hấn đi một mạch ra sau nhà vệ sinh, có quay đầu nhìn lại không?”

“À, phải rồi, đến ngang bậc cửa, anh ấy có quay lại, nhìn cháu.”

“Rồi sau đó thì sao, cậu và ông Tư ngồi đó chờ hấn trở lại hay là ông Tư thúc cậu đi trước khi hấn đi vệ sinh xong?”

“Ông Tư giục cháu đi. Cháu thấy chuyện từ giã lúc ấy không cần thiết nên đi luôn, là vì suốt đêm trước, cháu và bạn cháu đã bàn bạc với nhau kỹ lưỡng cả rồi.”

“Ờ, kỹ lưỡng! Cậu thấy đó, kỹ lưỡng đến mức bây giờ cậu bị vào tù, còn hấn với ông thầy Tư thì ở ngoài. Tội nó giăng bẫy lừa cậu đó. Tội nó là công an, nếu không phải vậy thì cũng là đặc tình của công an.”

“Đặc tình?” tôi vừa giật mình nhưng cũng vừa hứng thú một cách khó hiểu khi thấy rằng nhận xét của ông Trọng giải đáp được mối nghi ngờ của tôi sáng nay trong lúc khai cung. Tại sao tôi chưa khai mà Long đã biết rõ quá vậy. Cách Long lấy cung tôi có vẻ như để xác định lại những chứng cứ mà hấn đã lấy được từ trước chứ không phải là hỏi những điều chưa biết. Hấn hỏi mà thực ra là chỉ buộc tôi nhận lời. Hấn đã biết đích xác những gì tôi làm.

“Cậu không biết danh từ *đặc tình* hả?”

“À, cháu biết chứ, danh từ này cháu có đọc trong một tập truyện ngắn trinh thám do nhà xuất bản Công An in. Đặc tình là loại tình báo đặc biệt do mấy anh công an tự tìm lấy, không phải là công an chính ngạch có ăn lương của nhà nước. Đại loại như vậy, phải không?”

“Đúng rồi, có khi tội đặc tình này là bạn bè, thân nhân của mình chứ chẳng ở đâu xa. Công an nhân dân bao gồm cả thứ đặc tình này đó. Nhưng đặc tình là thứ nguy hiểm nhất, vì chúng gần gũi với mình mà lại sẵn sàng bán đứng mình vì một quyền lợi nhỏ nhặt nào đó. Cậu

không bao giờ nghi ngờ thằng bạn cậu và ông thầy Tư là công an sao?”

“Không. Nhưng theo cách nói của chú, bây giờ cháu hơi ngờ rằng họ có thể là đặc tình của công an.”

“Ngờ thôi à! Cái màn gài bẫy này tôi có một người bạn cũng y hệt như cậu đó. Đây, tôi kể cậu nghe, ông ấy bị công an truy nã, ẩn lánh một nơi thật kín đáo, công an không làm sao tìm ra nổi. Công an bèn theo dõi những người bà con hay bạn thân nhất của ông ấy; công an còn nghiên cứu về sở thích, ý hướng của ông bạn tôi để tìm cách dụ ông ló mặt... Cuối cùng, một người bạn của ông ấy, bằng cách nào đó, tìm được ông, hứa đưa ông trốn một chỗ an toàn hơn. Cậu thấy chưa, một chỗ an toàn thoải mái hơn cho một người đang ẩn náu suốt nhiều tháng tại một căn hầm nóng bức, không biết gì bên ngoài. Đề nghị hấp dẫn quá làm sao ông ấy từ chối nổi. Huống chi người bạn của ông còn đưa ra cái mồi rất lý tưởng là sẽ cùng tiếp tục hoạt động... Vậy là ông theo người bạn đến ‘mật khu’ của lực lượng mới. Đi bằng xe gắn máy, người bạn ông chờ. Trên đường đi, họ ghé lại một quán cóc để uống cà phê, ăn điem tâm. Ngồi đâu chừng một lúc, người bạn của ông đứng dậy đi ra sau làm vệ sinh. Ông ấy đâu có thắc mắc gì. Người bạn đi gần đến cửa phòng vệ sinh thì quay lại, nhìn ông. Ông nói, cái nhìn có vẻ đau lòng, não ruột lắm. Vậy rồi, ngay sau đó, đâu khoảng ba phút, công an ập vào, xét giấy tờ mấy anh thanh niên, xét tất cả khách ăn uống của quán. Chẳng có ai khác ngoài ông bạn tôi bị bắt vào lúc đó, dĩ nhiên. Công an không xét kỹ phòng vệ sinh của quán nên đâu có lòi người bạn của ông ấy ra. Thấy vậy, ông mừng cho bạn ông. Nghĩ rằng bọn công an sơ sót. Vào tù, đi khai cung, ông mới biết ông bị người bạn gạt. Quá trễ rồi, phải không? Bốn năm tù, từ năm 1979 đến 1983, mới năm kia chứ đâu, ông ấy mới được tự do. Ra ngoài một thời gian, ổn định rồi, ông đi tìm người bạn đã lừa ông vào bẫy của công an để thanh toán món nợ cũ. Cậu biết kết quả ra sao không? Ông ấy không gặp được người bạn, vì người bạn ông đã tự tử, chết rồi. Ông nghĩ là hấn làm vậy vì ray rút hối hận, vì ngoài ông ra, còn nhiều người khác cũng bị hấn gạt như vậy, trong số đó, có người bệnh chết trong tù. Hấn bất nhân, bất nghĩa thật, nhưng khi đi làm vệ sinh, hấn có quay lại nhìn ông lần cuối. Ông cho rằng cái nhìn đó, chứng tỏ hấn vẫn còn chút lương tri. Ông tha thứ hấn rồi, nhưng kinh nghiệm thì nhớ mãi.”

Không rõ vì trong phòng nóng bức hay vì câu chuyện của ông Trọng kể mà mồ hôi tôi đổ ra như tắm. Tôi nhớ lại câu chuyện của tôi. Chỉ mới sáng nay thôi, khi tôi rời chùa Tân Nghĩa để theo ông thầy Tư đi Thủ Đức...



Sau một thời gian lẩn tránh trên căn gác tại nhà bà Bàng ở quận 3, tôi bỗng quyết định tìm đến Hân, người bạn cùng tôi hỗ trợ một vài công tác cho Lực Lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương.

Tâm lý của tôi lúc ấy phức tạp lắm. Tôi vừa tin Hân là người bạn tốt, có lý tưởng và nhiệt tâm mưu tìm một tương lai sáng sủa hơn cho đất nước, mà lại vừa nghi ngờ rằng Hân có dính dáng thế nào đó với công an, với cộng sản. Tôi vừa trốn lánh sự lùng bắt của công an, mà cũng vừa muốn bị công an bắt vào tù cho xong. Chạy trốn lúc đó, theo tôi nghĩ, có vẻ hèn nhát và nó chỉ hợp lý nếu trong khi trốn tôi có thể làm được cái gì ích lợi rõ rệt, hoặc ít nhất cũng có niềm tin hợp lý nào đó về tương lai của mình (như Lê Lợi xưa kia, lánh vào núi Chí Linh để cùng cố lực lượng, chiêu tập thêm nhân mã mà tiếp tục kháng chiến chống quân Minh, ông biết rằng hiền tài và nhân dân khắp nước ủng hộ ông và ông còn biết Chí Linh hiểm trở, có thể đồn quân cố thủ, chờ ngày dấy binh). Đàng này, tôi ẩn náu trong một thế giới bí bưng, suốt nhiều ngày không ra khỏi nhà, mà trong lúc trốn, tôi lại chẳng có một tia hy vọng nào về một biến chuyển chính trị

lớn trên đất nước để giải phóng toàn dân, kể cả tôi ra khỏi cái ách nạn cộng sản. Tôi chỉ có cơm ăn và chỗ ở, một ít sách để đọc. Không cần màn đêm buông xuống, tôi cũng đã thấy ngay trước mắt tôi cái vẻ mịt mù ảm đạm của một cuộc sống tù túng như vậy. Thế giới bây giờ thu hẹp lại thấy rõ vì tôi chẳng tiếp xúc ai ngoài bà Bằng chủ nhà mỗi ngày ba lần vào bữa ăn.

Căn nhà tôi đến ở là căn nhà lầu hai tầng, phía sau có xây thêm một căn nhà đúc để làm bếp và nhà kho, trên nhà kho là căn gác nhỏ. Tôi ở trên căn gác ấy. Nói ở, cho có vẻ gì đàng hoàng, ổn định, chứ thực ra, phải nói là trốn. Vâng, tôi trốn nơi ấy hơn ba tháng. Bà cụ góa chồng, sống một mình, vì người con trai lớn của bà đã vượt biên qua Mỹ, còn người con gái út thì mới lập gia đình, ra sống riêng với chồng. Bà ăn chay trường và tụng kinh Phật hằng ngày. Nghe người bạn đạo là bà Bạch Mai nói về hoàn cảnh tôi, bà đồng ý để tôi tạm ẩn nấu trên căn gác bỏ không ấy. Bà Bằng sống lủi thủi một mình như thế, tối ngày tụng kinh niệm Phật, đi chùa, ăn chay, chờ ngày đi Mỹ theo diện di dân, cho nên công an khu vực chẳng khi nào để ý đến bà. Nhưng từ lúc chứa chấp tôi, thỉnh thoảng có quà từ Mỹ gửi về, bà cũng biểu xén mấy anh công an khu vực vài gói thuốc thơm hay quà mọn gì đó để mấy anh đừng dòm ngó nhà bà, và nếu có đợt xét nhà, xét hộ khẩu, mấy anh cũng báo cho bà biết trước mà chuẩn bị. Bà cũng chu đáo sửa soạn cho tôi một chỗ nấp nếu gặp trường hợp có công an vào xét nhà. Chỗ nấp cũng thờ mộng lắm: trong hộc tủ rộng của bàn thờ Phật, nơi bà đựng một ít kinh sách và nhang đèn. Chỗ nấp do bà đề nghị gọi lại cho tôi kỷ niệm ấu thơ, lúc mới xuất gia còn làm chú tiểu, đã có lần tôi trốn vào tủ thờ bàn Phật để ngủ. Tôi hỏi bà:

“Lỡ ban đêm mấy anh công an vào xét, mở tủ ra thấy cháu nằm ở trong tủ kinh thì nói sao với họ, không lý nói rằng tôi đang nằm đọc kinh?”

Bà Bằng, cười ngất, nói:

“Nói chi mà kỳ rứa. Cứ lo chuyện trốn chứ, còn họ có bắt được thì lúc đó tính sau. Mình đề phòng vậy thôi, chứ ít khi nào họ xét nhà này lắm. Tui có dặn thằng công an khu vực rồi, có chuyện chi hẳn báo cho biết trước.”

Dù bà ấy trấn an như vậy, tôi vẫn cảm thấy kỳ cục thế nào đó khi tưởng tượng đến cảnh công an xét nhà phát hiện tôi trốn nấp. Tôi thực tình là chẳng muốn trốn nấp. Tôi muốn nếu phải bị bắt thì ngồi một chỗ cho họ vào bắt, một cách quang minh chính đại. Nhưng làm vậy thì lại phiền cho bà Bằng.

Mà cũng chính trong hoàn cảnh bí bưng và tâm lý bất an sợ phiền kẻ khác, tôi cảm nghe như thể có một hấp lực nào từ bên ngoài căn gác ấy mời gọi tôi. Vâng, sức sống tuổi trẻ của tôi lúc đó, cái nhiệt huyết thanh niên của tôi lúc đó, không muốn nằm im. Nó chưa chịu đầu hàng. Tôi không thể tự nói một câu an ủi đơn giản rằng: “Ừ thì lâu nay mi ở chùa, đã nhiều lần đóng cửa nhập thất, không tiếp xúc ai, thì nay ở yên một mình trong căn gác này, cứ coi như là đang nhập thất tĩnh tu đi! Biến cái bắt đắc dĩ thành cái mình tự nguyện, có gì mà phải nóng ruột muốn nhảy tung ra ngoài!” Không, không thể tự nói như vậy được; vì hoàn cảnh và tâm tư của tôi vào những lần nhập thất trước đây khác hẳn với bây giờ. Tâm tôi lúc này, như nước trong cái bình đang đun sôi trên lò, muốn trào ra, muốn phun ra, muốn tháo chạy bằng mọi cách, ra khỏi cái nóng bức bị dồn ứ trong ấy. Nhưng tháo ra để được sử dụng làm cái gì thật ích dụng (như nước sôi có thể được người ta sử dụng để chế cà phê, sữa, hoặc pha nước tắm) chứ không phải tháo ra chỉ để tránh né cái nhiệt độ trong bình nước. Tôi, một thanh niên tu sĩ như vậy, không lý muốn ra khỏi nhà bà Bằng chỉ để giải khuây? Tôi như một tay cờ bạc đánh ván bài tối hậu: không mong đợi ván bài huề. Tôi muốn trọn vẹn đi hết con đường mà tôi lựa chọn, dù rằng con đường này đã dẫn tôi đến thất bại để rồi phải ẩn nấp nơi nhà bà Bằng. Nhưng sự ẩn nấp nơi nhà bà Bằng chưa phải là kết quả, chưa phải là khúc cuối hoặc là chỗ đến của con đường ấy. Ở đoạn chót của con đường dẫn thân luôn luôn chia làm hai ngã: một ngã dẫn đến vòm trời tương lai đầy ánh sáng

tươi đẹp cho đồng loại mà mình hằng ao ước; một ngã dẫn đến cái hố thăm đầy bóng tối thăm sâu của ngục tù hoặc cái chết. Dù thế nào đi nữa, tự đáy lòng, tôi biết, một khi chọn lựa dẫn thân, tôi đã sẵn sàng chấp nhận một trong hai lối rẽ ấy để đi đến tận cùng cái chỗ kết thúc. Và bởi cái ma lực của cái cùng đích ấy, tôi lại hăm hở lên đường, tìm đến bạn bè cũ cùng chí hướng.

Bạn bè tôi khá nhiều, nhưng không phải ai cũng cùng chí hướng. Từ khi bị thất bại ở Long Thành và bị công an truy nã, những người bạn chỉ quen biết tôi trên mặt đồng tu, đồng học, đa phần đều e dè việc tiếp xúc tôi, nếu không nói là tránh né. Còn những người có liên hệ chút xíu về chuyện đấu tranh thì càng sợ hãi hơn, vượt biên hoặc trốn đầu mất biệt, tôi không sao tìm ra. Giả như có tìm gặp được họ, họ cũng xua tay, bảo thôi, không muốn bàn đến chính trị nữa, họ đang muốn yên thân, hoặc đang tìm cách vượt biên. Tôi cô đơn trở về lại căn gác nhỏ, tiếp tục những ngày đun nước sôi trong cái bình bất an. Và cuối cùng, tôi nghĩ đến việc tìm gặp lại Hân.

Lúc tôi mới rời Long Thành để trốn, tôi đã từng gặp Hân vài lần ở chùa Tân Nghĩa. Hân không còn là tu sĩ. Anh chỉ đến ăn nấu tại chùa với tư cách một người thế tục. Sau đó, tôi vượt biên vài lần, thất bại, về ẩn nơi nhà bà Bạch Mai. Công an bố ráp vây nhà bà ấy mà tôi thoát được ra cửa sau. Vụ công an bố ráp đó, bạn bè tôi cho là do Hân chỉ điểm vì Hân biết tôi trốn tại nhà bà Bạch Mai. Tôi nghĩ, đó chỉ là phỏng đoán thôi. Hân là một trong những người bạn thân biết tôi trốn tại nhà bà Bạch Mai, đâu phải Hân là người duy nhất. Dù sao, sau vụ bố ráp của công an tại nhà bà Bạch Mai, được bà Bạch Mai giới thiệu đến nhà bà Bằng, tôi đã rút kinh nghiệm, không cho ai biết nơi ẩn náu mới. Chính vì vậy mà giữa tôi và bạn bè có một khoảng thời gian cách mặt nhau đầu chừng ba tháng. Bây giờ tìm gặp Hân, tôi không dám chắc là anh ấy còn ở tạm tại chùa Tân Nghĩa không. Tôi đến thử, và gặp Hân tại đó.

Sự co rút của các bạn bè khác của tôi cũng phần nào đẩy mạnh tôi đến quyết định tìm gặp Hân, như là người bạn gan lì và bền chí cuối cùng có thể cùng tôi đi nốt đoạn đường dang dở. Đã nói: con đường ấy có hai ngã rẽ, mà để thực hiện cái đích của hai ngã rẽ ấy, tôi phải tiếp tục dẫn thân hoạt động, hoặc chấp nhận đưa tay cho công an bắt trói. Các bạn bè khác của tôi không ai đáp ứng hoặc tán trợ chọn lựa thứ nhất của tôi, không lý tôi tự động chọn lựa ngã rẽ thứ hai: đến đồn bắt công an để đầu thú nạp mạng? Cho nên, nói cho cùng thì chính từ nơi con người của Hân, tôi mập mờ thấy được đầy đủ cả hai chọn lựa của tôi. Hân nhiệt tình đấu tranh. Hân say mê chính trị. Hân từng hoạt động trong lực lượng đấu tranh của thầy Tuệ Sỹ từ năm 1977. Hân bị bạn bè tôi nghi có thể là tên cò mồi chính trị, giả đồ đấu tranh để báo cáo chỉ điểm cho công an những thành phần chống đối nhà nước. Hân bị tình nghi là đặc tình của công an. Hân có thể là cộng sản. Có thể nói, chính con người hai mặt của Hân gây cho tôi chút hứng thú nào đó để chọn lựa anh ta.

Nếu Hân thực tình chống lại cộng sản và sẵn sàng sát cánh với tôi tiếp tục hoạt động: tôi đã chọn được ngã rẽ thứ nhất; nếu Hân là đặc tình của công an, là đảng viên cộng sản thứ thiệt, Hân sẽ báo cáo công an đến bắt tôi: tôi cũng đã chọn được ngã rẽ thứ hai cho mình. Khỏi phải tìm đầu cho xa. Chính nơi Hân đã đầy đủ và tiện lợi nhất rồi. Hân chính là chỗ ngã ba cần thiết quyết định lối đi cho tôi lúc ấy.

Tôi cũng chẳng giấu giếm Hân ý nghĩ của tôi trong dịp chúng tôi mới gặp lại nhau:

“Bạn bè nghi là anh làm việc cho công an. Tôi bất kể họ nghĩ đúng hay không. Tôi đến đây gặp anh để xem tụi mình có thể còn làm được gì hay không sau khi lực lượng của Tuệ Sỹ, rồi của ông Lương lần lượt đổ vỡ... Tôi chưa muốn bó tay, và tôi tin rằng anh cũng cùng một ý như tôi. Tôi nói vậy là tôi hãy còn tin tưởng anh đó, phải không? Tuy nhiên, nếu cuộc gặp gỡ này lại dẫn đến chuyện tôi bị công an vây bắt, tôi nói thiệt: tôi cũng vui vẻ chấp nhận. Không phải tôi thách thức anh hay thách thức gì công an đâu. Tôi chỉ muốn cho tôi cơ hội để đi đến chung cục của ván bài, và cho anh cơ hội để biểu lộ cái tình bạn mà mấy tháng nay hầu như bị

loãng đi mất bởi những lời đồn đãi.”

Giờ đây, qua sự đánh giá thêm của ông Trọng, tôi biết là Hân đã cho tôi cơ hội mà tôi tìm kiếm. Còn cơ hội của anh ư? Ừ, có thể anh ấy cũng đã có cơ hội để biểu lộ tình bạn đấy chứ. Chưa chắc là anh ấy phản bội tôi. Chẳng phải rằng khi anh cho tôi cơ hội thì đồng lúc anh cũng cho anh cơ hội hay sao! Anh giúp tôi nhanh chóng đi đến cái chung cục của tôi như tôi muốn thì đó là anh đã chứng tỏ tình bạn của anh rồi!

Hân không muốn tôi bị bắt trước mặt anh ấy. Hân cũng không muốn tôi biết rằng anh ấy đã giăng bẫy cho công an bắt tôi. Có lẽ anh đã yêu cầu công an tôn trọng cái tình bạn và cái lương tri tối thiểu còn sót lại trong anh, và công an đã đáp ứng yêu cầu của anh bằng cách cho ông thầy Tư đến, tìm cách đưa tôi ra khỏi chùa Tân Nghĩa, tránh nơi Hân ở, đi xa, rời khỏi địa phận Sài Gòn... dần xếp như là việc bắt tôi là của công an Đồng Nai.

Tôi nhớ lại cái nhìn cuối cùng của Hân. Khi đến ngang bậc cửa, Hân quay lại nhìn tôi. Trong một thoáng quay lại của Hân, tôi thấy trong mắt anh như muốn gửi gắm một cái gì rất buồn, rất đau xót mà lúc đó tôi không hiểu nổi. Có lẽ anh muốn tiễn biệt tôi bằng cái nhìn cuối cùng rung lệ ấy. Đúng như ông Trọng diễn tả cái nhìn của người bạn đặc tình nào đó của bạn ông: cái nhìn đau xé lòng chứ chẳng phải không. Hình như Hân cũng thấy ray rứt đau khổ, dù rằng đã có lần tôi nói với anh ấy rằng tôi chấp nhận chịu vào tù.

Từ đó, tôi chợt nghĩ một cách trái nghịch rằng, chính Hân mới là kẻ đau khổ hơn tôi. Bởi vì, ai sẽ là người đau khổ giữa hai người: kẻ trong tư thế sẵn sàng ở tù thì được vào tù, còn kẻ thì vì hoàn cảnh, hoặc vì một quyền lợi nào đó, buộc lòng phải hại bạn mình! Ai là người đau khổ và đáng thương hơn? Nghĩ vậy mà tự dưng tôi lại đâm tội nghiệp cho người bạn phản bội của tôi. Cái tình thế éo le này khó mà lý giải được rằng ai đã hại ai. Và có thể nào lại kết tội Hân là phản bội khi chính tôi muốn tạo điều kiện cho anh ấy gọi công an bắt tôi. Hân có hại tôi không, hay là chính tôi đã hại anh ấy bằng sự thách thức khó hiểu của tôi? Xét từ phía tôi, rõ ràng Hân đã giúp tôi toại nguyện, được vào tù. Đâu có thể qui trách lỗi gì cho anh ấy được! Tôi thờ dài, thấy đầu óc quay mòng mòng. Tôi bị lẫn lộn, không hiểu nổi là thực ra, Hân hay chính tôi, là người có lỗi.

Riêng về chuyện chấp nhận vào tù của tôi, cái chung cục tăm tối của ngã rẽ thứ hai đã nói ở trên, có cần phải giải thích thêm gì không nhỉ? Đó là điều khó tin. Làm người, ai cũng muốn được tự do, thoải mái, đâu có ai điên khùng chọn chỉ một hoàn cảnh tù tội, khôn khó bao giờ. Nhưng nếu ở vào hoàn cảnh của tôi, hẳn người ta sẽ hiểu rằng, chuyện chấp nhận vào tù không có gì là lạ lùng khó hiểu, và có thể nói ngay là cũng chẳng có gì cao đẹp hay điên khùng trong ý niệm đó cả. Vâng, tôi cho đó chỉ là chuyện bình thường. Tôi nghĩ một cách đơn giản rằng: khi người lính xông trận, anh đã có tư tưởng sẵn sàng chấp nhận cái chết. Có thể có người không chấp nhận cái lý này, vì cho rằng người lính luôn luôn muốn được sống sót trong binh lửa, chứ không bao giờ muốn bị chết cả. Tôi đồng ý là người lính muốn được sống sót, nhưng tôi nghĩ, đồng lúc, anh cũng biết là cái chết có thể đến với anh bất cứ lúc nào; vì thế, dù muốn dù không, anh cũng có tư tưởng đón nhận cái chết. Nếu anh không ở trong tư thế sẵn sàng chấp nhận cái chết, anh sẽ không bao giờ là người lính anh dũng được cả.

Kẻ hoạt động chính trị đôi lập trong một quốc gia dưới sự cầm quyền của một chế độ độc tài cũng thế, phải biết chấp nhận cái rủi là sự thất bại, tù tội, và ngay cả cái chết. Cho nên, điều này không phải là ý niệm gì khác thường của tôi. Cũng không phải là ý niệm bệnh hoạn thích được đau khổ của một số người quá nhàn rỗi có tâm hồn nghèo đói, èo uột, chưa tìm được cái thú vui nào xứng đáng để khóa lấp cuộc đời tẻ nhạt của hấn.

Từ hậu quả tất nhiên cuối ngã rẽ thất bại, tôi chỉ muốn đón nhận nhà tù như nơi chốn lựa chọn mới để tôi có cơ hội trút bỏ hết những ước lệ xã hội mà sống trọn vẹn với chính tôi, vậy thôi. Giống như một cánh hoa rừng, nó có mặt chẳng phải để tỏa hương cho ai khác. Nó hiện hữu

và phát tiết trước tiên vì chính nó. Vạn vật chung quanh có thường thức được gì từ cánh hoa ấy là do kết quả của sự hỗ tương giao tiếp tự nhiên giữa chúng với cánh hoa chứ không có bất kỳ một chủ ý dâng tặng hay trao đổi nào giữa chủ thể và các đối tượng. Tôi sẵn sàng ở tù và bình thân vào tù là vì thế.

[TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC](#)

Chương chín

Có hai con chuột cống thật to, từ dưới lỗ cầu chui lên, chạy ngang chỗ chân chúng tôi. Ông Trọng vùng dậy, lấy một chiếc dép nhựa của ông, xua chúng chạy rồi cũng chiếc dép đó, ông bẻ cong lại, chặn ngang lỗ cầu.

“Thứ chuột qui này dạn ghê! Buổi tối chạy đi kiếm thức ăn mà không có, chúng dám gặm đỡ bàn chân của mình chứ chẳng phải chơi. Trờ lại chuyện của cậu, cậu thấy chưa, câu chuyện của cậu có khác gì chuyện ông bạn tôi đâu. Cho nên từ đầu, nghe cậu kể, tự dưng tôi đoán ngay là cậu bị gài bẫy, bị bạn bè phản bội. Tôi nghĩ, hiện giờ thằng bạn cậu được cái bằng khen, hay tiền thưởng gì rồi. Chắc hẳn đang ngồi nhậu đâu đó với mấy thằng công an... Hừ, cuộc đời chó đẻ quá! Hút thuốc không? Không à.”

Tôi nằm ngửa, đầu gối trên hai tay, nhìn lên trần. Nỗi buồn nén lại ần nấp từ đâu đó ở trên đầu, bây giờ mới chịu đổ ụp xuống ngang tim. Thực ra, trong một góc sâu kín nào đó, tôi đã thoáng nghĩ là Hân bội phản ngay khi công an chặn chiếc xe lam lại. Nhưng mặt khác, cũng chính tôi phủ nhận, xua đuổi ý tưởng đó đi. Tôi cố tình suy nghĩ một cách đơn giản rằng: tôi bị bắt vì công an theo dõi, tìm kiếm nhiều ngày, và nay họ tìm ra. Bây giờ ông Trọng lại kể thêm câu chuyện người bạn ông bị gạt, buộc lòng tôi phải tin rằng Hân đã hại tôi. Cái thực tế của cuộc đời, đâu phải cứ tô vẽ son phấn hay những mỹ từ nào lên đó thì sẽ đẹp lên. Dù tôi có nhận phần lỗi về tôi, dù tôi có vỗ ngực tự nói rằng chính tôi thích vào tù thay vì trốn nấp trong một căn gác quạnh hiu buồn tẻ, thì cái thực tế Hân báo công an bắt tôi vẫn thế, có thay đổi được tính chất nào đâu! Ôi, sao mà thâm cho cái tình bạn. Cái gì đã xui khiến Hân đối xử với tôi như vậy? Tôi không hối hận chuyện mình phải vào tù, nhưng hình như lại đau khổ nhiều vì mất cái tình bạn thiêng liêng mà tôi từng bảo vệ, gìn giữ. Phải, từ lâu, tôi bị một số bạn bè hay người thân, cho rằng tôi nhẹ dạ, cả tin, ai cũng có thể kết làm bằng hữu. Có khi người ta cảnh giác tôi, nói rằng người này xấu, người kia phản bội, kẻ nọ xảo quyệt ranh ma... không chơi được; vậy mà tôi cứ hết mình đối xử tốt và công bình đối với tất cả những người bạn bị coi là xấu và bị nghi kỵ đó. Có lẽ vì tính tôi hiếu khách, đãi bạn và luôn muốn chứng tỏ với mọi người rằng bạn bè tôi ai cũng tốt, và tôi chẳng phải là người nhẹ dạ đâu.

Thấy tôi im lặng nhìn chăm chăm lên trần nhà mà chẳng biểu lộ gì rõ rệt, ông Trọng nói:

“Này, con người cậu cũng khó hiểu đó nghe.”

“Vậy sao chú?” tôi cười hỏi lại, rồi cười thêm trong lòng, cười với chính tôi: hề mình càng muốn sống đơn giản bao nhiêu thì lại càng khó hiểu bấy nhiêu.

“Thực đó, từ lúc cậu mới bước vào phòng giam đến giờ, tôi để ý thấy cậu bình tĩnh lắm, cậu không sợ hãi, lo buồn. Biết bạn mình hại mình, cậu cũng không lộ vẻ oán trách, than thở ngắn dài... Có một cái gì vui vẻ, tự tin ở nơi cậu. Giống như là cậu biết trước cái chuyện vào tù nó sẽ xảy ra vậy. Hoặc giống như cậu là kẻ quen thuộc với thể giới ngục tù lắm. Nhưng thật ra, nhìn cách cậu thay áo quần, tắm, tiểu tiện... biết ngay là cậu mới biết mùi tù lần đầu mà thôi... Tôi nói thiệt, nếu một người nào khác không phải là cậu mà có thái độ như vậy, có thể tôi nghi ngờ rằng người ấy do công an gài vào đây để điều tra, theo dõi tôi. Chỉ những kẻ đóng kịch mới có thể không xao xuyên buồn rầu trước những chuyện rất đáng buồn, bởi vì họ biết mọi chuyện mà họ đóng chỉ là giả chứ không có thực. Nhưng với cậu, tôi biết là cậu không đóng kịch, cậu

không phải đặc tình của công an. Trục giác của tôi cho tôi biết điều đó. Tuy nhiên, trục giác của tôi không đoán nổi cậu là ai, và cả cái vốn liếng xét người của tôi từ mấy mươi năm nay vẫn chưa có khả năng nói được bằng lời rằng cậu là con người thế nào. Chỉ thấy khó hiểu, khó nói...”

Tôi cười và thấy vui với câu nói của ông Trọng về kẻ đóng kịch. Ông ấy không nghĩ là tôi đóng kịch, nhưng chính tôi nghĩ lại rằng, thực ra, tất cả chúng ta có mặt trên trần gian này là để đóng một vở kịch phức tạp. Và chính vì biết rằng mình chỉ đóng kịch, mọi dữ kiện chung quanh đều không thực, tôi mới không thấy hãi sợ và đau khổ. Cám ơn ông Trọng.

Dù vậy, vở kịch nào cũng có những bố cục hay nội dung riêng biệt và khó quên của nó. Nhớ lại cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa tôi và Hân trước khi bị bắt, tôi bỗng thấy buồn lạ trong lòng. Tôi có khó hiểu như ông Trọng nói không? Tôi có nhẹ dạ, cả tin như bạn bè và thân thuộc của tôi nói không? Tâm tính tôi có phức tạp lắm không? Hay chỉ vì tâm lý con người quá phức tạp nên không bao giờ hiểu được cái đơn giản dễ hiểu của tôi? Liệu tôi có nên rút kinh nghiệm thất bại của tôi lần này để học tập và sửa đổi con người khờ khạo, non nớt, nhẹ dạ, dễ tin của mình thành một con người lanh lợi, thâm hiểm, cứng rắn, đa nghi?

Tôi ôn lại lần cuối cùng gặp Hân trước khi bị bắt.



Chùa Tân Nghĩa tọa lạc trong một con hẻm vắng của đường Ngô Đức Kế, quận Bình Thạnh. Chủ nhân của nó là hai vợ chồng già không con, biến nó từ ngôi nhà thành ra một ngôi chùa tồi tàn với mái tôn nóng bức. Nền chùa lát gạch hoa được một khoảng trước chánh điện, diện tích còn lại một nửa là đất được nện cứng, một nửa được tráng xi măng với đôi chỗ nứt bể như những cái ổ gà. Không có phòng trú cho người giữ chùa vì hai vợ chồng đã có nhà riêng gần đó, phía sau ngôi chùa. Vách chùa không được tô, để lộ cả gạch và xi măng. Chánh điện và Tổ đường thông nhau, không có vách ngăn. Bên cạnh chánh điện là một cái bàn gỗ cũ xì, rít nhám, với ba chiếc ghế không đồng bộ: một cái là ghế dựa nhưng không ai đủ can đảm để dựa vì sự lỏng lẻo đáng ngờ của nó; một cái là ghế đầu bằng gỗ bị nứt một đường dài ở gần cạnh ghế mà nếu bất cẩn, người ta sẽ bị nó kẹp vào hông hay vào đùi một cách không thương tiếc; cái còn lại là cái đôn bằng sứ mà người ta dùng để đặt chậu hoa, nay được dùng làm chỗ ngồi. Gần chiếc bàn gỗ dùng để tiếp khách đó, sát ở góc phải của chánh điện, là một cái giường gỗ dành cho nhà sư thuộc phái khất sĩ, đạo hiệu là Giác Hải. Đối diện với cái giường gỗ, tức ở góc trái của chánh điện, là quả hồng chung cỡ trung, tương đối có tiếng ngân tốt. Sát cạnh quả chuông là vài bếp lò và một đồng tàu dĩa, vỏ dĩa và củi khô, lá khô linh tinh... Nếu không có sư Giác Hải ở đây, ắt người ta phải cho rằng đây là một ngôi chùa hoang.

Hân vì có vợ nhỏ, đã bị gia đình vợ lớn đuổi ra khỏi ngôi nhà ở bên Vân Đồn, quận 4 Sài Gòn. Hân nhờ bạn bè cho tá túc một thời gian để chờ cô vợ nhỏ sinh con. Sinh xong, cô ấy mang con về quê sinh sống với cha mẹ vì biết Hân thất nghiệp, không có khả năng nuôi nấng hai mẹ con cô. Còn lại một mình, Hân đã xin sư Giác Hải cho tá túc tại chùa Tân Nghĩa, và dĩ nhiên là phải có sự chấp thuận của hai vợ chồng chủ chùa nữa. Nhưng vì Hân rất khôn khéo trong việc chinh phục tình cảm của kẻ khác nên việc tá túc tương đối thuận lợi. Hàng ngày, Hân thỉnh chuông và quét dọn lát vạt trong chùa như một chú tiểu. Buổi tối, Hân trải chiếu ngủ dưới đất, sát bàn Phật.

Tôi đến gặp Hân tại đây vào một buổi sáng thứ Bảy, trước ngày 30/04/1985, lễ kỷ niệm “Mười năm giải phóng Miền Nam” của chính quyền cộng sản. Các bạn khác của tôi nếu biết được chuyện tôi đến gặp Hân hẳn là đều kịch liệt phản đối, khuyên can, hoặc tìm cách ngăn cản

– vì sau vụ tôi bị bắt hụt ở Long Thành và một lần ở nhà bà Bạch Mai, quận I, Sài Gòn, các bạn tôi đều cho rằng chính Hân đã báo cáo công an chỗ ẩn náu của tôi. Riêng tôi, cho đến lúc đó, tôi vẫn nghĩ rằng có thể có một sự trùng hợp hay một sự lầm lẫn nào đó khiến mọi người nghi kỵ Hân. Tôi tin rằng Hân không đến nỗi tán tận lương tâm để bán đứng cả tôi, một người em kết nghĩa của Hân, đồng thời là một người bạn mà đã có lần Hân nói là không thể tìm được trên đời. Có khi Hân còn nói thẳng với tôi rằng tôi như là ân nhân cứu tử của Hân – có lẽ anh muốn nhắc đến việc tôi liên lạc với Chương (em ruột Hân, ở Mỹ) để giải mối bất hòa giữa hai anh em về chuyện Hân lấy vợ của một người bạn vượt biên làm vợ bé. Vụ đó, Hân bị anh em ruột và một số bạn bè (mà Hân gọi là chiến hữu) tuyệt giao. Hân cầu cứu tôi, nói rằng chỉ có tôi mới có thể giải hòa được. Tôi ngần ngại. Hân kể đầu đuôi câu chuyện tình của Hân với cô vợ bé.

Cô ấy tên Thụy, là vợ của Đan, bạn Hân. Đan và người anh ruột của Hân, tên Phước, vì bị liên can vào vụ Nghĩa quân Phục quốc ám sát trưởng ty công an Đà Nẵng, phải cấp tốc trốn ra nước ngoài bằng đường biển. Nhằm lúc có Hân từ Sài Gòn về thăm cha mẹ ở Sơn Chà, Đan bèn nhờ Hân giúp đỡ giùm vợ con của anh đang còn về quê chưa lên kịp để cùng trốn đi. Hân nhận lời. Nhưng thấy tình hình Đà Nẵng căng thẳng sau vụ Nghĩa quân Phục quốc, Hân bảo Thụy gởi con cho ba mẹ Thụy giữ, rồi đem Thụy trốn vào Sài Gòn. Ban đầu, Hân còn đem Thụy vào ở ngay trong nhà mình với người vợ chính thức tên Loan. Không đầy tháng sau, Loan phát giác Hân có tình ý bậy bạ với Thụy, tìm cách tống khứ cả hai ra khỏi nhà. Hân bèn nhờ bạn bè tạm thời chứa chấp Thụy ở một vài nơi trong thành phố. Cuối cùng, lừa gạt rơm thế nào đó mà Thụy có con với Hân. Qua Loan, anh em và bạn bè của Hân biết được chuyện này, cắt tuyệt tình anh em và bằng hữu với Hân. Không nghề nghiệp, không nhà ở, lại không được sự tiếp trợ của nhóm anh em bạn bè ở nước ngoài (vốn là nguồn tài chính căn bản của Hân lâu nay), Hân lâm vào cảnh túng quẫn, bèn cho Thụy mang con mới sinh trở về quê với cha mẹ ruột (vì biết tình hình ở Đà Nẵng bấy giờ đã lắng dịu); phần Hân, vì không có kế sinh nhai, đã đến ở chùa Tân Nghĩa và thỉnh thoảng từ Sài Gòn lên Long Thành tìm tôi, cầu cứu. Tôi giúp tiền cho Hân. Chưa đủ. Hân yêu cầu tôi viết thư cho anh em và bạn bè Hân ở hải ngoại để giải thích vụ Hân với Thụy. Tôi nói:

“Chuyện như vậy có gì phải giải thích chứ. Anh có con với chị Thụy... giờ tôi phải nói sao? Bệnh vực anh à? Có lý do gì chính đáng không?”

Hân thở dài nói:

“Trời ơi, cả Khang mà cũng không thông cảm được cho tôi thì làm sao mấy người ở tận bên Mỹ thông cảm được.”

“Thông cảm... ừ, thông cảm chứ. Nhưng ở chỗ này, thực là khó nói thành lời. Anh nghĩ một thầy tu như tôi lên tiếng bệnh vực anh trong chuyện đó dễ lắm sao?”

“Chính vì Khang là thầy tu và chính vì anh em bên đó rất nể Khang, cho nên tôi biết là chỉ có Khang nói họ mới chịu bỏ qua được thôi. Hơn nữa, giọng văn của Khang, cách nói chuyện của Khang... tự nhiên người ta phải cảm thông. Giúp tôi đi. Tôi chỉ còn có mỗi giải pháp này nữa thôi. Trăm sự trông cậy vào Khang đó.”

“Giữa tôi và họ có gặp hay quen biết nhau bao giờ đâu! Khó nói quá!”

“Chưa gặp, nhưng tôi từng giới thiệu với họ nhiều lần về Khang trước đây rồi. Tóm lại, tôi tin là chỉ cần Khang viết một lá thư cho họ, họ sẽ nói lại tình huynh đệ với tôi ngay.”

Tôi đành chịu ý Hân, viết thư cho nhóm anh em ở Mỹ. Nói rằng, tôi cũng hoàn toàn phản đối chuyện Hân lấy Thụy, có con; nhưng tôi biết, ở trong hoàn cảnh của Hân và Thụy, chuyện tình cảm này nở sẽ không là điều có thể ngăn cản được. Hai người phải trốn chạy công an Đà Nẵng, vào Sài Gòn bị vợ Hân đuổi, không có tiền bạc chi tiêu, phải sống nhờ bạn bè hết nhà này sang nhà khác. Cũng chịu khổ nạn chung như vậy trong nhiều ngày, nhiều tháng, ắt phải sinh

cảm tình với nhau. Tôi kêu gọi nhóm anh em ở Mỹ vì chuyện lớn mà bỏ qua vụ đó. Và họ bỏ qua thật. Họ viết thư về cho Hân, nói lại tình anh em bạn bè và còn viết thư cho tôi để làm quen, đề nghị hợp tác dài lâu trong tương lai.



Thấy tôi đột nhiên xuất hiện sau mấy tháng biệt tăm mắt Hân sáng lên, tỏ vẻ vui mừng:

“Ồ, tưởng ai... lâu quá không gặp lại Khang. Tôi tìm Khang cùng hết.”

Hân kéo ghế mời tôi ngồi ở bàn khách, nơi chánh điện chùa Tân Nghĩa. Tôi cố giữ vẻ bình thân, dù rằng tôi cũng khá xúc động khi gặp lại người anh kết nghĩa rất thân như Hân. Tôi nói:

“Anh tìm tôi cùng khắp, chi vậy? Tôi đã nói với anh cái hôm chia tay là tôi đi vượt biên mà.”

“Nhưng tôi vẫn cứ hy vọng là Khang còn lẫn quân trong Sài Gòn này thôi.”

“Ồ, sao không hy vọng tôi thoát được mà lại hy vọng tôi còn ở đây.”

“Không phải, ý tôi muốn nói tôi vẫn có cảm giác là Khang chưa thoát được, cho nên tôi muốn tìm Khang để bàn về chuyện hợp tác với một nhóm Thiên Chúa giáo ở Thủ Đức. Để tôi nấu nước pha một chút nước trà nghe. À, Khang có nhận được thư nhắn của tôi để lại ở nhà bà Hồng, chị của Khang không?”

“Không. Lâu nay tôi đâu có ghé nhà người thân nào. Thư nhắn gì vậy?”

“Thì nhắn Khang đến để bàn về chuyện cộng tác với lực lượng của Thiên Chúa giáo đó mà.”

Tôi chận ngang:

“Chứ không phải nhắn tôi đến để báo cáo công an bắt sao?”

Hân đặt ấm nước lên lò, nói nhanh:

“Làm gì có chuyện đó!” anh thở dài, nói tiếp với giọng buồn. “Đến Khang mà cũng nghĩ như vậy thì thôi, tôi hết đất sống rồi.”

Nghe Hân nói vậy, tự dưng tôi mũi lòng ngay. Nhưng tôi cũng không ngăn được ý muốn vặn hỏi Hân rõ ràng hơn về những lời đồn đại về Hân. Tôi bước đến gần chỗ bếp, nơi Hân đang nhen lửa với vài nhánh củi khô:

“Ai cũng nói anh làm việc báo cáo cho Sở Công An thành phố. Và thật tình, đã có lúc tôi cũng tin người ta nói như vậy là đúng. Bây giờ, tôi muốn nghe chính miệng anh nói. Cứ nói thật đi. Dù sao, chúng ta cũng dễ tính toán với một sự thật hơn là những lời đồn đại, phải không? Đâu có ai che giấu một sự thật mãi mãi được. Người ta vẫn thường nói vậy mà. Cho nên, đây là cơ hội cuối cùng để anh giải thích tôi nghe, một lần thôi, về tất cả những gì mà người khác nói về anh.”

Tôi thấy nhánh củi trên tay Hân hơi run run. Nét mặt Hân thì rất tỉnh. Anh cười nhạt nói:

“Khang nghĩ sao?”

“Nghĩ về cái gì?”

“Nghĩ sao về những lời đồn đó? Khang có nghĩ là tôi làm việc cho công an không?”

“Tôi đã nói khi nãy rồi. Bạn bè tôi, cả những bạn có quen biết anh, ai cũng nói vậy, và có lúc tôi cũng tin như vậy. Nhưng bây giờ, tôi muốn nghe chính miệng anh nói. Làm sao tôi có thể tiếp tục hợp tác với anh và cả nhóm Thiên Chúa giáo nào đó khi trong lòng tôi hãy còn hồ nghi về tung tích của anh! Làm sao có được tình huynh đệ hay tình bằng hữu chân thật khi mỗi hồ nghi và lời đồn đại về anh chưa được giải thích rõ ràng trắng đen!” Tôi nói ngang đó thì củi xuống giúp Hân nhen lửa vì nãy giờ anh chưa nhúm được lò. Vừa sắp xếp củi trong lò, tôi nói

tiếp, “thực ra nếu anh làm việc cho công an thì tôi phải sợ anh chứ sao anh lại sợ tôi mà phải che giấu chứ, phải không?”

Hân thoáng tái mặt, nhưng vốn là tay bản lĩnh, anh cười to lên một tràng rồi nói:

“Khang tưởng là tôi sợ Khang hay sợ các bạn bè khác về chuyện tôi làm việc cho công an sao?”

Tôi hơi giật mình, dù rằng chính tôi cũng mong đợi sự thú nhận của Hân. Tôi quay nghiêng, nhìn thẳng vào mắt Hân, chờ Hân nói tiếp. Nhưng Hân không nói vội. Anh bốc một nắm trà nhỏ, bỏ vào bình tích:

“Chỉ vì tôi đã từ bỏ việc làm đó từ lâu, và cũng vì chưa đến lúc cần nói sự thực nên tôi chưa nói mà thôi. Hơn nữa, nếu tôi nói quá sớm, tất cả bạn bè dạt ra xa... ngay cả Khang nữa, cũng sẽ xa lánh tôi, vậy thì còn gì là tình bạn, tình anh em nữa? vậy thì làm sao có chuyện hợp tác nữa?”

“Công tác gì đó cho công an thì cần gì cái tình bạn hay tình anh em, cần gì phải hợp tác những người chống lại chính quyền chứ!”

“Khang nói vậy là chẳng hiểu gì rồi! Khang cứ nghĩ làm việc cho công an thì phải là cộng sản, phải không? Nghĩ vậy là làm to rồi. Đặc tình cũng có hạng cao hạng thấp, hạng giỏi hay dở... Có loại tình nguyện, có loại bị hoàn cảnh bó buộc... Đâu thể xét chung rồi kết luận, để rồi có thành kiến...”

Tôi bật cười lên:

“Đâu cần phải nói đến thành kiến chứ. Cứ nhìn cái thực tế trước mắt mà nói, nếu anh biết tôi là một báo cáo hay điệp chỉ viên cho công an, anh có điều gì để nói với tôi chẳng? Hay là anh cũng tìm cách tránh né tôi?”

“Không nhất thiết là phải né tránh. Cứ sống tĩnh bơ, đừng làm gì chống trái với pháp luật của nhà nước thì sợ cóc gì mấy tên điệp chỉ hay đặc tình!”

“Đến giờ này mà anh còn nói được những lời đó với tôi sao? Anh không nhớ rằng chúng ta kết giao với nhau vì cái gì sao? Chỉ vì muốn làm một cái gì đó cho quê hương, nhưng những gì chúng ta muốn làm thì luôn chống trái lại với nhà nước. Còn có khả năng nào để sống tĩnh bơ như anh nói nữa chẳng? Và lại, nếu có thể sống tĩnh bơ, không làm gì chống trái với nhà nước, tôi e rằng, giữa anh và tôi không còn gì để nói với nhau nữa. Anh bây giờ là một người thế tục, tôi là một thầy tu. Chúng ta không cùng máu mủ, không cùng trường lớp ở học đường, không cùng quê, không cùng tuổi tác... Anh sống tĩnh bơ giữa một xã hội rối loạn và đau khổ; còn tôi thì lại sống và chết không yên lòng trong cái xã hội đó. Chúng ta có chỗ nào gọi là đồng tâm hay đồng cảnh để gắn bó hay quan hệ gì với nhau nữa chứ?”

Hân xuống giọng:

“Khang chưa hiểu ý tôi. À, có lẽ vì tôi diễn đạt không đúng. Tôi nói lại để Khang nắm vững: tôi chỉ muốn nói rằng đáng lý ra, khi biết tôi từng làm việc cho công an, Khang và những bạn bè khác đừng nên sợ tôi, đừng nên lánh xa tôi mới phải.”

“Tại sao?”

“Thứ nhất, vì tôi đã hết làm việc cho họ rồi. Thứ hai, giả như tôi có làm việc cho họ thì tôi sẽ đem đến cho Khang hay các bạn bè khác, những tin tức hay biến động gì quan trọng của phía công an, chính quyền. Chẳng phải vai trò của tôi như thế là một thứ nội gián rất cần thiết cho cá nhân hay bất cứ lực lượng nào chống lại nhà nước sao? Giả như một ngày nào đó, Khang có lực lượng trong tay mà lại không biết gì hết về nội bộ cộng sản, nội bộ nhà nước, thì Khang sẽ làm được gì? Vậy là chỉ biết ta mà không biết người. Hoạt động như thế, trăm trận bại cả trăm. Cho nên, nếu biết rằng tôi bị bó buộc phải làm việc cho công an, Khang phải biết lợi dụng tôi chứ! Tôi có phải là thằng cộng sản thứ thiệt đâu! Nói thực Khang nghe điều này: năm 1980, khi

thầy Tuệ Sỹ được trả tự do, công an đã giao tôi công tác là theo dõi, báo cáo mọi sinh hoạt của thầy ấy về Sở Công An.”

Tôi nghe vậy thì lạnh mình:

“Vậy anh có đồng ý nhận công tác ấy không?”

“Có chứ sao không! Đã nói là tôi bị bó buộc mà, bộ Khang tưởng có thể từ chối được sao? Tôi là một rứa đặc tình bị bó buộc, bị cưỡng bức! Khang phải nhớ như vậy.”

“Thế rồi sao nữa?”

“Một năm đầu mới ra khỏi tù, thầy Tuệ Sỹ chỉ lo dạy học, phiên dịch kinh điển, soạn Phật học từ điển... nói chung là chỉ làm các công tác văn hóa, nên công việc báo cáo của tôi cũng đơn giản, không có gì đáng nói. Đến cuối năm 1981, thầy Tuệ Sỹ bắt đầu thành lập lực lượng gì đó, lấy nhân sự lớp học mà Khang có tham dự làm thành phần nòng cốt. Lúc đó, tôi có đến chùa Già Lam, xin gặp mặt thầy ấy. Ban đầu, ông có ý tránh né tôi, nhưng sau đó, cũng nhận lời. Tôi nói thẳng với ông ấy; việc thầy tổ chức đấu tranh chống lại nhà nước đã bị lộ, Sở Công An thành phố đã biết và họ đặc trách tôi công tác theo dõi mọi hoạt động của thầy để báo cáo cho họ mỗi tuần. Sở dĩ tôi nói thầy biết điều này là vì tôi tin rằng thầy đủ bản lĩnh để chấp nhận lá bài đặc tình của tôi như là một gián điệp đôi, một thứ nhị trùng, đi lại giữa công an và lực lượng của thầy. Tôi bảo đảm điều này có lợi cho thầy chứ không hại gì hết. Vì khi báo cáo cho công an, tôi chỉ báo cáo những tin tức và sinh hoạt không quan trọng, tóm lại là những tin tức láo; trong khi đó, thầy lại nắm được những tin tức thật về phía chính quyền do tôi cung cấp và nhờ vậy, thầy có thể căn cứ vào tình hình và tin tức đó mà tiến hành những công việc của thầy.”

“Vậy rồi thầy ấy nói sao? có đồng ý không?”

Hân thờ dài:

“Nếu đồng ý thì chưa chắc giờ này ông ấy bị ngồi tù! Khang biết không, sau khi nghe tôi nói vậy, ông ấy không bao giờ chịu tiếp tôi nữa. Làm chính trị kiểu đó thì chết toi là cái chắc. Biết sao không? Điều này tôi có nói cho ông ấy rồi, bây giờ tôi nói lại Khang nghe. Tôi nhấn mạnh cho thầy Tuệ Sỹ biết: lá bài đặc tình như tôi mà thầy không tin, không dùng, thầy sẽ bị công an gài một đặc tình khác vào thay thế tôi. Khang thấy có tai hại không? Tôi, dù sao cũng là người nhà. Nếu tôi có báo cáo gì đi nữa thì tôi vẫn còn biết nghĩ đến tình huynh đệ, tình đồng đạo, biết sợ nhân quả, biết giữ đức cho con cháu, chắc chắn tôi không đến nỗi phải bán đứng thầy Tuệ Sỹ cho công an; chứ gặp một đũa đặc tình nào khác, nó có từ bỏ thủ đoạn hay hành động thất đức nào đâu. Đến lúc đó thì thầy Tuệ Sỹ coi như nằm gọn trong tay công an rồi. Chắc Khang còn nhớ, năm 1977, khi thầy Tuệ Sỹ rời Nha Trang vào Sài Gòn, cùng thầy Lê Mạnh Thát thành lập Lực Lượng Việt Nam Tự Do, lúc ấy tôi cũng là một thành viên nòng cốt của lực lượng chứ có phải là người xa lạ gì! Bây giờ, thầy ấy trong tù ra, tiếp tục hoạt động, lại từ chối tôi, xa lánh tôi, không dám sử dụng cái chiêu *gây ông đập lưng ông*, không dám lợi dụng tôi để nghe ngóng tin tức và tình hình của địch, vậy thì chẳng khác nào đánh địch trong bóng tối, đánh quờ quạng, đánh lung tung, hậu quả thế nào thì biết chắc rồi. Công an nó thấy, nó nhìn, nó theo dõi mình mà mình có theo dõi được công an đâu! Muốn nhìn phải có mắt, có tai. Cái tai, cái mắt đó chính là cái thằng đặc tình bắt đắc dĩ như tôi đây nè. Tại sao các thầy, các anh, ngay cả Khang nữa, lại đẩy tôi, xô tôi đi về phía công an chứ? Tại sao không chịu chấp nhận tôi? Thử nghĩ coi, công an thấy tôi không có khả năng xâm nhập vào chùa Già Lam, không có khả năng tiến gần đến thầy Tuệ Sỹ thì chúng phải tìm một đặc tình khác mà cài vào. Mà đặc tình khác là ai? Tôi còn không biết được thì làm sao thầy Tuệ Sỹ biết! Mà đã không biết thì mỗi ngày còn to lớn gấp trăm lần hơn việc chấp nhận một đặc tình quen biết như tôi. Khang có thấy vậy không?”

Chế nước sôi vào bình trà, tôi nói:

“Nói như anh nghe cũng có lý. Nhưng đó là trên lý thuyết...”

“Lý thuyết gì! Đó là cái thực tế. Tôi không nói chuyện lý thuyết đâu. Cái thực tế trước mắt mình là thầy Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, và cả Khang nữa, đều đang đứng về phía đối nghịch với chính quyền. Các anh đều đã có lực lượng, có hoạt động chống lại nhà nước hay ít nhất cũng có dính líu đến các lực lượng chống cộng khác ở trong hay ngoài nước. Mà đã có thì các anh ấy và Khang đã bước vào thực tế rồi đó, chứ còn lý thuyết gì nữa!”

“Ý tôi muốn nói là trên lý thuyết, lá bài đặc tình của anh có lợi cho thầy Tuệ Sỹ thật, vì dù sao, anh cũng đã từng hoạt động chung với thầy trước đó. Nhưng trên thực tế, lá bài đặc tình nếu được cả hai bên chấp nhận thì nó phải làm lợi cho cả hai bên. Anh vừa có lợi cho thầy Tuệ Sỹ, vừa có lợi cho công an, phải vậy không? Nếu anh không làm lợi gì cho công an thì công an đâu cần anh nữa. Mà nếu anh vẫn còn có lợi cho công an thì chắc chắn là ở mặt nào đó, anh sẽ mang hại đến cho thầy Tuệ Sỹ. Ngược lại cũng vậy, anh có lợi cho thầy Tuệ Sỹ thì cũng có hại cho công an, ở một mặt nào đó.”

“Nhưng nếu Tuệ Sỹ tin tôi, biết dùng tôi, bàn luận với tôi, chấp nhận tôi như một thành viên thuộc lực lượng của ông ấy thì phần hại sẽ ở trong mức tối thiểu. Ông ấy đã không làm vậy và cuối cùng thì như thế nào, Khang đã rõ. Ông lại vào tù lần nữa!”

“Anh có dính líu gì trong vụ thầy Tuệ Sỹ bị bắt không?”

“Nếu thầy Tuệ Sỹ chấp nhận tôi, cho tôi tham gia lực lượng của thầy ấy dù biết rằng tôi là đặc tình của Sở Công An, tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu ông ấy bị bắt. Đảng này, thầy xa lánh tôi nên công an gài một đặc tình khác vào chùa Già Lam. Và thầy bị bắt là do đặc tình ấy, làm sao đổ tội cho tôi được! Mà thôi, chuyện ấy đã qua rồi. Bây giờ có bàn cũng chẳng cứu được ông. Điều trước mắt cần nói là tình trạng của Khang hiện nay cũng như những gì cần phải làm trong những ngày sắp tới.”

“Vậy thời gian cùng tôi hoạt động trên Long Thành... liên kết với lực lượng Phục quốc của ông Lương... lúc đó anh còn làm đặc tình không?”

“Dĩ nhiên là không rồi. Vụ thầy Tuệ Sỹ bị bắt năm 1984, tôi cũng lo trốn luôn công an vì sợ họ lôi vụ cũ của năm 1977 ra mà kết tội. Bộ Khang không thấy là suốt thời gian đó cho tới nay, tôi không có chỗ dung thân sao. Sau vụ công an vây bắt lực lượng Phục quốc của ông Lương tại Long Thành, không phải cả Khang và tôi đều trốn chui trốn nhủi sao! Thực ra, khi gài tôi vào lực lượng của thầy Tuệ Sỹ mà không được, công an đã không tin nhiệm tôi mà chính tôi cũng đã quyết định trốn khỏi vòng kèm tỏa của họ rồi. Nghe tin thầy Tuệ Sỹ bị bắt, tôi buồn bã rời Sài Gòn, rồi tìm đến Khang, cộng tác với Khang để mong chuộc lại những tai tiếng đã mang với đời, với bạn bè... Bây giờ, tôi đang là thứ dân bất hợp pháp, cũng sống ngoài lề như Khang thấy nè. Mỗi tối tôi quán cái mèn rách mà ngủ dưới đất. Nếu còn làm đặc tình cho công an, ít nhất tôi cũng tìm được chỗ ở khá hơn chứ.”

Chúng tôi trở lại bàn khách, im lặng uống trà, cả hai đều chờ đợi người kia nói trước. Hân đốt điếu thuốc. Trời đứng bóng. Nắng hè gay gắt, chói chang trên con đường đất chạy ngang trước sân. Tôi mở lời:

“Sau vụ Tuệ Sỹ, rồi đến vụ ông Trần Văn Lương, anh nghĩ là mình có nên tiếp tục bày thêm một keo khác nữa chẳng?”

“Cái đó tùy nơi Khang mà thôi. Bây giờ Khang biết tôi đã từng làm đặc tình cho công an trước đây, liệu Khang có đủ niềm tin và bản lĩnh để cùng tôi bày một keo khác không?”

Thấy tôi còn do dự, suy nghĩ, Hân tiếp:

“Quên hết Tuệ Sỹ, Trần Văn Lương hay mấy người bạn ở chùa của Khang đi. Chúng ta làm lại từ đầu, từ con số không. Bây giờ, tất cả là do Khang đó. Khang quyết định làm gì thì chúng ta cùng bắt tay làm.”

“Anh nghĩ là cái gì nơi anh khiến tôi tin tưởng để tiếp tục hợp tác khi mà thầy Tuệ Sỹ và

Lê Mạnh Thát đã vào tù, các bạn tôi trốn lánh phiêu dạt tứ tung...?”

“Vậy có nghĩa là Khang cũng như những người bạn kia, đều cho rằng tất cả đổ vỡ là do tôi chứ gì?” giọng Hân như mếu máo lúc đó, tôi thấy điều thuốc trên tay anh rung rung. “Không lý Khang chẳng nhớ rằng khi Hòa thượng Trí Thủ bị công an mời xuống *làm việc* tại Sở Công an Thành phố, đã được cho nghe cuốn băng hỏi cung Lê Phát, trong đó, Phát đã khai tất cả sự thật về mọi hoạt động của thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hay sao? Còn vụ ông Trần Văn Lương ở Long Thành, nếu tôi báo cáo thì làm sao ông ấy, và cả Khang nữa, có thể thoát được chứ? Tại sao chỉ có tay chân của ông ấy bị bắt thôi? Những chi tiết đó không đủ chứng minh rằng tôi không dính líu vào hay sao?”

“Nhưng tại sao... trong quá khứ, vì lý do nào, anh lại phải cam tâm làm một đặc tình cho công an chứ?”

“Ai mà ham làm chuyện đó. Chỉ vì bó buộc thôi,” ngưng một lúc, Hân tiếp, “Năm 1977, khi thầy Tuệ Sỹ bị bắt vì tôi cư trú bất hợp pháp tại quận Bình Thạnh, lực lượng bị đổ vỡ theo, thầy Từ Mẫn trốn ra nước ngoài, những người khác, kể cả tôi, chạy tán loạn. Năm sau, tôi ra Phan Thiết vượt biên, thất bại và bị bắt. Trưởng trại Hàm Tân để ý tôi sao đó, thả tôi ra với điều kiện tôi phải làm việc cho công an. Hắn cho tôi vài ngày để suy nghĩ. Với chủ ý thoát ra được khỏi tù rồi cái gì đó sẽ tính sau, tôi chấp thuận đề nghị của hắn và được hắn giới thiệu cho Sở Công An thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó tôi trở thành đặc tình.”

“Tại sao không chịu... ở tù, như bao nhiêu người khác. Cần gì phải chấp nhận làm đặc tình!”

“Tại Khang không có vợ con nên không hiểu nổi. Lúc đó tôi nhớ vợ con ghê lắm, chịu không nổi, phải nhận lời. Huống chi, tôi cũng có hy vọng là làm việc cho họ mình mới hiểu rõ họ như thế nào mà tìm dịp chống lại.”

“Vậy rồi từ năm 1978 đến nay, 1985, là 7 năm... anh đã hiểu phương thức làm việc của công an rồi chứ gì, vậy chưa đủ cho anh để từ bỏ công tác đặc tình à? Sao không tìm cách trốn đi?”

“Đã nói rồi, hiện giờ tôi không còn làm đặc tình nữa, tôi đang trốn họ vì vụ Phục quốc Long Thành như Khang vậy. Có điều, trốn đi thì chưa có cách nào cả. Thực ra, đầu phải chờ đến lúc thầy Tuệ Sỹ bị bắt tôi mới từ bỏ công tác đặc tình! Lúc tôi ra Đà Nẵng năm 1981 là lúc tôi tìm đường thoát thân đó. Nhưng không may bị kẹt lại... để rồi có con với Thụy và mới đây lại bị họ bắt, kiểm điểm, khiển trách, hăm dọa đủ thứ chứ đâu có dễ như Khang nghĩ. Hồi đó, tôi bị đặt vào một hệ thống đặc tình, họ gọi là tổ tam tam. Tức là một tổ gồm có ba người, mỗi người trong tổ được công an giới thiệu thêm hai người khác hoặc tự tìm thêm hai người khác với sự chấp thuận của công an, để lập riêng thêm một tổ khác nữa. Như vậy, sơ sơ trước mắt là 4 tổ rồi; nhưng bản thân một tổ viên chỉ biết được hai người trong tổ nguyên thủy của mình, cộng thêm hai người trong tổ mới lập thêm; còn ngoài ra, chẳng biết ai cả. Trong khi đó thì công an lại nắm vững tất cả các tổ viên của các tổ. Họ cho tổ này theo dõi tổ kia, đặc tình này theo dõi đặc tình nọ. Riết rồi mình nằm trong một mạng lưới khổng lồ, chẳng dám cựa quậy gì hết. Chuyện gì của mình công an cũng biết. Chán vô cùng, nhưng phải chịu chứ chẳng biết sao để thoát ra.”

“Nhưng đặc tình của các anh đâu có làm việc suốt 24 giờ đồng hồ, phải không?”

“Ừ, mỗi người còn có việc phải làm để sinh nhai như bao nhiêu người dân khác vậy thôi. Mỗi tuần phải gặp nhau một lần để kiểm điểm, báo cáo.”

“Vậy thì vẫn có cơ hội để làm những việc riêng, vẫn có cơ hội để trốn đấy chứ!”

“Ừ, một số đặc tình đã thoát được ra khỏi mạng lưới ấy bằng cách trốn ra nước ngoài. Nhưng tôi thì không được.”

“Vì sao?”

“Vi tôi bị hăm dọa.”

“Hăm dọa thế nào?”

“Vợ con tôi, Khang biết đó: hai bà, mỗi bà một đứa con. Bà thứ hai là Thụy ở Đà Nẵng thì công an chẳng biết, chẳng để ý gì. Còn bà Loan thì ở đâu, làm gì, công an đều biết. Họ nói nếu tôi có ý đồ phản họ hoặc trốn đi thì vợ con tôi sẽ không được yên đâu, có thể bị đẩy lên vùng kinh tế mới hoặc một hình thức trừng phạt nào đó. Nhưng đó là nói thời gian trước, chứ bây giờ tôi bỏ trốn rồi, và chuyện tụi nó hăm dọa tôi không còn ảnh hưởng gì nữa, vì tôi với bà Loan đã ly dị. Không phải chính miệng bà ấy đòi ly dị đâu, chính tôi đề nghị đó. Vì ly dị bả rồi, tôi mới không bị ràng buộc bởi sự hăm dọa của công an nữa.”

“Vậy thì đi vượt biên cho rồi chứ lẩn quẩn ở đây làm gì nữa chứ!”

“Nói như Khang thì dễ quá. Vậy chứ sao Khang không vượt biên đi, lại còn ở đây? Khang có phật tử, có bạn bè ủng hộ chuyện vượt biên, khỏi phải lo tiền nong gì hết; phần tôi, muốn vượt biên ít nhất phải có hai lượng vàng, tôi đào đâu cho ra. Đó là chưa kể chuyến đi có có bảo đảm không. Dính vào tù lần nữa thì ăn nói sao với tụi công an?”

“Vậy anh tính sao cho ổn chứ không lý cứ nằm ì ở cái chùa hoang này rồi một ngày nào đó công an bắt được, lại buộc anh làm đặc tình cho họ. Đến lúc đó... anh sẽ bán đứng hết người này đến người khác, gieo tội lỗi ngập đầu chỉ vì để tự bảo vệ mình, anh có biết không?”

Hân nhìn tôi, thờ dài, lắc đầu, hớp một ngụm trà; một lúc, Hân nói với giọng tình cảm mà rất sâu sắc:

“Khang à, tôi muốn nói một câu chân tình với Khang rằng, dù thế nào đi nữa, trong mắt tôi, trong lòng tôi, Khang vẫn là một người bạn, hay hơn thế nữa, một người ân của đời tôi. Cho nên, sau này, lỡ tôi có bị bắt làm đặc tình trở lại, tôi cũng không làm sao có thể làm bất cứ điều gì phương hại đến Khang được. Thời gian còn làm đặc tình, nói thật với Khang, tôi có hại ai đâu. Tôi chỉ báo cáo những gì mà tôi nghĩ là công an ắt phải biết, những gì khá lộ liễu mà tôi thấy rằng nếu tôi không báo thì một đặc tình khác cũng báo. Tôi từng theo thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hoạt động chống cộng năm 1977 để đến nỗi phải chạy trốn, vượt biên rồi vào tù, làm sao có thể xoay chiều một trăm tám chục độ để theo cộng sản mà chống lại chiến hữu của mình được chứ. Chỉ vì hoàn cảnh mà thôi, và cũng chỉ trong một giai đoạn tạm thời nào đó thôi. Nếu có cơ hội thoát khỏi mào lưới của họ, hoặc được bảo vệ bởi một lực lượng chống cộng nào vững mạnh, sức mấy tôi chịu cam tâm làm đặc tình cho bọn ung khuyến chứ. Cho nên, dù thế nào, Khang cũng phải vững tin rằng tôi luôn luôn đứng về phía dân tộc, đứng về phía Khang, phía chính nghĩa, chứ sao có thể đứng về phía cộng sản được!”

“Nhưng cái niềm tin nơi chính nghĩa của anh, sao tôi nghi ngờ quá. Lấy ngục tù hay kinh tế mới ra hăm dọa thì tự dung cái chính nghĩa đó đang căng đầy bỗng xìu xuống ngay! Tôi chưa nói anh nghe hết những gì bạn bè nguyện rửa anh, thậm chí nguyện rửa luôn cả tôi vì chính tôi giới thiệu anh cho họ.”

“Họ nói gì?”

“Từ hôm Tết đến giờ, bốn tháng rồi, công an lùng sục khắp các chùa, bóc rập tất cả những tư gia nào có liên hệ với tôi. Từ Sài Gòn, đến Long Thành, Châu Thành, Thủ Đức, Biên Hòa, Hồ Nai, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu, cho đến Nha Trang, Bình Định, rồi Hội An, Đà Nẵng, Huế; ở miền Tây thì Long An, Mỹ Tho, Cần Thơ... Không phải chỉ tìm bắt tôi mà thậm chí tất cả những bạn bè thân hay chỉ quen biết tôi cũng đều bị theo dõi, hoặc mời về đồn bắt công an để làm việc. Tôi nghe họ nói, nơi nào có anh đến hỏi thăm tôi, nơi đó có công an đến kiểm tra hộ khẩu, lục soát. Điều này nói lên cái chính nghĩa nào đây? Phải chăng vì đại cuộc mà anh sẵn sàng dâng hiến bao nhiêu tu sĩ trẻ và công dân yêu nước cho cộng sản? hay chỉ vì an ninh của cá nhân, của gia đình anh?”

“Mấy ông thầy chùa lắm to hết rồi. Thực ra, chuyện công an xét hộ khẩu, lục soát chùa chiền hay tư gia là chuyện thường thôi. Lâu lâu họ mở một chiến dịch kiểu đó. Làm sao biết được rằng những cuộc lục soát như vậy là nhắm vào Khang hay các bạn bè của Khang chứ? Và làm sao biết được những vụ đó là do tôi chứ? Khang chạy trốn, tôi cũng chạy trốn, trốn tới đâu, tôi hỏi thăm Khang ở đó, có gì lạ chứ. Mà thực ra, chỉ tại Khang và các bạn bè của Khang có tật nên giật mình thôi. Đừng sợ. Những vụ bố ráp như vậy là nhằm chiến dịch gì đó, chẳng liên can gì đến vụ của Khang đâu!”

Tôi bật cười lên một tiếng, nói:

“Tôi không cần những lời trấn an của anh đâu. Anh không nhớ rằng, sáng ba mươi Tết vừa qua, tức là ngày lực lượng Phục Quốc của ông Trần Văn Lương bị đổ vỡ, hàng trăm nhân sự ở Long Thành kẻ bị bắt, kẻ ra đầu thú, kẻ bỏ chạy tứ tán, riêng một mình tôi ở lại đón Tết ngay tại chùa suốt nửa tháng đầu năm hay sao? Tôi đã chấp nhận cho công an vào chùa bắt tôi mà. Nhưng rồi chính anh cho người lên nhắc tôi về Sài Gòn gấp để gặp Thượng tọa Đức Nhân... Chắc anh chưa quên chuyện đó, phải không? Nhắc lại để anh nhớ rằng, thực ra tôi không sợ chuyện vào tù đâu. Tôi có chủ trương riêng của tôi. Làm được gì cho quê hương thì làm. Thất bại thì vào tù hoặc nhận cái chết, đâu cần phải trốn chạy. Anh hiểu tôi ở điểm đó nên mới mượn danh Thượng tọa Đức Nhân để kéo tôi ra khỏi vùng Long Thành mà về Sài Gòn. Từ đó, tôi trở thành một kẻ đào ty, lẩn trốn công an, hết chỗ này đến chỗ khác, từ nhà này sang nhà kia. Thực ra, cần gì phải làm thế! Từ xưa người ta đã từng nói: *có sức chơi có sức chịu*. Ừ, thì tôi đã chơi một ván bài, tôi phải chấp nhận sự may hay rủi, thắng hay bại. Tôi thích vậy hơn. Nhưng rồi chính anh, cộng thêm lời khuyên của Thượng tọa Đức Nhân nữa, khiến tôi đổi ý để rồi bày ra một trò chơi khác: trò chơi cút bắt, kéo dài nhiều ngày nhiều tháng... Dĩ nhiên, tôi không có ý trách gì lời khuyên của Thượng tọa Đức Nhân cũng như của anh vào lúc ấy. Tôi cảm ơn mới phải. Vì thương quý tôi mà Thượng tọa và anh đã khuyên tôi lẩn trốn. Nhưng chỉ vì cá nhân tôi mà công an Sài Gòn và tỉnh Đồng Nai có cơ để lùng sục khắp các chùa, các tư gia, phiền hà đến bao nhiêu người quen biết khác của tôi, điều này tôi thực chẳng yên lòng chút nào. Cho nên, tôi nói thực, tôi muốn bị bắt ngay chính trong chùa của tôi ở kinh tế mới, chứ không muốn trốn chạy. Tôi cũng không sợ hãi chuyện ở tù đến nỗi ép mình làm đặc tình cho công an giống như anh đâu. Bằng chứng là trong khi mọi người nghi ngờ anh là đặc tình của công an, tôi vẫn đích thân đến đây tìm anh đó. Tôi nói rõ như vậy để anh biết, tôi không cần ai trấn an, phủ dụ, cũng không sợ ai hăm dọa, khùng bố đâu.”

Hân nóng mặt, đưa đôi mắt sắc lẹm nhìn tôi, nói:

“Ừ thì Khang can đảm, Khang anh hùng, vậy thì tốt chứ sao. Tôi chạy theo cả đời cũng chưa bắt được. Nhưng... cái đầu óc của Khang cứ luôn luôn tưởng tượng, phóng đại, bao giờ cũng nghĩ mình là nhân vật quan trọng đến nỗi công an phải tìm kiếm truy bắt ngày đêm vậy!”

“Anh đừng có làm bộ ngây thơ không biết. Cái tưởng tượng nào của tôi khiến cho ngày rằm tháng giêng, sau khi tôi nghe lời anh trốn về Sài Gòn, công an tỉnh Đồng Nai xông vào chùa tôi? Rồi cái phóng đại nào của tôi mà sau đó, vì bắt không được tôi, họ cho hợp tất cả đồng bào trên vùng kinh tế mới Long Phước và Bàu Cạn để tuyên bố đích danh tôi là cố vấn chính trị của lực lượng Phục Quốc do ông Trần Văn Lương cầm đầu? Ngay sau đó, họ tung ra lệnh truy nã và món tiền thưởng năm chục ngàn cho ai bắt được hoặc chỉ điểm nơi ẩn trốn của tôi... làm náo động cả vùng kinh tế mới cho đến thành phố Sài Gòn và các tỉnh phụ cận. Tôi không cho rằng tôi quan trọng. Tôi cũng không ham được người khác phong cho tôi cái tầm quan trọng đó. Sở dĩ tôi phải nhắc lại chuyện đó vì muốn nói với anh rằng, nếu thực tình cần bắt tôi, hãy bắt đi, tôi không trốn chạy. Tôi có thể ngồi yên nơi đây hai giờ đồng hồ nữa để chờ đợi anh gọi công an đến. Chỉ

xin các anh một điều là đừng quấy nhiễu đến các chùa và bạn bè hay thân nhân của tôi nữa.”

Nghे tôi nói vậy, Hân cười khẩy một cái rồi đốt thêm điếu thuốc khác. Im lặng một lúc khá lâu.

“Nói vậy là Khang cũng cùng một ý với bạn bè, cho rằng những sự việc trên là do tôi, phải không? Và dù nãy giờ tôi đã giải thích, nhắc tới nhắc lui mấy lần là tôi đã bỏ trốn, không làm đặc tình nữa, Khang vẫn cứ nghi ngờ, phải không?”

“Tôi chưa kết luận. Tôi còn chờ xem anh có thể giải thích gì được rõ ràng hơn cho những chuyện ấy không.”

Hân đến chỗ bếp nhắc cái bình nhôm đen thui châm thêm nước sôi vào bình trà. Quay trở lại, Hân nói:

“Thực ra, nói kiểu như Khang: hãy bắt tôi đi, *đừng quấy nhiễu các chùa và bạn bè thân thuộc của tôi nữa...* thì vẫn chỉ là cách nói mà thôi. Cái chuyện đó đâu cần phải nói với tôi và tại sao tôi phải làm cái chuyện đi báo công an đến đây bắt Khang! Khang biết tôi không lòng nào làm được chuyện đó nên mới thách thức như vậy thôi. Ô, cần gì thách thức chứ, đầu thú, đưa tay cho họ còng, luôn tiện yêu cầu họ đừng khám xét làm phiền các chùa nữa, vậy thì xong thôi.”

Tôi cười:

“Đâu có dễ dàng chịu thua như vậy, hờ anh Hân? Nếu tôi cũng nghĩ đơn giản như anh thì tôi đến thẳng Sở công an rồi, cần gì phải ghé đến đây tìm anh! Anh nghĩ lại xem, mấy ngày Tết, tôi nằm trong thư viện của tôi ở kinh tế mới, vừa đọc sách vừa chờ đợi công an vây chùa. Nếu tôi bị bắt vào dịp đó có phải là quá hay không! Anh làm lỡ mất cái cơ hội đó của tôi bằng cách cho người đến nhắn tôi về Sài Gòn gấp, biến tôi thành một kẻ lẩn trốn loanh quanh. Bây giờ anh nghĩ xem, tôi tự đem thân ra đầu thú, coi có được không vậy? Muốn bắt tôi thì cũng phải đem trí mưu với súng ống đạn dược ra mà lùng sục tìm kiếm, chẳng lẽ ngồi không một chỗ chờ tôi đến xin hàng à?”

Hân nhìn tôi một lúc lâu, có vẻ sững sờ. Một lúc, anh dịu giọng xuống, nói rất tình cảm:

“Xin lỗi Khang. Tôi thực tình xin lỗi Khang đó.”

“Xin lỗi chuyện gì?”

“Khang nói đúng, hoàn cảnh của Khang hiện nay một phần nào cũng do tôi tạo ra. Khang thực ra chẳng giống tôi chút nào. Nhớ lại bốn năm trước, khi mới quen nhau ở sân chùa Ấn Quang, Khang nhớ hử, ừ, lúc đó thấy Khang non choẹt, mới hai một tuổi mà có uy tín sớm trong giới tăng sĩ trẻ, lại được sự tin cậy của mấy vị Hòa thượng tài đức, tôi chợt có ý nghĩ ngông cuồng là sẽ đào tạo, uốn nắn Khang thành một nhân vật chính trị có tầm vóc... để thực hiện giấc mộng của tôi. Giấc mộng ấy, tôi cuu mang từ hồi hai mươi bốn tuổi, thời gian hoạt động chung với thầy Tuệ Sỹ năm 1977. Từ vụ đổ vỡ năm ấy, lún sâu vào công tác đặc tình, tôi đánh mất tất cả bạn bè, không còn uy tín gì để nói chuyện với ai khác, nên giấc mộng ấy kể như chôn theo bước chân lầm lỡ. Gặp Khang, tôi muốn quật nó lên lại. Cả quyết định từ bỏ đặc tình cũng bắt đầu từ lúc tôi đặt hy vọng vào Khang, năm 1981. Tôi muốn mượn Khang làm bình phong, làm biểu tượng để qui tụ nhân lực dưới trướng mình... Tôi đánh giá cái sức thu hút của Khang đâu đến nỗi sai. Nhưng tôi thật là lầm khi cho rằng tôi có thể ảnh hưởng Khang mọi mặt. Thực tế cho thấy, Khang vẫn là Khang, tôi vẫn là tôi, mỗi đứa mỗi tánh, đã không giống nhau mà có vẻ như là đối nghịch nhau nữa. Tôi thì quý quyết, tinh ma quá. Còn Khang thì lại thật thà, ngây thơ, dễ bị lừa gạt...” Hân có vẻ nghẹn ngào, ngó ra sân một lúc, rồi tiếp, “Làm chính trị dưới chế độ này mà ngây thơ như Khang, thất bại là chuyện thấy rõ; nhưng đôi khi tôi lại muốn được một chút xíu cái ngây thơ của Khang đó. Vâng, cái ngây thơ nhân hậu làm tâm hồn mình sáng ngời, trong khi sự giao hoạt ranh ma chỉ làm mờ tối lương tri mình thêm mà thôi. Tôi bây giờ giống như một kẻ sống trong bóng tối. Chung quanh tôi là một vũng tối. Thế giới của tôi chỉ là một màu đen.

Tôi thực sự là không có tương lai...”

Hân khóc. Tôi cũng không ngăn được xúc động. Tim tôi lúc nào cũng sẵn sàng mũi lòng như thế. Cả hai im lặng một lúc lâu. Tôi rót trà thêm vào tách của Hân, của tôi, rồi nói:

“Chẳng có thứ bóng tối nào tồn tại lâu dài. Anh thừa biết chuyện đó mà. Huống chi chính anh lại nhận thức được nguyên do tạo nên nó. Bỏ qua hết đi, Hân à. Chúng ta gây dựng lại từ đầu nha.”

Hân rơm rớm nước mắt nhìn tôi:

“Khang vẫn còn tin là có thể hợp tác với tôi, làm việc chung với tôi sao?”

“Nếu không vượt biên được, anh chỉ còn một cách duy nhất để phá tan cái bóng tối kia bằng ngọn lửa đấu tranh chân tình và quyết liệt nơi anh mà thôi.”

Hân gục gặc, đồng ý. Tôi nói tiếp:

“Anh nói lực lượng nào đó của Thiên Chúa giáo hở? Anh quen họ thế nào?”

“Do Thượng tọa Đức Nhân giới thiệu.”

“VẬY Ờ?” tôi nghe nhắc tên Thượng tọa Đức Nhân thì tin tưởng ngay, phần khởi hỏi tiếp. “Giới thiệu bằng cách nào, rồi anh đã gặp ai trong nhóm đó?”

“Ông thầy Tư. Tôi đến thăm Thượng tọa nhằm lúc Thượng tọa đang tiếp ông ấy. Ông ấy có biết cả Khang nữa mà...”

“Nhưng tôi đâu biết ông ấy làm sao ông ấy biết tôi.”

“Có lẽ qua lời giới thiệu của Thượng tọa.”

“Ông ấy thế nào?”

“Ông là một thầy dòng bên Thiên Chúa. Ông chưa phải là linh mục. Chức thầy Tư hình như là một chức vụ gì đó phụ tá cho linh mục trông coi một giáo xứ, vậy thôi, tôi biết đại khái như thế. Ông người Quảng Nam, tuổi trạc năm mươi mấy, sáu mươi chi đó. Thấp người, da đen ngăm, trên mặt có mấy vết nám lớn dưới hai gò má, lan qua hai bên cánh mũi. Tôi có nói chuyện với ông ta đôi lần, thấy ông cũng nhiệt tình lắm. Và lại, do Thượng tọa giới thiệu thì cũng đáng tin tưởng. Tôi nghĩ Khang nên gặp ông để tìm hiểu, biết đâu lại tìm được nước hay để đánh ván cờ khác. Và chỉ còn có cách đó là có thể cứu được luôn cả tôi. Khang nghĩ sao?”

Tôi im lặng suy tính một lúc rồi nói:

“Được rồi, để tôi thử một phen. Nhưng làm thế nào để gặp ông ấy, anh có địa chỉ không?”

“Không, ông Tư đến đi bất thường. Lần gặp ông ở chùa của Thượng tọa Đức Nhân, tôi có cho ông địa chỉ ở đây, dặn ông đến vào cuối tuần khi nào muốn; hỏi địa chỉ thì ông nói không tiện. À, ông nói theo lời giới thiệu của Thượng tọa, ông rất quý Khang, muốn được gặp Khang để mời Khang tham gia lực lượng của ông. Ông nói người như Khang mà bị bắt thì uổng phí lắm, để ông tìm cách giúp. Tuần trước ông có đến hỏi thăm tôi đã tìm được Khang chưa, rồi hẹn trở lại vào cuối tuần này. Bữa nay thứ mấy rồi? Thứ Bảy hả? Vậy thì có thể hôm nay ông ấy đến, còn không thì ngày mai. Khang nhắm ở lại đây với tôi vài hôm được không?”

“Được. Tôi sẽ ở lại đây cho đến khi nào gặp ông thầy Tư hoặc cho đến khi nào có cách cứu anh ra khỏi cái vong kiềm toả của công an Sài Gòn.”

Hân nghe tôi nói vậy thì mừng rỡ thấy rõ. Tôi cũng nhận ra một thoáng xúc động hiện lên trong mắt anh. Hứng chí, anh đốt điều thuốc mới, nói:

“Cám ơn Khang đã nghĩ đến an nguy của tôi. Riêng bản thân tôi, tôi cũng sẽ chứng minh cái tình bằng hữu ấy, để Khang hiểu rằng tôi đâu phải là đứa vong on bội nghĩa...”

Tôi xoa tay nói:

“Thôi, khỏi cám ơn hay chứng minh gì. Cứ sống ngay thật đừng tổn hại đến ai là được rồi, biết cái gì xảy ra đến ngày mai mà hứa với hẹn.”

Chiều, chúng tôi ăn bữa cơm chay đạm bạc với ít rau sống chấm chao. Ăn xong, chúng tôi ra ngoài trước thềm chánh điện, bàn về chuyện tiếp xúc với ông thầy Tư trong những ngày sắp tới. Hân cũng bàn với tôi nhiều về phương cách thành lập các tổ chức bí mật dưới chế độ cộng sản mà qua kinh nghiệm làm việc với công an, Hân tìm ra được. Sau nhiều giờ bàn bạc và nói chuyện thoải mái, tâm trí tôi hăng say đuổi theo một dự tính mới với lực lượng mới trong tương lai đến nỗi hầu như quên luôn là tôi đang bàn việc đấu tranh với một cựu đặc tình của công an.

Gần mười giờ tối mới thấy sư Giác Hải về. Ông treo mình ngủ trên chiếc giường gỗ đồ cổ nhất trong chùa. Tôi và Hân trải cái chiếu rách ngủ chung dưới đất, bên cạnh bàn thờ Phật, trong một cái mùng cũng cũ và rách nhiều chỗ. Nghĩ Hân phải chịu cực nhọc như vậy nhiều ngày, tôi động lòng, thấy thương hại cho anh.

Sáng hôm sau, tôi đạp xe đến nhà một người quen, đưa tiền nhờ chị ấy đi chợ mua một cái mùng ni-lông mới, một số đồ dùng hàng ngày và một ít thực phẩm. Tôi đem tất cả về chùa Tân Nghĩa cho Hân.

Buổi chiều hôm đó, Chủ nhật, ông Tư đến. Hân giới thiệu cho tôi tiếp ông ấy tại chiếc bàn cổ lỗ của chùa rồi Hân lánh đi để cuộc tiếp xúc được tự nhiên.

Ông Tư tự giới thiệu qua về thân thế của ông rồi cho biết ông quen Thượng tọa Đức Nhân qua sự giới thiệu của học giả Nguyễn Đăng Thục. Ông còn cho biết ông đã được Thượng tọa đọc cho nghe bản tuyên ngôn của một mặt trận đấu tranh cho nhân quyền. Bản tuyên ngôn ấy do Thượng tọa soạn viết và chỉ thuộc lòng trong đầu chứ không chép ra giấy mực. Ông còn biết khá nhiều về những hoạt động trước đây của tôi qua Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, Hội Lạc Long và Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên... Tôi hỏi, ông nói biết được một phần là do Thượng tọa Đức Nhân giới thiệu, phần khác là do Hân kể lại.

Như Hân có nói trước với tôi, ông Tư cũng mở lời kêu gọi tôi tham gia lực lượng của ông, hoặc chiêu tập một số bằng hữu khác của tôi để liên kết với lực lượng ông, thành lập một lực lượng mới, đại khái là một liên minh các tôn giáo chống cộng mà ông gọi là *Mặt Trận Hữu Thân Đả Cộng Việt Nam*. Nội nghe cái danh xưng tôi đã không có mấy cảm tình rồi. Có bốn lý do chính: thứ nhất, tôi không thích các tôn giáo công khai đứng ra đối đầu với chính quyền trong hình thức một thể lực chính trị; thứ hai, tôi không bao giờ cho rằng bản thân tôi hay một số bằng hữu nào của tôi, sẽ đại diện cho khối Phật giáo để đấu tranh hay tham gia đấu tranh kết hợp với các lực lượng khác; thứ ba nếu lạm xưng rằng tôi có quyền đại diện cho Phật giáo thì điều này cũng không xứng hợp, không chính danh, bởi vì Phật giáo vốn không phải là một tôn giáo hữu thần; thứ tư, tôi không thích danh từ *đả cộng*, vì nó chẳng bao giờ là lý tưởng của tôi cả -- nếu tôi có đứng lên đấu tranh chống lại chính quyền nào đó thì mục tiêu, hay lý tưởng của tôi là đòi hỏi tự do dân chủ của dân tôi, chứ không phải là *đả cộng*. Năm ngoái, ông Trần Văn Lương cũng đã đề nghị tôi đứng ra liên kết với vài vị đại diện các tôn giáo khác để thành lập một lực lượng gọi là *Lực Lượng Liên Tôn Phục Quốc Việt Nam* (gọi tắt là Liên Tôn Phục Quốc), tôi đã một mực từ chối. Nay ông Tư lại đề nghị, tôi chẳng thấy hứng thú gì. Dù vậy, tôi vẫn tin tưởng rằng ông Tư thực lòng chống cộng. Trong lúc nói chuyện, tôi quan sát chi li từng cử chỉ, lời nói, tư tưởng và ngay cả những phản ứng bất ngờ hay câu nói buột miệng của ông ấy. Chung quy, tất cả những cái đó đều kết thành một tổng thể đồng nhất biểu hiện con người ông ta, một con chiên sùng tín, sẵn sàng chết sống cho đạo và đối kháng quyết liệt với cộng sản. Tôi nói:

“Chuyện thành lập Liên Tôn hãy tính sau. Bây giờ tôi muốn biết tổ chức của thầy như thế nào thôi. Nếu là một tổ chức có chính nghĩa, có thực lực, thì tôi tham gia, không cần phải thành lập thêm cái gì khác.”

“Được rồi, tôi sẽ trở lại trong vài ngày tới để hẹn ngày đưa thầy Khang đi gặp cho biết

một số nhân sự của tổ chức chúng tôi.”

Ông Tư về rồi, tôi nói với Hân:

“Anh có nghĩ rằng ông ta là người của cộng sản không?”

“Không,” Hân trả lời dứt khoát.

“Những kịch sĩ đại tài có thể đóng trọn vẹn bất cứ vai gì họ muốn.”

“Ừ, thì mình cũng phải xét kỹ chứ. Ông ấy có đề nghị gì không?”

“Ông ta hứa sẽ trở lại một đôi lần nữa rồi sẽ giới thiệu tôi đi gặp tổ chức của ông. Hơi sớm, phải không? Sao ông ta tin mình dữ vậy? Giả như tôi không phải là Khang thì sao? Giả như một anh công an hay đặc tình nào đó giả danh tôi để tiếp ông ta, rồi theo ông ta xâm nhập vào tổ chức của ông ta thì sao? Kết nạp, mời gọi gì mà lòng leo vậy?”

“Chắc vì ông ta tin Thượng tọa, rồi tin tôi, nên mới tin rằng Khang chính là Khang chứ không phải là thứ giả đờ.”

“Hy vọng là vậy.”

Thực ra, không thể dùng lý luận trong mọi trường hợp để đánh giá đúng mức sự kiện. Trong những thủ đoạn trá trở, quỷ quyệt và tinh xảo của ngành tình báo, một kẻ hoàn toàn là A có thể biến thành B hay ngược lại. Lý luận đến tận cùng để chọn bạn, để đánh giá thực hư, người ta sẽ nghi ngờ tất cả ngoại trừ chính mình. Do đó, đi đôi với lý luận để đo lường và nhận định đối phương, cần phải có cái gọi là trực giác, hay linh giác - một phán xét bén nhạy không trải qua giai đoạn suy tư, biện luận hay đặc lượng. Đó là cái nhận thức tức thời, gần như có tính cách siêu nhiên giữa hai đối thể đồng cực hay dị cực. Có khi đối diện với một người, dù chưa nói với nhau lời nào, ta đã thấy tin họ rồi. Nhưng trực giác này hầu như là một cái thiên bẩm mà không phải ai cũng được tạo hóa ưu đãi ban cho. Cũng không phải khi được ban cho thì lúc nào ta cũng có thể sử dụng được. Đôi lúc, ảo giác cũng có thể đóng vai trò của trực giác, hoặc che mờ nó đi. Trực giác đã không phải là phương tiện tuyệt hảo để nắm bắt thực tại thì lý luận lại càng tệ hơn. Thực tại có thể nhảy múa linh động trong khi trực giác chỉ chụp bắt nó trong một thoáng gặp gỡ mong manh; còn lý luận thì chỉ cố gắng suy diễn và định giá thực tại trong những nguyên tắc khuôn khổ, một chiều. Tôi u mê vụng về, không sử dụng được cả hai phương tiện trên. Đó là thảm họa của mọi vấn đề.



Từ lúc đến gặp Hân, tôi quyết định ở lại chùa Tân Nghĩa, chờ đợi ông thầy Tư, hy vọng từ ông ấy, tôi có thể tìm được lối thoát nào đó; còn nếu như có bị bắt tại chùa Tân Nghĩa này thì đó cũng là điều đã lựa chọn trước, tôi sẵn sàng chấp nhận. Tôi không hề có ý trốn chạy đi đâu nữa. Con đường trốn chạy chẳng có gì vui thú mà lại chẳng có chung cục. Tôi muốn đi tìm cái chung cục. Trước mặt tôi, như đã nói, là hai ngã rẽ: tiếp tục tranh đấu và chấp nhận một nếp sống đạo đầy thử thách trong ngục thất. Con đường nào cũng có gian nguy, khổ nhọc và có cái về lối cuốn huyền hoặc của nó.

Chiều thứ Tư, ngày 01/5/85, ông thầy Tư mới đến, mời tôi đi ra quán uống cà phê nói chuyện. Trong dịp này, ông ấy ngỡ ý không mấy tin tưởng Hân, cho rằng Hân thủ đoạn, khó tin. Ông muốn nói chuyện và làm việc trực tiếp với tôi chứ không qua trung gian Hân. Ông hẹn tôi sáng Chủ nhật ngày 05/5/85, ông sẽ đến chùa Tân Nghĩa, đưa tôi đi ăn náu tạm tại một chùa ở Thủ Đức. Theo ý ông, tôi cần lánh xa Sài Gòn và tất cả những bạn bè thân thích vì nguy cơ có thể bị truy bắt của tôi. Ông cũng hứa là sẽ đưa tôi đi xem những cơ sở mật của ông, và nếu tôi không ngại việc vào chiến khu, ông cũng sẽ cho người đưa tôi vào đó để vừa lánh nạn, vừa tiếp tục công cuộc đấu tranh chống cộng. Tôi chỉ tin được một nửa. Về chùa, tôi lại thảo luận với Hân:

“Nè, chuyện này dính dáng đến cả anh chứ không phải riêng tôi nên tôi muốn anh cũng phải suy xét kỹ và góp ý với tôi. Anh từng làm việc với công an, anh phải nhạy bén hơn tôi trong việc xét người. Anh nghĩ xem, nếu ông thầy Tư này là một đặc tình của công an, do công an sai đến để theo dõi anh, theo dõi tôi thì sao! Làm sao anh biết được ông Tư không phải là đặc tình?”

Hân nói ngay, không suy nghĩ:

“Tôi không nghĩ ông là đặc tình đâu. Tướng ông thấy khờ quá trời, công an không xài đâu. Mà nếu ông là đặc tình thì ông ta cũng không tố tôi được đâu. Tôi có lý do để biện minh cho tôi mà. Tôi cũng có thể biện minh cho Khang được nữa đó.”

“Biện minh gì, họ muốn bắt là bắt thôi. Có ý đồ chạy theo một tổ chức chống cộng là có tội rồi.”

“Không, tôi nói thực đó. Nếu có chuyện gì tôi sẽ nói rằng lâu nay tôi vắng mặt không báo cáo, không làm đặc tình vì tôi giả đồ theo ông Tư để bắt trọn ổ phản động thôi. Còn Khang thì... tôi sẽ nói Khang là người do tôi cài vào tổ chức của ông Tư.”

Nghe Hân nói vậy, tôi giật mình. Tôi không ngờ tôi có một người bạn đầy trí xảo cơ mưu một cách tiêu nhân như vậy. Tôi thực buồn, nhưng đồng lúc cũng thấy tội nghiệp cho anh. Tôi khoát tay nói:

“Không cần đâu. Anh lo phần anh đi. Phần tôi, cứ coi như là tôi chạy theo ông Tư thật tình vì muốn trốn lánh và muốn tiếp tục hoạt động. Đừng có gán cho tôi bất cứ một thành tích hay công lao gì theo kiểu đặc tình đó nghe chưa. Tôi hoàn toàn không thích chuyện đó đâu. Tôi đã nói với anh rồi, cứ để tôi bị bắt. Tôi chấp nhận vào tù mà, đâu cần phải biện minh gì cho tôi chứ.”

“Nói như Khang đâu có được. Khang phải trốn, phải được an toàn. Đâu có thể nói chuyện chấp nhận bị bắt, chấp nhận vào tù.”

“Ừ thì đi trốn, cứ cho việc đi theo ông Tư là đi trốn. Nhưng tôi nói rồi, nếu ông Tư là công an, hãy cứ để tôi bị bắt chứ đừng tìm cách biện minh hay cứu vớt tôi bằng các tiểu xảo dối trá, quanh co đó. Anh mà làm vậy thì tội nhục cho tôi lắm đó.”

Thấy tôi nghiêm giọng, Hân không nói nữa. Hình như Hân có oán hận tôi bởi những lời ngay thật của tôi lúc đó.

Tối thứ Năm ngày 03/5/85, tôi đạp xe đi tìm Võ Quốc Linh, một người bạn mới quen nhưng rất thân trong thời gian tôi lánh nạn. Linh từng chữa chấp tôi một thời gian tại chỗ Linh tá túc. Gặp tôi, Linh nói ngay cho tôi biết rằng một người bạn tu của tôi, tên là Thiện Đắc, đã bị công an bắt tại chùa Pháp Hoa, ở đường Trương Minh Giảng. Tôi gì chẳng biết. Linh bảo tôi lánh xa Hân sớm chừng nào tốt chừng nấy. Linh cũng cho biết là chuyến vượt biên mà tôi và Linh chờ đợi trước đây, nay đã sắp khởi hành. Linh khuyên tôi nên trở lại chỗ Linh, an toàn hơn. Tôi từ chối. Còn về chuyện vượt biên, tôi sẽ suy nghĩ lại.

Tối thứ Bảy ngày 04/5/85, tôi và Linh gặp nhau ở chỗ hẹn tại quán cà phê để quyết định về chuyện vượt biên.

“Chuyến đi khởi hành vào khuya nay, bốn giờ. Bây giờ Khang đi luôn với tôi đi, khỏi trở về chùa Tân Nghĩa.”

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Không được. Tôi còn một việc phải làm. Tôi còn một lời hứa với Hân, nếu không làm, e chẳng yên lòng đâu.”

“Trời ơi, Hân là thằng cộng sản mà Khang tin hẳn làm gì? Bộ Khang quên cái vụ công an bao vây nhà bà Bạch Mai sao?”

“Vụ đó là ai chứ không phải Hân đâu. Tôi biết mà.”

“Nhưng dù gì thì Hân cũng nguy hiểm lắm. Khang đi với tôi đi.”

Lời nài nỉ của Linh làm tôi cảm động. Trong thời gian tôi lánh nạn, có thể nói Linh là người bạn mới nhất nhưng cũng thân nhất và chí tình lo cho tôi nhiều nhất. Tôi ngồi im lặng với Linh một lúc. Nghĩ đến Hân phải nằm chèo queo dưới đất mỗi đêm ở chùa Tân Nghĩa, nghĩ đến cái bóng tối mà anh tự ví cho cuộc đời và tâm tư anh... tôi không đành lòng. Chọn lựa con đường tiếp tục hoạt động với một tổ chức khác hoặc chấp nhận vào tù là ý riêng của tôi, nhưng quyết định đi theo tổ chức của ông thầy Tư, tôi không nghĩ riêng cho tôi, mà một phần khác cũng vì nghĩ đến ngõ thoát cho cả Hân nữa. Tôi đắn đo một lúc rồi cuối cùng quyết định ở lại. Tôi nói Linh hãy cho Nguyên Lạc, một người bạn khác của tôi, thay vào chỗ tôi. Chuyến đi ấy, chúng tôi đã thương lượng trước với người ta là chỉ trả góp bằng tiền khi thoát được ra nước ngoài. Tôi chúc may cho Linh và Lạc. Chúng tôi xiết tay từ giã nhau ở quán cà phê. Linh đạp xe mất hút vào bóng đêm.

Đêm ấy cũng là đêm cuối cùng tôi và Hân còn ngủ chung dưới đất trong cái mùng lớn tôi mới mua, bên cạnh bàn thờ Phật của chùa Tân Nghĩa. Chúng tôi bàn bạc kỹ về chuyến đi của tôi theo ông Tư vào ngày mai (vì ông Tư muốn đưa một mình tôi đi, chứ chưa đá động gì với Hân). Hân dặn tôi đi tới đâu cũng tìm cách liên lạc về với Hân, vì đơn thân độc mã đi theo người ta quả là việc mạo hiểm. Lúc Hân nói điều này, trong tôi có dậy lên một mối nghi. Tôi không quên Hân đã từng là đặc tình. Nếu tôi đi theo ông Tư mà cứ liên lạc với Hân thường xuyên, biết đâu Hân báo cáo cho công an theo dõi rồi bắt luôn trọn ổ? Thấy tôi im lặng có vẻ suy nghĩ, Hân tiếp:

“Nếu tổ chức ông ta lớn mạnh thực sự, Khang nói sao cho họ kéo tôi theo luôn. Tôi chán ngán phải sống kiểu đeo mặt nạ này quá rồi.”

“Ừ thì để xem sao,” tôi nói.

Đêm đó không ngủ được. Tôi cứ hoang mang, lúc nghĩ vậy, lúc nghĩ khác. Có khi tôi đã nghĩ đến chuyện bỏ luôn cả Hân nếu liên lạc được với một tổ chức đấu tranh tốt. Tại sao phải đem theo một cựu đặc tình vào một tổ chức tốt chứ? An nguy của đặc tình đó, dù là đặc tình bất đắc dĩ, dù là đặc tình đã từng là bạn cũ, có quan trọng bằng an nguy của một tổ chức đấu tranh gồm nhiều nhân sự nhiệt tình vì nước hay không? Dù rằng Hân nói đã từ bỏ đặc tình và muốn thay đổi, cũng không làm sao có thể tin Hân hoàn toàn được. Vả lại, thực khó mà hiểu thấu một đặc tình thực sự muốn gì và sẽ thực lòng với ai? Tuy nghĩ thế, tôi vẫn áy náy trong ý nghĩ bỏ rơi Hân. Nếu Hân thực tình muốn bỏ công tác đặc tình để trốn theo các lực lượng chống cộng thì sao? Đành lòng nào bỏ rơi Hân!

Trần trọc mãi đến gần sáng, tôi mới quyết định là sẽ không liên lạc gì với Hân trong khi đi theo ông Tư, và chỉ khi nào nhắm có thể giúp gì được cho Hân thì tìm đến Hân sau. Không thể để Hân biết được bất cứ dấu vết nào trên con đường mới mà tôi chọn.

Sáng Chủ nhật ngày 05/5/85, khoảng gần sáu giờ, tôi đang ngồi uống trà một mình nơi bàn khách chùa Tân Nghĩa thì ông Tư đến gõ cửa, hối thúc tôi theo ông ra bến xe lam.

Chiếc xe lam phóng đi. Trong tôi không có linh tính gì báo hiệu cho một sự bất an sắp xảy ra cả. Có thể vì tôi sẵn sàng chấp nhận bất cứ sự bất an nào nên tất cả linh giác hay thứ tâm thức tự vệ nào đó trong tôi, đã không còn hiệu năng để báo động hay cảnh giác gì nữa. Và cuối cùng, chiếc xe bị công an chặn lại dưới gốc cây phượng trở bông đỏ rực rỡ dưới bầu trời nắng sớm.

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương mười

Có lẽ do bị giam một mình từ nửa tháng trước không có người tâm sự, nay có tôi, ông Trọng huyền thuyên kể chuyện đời tư của ông. Nhất là nói về người vợ trẻ hiện đang sống với ông. Ông có vẻ nhớ vợ con quay quắt. Nhắc lại những kỷ niệm cũ, đôi khi mắt ông rướm lệ. Cái dạng người to lớn, võ biền như ông mà sa lệ trông rất buồn cười. Giống như một con cọp đang khóc. Kể chuyện một lúc, ông ngáy ồ ồ lúc nào không hay. Lúc đó có lẽ cũng đã một giờ sáng. Tôi trở dậy, ngồi xếp bằng, xua đi tất cả những ý nghĩ, những cảm xúc, những phiền muộn quá nhiều tôi suốt một ngày qua.

Khi tâm tôi lắng xuống như hồ nước thu, tự dung lời nguyện thứ tám trong kinh *Tám Điều Giác Ngộ* lại bùng nở ra trong tôi một cách tự nhiên, như một đóa hoa đến kỳ khai nhụy: “*Sinh tử xí nhiên, khổ não vô lượng, phát đại thừa tâm, phổ tế nhất thiết. Nguyện đại chúng sanh thọ vô lượng khổ, linh như chúng sanh, tất cánh đại lạc*” (Nhận thức rằng niềm đau nỗi khổ của trần gian quá to lớn và không cùng tận mà phát khởi tâm lượng từ bi bao la của mình, xin tận tụy cứu vớt tất cả; nguyện thay mọi người gánh chịu hết những khổ đau và cực hình trên đời, khiến cho ai nấy đều nhờ đó mà hưởng được trọn vẹn niềm an vui và hạnh phúc chân thật). Đã bao lần đọc và suy nghiệm về lời nguyện cao cả này, lần nào tôi cũng thấy rung động đến tận xương tủy mình. Bây giờ, tôi thấy toàn thân tôi là một đóa sen, và tâm tôi như cái nhụy sen, vươn lên giữa những cánh hoa, để rồi tỏa ra một cách vô hình giữa hư không vô tận. Tôi ngồi bất động như thế khá lâu, cho đến khi nước trong vòi bỗng chảy mạnh (vì ông Trọng đã mở vòi sẵn). Ông Trọng thức dậy:

“Có nước rồi Khang kia, làm gì ngồi đó, tắm thêm một mạch đi, mỗi ngày chỉ có khoảng giờ này là có nước chảy mạnh thôi.”

Ông Trọng tắm trước, tôi tắm sau, vì chỗ vòi nước khá chật, không thể chen vào hai người. Ông dặn tôi tắm nhẹ kéo cán bộ biết được thì bắt phạt, vì giờ này là giờ ngủ chứ không phải giờ tắm. Thành ra, phải tắm trộm. Tắm vào giấc khuya như vậy cũng khá lạnh, nhưng tôi không bỏ cơ hội, vì như ông Trọng nói, sau giờ đó cho đến suốt ngày, nước không chảy được như vậy nữa. Tắm xong, tôi chỉ đứng tại chỗ, rảy, rảy nhẹ nhẹ cho ráo nước trên mình vì không có khăn lau. Tôi hơi rùng mình vì lạnh. Trở về chỗ nằm, tôi lại nghe được tiếng ngáy của ông Trọng. Ông có vẻ như một người vô tư, hoặc một kẻ đã quen với cảnh tù, biết chấp nhận hoàn cảnh khắc nghiệt, chỉ cần ăn ngủ để chờ ngày về, không bận tâm suy nghĩ cái gì vượt quá thực tế nhà giam.. Tôi nằm một lúc, tự nghĩ, có lẽ tôi phải học ông đức tính đó. Những suy nghĩ tính toán trong tù thực ra chẳng có ích lợi gì cả. Nhưng dù đã tự nhủ như vậy, tâm trí tôi vẫn cứ ngoan cố, hết nghĩ điều này, lại nhớ điều kia. Có những điều mà lâu nay tôi không nghĩ đến vì không có thì giờ hoặc không thấy cần thiết, nay bỗng trôi dạt, từng đoàn từng lớp, kéo qua bộ não tôi như một đoàn quân ô hợp, chen lấn, tranh giành nhau để được trình diện trước tôi, một kẻ quan sát và thưởng thức một cách nhàn rỗi, tích cực...



Tại sao điều giác ngộ thứ tám lại khởi dậy trong tâm trí mình ngay vào lúc thiên tọa đầu

tiên trong nhà giam nhỉ? Tại sao các điều giác ngộ khác không hiện ra một cách thứ lớp từ một đến tám mà chỉ có mỗi điều giác ngộ thứ tám? Phải chăng ý nghĩa của điều giác ngộ này sẽ hàm dưỡng, bao trùm và thăng hoa cả cái vận hành lao lý khô sai của mình trong những ngày sắp tới?

Hiện giờ anh Hiền như thế nào rồi nhỉ? Anh có bình an Không? Công an có ra tới Nha Trang để tìm bắt anh không? Hôm trước nghe nói là anh đang trốn ở nhà một người bạn nào đó ở Suối Dầu rồi, hy vọng anh thoát được. Ô, có tiếng anh tù nào mở hay sao mà la dữ quá, từ ngoài kia mà vọng vào tới đây! Trời cũng khá lạnh đấy chứ! Nền xi măng trắng láng này làm tăng thêm cái lạnh thì phải. Chẳng có chút hơi ấm nào trong phòng giam ngoại trừ cái bóng đèn quá cao trên trần nhà. Mình nằm đất như vầy trong căn phòng kín bưng như vậy, giống như một người chết trong áo quan, vừa được hạ xuống lòng đất. Xa với trời, với mọi người chung quanh, nhưng gần gũi với đất chi lạ. Không sao! Sức mạnh của đất, sự nhẫn nại của đất, sẽ trực tiếp truyền vào cơ thể này như người ta chuyền chất đạm vào cơ thể bệnh nhân vậy. Chuyền chất đạm. Ô, chuyền chất đạm. Tại sao mình lại nghĩ đến mấy chữ chuyền chất đạm này hoài vầy? Chuyền chất đạm. Chuyền chất đạm. Hòa thượng Trí Thủ bị nhà nước cưỡng bức vào bệnh viện. Ở chùa Già Lam lúc đó có mấy bác sĩ phật-tử túc trực, họ đều nói Hòa thượng đâu cần phải vào bệnh viện. Họ có thể chăm sóc được cho Hòa thượng ngay tại chùa. Vậy rồi, nhà nước cứ đưa ngài đi. Ở bệnh viện, họ chuyền chất đạm và chích đủ thứ thuốc cho Hòa thượng. Rồi hôm đó, chú Quảng Lộc đang loanh quanh trong phòng bệnh để hầu hạ Hòa thượng thì mấy người bác sĩ và y tá lạ mặt mời chú ra ngoài để họ khám lại sức khỏe của Hòa thượng. Khi họ từ phòng bệnh bước ra, chú Quảng Lộc cũng chẳng được nghe nói một lời nào về bệnh tình của ngài. Chú vào trong phòng bệnh thì Hòa thượng đã mất. Họ ngắt ống chuyền. Cho hơi vào ống. Hoặc bằng cách nào đó có trời mới biết nói. Họ cho là Hòa thượng đã mở lớp học chùa Già Lam, lập chương trình soạn tự điển Bách Khoa Phật học chỉ là để che mắt nhà nước, bên trong ngầm ngầm bao che cho thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hoạt động chống lại chế độ... Họ nghĩ rằng để Hòa thượng sống rất nguy hiểm, vì ngài rất quý nhân tài. Những người như thầy Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát mà vào tù, ắt Hòa thượng sẽ có thái độ bênh vực, rồi sinh rầy rà trong dư luận tăng tín đồ cả nước. Phiền cho họ lắm, cho nên họ phải ra tay trước. Ôi sao mình nghĩ lung tung quá vầy, hồi nãy mình nghĩ gì mà liên tưởng đến chuyện Hòa thượng Trí Thủ kia? À, chuyền chất đạm. Dinh dưỡng từ đất. Phải rồi, mình nằm sát với mặt đất như vầy, lưng tựa vào đất như vầy, như một người trong áo quan, trở về với đất, gần gũi với đất. Người ta thường thích làm con của trời. Nhưng thực ra làm con của đất thì tốt hơn. Kẻ nào không biết hạ mình để khiêm cung, không biết chại li để chịu đựng, không biết thương yêu để nhẫn nại, không biết cảm thông để chờ đợi, không biết im lặng để lắng nghe... kẻ ấy là con của trời. Còn con của đất thì phải tự sống và tồn tại bằng tất cả những đức tính trên. Con của trời có thể sa xuống đất mà chết một cách vô nghĩa. Con của đất thì không rơi đâu cả. Cũng không cần phải rơi lên trời. Con của đất nằm sâu bên dưới, gánh hết tất cả, chịu đựng tất cả...

Bây giờ mấy giờ rồi mà vẫn nghe tiếng ai nói chuyện bên ngoài nhỉ? Hay là tiếng rừ rừ của gió? Hay là tiếng sương đêm sa trên lá cây? Ô, có tiếng kêu của dế nữa kìa. Con dế ốc tiêu hôi nhỏ của mình đá hăng dễ sợ, nó lúi bên dưới với hai cái càng nhỏ mà đẩy con dế nhỏ của thằng Minh chạy te. Minh là thằng khờ, nhưng thông minh lắm. Nó biết mình với con Xù là bồ bịch. Xù ơi, bây giờ Xù đang ở đâu vầy? Có phải là vẫn ở Phan Rang không? Tại sao mình quen nhau sớm quá mà rồi chia tay cũng sớm quá nhỉ? Không bao giờ gặp lại. Trái đất tròn nhưng nếu hai người ở hai nơi chẳng ai di động thì không thể gặp nhau. Hoặc di động như hai con rùa lạc hướng quờ quạng thì làm sao có cơ tái ngộ trong vận tốc vô tình của thời gian? Mà thôi, nghĩ đến Xù làm gì, có ích lợi gì đâu. Thiên thù thiên nhân vô ngại đại bi tâm đà la ni... Nhưng

dù cho trái đất có tròn, dù cho hai con rùa có gặp nhau, cũng không có gì bảo đảm cho một tương phùng tao ngộ dài lâu. Mộng Huyền. Mộng Huyền. Cái tên đọc lên nghe như một nỗi sầu thấm buồn tênh nào đó. Tại sao? Tại sao?

Các thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đang ở phòng giam nào? Trong nhà giam này, ít nhất cũng có khoảng hai mươi tăng sĩ Phật giáo. Có lẽ bất cứ nhà giam nào trên đất nước này cũng có thầy tu Phật giáo. Thời đại nào dân tộc khổ đau thì thời đại đó có nhiều tăng sĩ Phật giáo ở tù. Ông Trọng này ngáy dữ quá. Tội nghiệp ông ấy, tuổi già mà vẫn chưa được yên. Chắc ông cũng có hoạt động sao mới bị bắt vào đây chứ không phải chỉ bị tình nghi đâu. Có lẽ tại ông hãy còn sợ mình là công an cải trang vào đây nên chẳng bao giờ dám nói là ông có hoạt động. Cứ nói là bị tình nghi thôi. Không sao, ông có vợ con, ông phải dè dặt. Mà không chừng ông ấy là công an, giả đồ nằm đây từ nửa tháng trước. Chuyện đó biết lấy ai làm chứng. Ông có vào đây trước mình vài tiếng đồng hồ, thậm chí nửa giờ đồng hồ thì mình cũng vô phương biết được! Ô, đừng nghĩ vậy! Ta không cần thiết phải lần theo cái thói quen nghi kỵ mà người cộng sản mong muốn mọi người phải có. Càng nghi ngờ nhau, người ta càng xa nhau, càng không hiểu nhau, càng dễ thành kẻ thù của nhau. Xã hội vì vậy mà rã rời. Lòng người vì vậy mà ly tán. Cứ mỗi mối nghi ngờ nổi lên, ta mất đi một người bạn. Đừng nghi ngờ, thủ thế, co rút lại như thế. Người ta cho rằng không nghi ngờ là dại vì dễ bị sa bẫy của cộng sản, nhưng nói vậy cũng không đúng lắm; bởi vì cứ nghi ngờ nhau thì cũng sa vào một cái bẫy của cộng sản chứ có hơn gì. Ừ, cho dù ông Trọng có là công an, là đặc tình, ta cũng sẽ nói, sẽ làm, sẽ suy nghĩ, sẽ sống như thế, để coi ông ấy làm được gì! Ta nói sự thực chứ có nói sự giả đâu mà sợ chứ. Không, ông ấy không phải công an đâu. Nghi ngờ cũng là một thứ phiền não trong vấn đề tu tập đó nghe. Kẻ cũng lạ thật, làm sao người ta có thể sung sướng được bằng cách tước đoạt hạnh phúc của kẻ khác, bằng cách gieo rắc đau khổ cho kẻ khác? Tại sao họ không biết được rằng cả nước đang đau khổ vì họ? Chắc họ biết chứ chẳng phải không; có điều, họ làm ngơ thôi...

Buồn ngủ rồi. Vừa buồn ngủ mà lại vừa nhưc đầu. Đừng suy nghĩ gì nữa thì hơn. Tiếng động gì vậy? Tiếng cửa mình của ông Trọng. Có tiếng vi vu bên ngoài giống như tiếng gió lùa qua cành lá. Tiếng đé gáy. Một chiếc xe nào chạy qua đường. Khuya lắm rồi. Ba mẹ ơi, ba mẹ đã đi ngủ chưa? Con ở trong tù đây nhưng con không sao đâu. Con là con của Phật mà. Lâu nay con ăn chay nằm đất thì bây giờ con cũng ăn chay nằm đất, có gì lạ đâu. Còn chuyện đòi no, cũng đâu thành vấn đề. Hôi ở chùa Hải Đức, ở chùa Long Tuyên, ở chùa Già Lam hay ở chùa Long Quang, con đều có tuyệt thực. Mỗi lần từ bảy ngày đến nửa tháng, lại thêm nửa tháng uống nước gạo rang... vậy thì chuyện đòi trong tù cũng chẳng phải vấn đề đâu, ba mẹ ạ. Con là con của đất mà. Ba mẹ ngủ ngon nha. Con cũng ngủ đây... Ngày ba lên chùa kinh tế mới ngủ lại với con một đêm, thấy con gác tay lên trán, ba gỡ tay con xuống, bảo rằng đặt nơi bụng tốt hơn. Đó cũng là lần đầu tiên suốt mười lăm năm con xuất gia, ba đã ngủ chung với con một giường. Ôi chiếc giường tre ọp ẹp của vùng kinh tế mới. Đó cũng là lần đầu tiên trong suốt nhiều năm, ba biết đưa con trai xuất gia của ba nằm ngủ như thế nào. Ba gỡ tay con khỏi trán, rồi đặt nhẹ xuống bụng. Ba còn gần con được để chăm sóc bằng một cử chỉ nhẹ nhàng đó. Còn mẹ thì không. Con đi tu rồi, mẹ cứ đứng xa, đứng xa... Một năm, hai năm, rồi mười lăm năm... cứ xa mãi, xa mãi...



Khoảng bốn giờ sáng, tôi choàng thức dậy trong tiếng tụng kinh từ đâu vọng lại. Tôi ngạc nhiên vô cùng. Ban đầu tôi ngỡ đó chỉ là ảo giác— ở chùa, tôi đã tập quen với thời kinh buổi khuya (gọi là công phu khuya), nhiều năm như vậy nên dù đang ở đâu, cứ bốn giờ sáng, có khi

sớm hơn hoặc trễ hơn một chút, tự dung thức dậy—nhưng tiếng tụng kinh càng lúc càng rõ và thật hơn. Tôi đứng dậy, rời chỗ nằm, đến áp sát tai vào cánh cửa sắt, lắng nghe. Đúng là có tiếng tụng kinh của người nào đó trong một phòng giam rất gần. Tự dung tôi thấy xúc động tràn trề.

Tôi đứng yên, hết sức lắng nghe như thể mới được nghe lần đầu âm thanh và ngôn ngữ của cuộc đời vậy. Đó là bài kinh Lăng Nghiêm với đoạn mở đầu là lời phát nguyện của A Nan, người em họ của Phật, và cũng là người đệ tử thông minh bậc nhất của ngài. Một niềm phấn khích khó hiểu trong tôi trôi dạt khiến tôi muốn đáp lại tiếng tụng kinh đó bằng cách tụng hòa theo, nhưng thấy ông Trọng ngủ ngon quá, tôi không nỡ. Vì vậy, tôi chỉ đứng đó, hết sức chú tâm, lắng nghe tiếng tụng kinh lan đến, rót vào tai mình.

Qua đoạn phát nguyện cảm động của A Nan, bài kinh chuyển qua âm điệu hùng tráng của thần chú Lăng Nghiêm, năm chương dài phiên âm từ tiếng Phạn. Giọng người tụng không được hay lắm, nhưng âm ba thiêng liêng từ mỗi tiếng mỗi lời lại có sức tác động rất mạnh mẽ. Chúng dập dồn như sức đẩy của sóng nước, dạt dào trôi lướt như sức cuốn của gió, đều đều và tỏa khắp như sức rơi của mưa... Tôi thấy tâm mình tịch lặng theo âm vang trầm hùng ấy, và ngay sau đó, trong tôi bỗng nhiên lại tràn ngập niềm tin về sự bất tử của cái thiện.

Cái thiện không bao giờ muốn tiêu diệt cái ác. Chỉ có cái ác mới cố tình tiêu diệt cái thiện mà thôi. Nhưng không có cái ác nào có thể tiêu diệt được cái thiện cả. Giống như ánh sáng và bóng tối: khi ánh sáng đến, bóng tối bị đẩy lùi; nhưng nếu ánh sáng đang hiện hữu ở một không gian nào đó, dù bóng tối có kéo đến, ánh sáng vẫn cứ tồn tại. Cái thiện sinh tồn bằng cách tự thể hiện nó một cách toàn vẹn chứ không cần phải tranh thắng với cái ác. Và khi cái thiện ngời sáng bởi chính phẩm cách của nó, cái ác tự khắc sẽ thối lui, tiêu tán. Nếu ánh sáng không đủ sáng, bóng tối vẫn còn chiếm ngự không gian. Những ánh đèn leo lét được thắp lên một cách lẻ tẻ, rải rác, sẽ không đủ sức xua đi bóng tối đang ngập tràn khắp nơi. Nếu không có một mặt trời bùng tỏa rạng ngời thì phải có sự tập hợp và kết tụ của những ánh đèn nhỏ leo lét ấy. Mỗi người tự thắp mình lên một ngọn đèn thì bóng tối tràn gian sẽ bị xua tan.



Khoảng năm giờ rưỡi sáng, ông Trọng thức dậy, ngồi đốt điều thuốc đầu ngày. Chờ khói thuốc loãng bớt qua khung cửa gió, tôi mới tập yoga và các động tác thể dục thông thường đầu chừng nửa giờ đồng hồ. Ông Trọng cũng tập thể dục, nhưng cái bụng ông nặng nề quá nên ông chỉ quơ quơ tay chân vài phút rồi đứng đưa mặt ra cửa gió, hít thở. Ông nói:

“Ở tù biệt giam như vậy mà không chịu vận động thì dễ sinh bệnh. Cậu có thói quen thể dục như vậy tốt lắm. À, bên ngoài cậu làm nghề gì vậy?”

Nghe ông Trọng hỏi, tôi mới giật mình nhớ sự rằng một khi tôi mang hình thức tóc dài, mặc áo quần thể tục, người ta có quyền hỏi tôi về chuyện nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình v.v... Mà từ khi mới bước vào phòng biệt giam, tôi đã tự dặn lòng là sẽ sống tự nhiên như mọi người trên đời, ai biết được tôi là tu sĩ thì biết, người nào không biết, để cho họ nghĩ sao cũng được. Tôi muốn nhân cơ hội này, học hỏi về cuộc đời, về con người, một cách thực tế và tiếp cận hơn, chứ không phải chỉ nhìn thế gian qua sự phán xét của kinh điển. Nếu các tù nhân khác biết tôi là tu sĩ, giữa họ và tôi sẽ có một khoảng cách nào đó, và như vậy, tôi khó lòng mà học hay lắng nghe được sự thật của cuộc đời qua sự giao tiếp với họ. Cho nên, tôi đành phải che giấu về thân thế của mình. Tôi ngập ngừng một lúc rồi đáp:

“Dạ... thất nghiệp. Cháu có nói với chú một lần rồi mà, phải không?”

Ông Trọng gật gù, chẳng có vẻ gì ngạc nhiên:

“Ở xã hội này, những người tốt, có khả năng làm việc, có học, thì thường thất nghiệp.

Nếu may mắn thì có được việc làm lao động nặng nhọc như đập xích lô, đập xe ba gác, làm cu li bốc vác... hoặc những nghề linh tinh tủi nhục khác như lượm bao ni-lông, bán cà rem, bán vé số... Cái tương của cậu, đâu cần những công việc may mắn đó, cho nên thất nghiệp là phải rồi. Nhưng... tôi thấy cậu có vẻ như là một kẻ không quan tâm đến chuyện kinh tế. Cậu chẳng có vẻ gì lo lắng với đời sống, ngay cả đời sống tù. Có thể cậu có kẻ khác lo cho chuyện đó, hoặc cậu sống nặng về phần khác hơn, ý tôi muốn nói, cậu sống nặng nề về mặt tinh thần hơn... Bởi vì, cậu nói cậu thất nghiệp, nhưng trong cách nói của cậu, tôi thấy có vẻ như là cậu vui vẻ được thất nghiệp vậy.”

Tôi chỉ cười, chẳng biết nói gì, ngó ra ngoài cửa gió.

Sáu giờ sáng cửa gió các phòng biệt giam đều mở cửa, và đèn cũng bị tắt ngay sau đó. Mấy anh nuôi lẳng xăng quét dọn hành lang, rồi bung nước sôi từ bếp lên để phân phát cho các phòng. Đối diện phòng biệt giam của tôi là phòng 2 tập thể của dãy C3. Bảng nhân số bên đó ghi 45 người. Mỗi phòng tập thể chiều ngang khoảng sáu thước, chiều dài chừng mười thước. Có tất cả 7 phòng tập thể cho mỗi dãy. Như vậy, tôi ước tính cứ sáu hay bảy phòng biệt giam thì có kích thước bằng chiều dài của phòng tập thể đối diện. Phòng biệt giam của tôi mang số 9 mà đối diện với phòng 2 tập thể, như thế, bảy phòng tập thể sẽ tương đương với 42 hoặc 49 phòng biệt giam (một số phòng biệt giam nhốt hai người). Tính chung, vừa phòng tập thể vừa phòng biệt giam của 3 dãy, nhân số tù tối thiểu là một ngàn người. Và trại giam này chỉ là một trong mấy nghìn trại giam khác trên khắp đất nước, chưa kể các trại tập trung cải tạo mà nhà nước không muốn gọi tên là nhà tù.

Anh nuôi đến ngang cửa phòng biệt giam chúng tôi. Ông Trọng lấy hai ca nhựa đưa ra ngoài để nhận nước sôi. Tôi hỏi ông:

“Đây là tiêu chuẩn nước uống của mỗi người trong ngày hả chú?”

“Đâu có. Nước uống là nước trong vòi kia. Nước sôi này là để trưng mì gói hay pha bột, pha sữa điểm tâm thôi. Trại giam không lo nổi bữa điểm tâm nên chịu khó tốn chút nước sôi để mình tự túc, muốn làm gì thì làm. Nhưng mà mình có mì hay bột gì đâu! Chưa có quà thăm nuôi của gia đình thì cứ chờ đến bữa cơm mà ăn thôi. Còn nước sôi họ phát thì mình lấy, uống cho đỡ đau bụng, khi nào hết nước nấu mình mới uống nước phong tên, phải không nào?”

Vừa dứt lời, bỗng nghe tiếng gõ cửa, ông Trọng quay lại chỗ cửa gió, nói chuyện với ai đó bên ngoài.

“Ừ, anh ấy mới nhập trại hôm qua. Đúng rồi, tên là Khang. Muốn nói chuyện hả? Khang, cậu đến đây mau.”

Ông Trọng nhường chỗ cho tôi lộ mặt ra nơi cửa gió. Bên ngoài, một người anh nuôi chờ sẵn, thấy tôi liền hỏi:

“Anh tên Khang, phải không?”

“Phải.”

“Có quen ai bên phòng nữ không?”

“Tôi chẳng biết nữa.”

“Có biết sự cô gì đó ở phòng nữ tập thể không?”

“À, biết.” Tôi nhớ lại là có gặp sự cô Trí Hải hôm qua, khi Long đưa tôi ghé ngang phòng giam nữ trước khi đẩy tôi vào phòng biệt giam này.

“Nè, cô ấy gởi anh cái này,” anh nuôi nói.

Một túi ni-lông được dúm nhanh qua cửa gió. Bên trong là một gói bột ngũ cốc, một bịch muối nêm rang dầu, một gói muối đậu, một gói tàu hủ chiên kho mặn, một gói chuối khô và một mẫu giấy màu hồng, ghi số 500. Tôi đưa ông Trọng xem. Ông Trọng giải thích đây là phiếu tiền, một mẫu giấy bìa cứng, kích thước như một cái vé tàu hỏa, trên có đóng dấu của trại giam, chữ

ký của trưởng trại và chữ viết bằng tay ghi rõ trị giá tương đương với tiền thật. Tất cả tiền mặt của thân nhân gửi vào trại giam cho tù nhân đều được đổi thành phiếu tiền để sử dụng trong phạm vi trại.

Được biết, việc gửi quà qua lại giữa tù nhân bị cấm chỉ tuyệt đối và bị coi như là một hình thức của sự thông cung. Thông cung có nghĩa là sự liên lạc với nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác nhằm thống nhất cách khai cung có lợi cho họ. Nhưng cán bộ trại cũng thiếu thốn, anh nuôi trại thì đói, vì thế họ sẵn sàng chuyển quà qua lại giúp cho các tù nhân để đổi lấy chút lợi lộc cho riêng mình. Chưa kể họ có thể xén bớt một vài món trong gói quà của người ta nữa. Tôi không biết sao sư cô Trí Hải lại tài tình gửi được quà biếu tôi. Trước nhất cô phải đoán biết tôi bị giam ở phòng nào, dãy nào, sau đó, lại phải nhờ đúng anh nuôi trực dãy đó.

Ông Trọng cũng cho biết, trại có một hợp tác xã bán đồ tạp hóa và đủ thứ thức ăn thức uống, do cán bộ trại giam tổ chức, trông coi. Tù nhân mua đồ của hợp tác xã đó bằng phiếu tiền, rồi hợp tác xã lấy phiếu đem lên trưởng trại mà đổi ra tiền thật. Giá bán ra của hợp tác xã trại đắt gấp ba lần giá thị trường ở ngoài. Hình thức kinh doanh này mang lại lợi tức đáng kể cho túi tiền của cán bộ trại. Tuy vậy, chỉ có những tù nhân ở dãy A, B, gần khu hậu cần và nhà bếp mới có thể mua hàng thường xuyên mỗi ngày được. Các dãy C chỉ được mua mỗi tuần một lần bằng cách đặt mua trước với anh nuôi qua một cái phiếu đặt hàng có ghi tên, số phòng, món hàng muốn mua. Anh nuôi dựa theo phiếu ấy mà lấy hàng từ hợp tác xã. Phiếu tiền được trả khi nhận hàng.

Tôi đưa ông Trọng hết gói quà của sư cô Trí Hải biếu, và cả cái phiếu tiền tôi cũng đưa ông nốt. Tôi nói:

“Chú cầm tiền này để mua đồ cho hai chú cháu mình sống cầm hơi, được tới đâu hay tới đó. Cháu không rành chuyện mua hàng ở đây đâu. Hơn nữa, phiếu tiền này cháu cũng không quen xài. Chú cứ tùy tiện, thấy phòng giam này cần món gì thì cứ mua.”

Ông Trọng hơi ngạc nhiên nhìn tôi một lúc rồi cuối cùng cũng vui vẻ nhận cộng tác *tri sự* (chức vụ của tăng sĩ trông coi mọi việc trong chùa phụ tá vị trụ trì, giống như vị tổng quản lý dưới quyền ông chủ của một hãng xưởng lớn).

Vậy là sau khi dùng nước sôi khuấy bột ngũ cốc cho bữa điểm tâm sáng hôm ấy, ông Trọng nhắn anh nuôi, đặt mua hàng. Hàng của hợp tác xã trại cũng rất giới hạn. Quanh đi quanh lại chỉ có mấy món như đường, muối, bột ngọt, cháo, tương, mắm... Đồ tươi thì chỉ có dưa leo, cà rốt, những thứ không cần nhiều nước để rửa và có thể để lâu được trong phòng giam nóng bức. Ngoài ra, thuốc lá đủ loại cũng là món hàng tối cần thiết cho tù nhân... Hợp tác xã trại giam biết vậy nên cũng nỗ lực khai thác nhu cầu này, và họ đã bán được rất nhiều thuốc lá trong ngày. Gặp lúc lỡ hết thuốc hút mà chưa đặt mua hàng của hợp tác xã được, tù nhân cũng có chỗ để mua đỡ từ các cán bộ trực dãy. Để lấp vào những ngày trống mà hợp tác xã không đưa hàng vào kịp, cán bộ trực dãy lén lút mang thuốc lá, đường cát, sữa, v.v... vào bán cho tù nhân. Hàng được đặt trong hộc bàn. Anh nuôi đến mua, cán bộ trực chỉ việc ngó trước ngó sau một hồi, rồi kéo hộc ra, bán. Do vậy mà nhu cầu sinh sống hàng ngày của tù nhân không đến nỗi quá túng thiếu nếu có tiền bạc của gia đình gửi vào nhiều và đều đặn nửa tháng. Ai cần hàng thì cứ việc nói với anh nuôi liên lạc với cán bộ. Mua một gói thuốc, cho anh nuôi vài điếu; mua một cây thuốc, cho anh nuôi một gói. Xã hội bên ngoài lấy thuốc lá làm đầu câu chuyện thì bên trong các trại giam, người ta cũng không tránh khỏi thông lệ ấy. Thuốc lá thay mặt tiền bạc để giải quyết những công việc không quá quan trọng, và là thứ khai vị cho những luận bàn chính trị, áp phe kinh doanh... Một gói thuốc ba số năm đôi khi có năng lực làm thay đổi những bế tắc cho đời sống.

Thấy ông Trọng đặt hàng mà không đá động gì đến thuốc lá, tôi nhắc. Ông Trọng quay lại:

“Cậu đâu có hút thuốc!”

“Thì mua cho chú. Mua một cây thuốc Đà Lạt đi. Đã nói tới đâu hay đó mà, chú cứ mua thuốc đi.”

“Nhưng... tiền của cậu...”

“Ô thiệt tình chú này, tiền này có của ai đâu! Mua đi. Đã giao trọn cho chú rồi thì chú có quyền quyết định chứ ngại ngùng gì chứ,” nói rồi vẫn thấy ông Trọng ngần ngừ, tôi chen tới cửa gió, nói với anh nuôi ghi thêm một cây thuốc Đà Lạt vào phiếu mua hàng.

Tôi chẳng có lý do gì để mua chuộc ông ấy cả. Tôi chỉ thấy tội nghiệp ông. Tôi biết ông có thể nhịn đói được mà không than, nóng hay lạnh cũng không màng, nhưng bắt ông nhịn thuốc thì có thể buồn rầu mà sinh bệnh.

Anh nuôi đi rồi, chúng tôi quay trở lại chỗ nằm. Ông Trọng đốt điếu thuốc cuối cùng của ông, nói:

“Tôi đã nói từ đầu, cậu thật là khó hiểu chứ chẳng phải chơi. Tôi không rõ ngoài xã hội cậu sống trong môi trường nào mà bây giờ, cậu lại có cái nhìn và lối sống như thế là... ở đời *muôn sự của chung vậy.*”

Tôi cười:

“Chẳng có gì mới mẻ hay khó hiểu đâu chú ơi. Tất cả đều là chuyện thường ngày thôi.”

Ông Trọng nhìn tôi, im lặng quan sát một lúc rồi lại hỏi:

“Cậu làm nghề gì vậy?”

“Đã nói với chú rồi mà, thất nghiệp.”

“Nhưng trước khi thất nghiệp cậu cũng có làm cái gì đó chứ.”

“Trước khi thất nghiệp? thì... không có nghề nghiệp.”

Cả tôi và ông cùng cười. Một lúc ông hỏi tiếp:

“Có thể từ khi mấy ông vô, cậu không biết phải làm gì, phải không? Vậy chứ trước năm một chín bảy lăm, cậu làm gì?”

“Làm học sinh.”

“Ồ, ra là vậy. Nhưng... tôi nói thiệt, tôi vẫn thấy con người cậu có cái gì khó hiểu lắm mà tôi chưa đoán được. Cậu có thể là một chàng công tử phong lưu, được gia đình chiều chuộng, muốn gì được nấy, nên cậu coi tiền bạc hay mấy cái chuyện ăn uống ở đây chẳng ra cái quái gì cả. Mà cậu cũng có vẻ giống như một anh chàng... một anh chàng đang sống trong cái thế giới đại đồng của cộng sản, cái thế giới mà mấy ông nghe lời ông tổ Các Mác, cho rằng nhà nước tự giải thể, nhân dân tự quản lý đời sống, không có guồng máy chính quyền, không có ai bóc lột ai, mọi người đều làm chủ, muốn gì được nấy, vật chất thừa mứa, đầy đường... chẳng ai thèm lấy làm của riêng, chẳng có đói thiếu, chẳng có cướp giết trộm cắp... Ừ, cậu giống như vậy đó, giống một anh chàng nhân dân vô sản thứ thiệt, hay một anh chàng cán bộ cộng sản lý tưởng trong cái thế giới đại đồng đó.”

Tôi bật cười lên ha hả. Chưa bao giờ tôi cười lớn một cách thiếu trang nghiêm như vậy.

“Cho dù cái thế giới đại đồng đó có thật thì anh chàng nhân dân hay anh chàng cán bộ cộng sản trong thế giới đó cũng chỉ là những gã điên mà thôi, làm sao cháu giống họ được chứ. Nhưng nói cho cùng là thế giới đại đồng đó chỉ là một thế giới huyền hoặc, đâu có thật, và sẽ chẳng bao giờ có thật đâu chú ơi. Nó chỉ là giấc mộng, là ảo ảnh phát sinh từ một cái đầu đã mù, từ một khối óc mà hệ thần kinh đã bị tê liệt vì đói rét. Thực đó, giống như một anh chàng đói quá, nằm ngủ cứ mơ thấy đồ ăn ở đâu tự nhiên xuất hiện đầy ở chung quanh, tràn lấp trên mùng dưới chiếu, đụng đâu cũng thấy đồ ăn thức uống... tha hồ mà tọng vào miệng. Nhưng... cũng chỉ là giấc mơ thôi. Anh chàng đói đó, vì chỉ có mỗi nhu cầu trước mắt là ăn, nên chỉ có thể sáng tạo ra được cái giấc mơ ăn uống; vì không có khả năng biến giấc mơ ăn uống thành thực tế, nên đắm

oán thù những kẻ no đủ, đổ lỗi cho những kẻ ấy, rồi từ đó dẫn đến một giấc mơ cao cấp hơn: giấc mơ bình đẳng giai cấp. Thế rồi, từ cái hoang loạn tinh thần của sự đói thiếu và cái hoang tưởng về một thế giới bình đẳng, anh dệt về lung tung về cách nấu ăn, cách dọn bàn ăn, cách chia ghế cho những thực khách đang đói... Ôi thật là thảm! Cái thảm thiết này, biết nói sao cho cùng. Cứ tưởng tượng, một trăm anh chàng đói khác nghe anh chàng đói này diễn tả về một bữa tiệc đầy cao lương mỹ vị mà ai cũng có được quyền tham dự, bèn xúm xít lại, cùng ngợi ca bữa tiệc tưởng tượng đó. Rồi một ngàn, rồi một vạn, rồi một triệu, rồi một tỷ anh chàng đói khác kéo tới, cũng để được thưởng thức cái giấc mơ ăn uống và bữa tiệc thịnh soạn do anh chàng đói thác loạn tinh thần đầu tiên bày vẽ ra... Cuối cùng thì sao, vẫn đói thôi. Giấc mơ mà. Thế giới đại đồng hay bữa tiệc thịnh soạn chỉ là giấc mơ của một người đói rét. Nhưng anh chàng có khiếu ăn nói quá, cộng thêm sự nghiêm ngẫm lâu ngày chày tháng về nỗi đói khôn nguôi nên đã diễn tả món ăn và bữa tiệc thật là ngon lành và sống động, nên cả số người no đủ cũng muốn nghe, cũng muốn được tham dự cái bữa tiệc lý tưởng bình đẳng kia. Rồi tranh giành, rồi cãi vả, rồi đánh giết nhau, cũng chỉ vì tin hoặc không tin cái giấc mơ đó. Chú có thấy vô lý không? Cãi vả chém giết nhau vì một giấc mộng! Mà phải chi giấc mộng này đặt nền tảng nơi một thứ tinh thần hay nghĩa cử cao đẹp nào đó, chẳng hạn như từ bi, bác ái, tha thứ, hiến tặng, cảm thông, chia sẻ, nhường nhịn... thì hãy còn đỡ khổ cho cuộc đời lắm! Đàng này, nó chỉ đặt nền tảng trên nhu cầu vật chất, quyền lợi vật chất, những kế hoạch cải thiện cơ cấu kinh tế, năng lượng sản xuất, giá trị lao động, tiêu chuẩn sản xuất... và tệ nhất là đấu tranh giai cấp! Ôi, những cái thứ quyền lợi thô lậu tầm thường đó có gì mà phải bận tâm dữ vậy! Làm sao chúng có thể mang lại hạnh phúc hay sự bình yên cho đời sống chứ! Chúng chỉ làm cho con người hèn kém, nhỏ mọn thêm mà thôi... Sao, chú nghĩ sao, cháu có phải là một thần dân hay một anh cán bộ của thế giới đại đồng không vậy?"

"Ồ, ờ... dĩ nhiên là không phải rồi, cho dù thế giới đại đồng có thật thì cậu cũng không phải là cán bộ hay nhân dân lý tưởng gì của thế giới đó. Nhưng... tôi cũng đồng thời nhận ra được rằng, ngay cả hình ảnh một chàng công tử phong lưu, sống một cách xa hoa, coi tiền như rác, cũng không áp dụng cho cậu được. Cậu không phải hạng người hưởng thụ. Cậu có cái vẻ đứng đắn của một người đã quen lối sống kỷ luật, đạo đức, mà cậu cũng có cái vẻ... vẻ gì nhỉ... à cái vẻ tự do thoải mái của một người không thích vướng bận ba cái chuyện nhỏ nhặt... Thực ra, cậu là ai vậy? Cậu làm cái gì ngoài xã hội? Tại sao phải giấu tôi chứ. Nói tôi nghe cho vui đi."

Tôi cười, đến bên cửa gió, nhìn ra ngoài:

"Cháu là học sinh, là sinh viên, đang còn nghiên cứu, tìm hiểu, vậy thôi."

"Vậy cậu học ngành gì? Nghiên cứu về cái gì?"

Im lặng một lúc, tôi nửa đùa nửa thật nói:

"Nghiên cứu về cái giấc mộng lớn: cuộc đời, cái đã tạo ra những giấc mộng nhỏ khác của con người trong mọi thời đại. Vì cháu tin rằng, khi con người biết rõ ràng những gì họ đeo bám chỉ là giấc mộng, họ sẽ không còn gây khổ cho mình hay cho người khác nữa."

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương mười một

Một cái đầu ló vào cửa gió, nhìn thật nhanh rồi nói:

“Vĩnh Khang, chuẩn bị đi làm việc!”

Tôi vừa mặc xong áo quần đã có tiếng mở ổ khoá lách cách. Cửa sắt lại được mở ra. Ánh sáng bên ngoài lùa vào chói chang. Những người bạn tù ở các phòng chung quanh, sau các song sắt của những phòng tập thể, sau các cửa gió biệt giam, lấp ló nhìn tôi. Tôi muốn đảo mắt thật nhanh để xem có người nào quen không nhưng không kịp vì cán bộ thúc đi nhanh.

Ở đầu dãy hành lang, nơi bàn trực, Hùng và một công an lạ khác đứng chờ tôi. Không có Long. Viên công an lạ mặt ra dấu cho tôi bước theo. Hùng đi phía sau.

Hôm nay thứ Hai, không khí làm việc của trại có vẻ tấp nập, đông đảo. Các phòng vẫn cung đều có người làm việc. Tôi được dẫn đi quanh một lúc để tìm phòng trống. Ước tính có khoảng ba mươi phòng vẫn cung.

Chờ tôi ngồi vào ghế rồi, viên công an kia mới lên tiếng, giọng Quảng Trị khá nặng:

“Tôi là Sơn, cán bộ của Sở công an thành phố Hồ Chí Minh. Tôi phụ trách việc thụ lý hồ sơ của anh, nhưng tuần qua tôi có việc phải đi xa nên đồng chí Long làm việc thay tôi. Bây giờ tôi trở lại nhiệm sở, tiếp tục công việc mà đồng chí Long làm dở dở với anh. Coi nào, tôi với anh Khang cũng có duyên với nhau đó nghe. Không phải à, sao cười? Không tin tôi nói cho nghe, tôi vốn là một phật-tử, phải nói rõ hơn nữa, một sinh viên phật-tử thuần thành. Trước tôi học ở đại học Vạn Hạnh, học về Khoa học Xã Hội, nhưng tôi cũng có lấy mấy lớp về Phật học. Cho nên tôi cũng hiểu Phật pháp chứ đâu phải... không biết chi. Thầy Tuệ Sỹ và cô Trí Hải có biết tôi, thực đó. Anh còn trẻ dĩ nhiên là không biết tôi rồi, nhưng tôi thì nắm vững hồ sơ lý lịch cũng như mọi hoạt động của anh từ mấy năm nay. Cấp trên nghĩ tôi là phật-tử lại có học giáo lý nhà Phật nên đặc trách tôi vụ mấy ông thầy chùa phản cách mạng. Tôi mệt với mấy ông lắm. Phải chi bảo tôi theo mấy ông vào chùa tụng kinh Phật, có phải là lý thú không, đảng này, cứ giao tôi theo dõi những báo cáo phản cách mạng của mấy ông. Phiền quá, tôi không làm sao hiểu nổi. Ồ... anh là ông thầy trẻ quậy nhiều nhất từ mười năm nay. Hừ, làm việc từ thiện, ra báo chí, kết cấu thành phần phản động hải ngoại, vận động tẩy chay các trường Phật học của nhà nước, chống lại giáo hội của nhân dân, tổ chức mặt trận đấu tranh đòi tự do nhân quyền, hợp tác với lực lượng Phục quốc có võ trang... Cũng khá nhiều việc đấy chứ! Hết việc này đến việc khác, thất bại chỗ này lại ló đầu ra chỗ kia, dường như anh chẳng muốn ở không thì phải! Không, nói vậy không có nghĩa là chúng tôi đánh giá cao con người anh hay những việc anh làm đâu. Thực ra, những gì anh làm cũng chẳng ra làm sao cả, chẳng phải cái gì to lớn khiến cho chúng tôi phải kiêng dè hay mất ăn mất ngủ! Có điều, việc anh làm trái với luật pháp hiện hành, cho nên phải có biện pháp với anh cho đúng thủ tục vậy thôi,” Sơn ngừng lại một lúc, tăng hắng, rồi tiếp:

“Đồng chí Long đã lấy cung anh hôm qua khá đầy đủ, và anh đã ký vào biên bản, nhận rằng có cộng tác với lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương qua một vài công việc như soạn thảo các tài liệu và văn kiện phản động, cố vấn việc làm máy quay ronéo bằng tay để in các tài liệu đó. Anh có muốn sửa chữa, đính chính gì về biên bản do đồng chí Long thực hiện thì cứ nói thật với tôi để hôm nay chúng ta lập biên bản kết cung.”

Tôi im lặng một lúc rồi đáp:

“Không có ý kiến gì.”

“Nghĩa là anh chấp nhận anh có phạm tội?”

“Tôi chấp nhận là tôi có làm những công việc ấy.”

“Thì có nghĩa là anh phạm tội.”

“Các anh là cán bộ nhà nước, nắm quyền lực trong tay, nói sao lại chẳng được. Các anh bảo có tội thì có tội. Nhưng bản thân tôi, tôi biết tôi làm đúng, đó là quyền của tôi.”

“Làm đúng? Anh nói vậy mà nghe được sao?” Sơn xăn hai tay áo lên, gằn giọng nói, “bây giờ khỏi nói chuyện luật pháp nhà nước, mà cũng dẹp luôn cái chức năng cán bộ nhà nước của tôi qua một bên, tôi với anh hãy đứng ở cương vị những người phật-tử mà nói chuyện với nhau cho ra lẽ đi. Anh nói anh làm đúng, vậy tôi xin hỏi, tu sĩ Phật giáo có được quyền làm chính trị không?”

“Nếu anh muốn đứng ở cương vị hai người con Phật để nói chuyện với nhau, vậy anh khoan hãy cật vấn tôi mà phải biết im lặng lắng nghe tôi trước cái đã, rồi có muốn góp ý gì thì thưa sau, vì tôi là một tu sĩ, còn anh chỉ là một phật-tử, phải không nào? Này nhé, tôi muốn hỏi là anh có quy y Tam Bảo không vậy? Có từ hồi còn nhỏ à? Nhưng đến khi trưởng thành thì anh bỏ Phật để chạy theo Đảng? Vậy thì anh không phải là phật-tử. Anh đâu có tư cách để nói chuyện với tôi như là một người phật-tử nói chuyện với một người phật-tử khác. Cho nên, cứ việc ở cương vị cán bộ nhà nước của anh đi, và muốn kết tội gì tôi đó thì cứ việc. Khỏi cần phải mượn danh phật-tử này, phật-tử nọ, phiền chứ chẳng ích gì.”

“Ừ thì cho là tôi không phải người phật-tử theo định nghĩa của anh, tức là người có quy y Tam Bảo, nhưng tôi có học Phật pháp ở đại học Vạn Hạnh, có đọc một số sách về Phật giáo, vậy tôi cũng có thể đứng ở cương vị một người hiểu biết về Phật giáo để nói chuyện với anh chứ, phải không nào?”

“Phật pháp là giáo lý thực hành, không thực hành thì sẽ không hiểu gì Phật pháp. Anh đã không quy y Tam Bảo, không thực hành giáo lý Phật, vậy anh lấy tư cách gì để nói chuyện với tôi về Phật giáo chứ?”

Sơn nổi sùng lên, ngồi chồm hồm lên ghế. Tôi buồn cười thấy hai đầu gối anh đưa khỏi mặt bàn. Sơn xăn giọng nói:

“Anh đừng có nguy biện tìm cách tránh né hay từ chối nói chuyện tay đôi với tôi về Phật giáo. Được rồi, cho là tôi không đủ tư cách phật-tử để nói chuyện với anh, thì bây giờ tôi lấy tư cách một người thường dân có biết về Phật giáo hoặc có đi chùa nhưng không quy y Tam Bảo, được chưa?”

Tôi cười nhạt:

“Xin hỏi anh, trong khi tôi là một tu sĩ đang bình tĩnh, ngồi đàng hoàng ngay ngắn ở đây, có một thường dân đến vung tay vung chân, vất cả giò lên ghế, nói năng hùng hổ hung tợn, anh nghĩ người thường dân đó lấy tư cách nào để yêu cầu tôi tiếp chuyện?”

Sơn đỏ mặt ngồi sượng trân một lúc. Tuy vậy, anh không bỏ chân xuống vội, cứ để yên hai chân trên ghế, nói với một giọng mỉa mai, môi nhếch lên:

“Anh chỉ được cái tài biện luận quanh co, bắt bẻ người ta để tránh đối thoại thẳng vắn đề.”

Nói đến đây, Sơn rút gói thuốc trong túi ra, lấy một điếu. Hùng từ bậc cửa bước vào, bật quẹt lửa cho Sơn. Lợi dụng động tác mời thuốc, Sơn mới chịu bỏ hai chân xuống khỏi ghế. Sau vài hơi thuốc trong im lặng, Sơn mới nói với giọng rất trầm tĩnh, đứng đắn:

“Theo tôi biết, tu sĩ Phật giáo hay của bất cứ tôn giáo nào, nếu xen vào việc chính trị, thì đều sai với giáo luật, phải không vậy anh Khang?”

Biết đã đúng lúc có thể nói chuyện, tôi chậm rãi nói:

“Nếu anh yêu cầu tôi đứng ở cương vị một tu sĩ Phật giáo để nói chuyện với anh, anh đừng có trách tôi nói những sự thật khó nghe nhé... Xin thưa với anh rằng, có một số giới luật giới hạn hoặc ngăn cấm việc tham dự các sinh hoạt thể tục đối với tăng sĩ Phật giáo. Nhưng giới luật trong Phật giáo không phải là những giới điều cứng nhắc bất di bất dịch. Cho nên, tùy theo trường hợp và hoàn cảnh mà tăng sĩ Phật giáo ứng dụng hành xử của mình. Có khi cũng biết nói dối để cứu người, có khi cũng biết *giết một mèo cứu vạn con chuột*... Những trường hợp đặc biệt mà một tăng sĩ buộc lòng phải phạm giới để cứu đời đó được cho phép trong Phật giáo, miễn là các hành vi đó đều được bắt nguồn từ lòng từ bi và không đi ngược với mục tiêu giải thoát giác ngộ. Riêng về các phật-tử, tức những người cư sĩ tại gia, họ có quyền tham dự tất cả các sinh hoạt thể tục như những người thường dân khác trong xã hội; tuy nhiên, các sinh hoạt thể tục đó cũng phải phù hợp với tinh thần Phật giáo và không vi phạm vào các giới luật căn bản. Tóm lại, những người con Phật, dù là tại gia hay xuất gia, đều có quyền làm một điều gì đó trong xã hội để giúp đời.”

“Vậy có nghĩa là họ có quyền làm chính trị à?”

“Làm chính trị là làm như thế nào? Có phải anh muốn nói một đường lối hoạt động nhằm nắm chính quyền hay cướp chính quyền thì tôi không ở trường hợp đó, và tăng sĩ Phật giáo không hề có cái tham vọng đó. Còn trường hợp thấy dân bị hà hiếp bởi giai cấp phong kiến, cường hào ác bá, địa chủ... hoặc gặp giặc nước ngoài xâm lăng đô hộ, anh nghĩ sao, tăng sĩ Phật giáo có nên ngồi yên mà nhìn không vậy? Không phải rằng lịch sử nước nhà đã từng ca tụng gương anh hùng và nghĩa cử cao đẹp của bao thiền sư Phật giáo trong các công cuộc kháng chiến giành độc lập tự chủ cho quê hương hay sao? Nếu ngồi yên mà nhìn áp bức bất công xảy ra hàng ngày cho những đồng bào vô tội thì lòng từ bi để đâu, thưa anh? Một người dân quê cặm cụi làm việc đồng áng khi thấy bất công cũng muốn ra tay can thiệp, nói gì tăng sĩ Phật giáo...”

Son ngắt lời bằng cách tuôn ra một tràng lý thuyết thuộc lòng:

“Nhưng những thứ mà anh nói: phong kiến, địa chủ, ngoại xâm... bây giờ đã bị nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng và nhà nước, đánh bật ra khỏi quê hương từ lâu rồi ạ. Còn những đau khổ, nghèo đói, bất công xã hội hiện nay nếu có và nếu còn, anh biết nó đến từ đâu không? Tất cả đều là cái hậu quả để lại của bọn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Anh không biết được rằng mười năm nay, chúng tôi ra sức xây dựng, kiến thiết biết bao công trình để hàn gắn lại bao đổ vỡ tang tóc của chiến tranh hay sao? Dù gặp bao khó khăn tàn tích của Mỹ - Ngụy để lại, chúng tôi cũng cố gắng khắc phục, vượt qua, giải quyết được nạn thất nghiệp, đói kém, cơm ăn, áo mặc, nhà ở cho từng tầng lớp nhân dân... Đất nước ta đang trên đà phát triển. Ấm no hạnh phúc chắc chắn phải có, chỉ nhanh hay chậm mà thôi. Trong khi chúng tôi đang nỗ lực xây dựng như thế, các anh đứng lên đấu tranh, đòi cái gì? Độc lập? Tự do? Dân chủ? Ôi trời, tưởng đòi cái gì mới lạ! Anh tưởng chúng tôi không biết những thứ đó là quý giá sao? Chẳng phải Bác Hồ từng nói cái câu bất hủ về giá trị của độc lập tự do sao chứ? Anh không thấy rằng nền độc lập và quyền tự do của đất nước, của nhân dân đã được khôi phục từ khi Mỹ-Ngụy bại trận thê thảm ngày 30/4/1975 hay sao? Thế thì đấu tranh đòi cái gì đây? Chuyện đấu tranh của tăng sĩ Phật giáo trong quá khứ sở dĩ được lịch sử ghi nhận và ca tụng là vì họ làm đúng thời, đúng cảnh. Mất chủ quyền nên đứng lên đòi chủ quyền, giặc ngoại xâm tràn đến nên bỏ chùa mà đi kháng chiến... Còn bây giờ, có thiếu cái gì, có mất cái gì nữa mà đòi, mà đấu tranh? Đấu tranh trong giai đoạn này chẳng khác gì các anh muốn mở cửa cho đế quốc, tay sai quay trở lại mà xâm lược vậy! Anh không thấy đó là sự thực à? Sao anh cười?”

“Chuyện xây dựng đất nước, tất cả người dân đều nghĩ đến và muốn góp phần, đâu phải cần có Đảng và Nhà nước lãnh đạo thì dân mới ý thức. Ba mươi năm trước, đất nước hai miền vừa đánh nhau vừa xây dựng nên cứ ì ạch dậm chân một chỗ, chẳng tiến được xa thì lý do cũng

đã khá rõ. Nay chiến tranh chấm dứt, toàn dân giốc lòng muốn kiến thiết xứ sở, xây dựng một quốc gia cường thịnh, ấm no, hạnh phúc... thì chính nhà cầm quyền hiện tại phải lo làm bổn phận là điều động và hỗ trợ nhân tài, vật lực để thực hiện các công trình đó. Đảng này, thực tế cho thấy, từ chủ trương trả thù cho đến hệ thống công an chẳng chịt khắp nơi để kiểm soát và trấn áp nhân dân, đã biến đất nước này thành một trại tù khổng lồ giam hãm bao nhiêu nhân tài và ý lực tinh hoa của dân tộc. Các anh nói là đem độc lập tự do đến cho nhân dân, nhưng nhân dân chỉ thấy độc lập tự do ở trên vách tường, trên các tấm biển lớn, phô trương đầy đường phố như những bích chương quảng cáo. Còn hiến pháp ư? Thấy bán đầy ngoài tiệm sách, nhưng chỉ là loại bỏ túi để cán bộ nhà nước tiện bề lôi ra mà chứng minh cái nền tự do tường vách kia mà thôi. Còn những công trình nào anh nói là thành tích xây dựng của mười năm sau giải phóng? Các cơ quan và trụ sở công quyền, các trường đại học, trung, tiểu học công và tư... thì miền Nam đã có sẵn, nhà nước chỉ việc tiếp thu thôi. Rồi từ các công thự của chính quyền trước để lại, nhà nước sửa lại thành viện bảo tàng chiến tranh và tội ác Mỹ-Ngụy, trại tập trung cải tạo và những nhà giam kiên cố? Những thứ đó có nên gọi là những công trình qui mô đem lại hạnh phúc thiết thực cho nhân dân không vậy? Năm trọn quyền trong tay mười năm nay các anh chỉ làm được có bấy nhiêu chuyện đó và cho là đáng kể nhất vì chúng chứng minh quyền lực và sức mạnh của đảng và nhà nước? Hay anh muốn kể công về những cửa hàng ăn uống, những trung tâm giải trí văn nghệ và thể thao? Nếu đó cũng là thành tích xây dựng thì các anh coi thường sự hiểu biết của nhân dân quá. Thời Pháp đô hộ, họ cũng chủ trương lập các hội quán thể thao, cổ động các phong trào vui chơi văn nghệ để cuốn hút thanh niên thành phố lao vào đó mà quên đi thực trạng đau thương của một nước thuộc địa nô lệ. Các anh có khá hơn họ chút nào đâu chứ? Lốp sơn bề ngoài dù có nguy tạo khéo léo cách mấy cũng chỉ là nguy tạo. Các anh sống và làm việc ở Sài Gòn nên cố tình lấy bối cảnh Sài Gòn để chứng minh thành quả mười năm xây dựng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực ra, Sài Gòn vốn là thành phố đã được hình thành và ổn định, có được nét riêng độc đáo của nó từ những năm trước 75. Các anh chỉ tiếp thu và bòn rút sinh lực còn lại của nó để xây dựng thủ đô Hà Nội và các thành phố miền Bắc mà thôi. Anh là dân sống ở Sài Gòn, anh biết rõ mà phải không? Các anh có làm đẹp thêm gì cho Sài Gòn từ mười năm nay đâu! Vậy đó, rồi các anh cứ giả đờ, cứ phớt tỉnh, làm như thể các anh tin rằng đất nước đang tiến bộ, đang được xây dựng! Nhìn Sài Gòn, giả đờ hãnh diện với Sài Gòn như là thành tích xây dựng của nhà nước xã hội chủ nghĩa, các anh cố tình không biết đến những thực trạng cùng khốn của nhân dân ở khắp trong nước. Hàng ngày, các anh quanh quẩn trong các nhà hàng, các chỗ nhậu nhẹt, bên tách cà phê có nhạc xập xình, bên các cửa hàng ăn uống nguy nga một cách không cần thiết, trên những đường phố ngập xe gắn máy nhập cảng bòn rút từ túi tiền của Việt kiều hải ngoại gửi về, làm sao có thể cảm thông được sự đói lạnh của hàng triệu đồng bào sống lây lất, vất vưởng như những con ma đói, như những con khỉ cụt đuôi man rợ, mót từng củ khoai lót lòng tại các vùng biên địa cần cỗi mà cỏ dại còn che xấu không chịu mọc. Kinh tế mới đó, mới từ mười năm nay mà vẫn còn phải ăn khoai ăn bắp trừ bữa. Mới suốt mười năm nay rồi mà trẻ em ở đó vẫn chưa đánh vần được hai chữ *Việt Nam*, không biết cách cầm cây bút, không biết đi xe đạp, không biết bất cứ trò vui chơi nào trên đời; năm này tháng nọ lơ lảo đỏi mắt mà thèm, mà khát cọng rau với hạt bắp. Các anh làm sao mừng tượng ra được thảm cảnh đó trong khi tập đoàn các anh ngày ngày hưởng thụ nền văn minh, tiến bộ nhảy vọt của chủ nghĩa xã hội trên trời, trên mây, xa cách muôn trùng với xã hội ăn mày của nhân dân tro xương, bụng ông nhan nhân khắp nơi trong nước. Họ có ở đâu xa xôi, trước mắt các anh đó thôi. Nhưng các anh làm bộ không thấy, hoặc đã bị cái hào nhoáng vinh quang của chủ nghĩa và đế quốc u việt làm cho mờ mắt đi rồi."

Son đập bàn, đứng dậy quát:

“Anh chỉ nhìn thấy hiện trạng hôm nay mà không xét vấn đề ở những nguyên nhân khách quan. Mỹ-Ngụy rút đi để lại một đất nước tan hoang, với bao nhiêu đổ vỡ, bao nhiêu tệ nạn. Tiếp thu miền Nam, chúng tôi phải đưa vai gánh lấy những đổ vỡ đó. Những gì anh phản ánh cũng chỉ là những hậu quả, những cái sót lại do sự phá sản của bọn Mỹ-Ngụy đấy thôi.”

“Nãy giờ anh cứ lập luận đó, vẫn cứ đổ thừa cho Mỹ này Ngụy nọ. Tại sao không bắt đầu mọi việc từ năm 1975? Tại sao không nói về mười năm xã hội chủ nghĩa! Gát bỏ hết những Mỹ-Ngụy gì đó của giai đoạn trước, đất nước hiện nay nằm trong tay các anh, những người cộng sản, các anh đã làm gì? Mà thực ra, vấn đề chính tôi muốn nói, không phải ở chỗ xây dựng kiến thiết những dinh thự, những nhà cửa, đường sá kiêu lộ... Đó là những thứ các anh tự hào, hãnh diện khoe khoang như là thành tích xây dựng, chứ tôi và nhân dân chỉ mong đợi sự xây dựng kiến thiết khởi đầu từ mặt tinh thần. Khi tinh thần được ổn định, củng cố và hòa hợp rồi thì có công trình kiến thiết nào mà không làm nổi! Đảng này, từ bốn mươi năm cho miền Bắc và mười năm cho miền nam, các anh chỉ có thành tích lấy lòng nhất là lấy vũ lực để kiềm tỏa nhân dân, thúc đẩy và cô xúy những phong trào đấu tố, trả thù, gây sự hoài nghi, dè dặt, thủ thế, co rút trong tâm lý từng người. Cả nước sống trong bất an lo sợ, chẳng ai tin ai, như thế thì còn nói gì đến chuyện xây dựng. Các anh giành hết mọi thứ quyền, từ những quyền tự do căn bản cho đến những quyền tự do thượng đẳng mà chỉ có những ông hoàng bà chúa ở các nước quân chủ thời trung cổ mới có được, từ độc quyền yêu nước theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa cho đến quyền xây dựng đất nước theo ý mình, cho đến quyền thưởng phạt nhân dân một cách tùy hứng và tùy ý. Với cái quyền vô giới hạn đó, các anh giam nhốt tất cả những ai lên tiếng nhắc nhở hoặc muốn trình bày những đường hướng xây dựng đất nước theo cách khác. Vậy đó, hiện trạng đất nước là như thế; và sở dĩ tôi, một tăng sĩ Phật giáo, sớm ngày lo việc kinh kệ công phu ở chùa, lại phải dấn thân vào con đường đấu tranh là cũng vì thế. Nếu anh đã từng là phật-tử hay chỉ là người hiểu biết chút Phật pháp gì đó, hẳn anh phải khuyến khích tôi làm việc nghĩa, phải không? Tôi đâu có làm chính trị. Tôi chỉ làm việc nghĩa. Thấy bất bình thì phải lên tiếng can thiệp, vậy thôi.”

Son xoa tay, nói nhanh:

“Thôi đủ rồi. Anh có thành kiến với chúng tôi quá, chẳng làm sao mà nói cho cùng lý được với anh đâu. Tốt hơn cứ để anh có thời gian để suy nghiệm lại.”

Tôi cười:

“Tôi cũng mong rằng trong khi tôi có cơ hội để suy nghiệm kỹ lưỡng hơn về những vấn đề của đất nước thì ở ngoài xã hội, các anh cũng dành thì giờ để suy nghiệm lại những gì tôi nói. Như vậy thì buổi nói chuyện nãy giờ không đến nỗi vô ích.”

Tôi vừa nói đến đó, bỗng thấy Long đến, đứng nơi cửa, đòi nói chuyện riêng với Son. Son bảo Hùng đứng lại coi tôi, rồi Son đi theo Long. Hùng đứng lại một mình với tôi ở phòng vấn cung, có vẻ không yên, duỗi tay duỗi chân, xoay qua xoay lại. Một lúc, anh ngó tôi, cười thân thiện:

“Anh Khang hút thuốc không?”

“Không, cảm ơn,” tôi đáp.

Hùng đốt thuốc rồi hỏi với giọng tự nhiên:

“Chắc anh Khang trước giải phóng đã học đại học rồi phải không?”

“Không, lúc đó tôi còn là học sinh trung học đệ nhị cấp.”

“Vậy sau giải phóng thì sao? Anh có đi học ở đâu cho đến khi vào cao đẳng ở Gia Lam và Vạn Hạnh?”

Tôi giật mình vì Hùng biết về tôi khá rõ, nhưng nghĩ lại thấy cũng chẳng có gì lạ: Hùng là công an trinh sát, cùng Son, Long và đồng đội khác theo dõi tôi lâu nay, hẳn anh phải biết phần nào đó về tôi. Tôi đáp:

“Chắc anh cũng biết cả rồi, mãi đến năm 1980 tôi mới được học tiếp ở Già Lam.”

“Vậ hả? Anh học cho tới khi lớp Già Lam tan rã vì vụ Tuệ Sỹ?”

“Không, tôi đi kinh tế mới trước vụ đó hai năm.”

Hùng im lặng một lúc, rồi lại nói:

“Xếp Sơn là Trung tá, trưởng phòng chính trị của Sở công an thành phố Hồ Chí Minh. Xếp khó tính có tiếng, vậy mà ông ấy chịu để anh Khang nói chuyện tự do, thoải mái, hẳn là ông cũng nể anh lắm, ông chẳng nói ra đó thôi. Ông ấy cố tình khơi chuyện cho anh Khang nói, chắc anh Khang cũng biết, phải không? Không phải là cạm bẫy gì đâu, chỉ vì bản thân ông ta muốn nghe những ý kiến, những quan điểm gì khác với chủ trương của nhà nước... cho đỡ chán đó mà. Tôi nghĩ, sở dĩ ông ấy cứ khăng khăng nói một chiều nghịch ý với anh Khang, chắc anh cũng biết, là vì ở cương vị một cán bộ cao cấp, ông ấy phải như vậy thôi; phần khác, vì có tôi đứng đây, ông ấy không thể nói gì ngoài chủ trương cả. Thực ra, lâu lâu nổi hứng lên trong một bữa nhậu, ông ấy nói hăng say lắm, có khi chửi tùm lum, chửi từ trên xuống dưới... và nếu có lý luận đôi co với ai, ông ấy chẳng khi nào chịu thua đâu. Khi nãy, ông ấy có vẻ đuối lý với anh là vì ông nói mà không tin những gì ông nói, còn anh thì lại tin tưởng mãnh liệt vào những gì anh nói ra. Khác nhau ở chỗ đó.” Hùng dụi điều thuốc dưới đất bằng cách lấy gót giày nghiêng tới nghiêng lui một lúc.

Tôi lấy làm lạ là Hùng đã nói chuyện thật cởi mở với tôi như thế. Không rõ có phải Sơn giả đò đi ra ngoài để Hùng tự do nói như vậy không. Họ muốn gài cái bẫy gì đây? Hùng thành thật quá thì lại khiến tôi hoang mang, dè dặt.

Hùng vừa dụi thuốc nhưng liền sau đó, anh lại móc gói thuốc trong túi ra, lấy một điều khác đưa lên môi, bật lửa, rồi nói tiếp, giọng vẫn có vẻ thân mật và hứng khởi:

“Anh Khang tuổi trẻ thật nhỉ. Hồi đó nghe nhắc tên anh, tôi cứ tưởng anh cỡ tuổi xếp Sơn hay xếp Long đây chứ. À, tôi có một thắc mắc này muốn hỏi anh Khang... Không phải chỉ mình tôi thắc mắc không thôi, mà cả mấy đồng chí trong đội trinh sát của tôi nữa, cũng bàn tới bàn lui cái điểm này ghê gớm lắm. Nhưng không ai đoán ra nổi, cứ nói với nhau, khi nào gặp anh Khang rồi thì ra lẽ chứ khó khăn gì. Vậy đó mà tưởng sẽ không gặp anh. Mấy tháng rồi chứ đâu phải chơi! Nhưng cuối cùng thì... anh cũng vào đây, Tôi hỏi anh được không? Cái này chẳng phải vấn cung đâu, tôi không có trách nhiệm vấn cung hay lập biên bản gì hết. Chỉ xin hỏi riêng ngoài lề: anh còn nhớ cái hôm Tết Tàu năm nay anh ở đâu không? Để tôi gọi lại cho anh nhớ nghe. Năm nay chúng ta ăn Tết trước lịch Tàu một tháng. Vào Tết ta, tổ chức Phục quốc của ông Lương bị đổ vỡ ở Long Thành, lúc ấy anh vẫn còn ở Long Thành ăn Tết. Sau đó, anh rời Long Thành về Sài Gòn... ở đâu đó thì tôi không biết, nhưng cuối cùng, vào những ngày cận Tết Tàu, tức là một tháng sau đó, anh đang ở nhà của bà Bạch Mai, anh nhớ chưa? À, nhớ hả. Vào đúng đêm ba mươi Tết của Tàu, cho đến 9 giờ tối, anh vẫn còn ở đó. Nhưng rồi 10 giờ, chúng tôi vào lục soát thì lại không có anh. Chúng tôi bao vây, canh gác nhà bà Bạch Mai từ bốn hướng, cho đến trên lầu của hai nhà hàng xóm, chúng tôi cũng có người trực sẵn ở đó. Canh gác từ sáng sớm ngày ba mươi cho đến tối, không bỏ hờ giây phút nào. Vậy, anh đừng cười nhé, xin hỏi, lúc đó anh đang ở đâu, đi ra đường nào, ẩn trốn bằng cách nào mà chúng tôi không thấy? Hay là anh thực sự không có trong nhà bà Bạch Mai?”

Tôi cười:

“Cha, anh ép tôi quá nha! Nếu tôi nói ra, tôi được cái lợi gì đây, trong khi đó anh sẽ học được thêm một kinh nghiệm để bố ráp mà bắt người khác?”

Hùng xoa tay:

“Không, kinh nghiệm đó thì nói thiệt với anh, tôi đủ tay nghề rồi anh Khang à. Chỉ hơi thắc mắc là tại sao lúc đó cứ đinh ninh là phen này chắc chắn sẽ mời được anh Khang đi, thế mà

lại sây! Tôi muốn biết thật đó...”

Tôi bỗng nảy ý muốn mặc cả với Hùng, liền nói:

“Nếu tôi cũng có một thắc mắc, anh có thể nói tôi nghe Không?”

Hùng ngập ngừng một lúc:

“Miễn là đừng dính dấp đến... cái vụ của anh là được. Không, ý tôi muốn nói, có những chuyện tôi không thể hứa được, vì nó có thể đi ngược lại chủ trương, trái với trách nhiệm... nhưng anh Khang cứ nói đi, có thể tôi giải đáp được.”

Tôi định hỏi Hùng có phải nhờ có Hân báo cáo nên công an biết được tôi ở nhà bà Bạch Mai mà vây bắt, rồi cũng nhờ Hân, với sự cộng tác của ông thầy Tư, mà công an theo dõi bắt tôi ngoài đường vào ngay hôm qua. Nhưng liền ngay sau đó, tôi đổi ý. Tôi không cần muốn biết sự thật nữa. Tôi tự nhủ, “đã bảo là vui vẻ chấp nhận thì còn truy tìm manh mối làm gì nữa. Biết được vấn đề ấy, có lợi gì cho những ngày tù sắp đến?”

Thấy tôi im lặng, Hùng khích lệ:

“Anh Khang cứ hỏi đi, có thể tôi biết được chút gì.”

Tôi xua tay nói:

“Không, cảm ơn. Không cần nữa. Thôi, anh cứ nói chuyện anh.”

Hùng ngập ngừng một lúc:

“À, như tôi nói khi nãy, đội trinh sát chúng tôi lúc ấy ai cũng chắc mẫm là sẽ bắt... ờ... chắc mẫm là có anh Khang trong nhà bà Bạch Mai, vậy rồi... khi không mà anh biến dạng. Phải chăng có một sự mâu nhiệm nào đó, ý tôi muốn nói... thời nay có thể những người ở chùa như anh vẫn còn xài một số bùa chú hay pháp thuật gì đó? Nói nhanh đi, ông Sơn sắp trở lại rồi kìa.”

Tôi bật cười không nói vội. Thực ra tôi có phép thuật gì đâu. Đêm ấy, biết bị bao vây tứ phía, tôi đánh liều nhờ Lan, một thiếu nữ tá túc tại nhà bà Bạch Mai để học may, đưa tôi đi ra bằng ngõ sau. Ngõ này phải đi vòng vo một lúc qua những hẻm tối rồi mới ngang trước mặt hai anh công an đậu xe gắn máy ngồi gác dưới cột điện. Tôi nói trước cho Lan biết rằng Lan phải đóng kịch là tình nhân của tôi. Lan đỏ mặt nhưng rồi cũng vui vẻ dẫn đường tôi đi. Từ xa, thấy hai anh công an ngồi hút thuốc, tôi nắm lấy bàn tay Lan, nói nhỏ với nàng: “Lan nói cái gì cho tự nhiên đi, công an ở phía trước kìa, mình phải đi ngang họ đó.” Lan ừ hử, nhưng cũng chưa nghĩ ra được câu gì hay thái độ nào để đóng kịch. Mãi lúc đến sát trước mặt hai anh công an, nàng mới níu lấy cánh tay tôi, nói giọng thân mật một cách tài tình: “Bây giờ coi xi nê chắc trễ lắm rồi, hay mình đi ăn chè rồi về, chịu không?” Tôi không biết nói gì, chỉ ừ rồi cùng nàng lướt qua mặt hai anh công an. Đi một khoảng xa, tôi cúi xuống vờ sửa đôi giày sần-đan để nhìn lui, thấy hai anh công an vẫn ngồi yên, không chú ý gì. Vậy là tôi thoát.

Tôi tùm tùm nói với Hùng:

“Tôi đi ra cửa hàng hoàng, chỉ tại các anh mờ mắt nên không thấy mà thôi... Nhưng mờ mắt trong chuyện bắt dân chẳng quan trọng gì đâu anh Hùng à, chỉ sợ là mờ mắt trong chuyện trị dân mà thôi,” tôi nói với Hùng như thế.

Tôi vừa dứt lời, Sơn và Long cũng vào đến. Vừa ngồi vào chỗ, Sơn nói ngay:

“Hành vi phạm tội của anh đối với nhà nước đã quá rõ ràng, tạm thời không có điều gì còn khúc mắc. Bây giờ, tôi lập biên bản kết cung.”

Biên bản do Sơn lập, vẫn tất rằng tôi soạn thảo tài liệu cho lực lượng Phục quốc của ông Lương. Lối kết tội của biên bản này cũng không khác gì với biên bản của Long đã lập và tôi ký trước đây. Cũng không thấy Sơn đá động đến các hoạt động khác của tôi trước đó. Có lẽ nội chuyện cộng tác với lực lượng Phục quốc đã đủ để kết tội, nên họ không cần phải lôi vào vụ từ thiện xã hội để rồi làm rộn lên thành vụ án của nhiều Tăng Ni phật-tử khác – vốn là vấn đề tế nhị mà nhà nước cố gắng tránh né được chừng nào tốt chừng đó; còn Hội Lạc Long, họ không ghi

vào biên bản kết cung có lẽ là do hội đó có mặt Hân, đặc tình của họ – họ không muốn đưa Hân vào biên bản để rồi lại sinh chuyện rầy rà với công an của tỉnh Đồng Nai và cũng có thể là tránh sự đụng chạm nghi kỵ của tôi với Hân.

Tôi ký tên vào biên bản. Hùng đưa tôi về chỗ bàn trực của dãy C3. Khi cán bộ trực xách xâu chìa khoá nặng nề đưa tôi trở về phòng giam, đi ngang phòng biệt giam số 2 ở đầu dãy, bỗng nghe tiếng một người gọi tôi từ trong cửa gió:

“Khang!”

Tôi ngược lên, thấy thầy Thiện Đắc, một người bạn tu của tôi, người mà cách đây vài ngày Linh có báo cho tôi biết là đã bị công an đến bắt tại chùa Pháp Hoa gần trường đại học Vạn Hạnh cũ mà chẳng biết bị bắt vì tội gì.

Tôi chỉ kịp nhìn thấy khuôn mặt xương xẩu, khắc khổ của Thiện Đắc. Và tôi chợt nhớ rằng chính thầy ấy là người đã tụng thần chú Lăng Nghiêm hồi khuya. Một mối xúc cảm dâng lên trong lòng tôi. Thiện Đắc đã làm gì để công an phải bắt? Từ Phụng Đạo đến Lạc Long, rồi Phục quốc, chẳng có tổ chức nào Thiện Đắc tham gia cả. Thiện Đắc chỉ là một người bạn của tôi, có lên kinh tế mới sống với tôi ba tháng vào mùa hè năm 1984, vậy thôi. Phải chăng chỉ vì quen biết và giao tiếp với tôi mà Thiện Đắc phải vào tù?

Tôi thờ dãi bước vào phòng giam, cảm thấy buồn hơn lúc nào hết.

[TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC](#)

Chương mười hai

Thiện Đắc mới quen tôi vào mùa hè năm ngoái. Trước đó, Thiện Đắc biết tôi qua sự giới thiệu của chú Hòa (lúc này đã là một vị đại đức, nên gọi là thầy Tâm Hòa). Tâm Hòa kết giao với Thiện Đức và Nguyên Lạc trong một dịp lễ lớn nào đó ở Sài Gòn. Vì có sinh hoạt và giữ một nhiệm vụ quan trọng trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, Tâm Hòa muốn giới thiệu đường hướng sinh hoạt chung của chúng tôi đến hai người bạn mới này; rồi thấy họ là những tăng sĩ trẻ nhiệt tâm, Tâm Hòa hướng dẫn họ đến tiếp xúc tôi tại chùa Long Quang, ngôi chùa ở kinh tế mới Bàu Cạn, thuộc huyện Long Thành.

Thiện Đắc lớn hơn tôi vài tuổi, nhưng anh hòa hợp và làm việc với tôi dễ dàng. Anh và Nguyên Lạc có đến ở lại chùa Long Quang với tôi ba tháng vào mùa hè năm ấy.

Thiện Đắc đang là sinh viên Luật khoa năm thứ nhất vào năm cuối cùng của chế độ Cộng Hòa. Một tu sĩ đeo đuổi Luật học cũng cho thấy phần nào cá tính và khuynh hướng của Thiện Đắc. Thường ngày, Thiện Đắc chuyên tâm đọc sách, tọa thiền, tụng mật ngôn (đà-la-ni, tức thần chú), ít nói chuyện. Nhưng vào các đêm chùa Long Quang có tổ chức uống trà đọc thơ dưới trăng, Thiện Đắc luôn luôn là người sôi nổi, tích cực nhất trong mọi tiết mục. Anh ca, đọc thơ, thảo luận thào thào với nhiều sáng kiến, nhiều nhận định sâu sắc về thời cuộc. Anh không đam mê gì ngoài việc tụng đọc thần chú và hút thuốc. Có thể nói là anh nghiện thuốc lá khá nặng. Tuy vậy, mỗi khi nhập thất (kéo dài một tuần), anh có thể không hút một hơi thuốc nào. Bắt tay vào việc gì anh cũng sốt sắng và quyết tâm làm cho đến nơi đến chốn. Có khi Thiện Đắc nói với tôi rằng anh không thấy gì trở ngại khi vừa đeo đuổi con đường giải thoát vừa dần thân cứu đời bằng con đường chính trị để mưu cầu hạnh phúc cho số đông. Tôi cũng tán đồng quan điểm của anh. Tôi cho rằng, Phật giáo là đạo từ bi, giải thoát và giác ngộ. Nuôi dưỡng lòng từ bi thì không thể để mặc cho dân đói khổ; có lý tưởng giải thoát thì không thể để dân bị trói buộc trong xiềng xích nô lệ; có tinh thần giác ngộ thì không thể để cho dân bị các thế lực cầm quyền chìm vào chính sách ngu dân, hiểu biết một chiều một cách vô minh để rồi lại thêm trăm năm, ngàn năm tiếp tục sống dưới ách nô lệ, mất hết tính tự chủ độc lập mà tổ tiên đã trải cả máu xương để gìn giữ! Và tôi lặng lẽ nhìn Thiện Đắc như một hình ảnh đẹp biểu trưng tinh thần Đại thừa Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Việt Nam qua mọi thời đại, luôn gắn liền với dân tộc để gánh chung tất cả khổ nhục trong những bối cảnh suy vi của đất nước.

Sau ngày 30/4/1975, Thiện Đắc bị cộng sản trục xuất ra khỏi Việt Nam Quốc Tự. Nhà nước cho rằng ngôi quốc tự này được xây dựng bằng ngân quỹ của Mỹ-Ngụy, nên phải sung công để làm khu vui chơi giải trí của quận 10 (Cô nhi viện Quách Thị Trang ở sau lưng Việt Nam Quốc tự cũng cùng chịu chung số phận). Thiện Đắc kể lại rằng lúc mang hành lý cá nhân để rời khỏi Việt Nam Quốc Tự, anh hãy còn là một chú sa-di mười chín tuổi. Anh không ngờ là có lúc trên đời, một tu sĩ Phật giáo như anh bước ra khỏi cổng chùa mà chẳng biết đi về đâu. Đứng bên đường quay nhìn ngôi tháp cao sừng sững của Việt Nam Quốc Tự, anh nói lời từ biệt rằng: “Quốc tự ơi, có ngày ta sẽ trở lại để tiếp tục làm tiểu đồng quét dọn lá vàng trong sân mi.” Cuối cùng, Thiện Đắc đến sống tạm với người anh ruột trong một ngôi nhà nhỏ trên đường Nguyễn Thiện Thuật, thuộc quận 3. Tưởng là sống tạm, không ngờ vì vấn đề khai báo hộ khẩu, Thiện Đắc trở thành thường trú nhân của gia đình người anh, và suốt mười năm kế tiếp, anh vẫn

chưa chính thức xin được hộ khẩu hợp lệ ở bất cứ ngôi chùa nào trên đất nước. Dù vậy, anh vẫn quyết chí giữ gìn lý tưởng và sắc áo tu. Ban ngày anh đến tu học tại chùa Pháp Hoa (gần cầu Trương Minh Giảng), ban đêm về ngủ tại nhà người anh. Ăn một nơi, ngủ một nơi, Thiện Đắc vẫn vui vẻ, lạc quan và lặng lẽ tìm bạn cùng chí hướng.

Nhắc đến Thiện Đắc, cũng khó lòng quên được hình ảnh rất dễ thương của một tu sĩ trẻ đứng thả cá, thả chim trên các cây cầu Sài Gòn, nơi mà xe cộ ồ ạt qua lại. Thỉnh thoảng có tiền, Thiện Đắc ra chợ mua chim, cá đem phóng sanh. Tục phóng sanh đã có từ lâu đời và là một tục lệ rất phổ thông trong sinh hoạt Phật giáo với ý nghĩa tôn trọng sự sống của muôn loài, đồng thời là để thể hiện lòng từ bi của một người theo Phật. Phóng sanh vì thế, trong ý nghĩa thâm sâu, cũng chính là một phương pháp tu hành, thuộc về hạnh bố thí. Nhưng hiện nay, do vì người ta quá câu chấp vào hình thức phóng sanh nên phong tục này lại được hiểu sai như là một hành vi cầu phước. Tín đồ Phật giáo bây giờ phóng sanh với ý niệm cầu nguyện cho mình được an lành, may mắn, tai qua nạn khỏi, tiêu trừ tật bệnh. Vì đã hiểu như thế, dần dần tục phóng sanh trở nên một công việc dành cho giới bình dân Phật tử chỉ biết đến chùa cầu nguyện xin phước. Tôi chưa thấy một tu sĩ nào đích thân mang chim cá có ý cầu danh, muốn được người khác nhìn thấy và khen ngợi hành vi cao đẹp của mình. Vì tôi biết rõ, giới tu sĩ chúng tôi, không ai chuộng những lời khen là mình đã phóng sanh, ngầm hiểu là ham cầu phước. Dĩ nhiên trong hàng ngũ tu sĩ có nhiều sự sai biệt về khuynh hướng cũng như thói quen về sinh hoạt thường nhật. Người ý này, kể ý nọ, tùy theo cá tánh, tầm nhìn và hoàn cảnh của mình mà hành xử với đời. Nhưng, sự nghiệp duy nhất của tăng sĩ Phật giáo vẫn là sự nghiệp giác ngộ. Có giác ngộ mới có giải thoát. Phóng sanh đã bị hiểu như hành vi cầu phước của quần chúng bình dân ít hiểu đạo thì hiếm khi nào một tu sĩ -- nhất là tu sĩ trẻ ở phố -- lại chịu một mình đi phóng sanh công khai ở chỗ đông người. Thường thì vị thầy chỉ chú nguyện, trì tụng nghi thức phóng sanh rồi thả chim ngay tại chùa, còn cá, ếch nhái hay rùa thì giao các Phật tử mang đi thả ở mé sông. Bố thí phóng sanh công khai giữa phố đời, tôi biết chỉ có Thiện Đắc là ông thầy tu trẻ duy nhất thực hành. Ban đầu tôi cũng không mấy thích về chuyện phóng sanh của anh, vì tôi cho rằng, chính tục lệ phóng sanh bị hiểu sai mà đưa đến tình trạng lạm phát của nghề bán chim cá; càng có nhiều người ham cầu phước phóng sanh thì càng có nhiều người khác nỗ lực đi bẫy chim, lưới cá. Nhưng Thiện Đắc thì nghĩ khác. Anh cho rằng chỉ sau năm 1975, vì đói khổ quá nên xã hội mới nảy sinh quá nhiều nghề nghiệp mà trước đó không hề có, hoặc chỉ có rất ít. Nghề bán chim, cá cũng là hậu quả của một xã hội đói kém, thiếu thực phẩm. Anh nói, người ta càng đánh bắt chim cá nhiều, người Phật tử càng thực hành hạnh bố thí và phóng sanh nhiều hơn. Điều này cũng có thể ngầm hiểu rằng, khi người cộng sản bắt bớ bỏ tù và tước đoạt hết nhân quyền của người dân, Phật tử khắp nơi trong cả nước có bốn phận lên tiếng đòi lại những gì bị đánh mất.

Lần cuối cùng tôi và Thiện Đắc gặp nhau cách nay khoảng hai tháng. Tình cờ đi ngang đường Nguyễn Thiện Thuật ở quận 3, tôi bắt gặp Thiện Đắc đạp xe đi ngược chiều. Tôi đưa tay vẫy, anh mừng quá, dừng xe lại, rồi mời tôi về nhà của người anh ruột, nơi anh tá túc lâu nay. Câu cuối cùng Thiện Đắc nói với tôi lúc chia tay rất cảm động, đáng nhớ:

“Khi nào cần người góp sức, hay cần việc gì đó, Khang cứ đến đây gọi, tôi sẵn sàng tham gia bất cứ lúc nào, tham gia vô điều kiện.”

Trong thời gian ẩn lánh, nghe được một lời nhiệt tình như thế, tưởng cũng ấm lòng tôi phần nào.



Ông Trọng đẩy miếng cạc-tông qua phía tôi:

“Quạt đỡ đi. Sao, bữa nay khai cung thế nào? Tụi nó quần cậu dữ hả?”

“Cũng đâu có quần gì lắm đâu. Mọi chuyện đã đâu vào đó hết rồi mà.”

“Đâu vào đó? Ý cậu nói sao?”

“Hôm nay làm biên bản kết cung rồi,”

“Cái gì? Kết cung? Sao nhanh quá vậy?”

Tôi cười:

“Có gì lạ đâu? Bộ khai cung thì phải lâu, phải kéo dài sao? Không, cháu hỏi thiệt đó, khai cung lúc nào cũng phải kéo dài ă? Tại sao vậy?”

“Thì... bởi vì vấn đề phạm tội lúc nào mà chẳng phức tạp! Nó luôn luôn liên quan đến nhiều người và việc khác. Với lại một phần cũng do mình không khai thật, không khai hết những gì tụi nó muốn biết. Kéo dài là vì vậy. Thường thường khai cung cũng phải mất cả tháng, hoặc nửa tháng, hay nhanh lắm là trong vòng một tuần lễ làm việc liên tục. Cậu mới có hai ngày mà đã kết cung thì lạ đó chứ.”

“Vậy hả. Nhưng cháu chẳng thấy gì lạ cả. Cháu có nói chú nghe trường hợp của cháu rồi mà. Bốn tháng trước, gần như toàn bộ nhân sự của Lực lượng Phục quốc bị bắt ở Long Thành và nhiều quận huyện khác của tỉnh Đồng Nai.”

“Điều đó không có nghĩa là mọi chuyện đã xong, vì chưa chắc cả trăm người đó đều biết cậu hoặc khai gì đó về cậu, phải không?”

“Nhưng có người bạn cháu làm đặc tình, như chú đã biết, anh ta nắm rõ mọi vấn đề rồi. Và lại, cháu thấy chẳng cần thiết gì cái chuyện chối quanh chối co những gì cháu đã làm. Chối quanh co chỉ có lợi khi nào nó dẫn cán bộ khai cung đến chỗ lẩn lộn, không tìm ra được manh mối nào để kết tội mình. Đàng này, đã biết trước là không thể tránh, không thể chối, thì chối làm gì. Huống chi...”

Tôi định nói rằng, “huống chi giới luật Phật giáo dạy cháu không được nói dối,” nhưng kiềm lại. Ông Trọng nhìn tôi, có vẻ chờ đợi tôi nói tiếp câu nói bỏ lửng. Thấy tôi không nói gì nữa, ông hỏi:

“Cậu nói *huống chi*... cái gì?”

“Huống chi cháu thực tình là không muốn nói dối. Chối chạy việc mình làm là nói dối chứ gì, phải không? Cháu không thích làm vậy. Nói dối với những người nắm vũ lực trong tay, có vẻ hèn nhát quá. Cháu cảm thấy vậy. Họ nghĩ rằng mình sợ án tù, sợ họ kết tội nặng nên mới chối cãi.”

Ông Trọng ngó tôi với hai con mắt mở lớn:

“Trời đất, làm chính trị mà nói như cậu thì chết tiêu! Chấp nhận làm chính trị thì phải chấp nhận mọi thứ phương tiện, cho dù là một thứ phương tiện dối trá, lừa đảo... mà người ta thường gọi là thủ đoạn. Huống gì chuyện che giấu trong lúc khai cung, cũng chỉ là một phản ứng tự vệ tất nhiên thôi, có gì mà cậu phải mặc cảm chứ!”

“Cái kiểu làm chính trị như chú nói là kiểu chính trị của mấy tay hoạt đầu. Họ làm chính trị với mục tiêu là nắm chính quyền. Bởi cái mục tiêu đó, họ bắt chấp mọi thủ đoạn.”

“Thế cậu làm chính trị theo kiểu nào? Cậu hoạt động mà không nhắm đến chuyện nắm chính quyền sao?”

“Không.”

Ông Trọng đốt thêm điếu thuốc khác, lẩm bẫm:

“Cũng lạ nhỉ.”

Im một lúc, ông quay qua dụ giọng hỏi tiếp với vẻ mặt đầy nghi vấn:

“Có một mục đích nào khác hơn mục đích cầm quyền trong hoạt động chính trị sao?”

“Có lẽ chú đã quên rằng hồi xưa có những người phò vua giúp nước chống ngoại xâm, khi đất nước bình định rồi lại rút lui, vào hang sâu núi thẳm ẩn tích mai danh, hoặc làm kẻ vô danh ngao du sơn thủy...”

“Đó là trường hợp những thánh nhân hiền sĩ, những nhà sư...”

Tôi bật cười:

“Đâu nhất thiết phải là những thánh nhân hiền sĩ hay những nhà sư! Chuyện đó ai lại làm chẳng được. Khi đất nước lâm nguy, dân tình thống khổ, kẻ sĩ tự dung thấy lòng bứt rứt, phải dẫn thân hành động để cứu đời. Dẫn thân trong trường hợp này là làm việc nghĩa chứ có phải *làm chính trị* theo cách hiểu của người thời nay! Khi việc thành tựu rồi, họ có thể giữ áo lên đường ngay chứ có khấn gì. Có bao giờ họ nghĩ đến chuyện nắm chính quyền hay được ban thưởng danh quan tước vị gì đâu mà nân ná lại với đời. Hành động của họ là hành động cứu đời. Nếu có liên quan đến chính quyền, chính trị hay chẳng, là ở chỗ hành vi của họ nhắm đến việc điều chỉnh những rối ren bất toàn của xã hội. Vua bất minh, chính quyền thối nát, kẻ sĩ phải góp phần điều chỉnh, giống như việc chữa bệnh của thầy thuốc: chỗ nào có bệnh nhân, chỗ đó có thầy thuốc; bệnh gì cho thuốc nấy.”

Ông Trọng nhìn tôi một lúc, gật gù:

“Cũng phải. Lý tưởng quá. Như vậy, theo ý cậu... nếu biết chính quyền đó tàn hại, không thể chữa trị gì được nữa, có phải là chúng ta phải triệt hủy nó để ủng hộ một chính quyền khác mà chúng ta tin tưởng là khả quan hơn không?”

“Vâng, phải vậy thôi. Nhưng trước hết vẫn là chuyện điều chỉnh, điều chỉnh từ gốc đến ngọn. Không điều chỉnh được thì mới đốn luôn cả cây.”

“Theo cậu, cái gốc bây giờ là gì?”

“Là sự mê muội say đắm vào ý thức hệ, vào chủ nghĩa.”

“Còn cái ngọn của nó?”

“Quyền lực, danh lợi.”

“Điều chỉnh thế nào đây?”

“Một khi từ gốc đến ngọn đều nhuốm bệnh, sự điều chỉnh rất ư khó khăn. Nếu chỉ lo chữa ngọn thì không bao giờ hết bệnh, còn chỉ lo chữa được cho cái gốc, có thể căn bệnh của cái ngọn lại trở thành căn bệnh chính cho toàn thân cây. Bệnh của gốc thì giết chết nhiều người, bệnh của ngọn thì làm băng hoại cuộc sống. Cả hai đều nguy hiểm. Cần phải chữa trị... Tóm lại, thấy bệnh, thấy bất bình, phải ra tay hành động ngay, bệnh ở đâu, chữa ở đó.”

Ông Trọng tiếp tục gật gù, nhìn tôi:

“Cậu có vẻ là một nhà lý thuyết.”

Tôi cười:

“Trên thực tế, cháu chẳng chuộng gì lý thuyết. Cháu thích hành động hơn.”

“Cậu thích hành động, nhưng hành động của cậu chỉ là điều chỉnh, sửa sai, chữa trị, hoặc tích cực hơn, đốn ngã một thân cây mục nát để trồng một thứ cây tốt đẹp hơn chứ bản thân cậu không phải là cái cây đó... Nói thẳng cho đúng theo ý cậu thì có nghĩa rằng: cậu không có ý niệm hoặc ước vọng trực tiếp tham gia điều khiển đất nước, phải không? Vậy thì hành động của cậu chưa phải là hết mình. Ý tôi muốn nói... chưa phải là trọn vẹn. Đáng lý cậu nhận thức được cái gì là đúng, cái gì là sai thì phải đứng ra gánh lấy trọng trách điều khiển quốc gia một khi đủ khả năng đốn ngã một chế độ mục nát; nhưng cậu lại rút đi, làm ẩn sĩ, để cho một cá nhân hay một nhóm nào đó gánh lấy. Cái hành động lưng chừng đó, có khi nào cậu nghĩ rằng, nó vô tình bỏ ngõ cho những kẻ cũng tồi tệ không kém, đứng lên tiếp tục dẫn đất nước vào con đường khôn cùng chẳng? Cậu nói nghe thử xem nào, trong trường hợp đó, cậu sẽ làm gì?”

“Lại tiếp tục điều chỉnh.”

“Kỳ vậy? Đón một cây mực, trồng một cây mới khác, cũng do một tay cậu mà. Không lý cậu lại trở thành đối lập ngay cả những kẻ mà cậu từng ủng hộ?”

“Chuyện xây dựng đất nước tất nhiên phải vậy. Tốt thì mừng, xấu thì phải điều chỉnh chứ! Lúc mình ủng hộ, nó tốt, nhưng sau đó nó xấu, thì phải điều chỉnh, sao làm ngơ được? Kẻ cầm quyền mà mình ủng hộ đó có phải là thứ gì của mình đâu! Họ là của đất nước, của dân tộc. Mình ủng hộ họ vì họ có lòng với đất nước, vì tin tưởng họ khá hơn những kẻ mà mình tranh đấu chống lại. Nếu một lúc nào đó, họ đánh mất đi lòng tốt và sự nhiệt thành của họ đối với đất nước, mình phải tranh đấu chống luôn cả họ chứ, có gì khó hiểu đâu. Mình có lên tiếng, có hành động hay không là vì dân chứ có phải vì họ đâu mà ái ngại việc chống lại họ khi họ làm đường lạc lối.”

“À, vậy mà tôi tưởng rằng khi đứng lên để lật đổ phe nhóm này cậu sẽ đưa phe nhóm của cậu lên thay thế... Té ra cậu cũng không lập một phe nhóm nào để ủng hộ hay đưa lên nắm chính quyền khi cần thiết... phải vậy không?”

“Vâng. Cháu chỉ là một người dân, chưa hề bao giờ nghĩ đến chuyện cầm quyền. Cháu có công việc và đời sống riêng của cháu, không phiền quấy gì đến các chế độ chính trị cầm quyền nào. Nhưng nếu người ta phiền quấy đến đất nước hay người dân chung quanh cháu, cháu không ngồi yên mà bó tay đâu.”

Ông Trọng im lặng, nhìn tôi một lúc rồi cúi xuống, đốt thêm điếu nữa. Hình như ông đang cố che giấu một nỗi xúc động nào đó. Phà một hai hơi thuốc trong im lặng, ông mới nói:

“Mười năm nay, từ khi đất nước thay đổi chế độ, tôi không giao tiếp nhiều, chỉ lẩn quẩn tới lui với vài người bạn già, hoặc trẻ lắm thì cũng lứa trung niên. Cho nên tôi thực không hiểu được cái tâm tình và chí hướng của những người thanh niên ngang lứa cậu thời nay như thế nào. Có thể nói, cậu là thanh niên đầu tiên mà tôi có cơ hội nói chuyện đôi chút về chính trị, về tình hình đất nước... Hôm nay nói chuyện với cậu, tự dung tôi có một niềm tin mãnh liệt cho tương lai tươi sáng của đất nước. Vâng, tương lai đất nước sẽ khá hơn nhiều vì các thế hệ trẻ sau này ý thức được những vết đố của các thế hệ già nua đi trước. Bao nhiêu năm nay, hết thế hệ này đến thế hệ nọ, thay nhau đứng lên, cũng đấu tranh, cũng tin tưởng mình là đúng, có chính nghĩa, nhưng rồi đất nước vẫn cứ khổ đau, chẳng làm sao góc đầu lên nổi. Cái đó là do đâu? Tự dung, nói chuyện với cậu, tôi bỗng tìm thấy một câu trả lời rất đơn giản, vậy mà lâu nay tôi không thấy: rằng nếu ta thực sự nghĩ đến kẻ khác chứ không phải quyền lợi cho cái bản ngã nhỏ nhoi của ta, thì hành động nào của ta cũng mang lại lợi ích cho đời cả. Phải vậy không, cậu em?”

Tôi cười, gật nhẹ. Hình như nói xong cảm nghĩ của mình, ông Trọng bị nghẹn nơi cuống họng. Tay ông cầm mãi điếu thuốc, rẫy hoài, không đưa lên môi nữa, mắt nhìn ra phía cửa gió. Một lúc thật lâu, ông lại bắt chuyện:

“Cậu đã ký tên vào biên bản kết cung rồi phải không?”

“Dạ, ký rồi. Cháu thấy ký hay không cũng chừng đó. Trong biên bản, họ ghi rõ cháu đã làm gì cho lực lượng Phục quốc, mà những chuyện đó có thật, chẳng sai chút nào. Vậy thì có gì đâu mà không chịu ký.”

Ông Trọng nhún vai, cười:

“Ừ thì ký. Nếu là người khác, tôi còn muốn nói thêm điều này điều nọ, chẳng hạn đừng ký, thậm chí không thèm đọc biên bản... nhưng đối với cậu, nói chuyện ấy thì chẳng hợp chút nào. Cậu có lối suy nghĩ không được thực tế... à, ý tôi muốn nói là không giống lắm với những người sống trên xã hội thời nay. Con người cậu có cái vẻ gì lạ lắm. Cậu giống như những kẻ sĩ, những chàng quân tử ở các triều đại xa xưa. Trong thời đại này, những chàng quân tử đó phải chết trước mọi người. Nhưng có thể cũng nhờ sự có mặt của họ mà những thế hệ kế tiếp sẽ cao đẹp, sáng sủa hơn... Tôi hy vọng như thế. À, cậu nói vụ Phục quốc đẩy lên từ Long Thành, thuộc

tỉnh Đồng Nai, phải không? Nếu vậy thì cậu sắp rời khỏi trại giam này rồi.”

“Sao vậy?”

“Phạm tội ở đâu thì bị giam và bị xử án ở đó. Cậu hoạt động ở Long Thành thì công an ở đây sẽ chuyển giao cậu về cho công an tỉnh Đồng Nai. Đây thuộc địa phận Sài Gòn mà. Tội công an này đâu có quyền xử cậu. Chúng chỉ lấy cung sơ sơ thôi rồi dẫn độ cậu đến một trại giam nào đó của tỉnh Đồng Nai. Hèn gì chúng kết cung nhanh quá.”

“Vậy sao! Cháu đâu có rành mấy cái vụ đó.”

Ông Trọng lại đốt thuốc:

“Nếu cậu đã ký tên vào biên bản kết cung rồi thì con đường trước mắt là chờ kết án rồi đi tù cải tạo thôi. Thời gian chờ xử án có khi cũng lâu lắm chứ chẳng nhanh gì đâu. Tội này làm việc vậy đó. Chờ bắt đủ hết các tay đầu não của lực lượng rồi chúng mới đưa ra tòa xử. Nhưng cũng có khi nhằm vào một dịp nào đó cần thiết, chúng đem ra xử đại, xử rất nhanh. Khó hiểu lắm cái tội cộng sản này. Ồ, đến giờ phát cơm rồi.”

Tôi lấy ca bước đến cửa gió, nhìn ra ngoài. Mấy anh nuôi lảng xăng, hô hoán. Thùng cơm được đóng bằng gỗ, đang bốc khói. Ông Trọng nói, trại giam này vì thuộc Sài Gòn nên tương đối khá; tuy phần cơm cũng chẳng nhiều bao nhiêu so với các trại giam khác, nhưng gạo Sài Gòn mà, còn mới chứ chẳng hư mốc và nhiều thóc sạn như ở các nơi. Anh nuôi ở đây lại ưu đãi mấy người tù biệt giam. Có khi ông Trọng xin thêm được cả hai ba phần cơm, buổi trưa chỉ ăn một nửa, một nửa để dành cho buổi chiều; chiều được phát phần cơm khác thì ông để dành cho buổi sáng kế tiếp (vì trại không phát cơm buổi sáng). Như vậy, ông vẫn có được ba bữa ăn. Ông ăn khá mạnh. Chuyện cũng chẳng gì lạ. Ông to lớn như một người không lồ thì phải ăn nhiều mới đủ sức để vận chuyển cái khối thịt đó.

Lãnh cơm xong, chưa đến mười giờ rưỡi. Hầy còn quá sớm để ăn trưa. Ông Trọng ngồi đốt thuốc. Tôi đứng bên cửa gió nhìn băng quơ. Trời nắng dịu. Những cụm mây trắng vô tình trôi qua trên nền trời xanh biếc.

Ngày qua nhanh quá. Tiếng keng báo hiệu cứ hết hồi này lại đến hồi kia. Vừa đánh thức xong đã thấy phát nước sôi cho bữa điểm tâm. Xong bữa điểm tâm thì có keng báo giờ làm việc. Sau keng làm việc, loay hoay một lúc đã đến giờ phát cơm trưa... Rồi sẽ có keng báo ngủ và thức cho giấc trưa. Giờ làm việc buổi chiều. Phát cơm buổi chiều. Điểm danh. Cửa gió đóng. Đèn phòng bật lên. Tù nhân om sòm ca hát... rồi keng báo nghiêm. Người ta nói *nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại* mà sao tôi thấy ngày qua nhanh khủng khiếp. Cái tâm trạng phức tạp nào đây mà có cảm giác ngược đời vậy? Phải chăng mấy ngày đầu, chưa quen cảnh tù nên thấy vậy, sau đó ngày sẽ bắt đầu dài thiên thu như người xưa từng nói? Ồ, nếu mỗi ngày là thiên thu thì có phải là ta sống trên triệu tuổi không! Hầy thương thức cái dài thiên thu đó đi, có gì mà phải rầu lo chứ, hỡi mấy anh chàng tù nhân trên khắp đất nước!



Trong phòng biệt giam, đêm buông xuống sớm hơn là thực tế bên ngoài. Sau giờ điểm danh buổi chiều, cánh cửa gió bị cán bộ trực đóng ập lại, bóng đêm chụp xuống ngay lúc đó. Và không khí trong phòng tự dưng nặng trĩu xuống.

Ông Trọng có điều thuốc để xoa ngay nỗi buồn của ông. Khi đèn phòng bật sáng, tôi thấy ông cố gắng che giấu một giọt lệ sắp rơi xuống má. Ông nhớ vợ con thì phải. Từ lúc tôi vào đây, chỉ nghe ông nhắc vợ con chứ chẳng nhắc đến ai khác. Đôi mắt dữ tợn của con hổ khi nhớ vợ con đã dịu xuống thành đôi mắt nai hiền lành, u ẩn.

Thực ra, nhìn cái tướng cao lớn dềnh dàng của ông, khó có thể tưởng tượng được rằng

một con người như thế lại biết khóc. Nhưng ông đã khóc thực rồi đó. Dù một thời ngang dọc vẫy vùng, khuấy nước chọc trời như ông từng kể tôi nghe tối hôm qua, thì ông vẫn là con người, có tình cảm, có con tim biết đập và nhảy những nhịp điệu muôn thở và thường tình của kiếp người. Tiếng gầm thị uy của con hổ làm rung động cả núi rừng, hoảng sợ cả trăm loài muông thú; và thật dã man dữ tợn làm sao khi nó sử dụng nanh vuốt và răng nhọn của mình để cẩu xé, nhai nuốt con mồi! Nhưng không phải vì vậy mà nó thiếu đi cái vẻ tinh tú, thương yêu đối với vợ con. Tình cảm làm quân bình đời sống, làm dịu đi sự hận thù và lòng đanh ác. Trong một số trường hợp, tình cảm đã cho thấy mãnh lực dời núi lấp biển của nó. Tình cảm có thể động viên người ta làm được những việc phi thường, kỳ diệu. Nhưng, thảm họa của cuộc đời, đa phần cũng đẩy sinh tử cái tình cảm vừa dễ thương vừa khùng điên đó.

Tôi nhìn ông Trọng khóc như vừa nhìn thấy lần đầu một cảnh tượng lạ đời nhất. Có một cảm giác ngò ngò, vừa thương xót, vừa buồn cười, len lỏi trong từng thớ thịt, từng đốt xương, đục khoét nhẹ nhẹ nhưng lạnh buốt tâm hồn tôi. Tôi không có vợ con để đau khổ nhớ thương như ông nên không thể cảm thông tận cùng nỗi buồn của ông. Nhưng tôi có thể tưởng được đó là sự quẫn quai của một tâm hồn đang nhớ thương, nuối tiếc về quá khứ với những bóng hình thân yêu tuột khỏi tầm tay một cách cưỡng ép.

Khi nỗi buồn vơi đi rồi, ông Trọng đốt thuốc, hút liên tục, hết điếu này đến điếu khác. Phiếu mua hàng ông đặt mua thực phẩm thì hãy còn chờ vài ngày, nhưng thuốc lá thì được đưa vào ngay vì cán bộ trực cũng có mang theo vào trại để bán lén cho tù nhân. Nhờ vậy, ông Trọng mới có đủ khói thuốc phù du để xua đẩy cái buồn của ông đi. Tôi chẳng biết phải an ủi ông bằng cách nào. Chúng tôi ngồi im lặng như thế một lúc lâu.

Bên ngoài, tiếng nói chuyện inh ỏi, đều đều, rào rào, từ các phòng giam vọng qua vọng về, xen vào nhau, chạm vào nhau, như những đường gươm vung múa trước trận tiền. Thỉnh thoảng, một tràng cười trối lên nghe như một loạt súng liên thanh bắn xả vào dòng người chen chúc. Lại có tiếng những tù nhân người Hoa, kêu réo, gọi nhau ơi ới, rồi nói chuyện bằng loa tay những lời xí xồ xí xào không sao hiểu nổi. Chen lẫn trong dòng thác âm thanh cuồn cuộn, hỗn tạp đó, cũng có đôi giọng ca cất lên. Kẻ ca tân nhạc, kẻ hát vọng cổ.

Ông Trọng bỗng bốc hứng đáp lại tiếng réo gọi chung quanh bằng một khúc vọng cổ đột ngột. Y như những con gà trống ở vùng quê mà tôi thường lắng nghe chúng gáy mỗi khuya. Ban đầu là một con, rồi hai ba con đáp lại, rồi đồng loạt cả xóm gà gáy rân trời. Tôi muốn bật cười khi nghe ông Trọng bắt giọng ca, nhưng ráng nín và lắng nghe. Vốn không thích, và vì vậy, không hiểu biết gì về cải lương vọng cổ, tôi chẳng hứng thú chút nào mà có khi còn khó chịu khi nghe kẻ khác hát bên tai mình những khúc ca nhi nhằng, ông ẹo, lê thê và thường thường là sàu sầm đó. Nhưng bây giờ, ông Trọng hát, tôi bỗng thấy mình chịu khó, lắng nghe và hình như còn thích thú nữa là khác. Đây là một bản tân cổ giao duyên, tôi không biết nó mang tựa đề gì, nhưng lời ca rõ ràng là kể lại câu chuyện tình cảm bi thương của Lan và Điệp mà tôi có biết qua. Giọng ông Trọng ồ ồ, khàn đục, nhưng lại truyền cảm vì ông hát say sưa và gờn gấm cả tâm hồn ông vào đó. Nỗi buồn nơi ông dường như tuôn ra theo tiếng ca, phủ lấy không gian nhỏ hẹp của phòng giam. Rồi nó len nhẹ vào lòng tôi khiến trái tim tôi như tê giật lên bởi một dòng điện nhỏ. Lần đầu tiên, tôi rung động thực sự bởi một khúc vọng cổ. Có thể điệu ca và lời ca không đủ tác dụng để cuốn hút tôi đến thế. Nhưng rung động, đúng hơn là do trong một phút chốc, từ nỗi buồn của ông Trọng, tôi bỗng cảm nhận một cách thấm thía nỗi ly biệt miên viễn, trường kỳ của kiếp nhân sinh giả hợp.

Ca xong bản tân cổ, ông Trọng lại đốt thuốc, rồi ông bắt đầu kể chuyện tôi nghe. Đêm nay là câu chuyện về những cuộc tình và hôn nhân của ông.

Theo lời ông kể, nêu là sự thực, đã có khoảng trên dưới mười người đàn bà qua tay ông.

Tôi được nghe chi tiết những mẩu chuyện tình này từ nguyên nhân đến thời điểm, không gian của sự tao ngộ, sự thành thân hay ăn nằm lén lút với nhau, rồi giai đoạn và lý do chia tay, tan vỡ của mỗi cuộc tình. Bất kể là tôi có thích nghe hay không, ông ấy nói thao thao không ngừng. Tôi có thói quen là luôn chăm chú lắng nghe người khác nói chuyện, dù rằng đôi lúc câu chuyện của họ chẳng mấy hấp dẫn. Có lẽ vì vậy mà ông Trọng cảm thấy kích lệ để không ngần ngại tuôn ra hết cả những gì đáng ra nên giữ kín. Tình ái quả là đề tài hấp dẫn mà hình như ai kể cũng có vẻ lôi cuốn, sinh động. Nhưng đối với mọi vấn đề, cái hay và đẹp nằm trong sự thực được chứng nghiệm. Trải qua mười mấy cuộc tình dang dở và cuối cùng là hai đời vợ lớn, vợ nhỏ, ông ấy quá đũa tư cách và thâm quyền để kể được những mẩu chuyện tình kỳ thú, cũng như có thể đóng vai bậc thầy cho những cậu con trai ngây ngô mới lớn về vấn đề tình dục hay cái mà nhà nước bây giờ gọi là *kế hoạch sinh đẻ*, hay *kế hoạch hoá gia đình*.

Ông Trọng có vẻ hả hê trong câu chuyện ông kể. Đường như ông được sống lại lần nữa với những vết tích chưa nhòa của dĩ vãng. Tôi đọc được trong ánh mắt rực cháy của ông, nơi khoé miệng thêm thường của ông, cái khát dục không cùng của một sinh vật người hiện hữu trên trần gian.

Mỗi lại điều thuốc bị tắt ngấm vì mãi lo kể chuyện, ông Trọng hỏi:

“Còn cậu thì sao, kể tôi nghe với chứ. Hề hề, theo kinh nghiệm riêng của tôi thì đàn bà thích nhất hai loại đàn ông: thứ nhất là tên đàn ông hoạt bát, nói năng có duyên, lôi cuốn; thứ hai là gã đàn ông ít nói, có vẻ ngây thơ, khờ khạo. Nhưng hạng đàn ông thứ nhất thì chỉ vợ được mây ả xoàng xoàng ham chuộng bề ngoài; còn hạng thứ hai, đi chậm mà chững chạc, có đời sống nặng về nội tâm hơn... Mà theo cách tôi nhìn thì cậu đúng là hạng đàn ông thứ hai, hẳn là cậu phải có nhiều cô thương, tình nguyện nâng khăn sửa túi, phải không? Ừ, cậu nói cậu chưa có vợ há?”

“Dạ, chưa. À, phải nói là không.”

“Không? Cậu muốn đọc thân suốt đời à?”

Tôi chỉ cười, không đáp.

“Cậu hai mươi sáu tuổi rồi, phải không?”

“Dạ phải.”

“Thế thì cũng biết rồi.”

“Biết gì, thưa chú?”

“Biết cái chuyện... trai gái đó.”

“Ờ...”

“Ờ cái gì mà ơ! Tôi biết từ cái thưở mười bảy, mười tám kia. Không lý cậu hai mươi sáu mà còn tân sao!”

“Cũng tùy thôi chú à. Có người trên ba mươi, hay trên bốn mươi vẫn chưa biết gì về chuyện ấy,”

“Xi, đó là mấy ông thầy tu. Còn người thường như chúng ta thì phải biết. Khác nhau là sớm hay muộn vài năm thôi. Cậu ngại phải nói ra cái chuyện tình cảm à? Bộ cậu nghĩ rằng dân thân làm chính trị thì không yêu đương, không lấy vợ sao? Ồi trời, đó là cái chuyện thường tình như là ăn cơm, uống nước. Có gì mà phải xấu hổ, che giấu. Ừ thôi, cho là cậu chưa biết gì về chuyện chăn gối đi, nhưng ít nhất trong lứa tuổi hăm sáu, với cái vẻ hiền lành, ít nói dễ gây cảm tình với phụ nữ, tôi nghĩ cậu cũng phải trải qua tẽ lắm là năm cuộc tình sơ xị, dơ dờ, ương ương, phải không?”

“Ờ...”

“Lại ơ nữa rồi. Có thì nói đại là có chứ ngại gì! Phải không?”

“Dạ... có cũng được.”

“Sao cũng được! Có. Dứt khoát là có chứ không thể có cũng được. Phải không?”

“Dạ... có.”

“Thế thì người tình sau cùng, mới nhất, trước khi cậu vào tù như thế nào? Bao nhiêu tuổi rồi?”

“Dạ... chẳng biết nữa.”

“Hô hô, sao mà không biết! Nếu đã yêu thực sự thì chẳng việc gì mà không biết. Tình yêu nó lạ kỳ như vậy đó. Tự dưng cậu sẽ biết tất cả những vấn đề riêng tư thuộc về người tình của cậu, khỏi cần cô ta khai báo. Thế mới hay chứ. Nếu cô nào mà cậu chưa biết tuổi thì chưa thể gọi là nhân tình; đó chỉ là mới quen phớt. Đã có tình thì tự động có hiểu biết. Trong hiểu biết về đối tượng thương yêu, tuổi tác đi đâu. Cậu không thể có một người tình mà chẳng biết cô ta bao nhiêu tuổi. Phải biết chứ. Sao? Mấy tuổi? Đẹp lắm phải không?”

“Ồ... cháu cũng xin thưa thật với chú rằng lâu nay cháu ít quan tâm, hay nói thẳng là cháu không có thì giờ để nghĩ đến chuyện đó.”

“Thôi cha nội! Làm sao mà chẳng nghĩ đến. Cậu cũng là con người chứ có phải khúc gỗ, cục đá đâu mà không có tình cảm! Nhìn đôi mắt ướt át long lanh như con gái của cậu là tôi biết ngay đời sống tình cảm của cậu nó như thế nào rồi. Nó có vẻ êm đềm ở bề ngoài nhưng bên trong phải như một con sông dậy sóng chứ chẳng phải chơi đâu. Cậu có cái bề ngoài trang nghiêm, hiền lành thật, nhưng điều đó không có nghĩa rằng không có tình cảm. Huống chi, trong vấn đề tình cảm, không thể nói là không có thì giờ. Cậu em nên biết, khi có yêu, tự dưng thì giờ nó nhiều ra, nhiều lắm. Một đời ta, thì giờ dành cho vấn đề yêu đương, vấn đề tình cảm, hơn một nửa rồi. Yêu ai cậu sẽ có rất nhiều thì giờ dành cho người đó. Đi, đứng, ngồi, nằm, ăn uống, làm việc, đi chơi, nói chuyện... không lúc nào mà không nghĩ đến người tình. Thậm chí nằm mộng cũng thấy toàn là bóng người tình không à. Đúng không? Đâu có sợ không có thì giờ!”

Tôi phì cười, chợt nghĩ đến công phu tu tập của những người theo Phật giáo. Trong Thiền tông, các thiền sinh đã áp dụng phương pháp quán tưởng, tham công án vào mọi sinh hoạt của đời sống thường nhật của họ. Bên Tịnh độ tông cũng thế, họ được dạy là phải niệm Phật A Di Đà, quán tưởng hình ảnh đức Phật A Di Đà trong nhất cử nhất động, không hở phút giây nào.

Khổ nỗi là ở đời, ít người có khả năng hay quyết tâm để thực hành được các pháp thức nói trên. Có lẽ quán tưởng, nhớ nghĩ hay gọi tên người tình để hơn tham thiền, niệm Phật. Nó vừa dễ, vừa cụ thể, mà có hy vọng thành tựu rõ ràng hơn!

Tôi xua tay ra dấu với ông Trọng là tôi không muốn nói chuyện nữa. Tôi nằm xuống, duỗi thẳng hai chân hai tay, mắt ngược nhìn cái bóng đèn cao mút trên trần, tỏa ánh sáng chói lòa từ sau khung lưới nhỏ. Mộng Huyền ơi! Phải chăng theo một nghĩa nào đó, chúng ta đã là những tình nhân của nhau? Không được. Chúng ta không phải tình nhân. Lý do nào thì em đã biết, phải không?

Thấy tôi im lặng, ông Trọng cũng ngưng nói. Có lẽ ông hơi phật lòng vì bị mất hứng. Ông ngồi duỗi chân, lưng tựa vào vách, đốt thêm điếu thuốc nữa, hút trong im lặng.

Rõ ràng là ông đang im lặng. Nhưng tôi vẫn cứ nghe như là ông đang nói. Ông đang nói hay là một gã mặt sẹo lẩn khuất đâu đó, nhe răng ra mà nói. Hay là chính tôi đã nói với tôi. Tôi thấy rõ ràng có một cái miệng nhép nhép hai hàm răng trắng ngà ngà, lúc ẩn lúc hiện giữa bờ môi đầy. Đôi môi đầy quen thuộc của một kẻ khát dục.

“Tôi nói cậu nghe, ở đời không có việc gì mà không đòi hỏi nghệ thuật, hay kỹ thuật tuyệt xảo của nó để đạt đến cái toàn mỹ và hạnh phúc. Trong tình yêu cũng vậy, không thể bỏ qua nghệ thuật của nó. Đó là một nghệ thuật đặc kỳ, sắc xảo, tinh tế và cao cả nhất trong tất cả nghệ thuật. Tình yêu chiếm gần trọn cuộc đời ta và là khía cạnh nổi bật nhất của cuộc sống, quyết định sự tồn hữu hay suy hoại của hạnh phúc con người. Nhưng chẳng mấy ai biết yêu cả.

Người ta mù lòa quờ quạng chạy theo ái dục bằng cách sống với nhau, ăn chung mâm, ngủ chung giường, đầu áp tay gối, tìm sinh kế, đẻ con cái, gây gỗ đánh cãi nhau, rồi lại ôm nhau, hôn hít, rồi già, rồi bệnh, rồi chết, rồi sầu khổ. Cả một đời như thế, nhưng chẳng có gì thực sự gọi là yêu trong sự kết hợp trâu bò đó. Tôi gọi là *sự kết hợp trâu bò* bởi vì nó thiếu cái nghệ thuật, bởi vì nó chẳng thuộc về tình yêu. Họ chẳng biết yêu gì cả. Họ chỉ biết làm bốn phận trong một phút lơ trớn sa chân của họ mà thôi. Tình yêu của họ bị chết tiệt từ khi cái khao khát chiếm đoạt được thỏa mãn; sau đó, chỉ còn lại bốn phận, là cái mà người ta gọi là nghĩa vợ chồng, nghĩa tào khang. Hừm, đúng, đúng là cái tình nghĩa, cái ràng buộc bất khả kháng, chẳng vui thú và đẹp đẽ gì mà chỉ có sự giả dối, đeo mặt nạ mà cười gương gạo với nhau, mà ở bề sâu thì đầy đọa và làm khổ nhau. Họ chẳng giữ gìn được tình yêu và chẳng thường thức được trọn vẹn cái hạnh phúc tất hữu của yêu đương. Yêu, phải là hạnh phúc; không thể nói *yêu là đau khổ* được. Sao lại phải đau khổ! Đau khổ thì yêu làm quái gì! Không biết yêu, không gìn giữ được tình yêu thì tự khắc phải chuốc lấy đau khổ thôi. Cái hạnh phúc trong tình yêu không nằm ở chỗ được hay mất đi đối tượng yêu thương của mình mà chính là sự trọn vẹn, nhất quán, và bất biến của nó ở trong ta, chảy trôi và bàng bạc trên từng khoảnh khắc mong manh, biến ảo của dòng đời. Người tình không phải chỉ là kẻ được ta yêu thương mà chính là ta đó. Kẻ nào tự phân ly mình với người tình, thấy có sự sai khác giữa mình với người đó, thấy rằng có hai thực thể đối lập nhau đi đến kết hợp như một trao đổi và nương tựa nhau, kẻ ấy tự cắt chia tình yêu và đặt nó vào khuôn khổ vốn dĩ không phải là nơi có thể chứa đựng cái mệnh mông của tình yêu. Cái gì chân thật, bất biến thì không bị chia cắt, không bị hạn cuộc, không bị ngưng đọng trong cái hữu hạn và nhất thời. Yêu một người, trước tiên có nghĩa là phá bỏ bức rào ngăn cách ta với người đó, khiến cho ta với người đó trở thành một. Người tình của ta chính là ta chứ không là gì khác. Cả cuộc đời ta nằm ở trong đó. Ta làm tất cả những gì mang lại khoái lạc và hạnh phúc cho người tình, có nghĩa là làm cho chính ta. Nhưng ta không cần phải hỏi là làm cách nào để người tình của ta được hạnh phúc, hay cho chính ta được hạnh phúc. Bởi vì tình yêu tự có lối đi của nó. Cứ yêu một cách chân tình và hết mình thì hạnh phúc sẽ có. Cậu nói sao? Những gì tôi nói này giờ chỉ là lý thuyết thôi à! Vậy thì theo cậu, thế nào là thực tế của tình yêu?”

“Tình yêu phức tạp và chắc chắn là không vươn ra khỏi sự hạn cuộc của tính ích kỷ và cái bản ngã đáng ghét của chính ta? Vì ích kỷ nên tình yêu chỉ biết chăm sóc và nâng niu đối tượng nó chiếm hữu, như vậy chỉ có tình yêu hạn cuộc chứ không có cái tình yêu mệnh mông, cao cả được. Mà một khi tình yêu bị hạn cuộc bởi lòng ích kỷ chiếm hữu, nó gây tạo sự ràng buộc và khổ đau cho kẻ yêu và ngay cả kẻ được yêu nữa. Còn nếu nó muốn vươn ra khỏi cái vòng hạn cuộc đó, điều này chỉ là một sự phóng ngoại để tìm cầu một đối tượng mới khác cũng nhỏ nhen và hạn cuộc, để thay thế cái hạn cuộc nhỏ nhen cũ mà thôi. Nói cho cụ thể, chú chỉ có thể làm mọi việc cho thím, cho các cháu, và cho chính chú, chứ không thể lang bang trải tình yêu đó đến với một đối tượng khác, vì như thế sẽ gây đau khổ cho vợ con.”

“Ha ha, sao lại phóng cái tình yêu đó dong ruổi đến đối tượng nào nữa một khi nó đã tự chọn một nơi chốn để tụ hội và phát tiết toàn vẹn thể cách vô biên của nó! Vợ con ta không phải là tất cả đó sao. Vợ con ta chính là ta, chính là thế giới.”

“Sự náo loạn và xung đột của thế giới có thể được đẩy sinh từ sự tập trung bảo vệ và chiếm hữu của mỗi người đối với những gì hấp yêu thích.”

“Kẻ nào luôn sống trọn vẹn với tình yêu của hắn, hàm ý rằng hắn đã sống trọn với vợ con hắn, sông trọn với chính con người hắn, thì không tổn hại và xâm phạm đến hạnh phúc của kẻ khác. Thực sự yêu thì chỉ có hạnh phúc chứ chẳng gây đau khổ nào cả.”

“Lòng ích kỷ, sự ghen tuông, lòng khao khát chiếm hữu độc quyền, tất cả những thứ ấy không thể không ảnh hưởng đến tâm hồn con người yêu thương. Thiên hạ đã đau khổ bao nhiêu

vì những thứ ấy. Cháu xin lỗi chú khi đặt giả thiết như vậy: sẽ có những lúc mà thím ở nhà có thể làm chú nổi cơn ghen tức với một tình địch nào đó. Con ghen làm mất bình tĩnh và gây khổ đau trong lòng chú, phải không?”

“Ghen tuông chẳng có gì là khổ. Ghen tuông là một điều kỳ thú và cần thiết, như những bông hoa, những nét chấm phá muôn màu điểm tô thêm cho vẻ diễm ảo của bức tranh tình ái. Ghen là sự dội ngược của bản ngã khi va chạm vào bức tường ly cách nó với bên ngoài. Nếu ta yêu một cách trọn vẹn, sống một cách trọn vẹn, bức tường đó bị phá đổ, và chẳng có sự va chạm nào ngoài sự hợp nhất của ta với thế giới. Thế giới là gì? Thế giới là vợ ta đó. Ghen tuông khổ, nhưng phải biết cách. Kẻ biết ghen cho trọn vẹn là kẻ tự húc đầu vào bức tường ly cách giữa hắn với tha nhân, chứ không phải là làm cho vững chắc thêm bức tường đó để rồi quần quai đau khổ. Nhưng kẻ nào đã biết yêu một cách trọn vẹn thì không có gì xảy ra cho hắn một cách nhảm nhí như ghen tuông, thất tình, cầu nhau, băng gắt, giận lẫy, thân thờ, điều đứng, khổ sở... Và cũng bởi người tình của hắn sẽ chẳng bao giờ ngoại tình, hoặc làm, hoặc nói, hoặc biểu lộ một điều gì vượt ra ngoài vòng tay chân tình của hắn. Tình yêu chân thật sẽ tự vẽ ra những lối đi của nó. Những lối đi này biểu hiện sự phong phú và tròn đầy của tình yêu; mặt khác, chính chúng là những cánh tay ban phát, thấu nhận và bảo vệ sự sinh tồn của tình yêu. Những lối đi đó, chính là nghệ thuật yêu đương. Kẻ nào biết yêu thì tự hắn đề ra nghệ thuật này; kẻ nào không biết yêu phải học nghệ thuật đó để tiến đến tình yêu và hạnh phúc chân thật. Bởi vì con đường từ nhà đến chợ cũng chính là con đường dẫn ta từ chợ đến nhà vậy. Phải không cậu em?”

Tôi trở mình, xoay qua phía ông Trọng, thấy ông vẫn còn ngồi im đó. Điều thuốc trên tay ông chỉ cháy hơn một nửa. Cái miệng ông hãy còn nhép nhép. Tôi lẩn lộn, chẳng rõ là nãy giờ ông ta nói hay cái gã mặt sẹo lấp ló đâu đó đã nói. Ông ta đang nói hay đang nhai thứ gì? Mà những điều ông nói có vẻ lung tung quá. Cái tình yêu đó, cơn khát khao dục tình đó, cả ông và gã mặt sẹo đều nói một ý như nhau: lúc nào cũng ca ngợi, khuyến khích con đường chiếm hữu, hợp nhất với những đối tượng huyền ảo của trần gian mà tôi từng gắng công vượt thoát. Tôi vỗ nhẹ đùi ông một cái, nói:

“Thôi, đừng nói nữa chú. Nghĩ đi cho khỏe.”

Ông Trọng há hốc, nhìn tôi:

“Nãy giờ tôi có nói gì nữa đâu.”

Tôi dụi mắt, nhìn kỹ lại miệng ông. Cái miệng không cử động, không nhóp nhép, nhưng há ra trong kinh ngạc.

“Dạ... thì đừng nói nữa.”

Tôi nhắm mắt lại. Có tiếng ông Trọng phui bụi đất nơi chỗ nằm của ông để nằm xuống. Ngủ ngon nghe chú. Ừ, cậu cũng ngủ ngon. Đã đến giờ báo nghiêm. Trại giam im lặng. Ngon đèn trên trần cháy sáng suốt đêm. Tôi nghe như có những âm ba nào đó chạy rần rần theo những tia sáng chói chang của ngọn đèn tỏa xuống.

Cái hạnh phúc trong tình yêu mà ông Trọng tự hào là ông tìm thấy, có phải là thứ hạnh phúc chân thật không? Ông có thực tìm thấy bình an và sự bất động trước những quấy nhiễu của khổ đau và hệ lụy của cuộc đời chăng? Tại sao ông ấy buồn khổ và đã khóc? Cái tình yêu trọn vẹn và thực sự mà ông nói không cứu thoát ông ra khỏi nỗi nhớ nhung, buồn thương khi chia cách với vợ con sao?

“Nói gì thì nói, hình như chú vẫn phải đón đau vì nỗi nhớ thương và buồn tủi khi phải xa cách vợ con mình. Đó là thực tế khổ đau nảy sinh từ tình yêu chiếm hữu.”

“Ha, nhớ nhung là sự vươn dài của tâm hồn một cách tha thiết cuồng nhiệt về quá khứ đầu yêu để ý thức và xác định sự bất diệt của tình yêu trong dòng biến thiên vô cùng của đất trời.

Ta không thấy khổ đau gì trong nhớ nhung, bởi nhớ nhung là hưởng thụ, là sự múa nhảy cần thiết của trái tim để biểu lộ giá trị chan rười, hòa hợp giữa những thực thể vẫn thường tự ly cách nhau bằng sự vây bọc của lớp vỏ bản ngã. Nhớ nhung là phút quay đầu và réo gọi của tình yêu hướng về dĩ vãng. Nó không là gì khác hơn tình yêu. Mà trong tình yêu, chẳng có cái gọi là khổ đau. Khi yêu, hãy hợp nhất với tình yêu; khi nhớ nhung, hãy hợp nhất với nhớ nhung.”

“Nhưng rõ ràng là chú vẫn rơi nước mắt. Đó không phải là dấu hiệu của khổ đau sao?”

“Khổ đau như trái ớt cay. Kẻ nào biết ăn, biết thưởng thức, biết hưởng thụ thì nó thấy ngon. Kẻ không biết thì hãi sợ. Đã yêu thực sự thì ngại gì khổ đau! Ta nhai nó ngẫu nhiên, vui miệng chứ có hề hấn gì đâu nào!”

“Vậy tâm hồn chú sẽ như thế nào nếu vĩnh viễn chia xa với vợ con? Cháu xin lỗi đã đặt giả thiết này. Cháu nói cụ thể hơn, nếu người tình chết đi, nó sẽ ảnh hưởng biết bao với đời sống của ta!”

“Sống hết mình, yêu trọn vẹn, ta đã làm tròn ý nghĩa và bổn phận của chính ta trên cuộc đời. Ta không ân hận, nuối tiếc, vì ta chẳng bao giờ phụ lòng người tình của ta. Nàng có chết đi, tình yêu của ta cũng không mất. Tình yêu bất diệt. Đó là điều kỳ thú. Vì tình yêu bất diệt, hạnh phúc cũng bất diệt...”

Dù ông Trọng nói vậy, tôi vẫn nghi ngờ, cho đó là lời dụ hoặc quyến rũ của yêu ma trần tục. Tôi luôn luôn thấy một cái gì giả trá, mộng huyền trong cái mà người ta gọi là tình yêu. Tôi có rung động, có khát khao, có mơ tưởng, nhưng cứ nhìn lại, xét lại và thấy toàn bộ những thứ ấy chỉ là sự dây động của dục vọng mà thôi. Tuy vậy, lúc này tôi chưa biết nói gì để bác bỏ luận điệu của ông Trọng. Vì dù sao, trong vấn đề tình yêu, tôi vẫn là kẻ thiếu thực nghiệm trong khi đó, ông ấy đã sống, đã yêu, bằng cả con người, bằng cả cuộc đời ông.

Tôi vùng dậy tính nói với ông Trọng rằng dù tôi không cãi lý được với ông, tôi vẫn chưa hoàn toàn tán đồng quan điểm của ông về tình yêu và hạnh phúc. Nhưng rõ ràng là ông ấy đã ngủ khò. Tiếng ngáy của ông giống như tiếng rít qua điều cây của những người hút thuốc lào. Giống như có bong bóng nước sủi lên trong ấy. Ông đâu có nói chuyện với tôi. Tôi chỉ tưởng tượng ra đấy thôi. Hoặc là, chính tôi đã nói chuyện với gã mặt thẹo, *cái thằng tôi* dễ ghét thường bám sát theo tôi mà thôi. Tôi nằm xuống trở lại, cố dỗ giấc ngủ bằng cách niệm Phật. Nhưng tôi cứ nghe vang vọng những thứ âm thanh chung quanh. Có tiếng văng vẳng của một thiếu nữ nào đó vọng từ tim tôi vọng ra. Đừng bỏ em, nghe anh. Đừng bỏ em. Ồ, đó chỉ là ảo giác. Khang ơi, quên đi. Gọi lại chỉ thêm đau mà thôi. Nam mô A Di Đà Phật... Những tiếng bên ngoài văng vào mới thực. Nói vậy cũng không đúng. Phải nói là cả trong lẫn ngoài đều chẳng thực. Nhưng lại có hiện hữu. Giống như giấc mộng. Mộng cũng có, đâu phải không có, nhưng chẳng thực. Có tiếng la ơi ới của một tù nhân nào đó bên phòng giam tập thể. Ông Trọng hơi cựa mình một chút. Tiếng chó sủa xa xa. Con chuột cống dưới lỗ cầu cố gắng đẩy bung chiếc dép nhựa của ông Trọng ra khỏi miệng cầu để chui lên mà không thành công. Hai con đé hay thứ côn trùng không tên nào đó, kêu rúc rích rúc rích như cười giỡn với nhau. Chắc chúng phải nhỏ hơn cả con muỗi mới phát ra tiếng kêu bé xíu thiếu âm lượng như vậy...

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC

Chương mười ba

Dù rằng tôi không nói gì với ông Trọng về chuyện tình cảm, tôi cũng không thể tự dối lòng rằng tôi chưa bị giao động, hoặc chưa biết yêu đương.

Tu sĩ là những con người có thân xác và cảm tính đôi khi không vượt thoát ra ngoài những nguyên lý và hệ quả tất nhiên tác động từ sinh và tâm lý. Khác chăng, họ là kẻ tự nguyện kèm chế và lèo lái toàn bộ sức sống của mình đi theo một khuynh hướng, nhắm về một mục tiêu thoát tục vạch sẵn. Cuộc đời tu sĩ không bình lặng, êm ả như người ta lầm tưởng. Họ phấn đấu không ngừng trong từng phút giây, và cả cuộc đời, để loại bỏ tình cảm hạn hẹp của mình. Họ được giáo dục rằng ái dục dẫn đến đau khổ và sẽ đẩy ai họ giạt trôi bất tận trong dòng sinh diệt mộng muội của kiếp luân hồi. Ái dục là kẻ thù nguy hiểm nhất án ngữ sự vươn mình của tu sĩ hướng về mục tiêu tối hậu. Và như thế, để đạt đến niềm vui vĩnh viễn, chân thật, cách duy nhất, điều duy nhất mà họ cần làm là phải quyết tâm cắt đứt toàn bộ gốc rễ của ái dục. Nhưng chỗ đáng buồn là thường khi, trong trận chiến chống lại ái dục, chiếc áo giáp tăng sĩ đã vô tình giới hạn họ trong một thứ trận đồ thụ động mà kẻ giác đầu chỉ biết tên kẻ thù, tránh né kẻ thù, quay lưng với kẻ thù chứ không thực sự giáp mặt nó để quyết một trận thư hùng sống mái. Nếu may mắn, họ trốn thoát được sự vây bủa chụp bắt của kẻ thù bằng sự bung bít với những rào cản bảo vệ của giới luật và sự đề kháng máy móc quen thuộc; còn đa phần thì gục ngã một cách ê chề, đau thương, không ngóc đầu lên nổi mà vẫn không thấu triệt được bộ mặt thực của kẻ thù. Đó là chưa nói đến cái đa dạng và tinh tế một cách quỷ quyệt của ái dục khi nó biết tấn công người tu sĩ bằng mọi ngõ ngách. Cho nên, có khi tưởng chừng đã thoát được nanh vuốt của nó mà kỳ thực lại làm tay sai cho nó trong những thu tóm, vói bắt khác.

Ông Trọng đã ngủ ngon rồi mà tôi cứ nằm trăn trở. Tôi tự hỏi, có chăng thứ hạnh phúc chân thật trong sự dễ dãi chìm đắm và hân thưởng một cách vô tư những gạt hái từ bản năng khát dục như cách sống của những người thế tục, điển hình là ông Trọng? Và có chăng một ngõ thoát ra ngoài cái triền phược thống khổ của cuộc đời mà không cần phải trực diện với ái dục? Đó là ngõ thoát chung cho mọi người hay mỗi người tự có lối đi riêng tùy theo cái nhìn của mình về hạnh phúc, cũng như tùy theo tác động đẩy tới nặng hay nhẹ của khổ đau mà mỗi người cảm nhận? Và một khi con ma ái dục đã sinh sản và bủa giăng những tiểu yêu thuộc hạ của nó khắp nơi trên một đất nước, hay trên khắp mặt đất này, rồi dấy động một trận chiến quyết liệt để chiếm lĩnh trần gian, làm băng hoại cuộc sống, đẩy ai con người trong khổ não bất tận... thì người tu sĩ, những kẻ giác đầu tinh thần không biết mỗi mết, phải làm gì? Đấu tranh chống cộng? chống áp bức bất công? chống tham nhũng hối lộ? đòi tự do nhân quyền? Chủ trương nào, phương thức nào trong những thứ trên, có thể mở được một ngõ thoát chung cho dân tộc, và cho con người?

Tôi tự hỏi mình như thế rồi bước vào giấc ngủ của mình trong một nghi vấn bỏ lửng. Buổi khuya thức dậy sớm, tôi đến bên cửa gió, nhìn ra ngoài. Trại giam hãy còn chìm trong giấc ngủ. Hơi sương lạnh, từng phiến nhỏ, theo những cơn gió nhẹ, hắt vào mặt tôi. Vài ngôi sao còn rùng mình mỗi mết trên khoảng trời rất nhỏ còn rớt lại giữa hai dãy nhà giam. Tôi đưa tay gõ nhẹ trên cánh cửa sắt dày. Những tiếng kêu khô vang lên nhè nhẹ, nhè nhẹ.

Có một ngõ thoát nào chăng?



Những ngày kế tiếp, chẳng gì lạ xảy ra. Thấm thoát mà đã được nửa tháng. Ngày ngày nhận cơm nước, ăn ngủ, tắm rửa, nói chuyện, ca hát, trầm ngâm bên cửa gió, lắng nghe tiếng động của thế gian, tụng chú, ngồi thiền... tôi quen dần với không khí trại mà vẫn chưa nếm được thế nào là cái đau khổ thực sự của nhà tù cộng sản. Đôi lúc tôi tự nhủ, nếu cứ giam tôi kiểu này hoài, e chừng tôi chẳng muốn về nữa kia. Tù thế này thì có gì gọi là khổ đau! Lâu lâu nhớ chùa, nhớ nhà chút xíu rồi cũng qua hết. Còn đói khát, thiếu ăn thiếu mặc ư? Chuyện đó đâu phải là vấn đề đối với tu sĩ! Cứ mượn cảnh tù làm cảnh tu, không tiếp xúc với xã hội bên ngoài, không lo lắng bận bịu trách nhiệm gì với trần gian, không chừng lại mau đắc đạo hơn lúc còn ở chùa.

Tuy nhiên, chuyện không đơn giản như tôi tưởng. Ngay cả cái trường canh đều đặn và chuẩn mực nhất cũng phải có những lúc lỗi nhịp đi chút xíu, hoặc không lỗi nhịp thì âm lượng cũng chệch khác đi ở chỗ nặng nhẹ.

Vào một buổi sáng, đang vận động, hít thở trong các động tác thể dục trong phòng giam, tôi bỗng nghe tiếng hô rất lớn vang dội trong dãy hành lang.

“Báo cáo cán bộ, phòng 7 biệt giam, dãy C3, có người xin cấp cứu.”

Ông Trọng chú ý lắng nghe một lúc rồi cho tôi biết rằng, người hô báo cáo là Nghĩa, anh bạn trẻ thường mở cửa gió giùm cho ông Trọng vào mỗi tối. Bên phòng 7 biệt giam có hai người, một già một trẻ. Nghĩa hô báo cáo, tất nhiên người bệnh là ông già Trường. Ông Trọng chắc lưỡi nói:

“Tội nghiệp. Bên đó hai người thì cũng giống như chỗ mình mà chứa bốn người vậy, ngộp thở lắm. Ở tù mà cứ ở biệt giam hoài thì người nào khoẻ cũng thành yếu, không bệnh cũng thành bệnh, ra khỏi tù thì thành thân tàn ma dại. Hờ, vậy là ông Trường bên đó bị lên tăng-xông nữa rồi. Bệnh đó mà nằm biệt giam nóng nực, bít bùng làm sao chịu nổi!”

Nghĩa lại hô lên như trước ba, bốn lần. Tiếng anh vang dội khắp dãy. Cứ mỗi bận tiếng Nghĩa cất lên, tù nhân trong các phòng đang nói cười bỗng im bật để tránh lẫn át tiếng báo cáo của anh ấy. Mà càng im lặng để làm nổi bật tiếng báo cáo, không khí trại giam càng trở nên nặng nề như có mùi tử khí thoảng lại. Chốc chốc tiếng của Nghĩa lại vang lên, vẫn ngân áy chữ nhưng dồn dập và cấp bách hơn, tưởng chừng như đoàn đồn thúc của hồi chuông báo tử. Nó dội bập bùng trong lồng ngực, rồi lắng sâu vào tận đáy lòng tôi. Một lúc lâu mới có tiếng một cán bộ nào đó:

“Nghe rồi, réo mãi! Cầm đi!”

Nghĩa im luôn. Một chốc, cán bộ trực dãy mặt dàu dàu buồn ngủ, mang xâu chìa khóa xuống. Ông Trọng kéo tôi nép vào trong, tránh lộ mặt ra cửa gió:

“Rút êm chứ không nó kiếm chuyện, phiền hà lắm. Mỗi lần cán bộ xuống, mình không được quyền đưa mặt ra ngó, tôi nói cậu rồi, phải không? Nó thấy được là kết tội mình thông cung với phòng khác hoặc có ý đồ ám sát nó. Tổ mẹ nó, ám sát khi khô gì qua cái cửa gió bé tí này!”

Tiếng mở khoá lách cách và cánh cửa gió phòng 7 được kéo ra với tiếng rít ken két như đoàn tàu hỏa thẳng gấp ở một sân ga. Ông Trường được hai người anh nuôi khiêng lên bệnh xá của trại giam. Cánh cửa sắt phòng 7 đóng lại, vẫn tiếng khô khan thường lệ. Tôi ngồi xuống, tựa lưng vào vách. Nỗi buồn kéo theo, nặng như chì, không vươn ra khỏi cánh cửa gió.

Ông Trọng đốt điều thuốc đầu ngày, nhìn tôi:

“Cậu em còn trẻ, tương lai còn dài. Cố gắng giữ gìn sức khoẻ. Sáng tối tập thể dục đều đặn, ăn nhiều, ngủ nhiều, chờ ngày tự do mà tiếp tục sự nghiệp. Trong tù mà mang bệnh là thất bại. Kẻ thù đáng sợ nhất trong tù là bệnh hoạn đó. Nhiều người được tự do rồi, mang bệnh về

nhà mà chết. Nếu may mắn sống được, cũng thành tàn phế. Nói vậy không phải để bi quan, lo rầu, mà cốt yếu là để cậu chuẩn bị trước tư tưởng và nghị lực đối đầu với cái đói, cái bệnh và cái chết trong bốn vách tù khốn nạn này. Ngày tháng trong tù dài hay ngắn thực ra chẳng quan trọng gì. Ta còn sống được hay không, đó mới là vấn đề.”

“Hình như không phải cháu sợ hãi hay lo buồn gì cho phần cháu. Nói thực đó, vì cháu tin là đủ sức vượt qua tất cả những thử thách trong tù. Nhưng cháu lại thấy buồn thương thế nào đó đối với những anh em bạn tù khác. Cứ tưởng tượng họ có những người thân mong ngóng chờ đợi bên ngoài... bỗng thấy đau thắt trong lòng.”

Ông Trọng cười khẩy một cái:

“Cậu tội nghiệp cho tôi nữa, phải không? Vì có hôm cậu thấy tôi... buồn muốn khóc chứ gì?”

“Thì nói chung là những người bạn tù đó mà.”

“Vậy chứ cậu không có thân nhân hay người tình nào bên ngoài để thương nhớ sao? Bộ cậu không có ai mong đợi bên ngoài sao? Sao bí mật quá vậy? Đáng ra cái chuyện trai gái bồ bịch thì một người cỡ tuổi thanh niên như cậu khoái nói, khoái kể hơn tôi chứ đâu phải im lìm lặng lẽ như vậy. Khó hiểu cậu em thực. Tôi nghĩ, có lẽ cậu em đã có một người tình hay một người vợ đã chết, đã bỏ cậu, hoặc cậu chưa hề có một người tình nào cả.”

“Có ai đâu. Bạn bè thôi. Vì lâu nay cháu chỉ sống gần gũi bạn bè.”

“Bạn gái?”

“Không. Bạn trai chứ. Bạn bè cháu nhiều lắm. Thân thiết không dưới năm mươi, quen biết không dưới hai trăm.”

“Dữ vậy! Cậu làm thứ gì, nghề gì... à, cậu đã nói rồi, cậu thất nghiệp. Hờ, thế còn cha mẹ, anh chị em? Cậu không vương bận gì à?”

“Dĩ nhiên cũng có lúc nghĩ đến chứ. Nhưng sự xa cách với gia đình lâu ngày đã thành quen thuộc rồi. Cháu nói chú nghe chưa? Cháu rời gia đình từ năm... từ lúc hầy còn nhỏ. Mười lăm năm nay sống với bạn bè. Trước khi bị bắt cũng sống với bạn bè thôi.”

Ông Trọng chăm chú nhìn tôi một lúc như cố gắng moi tìm, đoán định phần nào về con người và lai lịch tôi, rồi ông buông một câu bất ngờ:

“Cậu buồn đô-la, hột xoàn, phải không?”

Tôi cười ngất. Ông Trọng cũng cười hềnh hếch. Rồi ông vừa xua tay vừa cười, đoán tiếp:

“Cậu là nghệ sĩ đánh đàn hay ca sĩ gì đó? Chỉ như vậy mới có thể đi rông, sống với bạn bè, có nhiều bạn bè.”

Tôi lắc đầu.

“Cậu dạy học, hoặc dạy một thứ nghề nghiệp gì đó?”

Tôi ngập ngừng một lúc:

“Cũng na ná như vậy.”

“Nhưng cậu dạy tư, vì cậu không phải cán bộ của nhà nước đâu, tôi biết. Cứ xem lời lẽ cậu nói, suốt nửa tháng nay, chẳng lọt một chữ nào của xã hội chủ nghĩa thì biết ngay.”

“Dạ... dạy tư, cũng đúng.”

“Nhưng dạy cái gì?”

Tôi chưa kịp đáp thì một cái mặt ló ra từ ngoài cửa gió, nhìn vào:

“Nguyễn Đức Trọng, đi làm việc.”

Ông Trọng vội vã mặc quần áo. Khóa kêu lách cách. Cửa rên ken két. Ông bước nhanh ra ngoài. Cửa đóng rầm. Tôi đến bên cửa gió, nhìn xéo qua đầu dây, nơi chiếc bàn của cán bộ trực, thấy ông Trọng đi theo một cán bộ trẻ, không phải là Sơn, Long hay Hùng. Tôi yên tâm rời cửa gió, trở về chỗ của mình, ngồi tựa lưng vào vách, nhìn băng quơ. Đây là lần đầu tiên tôi được

ngồi một mình trong phòng giam.

Nặng mai chiếu chênh chếch vào phòng giam qua hai cánh cửa gió, tạo thành hai vùng sáng nhỏ trên nền. Từ trong nhìn ra, tôi tưởng chừng đó là hai con mắt của tôi phóng ra để tiếp xúc với bên ngoài. Nhưng lúc này, tôi lại không cần tiếp xúc với bên ngoài nữa. Tôi muốn đối diện với chính tôi.

Tại sao tôi lại thấy yên tâm khi ông Trọng được một cán bộ trẻ lạ mặt đưa đi chứ không phải là Sơn, Long hay Hùng? Phải chăng tôi chưa tin tưởng ông ấy hoàn toàn, sợ rằng ông ấy là người do công an cài vào phòng giam, chịu khổ nhục kế để khai thác tôi? Không, tôi không sợ điều ấy, vì nếu sợ, tôi đã không nói ông nghe quan điểm của tôi về vấn đề đấu tranh và xây dựng đất nước vào những ngày trước. Nửa tháng qua, ông và tôi đã trở thành đôi bạn vong niên. Tình bạn trong tù, trong hoàn cảnh biệt giam kiểu như ông ấy và tôi đang sống, tiến rất nhanh, rút giai đoạn, chứ không phải như tình bạn ở ngoài xã hội. Vì trong tù, chúng tôi có hoàn toàn thì giờ sống kề cạnh nhau, nói cho nhau nghe hầu hết tất cả những gì mình suy nghĩ, hoài niệm hoặc hứa hẹn thực hiện trong tương lai. Tôi có che giấu ông Trọng điều gì quan trọng đâu ngoài trừ chuyện tôi là tu sĩ. Mà che giấu chuyện mình là tu sĩ thực ra cũng chẳng là gì quan trọng cả. Tôi chỉ không cố tình cho ông ấy biết tôi là tu sĩ, chứ không phải tu sĩ là thứ nghề nghiệp gì đáng xấu hổ của xã hội để mà giữ kín.

Không sợ ông Trọng là người của công an cài vào, nhưng lại yên tâm khi thấy cán bộ hỏi cung ông không phải là cán bộ thụ lý hồ sơ của tôi. Điều này có nghĩa là tôi chỉ tin được ông Trọng của nửa tháng trước chứ không hẳn là phải tin ông sau khi ông bước ra khỏi phòng giam rồi quay trở lại. Điều gì khiến tôi dám nghi kỵ và e dè trước người bạn tù đồng sàng đồng cảnh ngộ với mình như thế! Phải chăng tôi đã bắt đầu đánh mất sự hồn nhiên từ khi vào tù? Phải chăng qua vụ bị Hân và ông thầy Tư gạt, tôi đã học được kinh nghiệm dè dặt, thủ thế, tự vệ trước tha nhân? Hay đó là hệ quả tất nhiên đến sớm hay muộn nơi tâm lý con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa? Cái xã hội gì mà kỳ cục vậy!

Xã hội đâu phải là một đồng gạch ngổn ngang mà là sự kết thành của những viên gạch trong một thứ tự nào đó, qua môi giới của chất hồ, như là nhu yếu không thể không có để gắn bó với nhau mà tạo thành một hợp thể hỗ tương tác dụng. Chất hồ đã cần thiết cho những viên gạch để xây nên tường vách ra sao thì niềm tin yêu và thông cảm cũng cần thiết cho con người để kết thành một xã hội như thế đó. Thiếu tình yêu và thông cảm giữa con người với con người thì không có xã hội, mà chỉ là một đồng người, vô tri như một đồng gạch. Một đồng người hỗn loạn, một đồng gạch ngổn ngang, thì chẳng có nghĩa gì cả. Theo cách thế đó, khi người cộng sản thấy thật cần thiết để tạo nên sự thù hằn và nghi kỵ muôn đời giữa con người với nhau để họ dễ dàng cai trị, họ đã cố tình biến đất nước này thành một đồng gạch vụn.

Ai cũng biết rằng sự hình thành tốt hay xấu của một cộng đồng còn tùy thuộc vào mỗi cá thể; sự xây dựng một tập thể được khởi đi từ mỗi cá nhân. Điều đó đã rõ ràng như sự tương quan của mỗi viên gạch với bức tường: viên gạch vuông vức, thẳng thớm thì bức tường xây dựng bởi nó mới ngay ngắn vững chắc; ngược lại, mỗi viên gạch đều sứt mẻ, méo mó, rạn nứt, thì chỉ tạo nên một bức tường lồi lõm, lung lay, dễ sụp đổ.

Cho nên, tôi phải tự vươn thoát vòng kèm tỏa của sự nghi kỵ mà những người chung quanh, do tác động cố ý của xã hội cộng sản, đã chụp phủ lên tôi. Và dĩ nhiên là tôi không thể kêu gào kẻ khác đập tan sự nghi kỵ để tin yêu nhau trong khi chính tôi tự rút mình vào thế giới riêng tư đầy thành kiến và nổi e dè trước xã hội vây quanh. Tôi phải khởi sự từ chính tôi. Chân tình sẽ được đáp lại bằng chân tình. Chân lý và lịch sử sẽ nghiền nát, đào thải kẻ nào đem man trá mà tiếp xúc với chân tình.



Ông Trọng đi khai cung về vừa kịp trước bữa cơm trưa, tức là chỉ rời phòng giam đầu chừng hai tiếng đồng hồ. Vừa cởi đồ ra, ông vừa nói:

“Có lẽ tôi sắp được thả.”

“Thật sao! Mừng cho chú! Họ cho chú biết vậy hả?”

Ngồi xuống cầm ca cơm lên, xúc ăn ngón ngáo, ông Trọng tiếp:

“Chúng không nói là mình sẽ về. Không bao giờ chúng làm vậy. Nếu có thả thì thả bất ngờ.”

“Sao vậy?”

“Có gì khó hiểu đâu! Nếu cậu biết tôi sắp được tự do hẳn cậu sẽ nhờ vả tôi vài công việc nào đó, phải không? Như vậy là thông cung ra ngoài rồi còn gì. Chúng không cho cậu hay bất cứ tù nhân nào cơ hội ngàn vàng đó đâu.”

“À, phải rồi. Vậy sao chú biết chú sắp được về?”

Nhôm nọm búng cơm trong miệng, ông nói:

“Thằng công an hỏi cung tôi trẻ măng, mới hai mươi chứ bao nhiêu! Điều tra mãi mà chẳng kết tội gì tôi được. Nó chỉ biết tôi có đến nhà ông Vạn, lãnh tụ Mặt Trận Cứu Nguy Dân Tộc, một đôi lần. Nó hỏi tôi gặp ông Vạn làm gì, tôi nói đến trị bệnh suyễn cho ông ấy. Rõ quá mà, ông Vạn bị bệnh suyễn thật, tôi có láo đâu. Ông ấy là bệnh nhân, tôi là thầy thuốc, cái liên hệ bình thường đó làm sao kết tội tôi được chứ. Nói thiệt cậu nghe, tôi ở tù lần này là lần thứ năm trong đời. Việt Minh cũng bắt, Pháp cũng bắt, Diệm cũng bắt, Thiệu cũng chẳng tha, bốn lần rồi, kinh nghiệm đầy mình rồi, tụi nhóc này làm quái gì được tôi chứ.”

“Cháu biết. Nhưng sao chú đoán biết là sắp được thả?”

Ông Trọng vét sạch muống cơm cuối cùng trong ca, đưa vào miệng gọn lỏn rồi mới chậm rãi nói:

“Thằng nhóc đó bị liệt dương, hoặc yếu sinh lý, đại loại như vậy. Nó hỏi tôi làm thuốc nam có biết thuốc gì trị bệnh đó không. Tôi nói, chỉ có những loại bệnh về sinh lý thì tôi chuyên môn. Nó khoái quá liền hỏi cách trị. Lúc đó, thú thật, tôi cũng quên luôn là chẳng nên chữa trị cho nó làm gì để rồi nó lại sinh ra thêm những thằng *cộng sản con* cho chật đất. Bản thân nó đã phiền quá rồi, sinh đẻ thêm làm cóc gì. Huống chi cái bệnh liệt dương hay yếu sinh lý đâu phải là bệnh chết người! Cậu nghĩ đúng không? Chữa trị hay không thì vẫn sống nhăn chứ có chết chóc gì! Nhưng rồi tôi cũng bày nó, bày một cách tự nhiên theo lương tâm nghề nghiệp ấy mà.”

“Bày cách làm thuốc?”

Ông Trọng lại đưa muống vào ca cơm mà xúc. Ông quên rằng hạt cơm cuối cùng ông đã vét rồi. Thả rơi cái muống vào cái ca không, ông nói:

“Không. Thuốc của mình là thuốc gia truyền làm sao bày cho nó được! Hơn nữa, gần cả tháng trời chưa được thăm nuôi và gặp mặt vợ con, mình phải biết khai thác chứ. Tôi bảo nó, nếu cần thuốc ngay, tôi sẽ ghi cho nó vài dòng đem đến nhà đưa vợ tôi, bà ấy lấy thuốc cho mà uống. Làm vậy có cái lợi là vợ tôi sẽ biết tôi hiện bị giam ở đâu, cũng như bà ấy sẽ yên tâm là tôi hãy còn sống. Bày cho nó đi lấy thuốc là may mắn rồi còn đòi hỏi gì nữa. Nghe tôi đề nghị vậy, mắt nó sáng rỡ lên. Hề hề, nó nghe tôi nói chỉ cần vừa thoa vừa uống ba ngày thuốc thì... nói xin lỗi, cây gậy của nó sẽ cứng lên như thỏi sắt, nó ham ngay!”

“Rồi chú viết thư cho thím?”

“Không. Nó nói, thôi để dành hôm nào chú về, cháu sẽ đến gặp chú lấy thuốc luôn cho bảo đảm.”

“Chỉ vậy thôi mà chú đoán là sắp được về?”

“Chứ còn gì nữa! Bộ nó đủ kiên nhẫn để chờ hai, ba năm sao? Nó biết mình sắp về mới chờ chứ. Chỉ chớ chuyện chần gỏi của thanh niên trai tráng thì phải giải quyết lẹ lẹ như chữa lửa vậy. Tôi biết tâm lý các cậu quá mà,” vừa nói vừa cười hả hê, ông Trọng lại cầm cái ca lên, nhìn vào lần nữa xem còn gì trong đó không. Chắc chắn là chỉ còn cái muống thôi. Tội nghiệp ông.

Dù ông nói hăng say và đầy hy vọng, tôi cũng không tin lắm về khả năng ông được tự do, Tôi nghĩ, anh công an kia có thể đến nhà ông để lấy thuốc mà không cần lá thư ông viết. Vợ ông Trọng chắc chắn sẽ sẵn sàng biếu thuốc cho anh công an để lấy lòng mà hỏi thăm đôi điều về tình trạng của chồng. Điều này cũng chẳng thay đổi được gì về sự kiện ông Trọng tiếp tục ở tù.

Không muốn làm ông thất vọng, tôi giữ im lặng, không nói ra điều mình thực sự nghĩ. Tôi thừa biết rằng nỗi hy vọng được tự do của một tù nhân thật cần thiết để hấp sống.

Ông Trọng lại khua cái muống trong ca lần nữa khiến tôi có cảm tưởng rằng ông chưa tin đã hết com trong đó.

“Mẹ kiếp, phần com chẳng thấm vào đâu.”

Tôi chẳng biết dùng lời nào để chia sẻ với ông. Phần com một chén ruồi ăn với muối đậu, quả là quá ép đôi với cái thân vạm vỡ to tướng như voi của ông Trọng. Nhưng không phải sự kiện đồng cảnh ngộ của tôi và ông đã là một cách chia sẻ hay sao! Có cần phải an ủi một kẻ đối khi chính mình cũng đối như họ không? Suy nghĩ một lúc tôi mới nhận rõ rằng, thực ra tôi và ông Trọng không cùng cảnh ngộ. Sức ông ấy ăn nhiều hơn tôi, vì vậy, với một phần com ngang nhau, ông Trọng phải đói hơn tôi. Ông Trọng có vợ con, còn tôi độc thân, ông ấy phải khổ tâm nhiều hơn tôi. Ông Trọng không được trau luyện thường xuyên một đời sống tâm linh như tôi, ông ấy hẳn phải kém thua tôi sức nhẫn nại. Cùng một hoàn cảnh nhưng không cùng một tâm trạng đón nhận. Ông Trọng thường khuyên tôi nên chuẩn bị trước tư tưởng và nghị lực để đối phó với cái đói, cái bệnh trong bốn vách ngục. Những lần ông mở lời khuyên như thế, tôi cho ông là một kẻ giàu nghị lực. Nhưng lúc này, nhận xét của tôi về ông đã khác đi rồi. Ông chỉ là một người khoẻ mạnh chứ không phải là một người có sức chịu đựng. Dù ông ấy có lớn hơn tôi gần ba mươi tuổi nhưng thiếu nghị lực, ông ấy vẫn cứ là kẻ yếu đuối cần được an ủi. Tôi nói:

“Chú đã chịu đựng và vượt qua được bốn lần tù tội, lần này, chú cũng sẽ vượt qua một cách vẻ vang. Họ lấy miếng ăn để đàn áp mình và nghĩ rằng mình sẽ bị bại trận vì miếng ăn. Đó chỉ là một quan niệm thuần duy vật, chỉ biết đánh giá con người và xã hội qua hệ quả kinh tế, lao động sản xuất hay cái dung tích của cái bao tử... Một ngày gần đây, chú được tự do và chú sẽ chứng tỏ cho họ thấy rằng họ đã sai lầm khi chủ trương bỏ đói để kiểm soát chúng ta.”

Lời buông ra rồi, tôi mới thấy không phải tôi chỉ nói với ông Trọng mà chính là tôi tự nhắc nhở tôi nữa. Ông Trọng vỗ đùi đánh đét một cái, hứng chí nói:

“Phải rồi, phải rồi. Tôi chịu cậu lắm. Thanh niên như cậu mà biết chữ nghĩa như vậy thực hiếm hoi. Này nhé, chuyện này mà được tự do, bà ấy sẽ thết tiệc đãi tôi một trận thỏa thuê cho bù những ngày ăn uống kham khổ...”

Thấy tôi chưng hửng, ông Trọng giải thích:

“Không phải chỉ có vậy. Đó là bước đầu tiên thôi, vì ai ở tù về cũng được gia đình vui mừng thết đãi cả mà. Sau đó, tôi sẽ bán nhà, đem hết vợ con về quê.”

Ngưng lại đó như để câu chuyện thêm phần hấp dẫn, ông Trọng đốt một điếu thuốc, kéo một hơi dài, rồi mới tiếp. Rõ ràng là từ lúc đi khai cung về, cái tia hy vọng nào đó đã làm phấn khích, thay đổi cả con người ông. Giọng ông đầy hứng thú, sôi nổi:

“Quê tôi ở Long Xuyên. Tôi kê cậu nghe rồi mà, phải không? Chuyện này, để vợ con sống với bà con dưới đó; phần tôi, tôi sẽ vào chiến khu Bảy Núi, góp sức với các chiến sĩ Hoà Hảo đánh lại tụi này mới được. Anh em trên núi mời gọi tôi hoài đó chứ, nhưng tôi không tham

gia vì nghĩ rằng chưa tới lúc và cũng tự thấy rằng lực lượng trong chiến khu hãy còn quá yếu. Tôi cũng còn bận bịu với vợ con, lại lỡ kẹt cái hộ khẩu tại thành phố nên chưa dứt khoát. Lúc này đi khai cung, gặp thẳng cán bộ trực dẫn đường hống hách, tự dung trong lòng căm giận và hổ thẹn. Khi tụi nó chưa chào đời thì mình đã từng một thời vùng vẫy, bây giờ bị nó nạt nộ, xô mũi, chịu sao nổi. Cậu biết không, trước năm 1975, đến Kim Chung Đại Thế Giới hỏi tên Ba Khổng Lồ ai cũng biết. Nhắc đến tên Ba Khổng Lồ là các tay anh chị sừng sỏ ở Chợ Lớn cũng phải nép mình nê sợ. Tôi đây, Ba Khổng Lồ đây. Cầm lạng mười năm nay rồi, ần ần mười năm rồi, chỉ vì muốn yên sống với vợ con và đã chán ngán cái thế sự rối ren làng nhách này. Nhưng cái tụi mọi rợ kia không muốn cho tôi gác kiếm ngủ say. Chúng muốn chọc khuấy cái chí tang bồng ngang dọc của tôi. Chỉ vì tình nghi một chút thôi mà chúng đây dọa tôi như vậy. Tội nghiệp vợ con ở nhà, chẳng biết phải xoay xử làm sao để sống. Hừm, tôi sẽ cho tụi nó thấy thế nào là sự vùng dậy của con hùm xám Long Xuyên. Cậu biết không, trong quân đội Hòa Hảo, tôi từng mang cấp bậc trung tá, tính ra tới giờ này, nếu cộng sản chưa chiếm miền nam, tôi đã mang lon tướng từ khuya. Tại tôi chưa chịu dấn thân thôi. Tôi mà vào chiến khu, anh em trong đó hoan nghênh phò trợ tôi ngay. Hừ, cái thân già này, trước khi chết cũng quyết đem sức hèn mà đọ với thiên mệnh. Chờ xem, khả khả, cái tụi xuẩn ngốc khôn nạn kia, thả tao đi, thả cộp về rừng đi, rồi bây sẽ thấy...”

Tôi tin ông ấy nói thật, và tin rằng ông sẽ thực hiện những gì ông nói khi được ra tù. Lòng tôi rộn lên một cảm giác hứng khởi, lạc quan. Tôi nghĩ, nếu được tự do mà chưa tìm được một lực lượng nào tương đối có thực lực để cộng tác, có lẽ tôi theo ông Trọng vào chiến khu Bảy Núi của Hòa Hảo là thích hợp nhất. Kinh nghiệm thất bại của thầy Tuệ Sỹ và ông Trần Văn Lương cho tôi thấy rằng hoạt động đấu tranh chống chế độ cộng sản mà không chuẩn bị trước một mặt khu để rút về khi cần thiết thì khi bị đổ vỡ, chỉ có nước rã đám, tan hàng, hoặc chấp nhận vào tù cho hép kiếp chứ chẳng còn con đường nào khác. Và thực ra, nếu trước đây có sẵn một mặt khu để rút vào mà tiếp tục đấu tranh trong hình thức khác, hẳn là tôi đã không có tư tưởng tìm nhanh con đường vào tù. Mà kỳ lạ, nửa tháng trước, tôi không hề mong nghĩ đến chuyện tự do, vì cho rằng đã vào tù cộng sản thì phải chấp nhận chuyện chung thân khổ sai hoặc sẽ bị xử bắn vào một đêm nào đó. Giờ này, nghe nói về một chiến khu, tự dung tôi lại nảy cái hy vọng và niềm tin khó hiểu rằng, tôi sẽ được tự do một ngày nào đó, rất sớm. Tôi thành thật nói:

“Chú à, nếu một ngày nào đó, cháu tìm cách vào chiến khu Bảy Núi, anh em trong đó có chấp nhận cháu không vậy?”

Ông Trọng quay nhìn tôi, đôi mắt sừng sốt một lúc:

“Cậu? Cậu mà muốn vào chiến khu à?”

“Chú chưa tin tưởng cháu sao?”

“Không phải vậy. Con người cậu, khả năng của cậu, cần thiết cho bất kỳ lực lượng cách mạng nào, tôi biết vậy; nhưng tôi không ngờ là cái tướng thư sinh của cậu lại chịu dấn thân vào nơi rừng thiêng nước độc, chịu đựng gian khổ... chứ cậu mà chịu vào chiến khu để góp sức với lực lượng Hòa Hảo thì tôi hoan hô cả hai tay hai chân, mà chắc chắn anh em trong đó cũng hết lòng hoan nghênh cậu đó. Ừ, phải, ở tù ra sẽ bị chính quyền địa phương quản thúc, theo dõi, mỗi ngày phải đến trình diện ở trụ sở Ủy ban Nhân dân khóm phường, chưa biết đến lúc nào mới được trả quyền công dân để sinh hoạt bình thường như người ta, vậy thì đấu tranh gì được nữa! Tại sao không vào chiến khu nằm nuôi chí, chờ dịp giành lại quê hương khỏi tay tụi quỷ này chứ! Cậu chọn lựa rất đúng. Cũng như tôi, tôi thấy chỉ còn nước rút vào chiến khu mới thỏa chí được. Tôi thật vinh hạnh được nghe cậu nói vậy. Cậu đừng ngại là tôi không tin tưởng cậu. Con người cậu trung thực, điềm đạm, nhã nhặn và có khi... uy nghiêm như một ông thầy tu. Tôi mến cậu lắm. Cậu nhớ tìm tôi khi nào được tự do nhé.”

Tôi giật mình nghe ông nhận xét về mình. Nửa tháng qua tôi chưa hề hé môi hay tỏ những hành vi, lời nói nào tỏ ra tôi là một tu sĩ. Phải chăng chân tướng của tôi đã lộ diện qua cách sống, hay ông Trọng đúng là một công an trá hình để khai thác tôi nên đã biết rõ lai lịch tôi? Nổi nghi kỵ trong tôi lại vươn dậy nhưng tôi cố xua nó đi. Tôi nhớ rằng chỉ một tiếng đồng hồ trước đây thôi, khi ông ấy đi khai cung chưa về, tôi đã tự dặn lòng là phải sống trung thực để kêu gọi sự trung thực, sống tin yêu để kêu gọi sự tin yêu; phải bắt đầu từ chính tôi, xóa bỏ mọi hiềm nghi và thành kiến đối với kẻ khác để tiến đến sự đoàn kết, hòa hợp... Tôi không được phép sống trong sự hoài nghi. Giá như ông Trọng là một người cộng sản thì đã sao! Tôi vẫn có thể chân thành bày tỏ quan điểm và lập trường của tôi cho ông nghe như tôi đã từng nói thẳng với Long, Sơn, và Hùng khi khai cung vậy. Người cộng sản sử dụng ông Trọng để tìm hiểu thêm được gì nơi tôi? Họ cũng chỉ thấy được một tấm lòng mà thôi. Tấm lòng ấy không nằm riêng biệt như là sở hữu của tôi mà bàng bạc trong khắp những trái tim của dân tôi, trải dài trên mảnh đất quê hương đất yêu này. Lắng sâu trong dòng suy niệm đó, tôi giữ im lặng, không nói gì.

Ông Trọng tiếp:

“Ngày đầu tiên cậu vào đây tôi đã thấy cậu có cái nét gì tựa tựa thằng con trai đầu của tôi. Tôi nói cậu nghe về thằng con tôi chưa nhỉ? À, chưa. Nó đi tu theo phái Khất sĩ Minh Đăng Quang. Cậu biết phái này chưa hả? Ừ, pháp danh của nó là Giác Nghĩa. Năm nay nó hai mươi sáu tuổi, cùng tuổi cậu đó. Lúc nó đi tu, tôi đâu có biết, vì tôi đang ở với bà vợ sau, nó là con bà vợ trước, ở với bà ấy dưới Long Xuyên. Đùng một cái nó mặc đồ tu đến thăm tôi. Nó đi tu đâu năm 78, 79 gì đó. Thiệt tình tôi chẳng hiểu nó muốn gì. Đang lo buôn bán làm ăn với má nó, tự dưng bỏ đi tu! Hình như đi chùa, đi tu là cái một của thanh niên sau năm 1975 vậy! Nhưng nói trắng ra thì tôi cũng mừng cho nó, vì từ khi nó vô chùa thì bỏ được cái tật ham chơi lêu lổng với mấy thằng bạn trong xóm. Tu một thời gian, thấy nó cũng tiến bộ. Nó khoái thuyết pháp lắm. Chao ôi, mấy bà già nghe nó nói chuyện bà nào cũng mê. Còn tôi thì tôi nghe chẳng lọt lỗ tai. Thằng khi đó bày đặt thuyết cho tôi nữa chứ, đùng đâu nói đó, nói lung tung chẳng đâu vào đâu. Trời ơi, nè thằng già đạo tâm đầy mình mà nó thuyết giảng khuyên răn! Nể nó tu tôi chẳng phản ứng gì, nó tưởng tôi khoái cứ nói hoài. Chẳng biết có phải tại mình với nó là cha con mà mình nghe nó không được, hay tại nó nói dở. Năm ngoái nó hướng dẫn một đoàn đạo hữu Phật tử từ Long Xuyên lên Sài Gòn hành hương. Nó ghé chỗ tôi, mời tôi theo để dẫn đường đi sở thú, vườn tao đàn. Trời đất, hành hương là đi chiêm bái chùa chiền học đạo chứ phải là đi coi cạp coi khí! Bực quá tôi chẳng muốn đi nhưng nó cứ nài, buộc lòng phải đi. Chưa hết, vào sở thú, trong khi người ta ngắm cảnh, xem thú, nó đến góc cây ngồi thiền, lim dim đôi mắt. Hừ, gì chứ cái màn đó tôi ghét thậm tệ. Ham giảng, ham nói, thích phô trương, vụ hình thức, nó thiệt là một tu sĩ chẳng ra gì. Nhưng kỳ lạ lắm, dù nó như vậy, tôi vẫn thấy nó có cái nét gì đặc biệt, khó hiểu, mà hình như chỉ có những ông thầy tu mới có. Và cậu giống nó ở chỗ đó chứ không giống cái gì khác, vì vậy tôi mới nói là cậu có nét gì uy nghiêm hay thật thà của một ông thầy tu. Nhưng cậu thì hoạt động chính trị, lại biết ca hát thật hay, cậu không thể là một ông thầy tu. Vậy mới lạ chứ. Cho nên tôi cứ nói, cậu thật khó hiểu, khó đoán lắm.”

Tôi bật cười, chẳng biết nói gì. Tôi chưa muốn thú thật với ông ấy về xuất thân của tôi. Tôi quay lại vấn đề của ông Trọng thay vì để ông nhắm vào lai lịch cá nhân tôi:

“Ban nãy chú nói lúc trước vì lực lượng giáo phái Hòa Hảo hãy còn yếu và chưa tới lúc để bắt tay hành động nên chú đã không tham gia. Rồi bây giờ, chú lại nói chú sẽ vào hoạt động trong chiến khu sau khi ra tù đợt này, vậy có phải chú đã có một nhận định khác?”

Ông Trọng suy nghĩ một lúc mới trả lời:

“Ừ, khác đi rồi. Thực ra, lực lượng còn yếu thì mình phải làm cho mạnh lên, chưa tới lúc thì phải tạo điều kiện cho tới lúc. Nếu mọi người đều khoanh tay chờ đợi cái mạnh và cái lúc thì

biết bao giờ mới thành tựu đại cuộc!”

“Đúng, cháu hoàn toàn đồng ý với chú ở điểm này. Chú nghĩ thử xem, tiến trình cách mạng từ lúc vận động dấy khởi cho đến khi thành tựu giống như một đám người thay phiên nhau đẩy một chiếc xe chở nặng. Nếu không có người trước đẩy đến khoảng này thì làm sao người sau có thể đặt tay vào xe mà đẩy tới khoảng kế tiếp, phải không? Mọi cuộc cách mạng đều khởi đi từ một thiểu số quyết tâm và có chí lớn. Họ sẽ làm cái yếu trở nên mạnh và tự tạo ra vận hội mới chứ không chờ đợi thời cơ. Nếu họ chẳng may thất bại nằm xuống hoặc phải ở tù rạc xương, thì họ cũng đã làm tròn trách nhiệm đẩy chiếc xe nặng đi tới một khoảng đường rồi.”

Tôi định nói thêm nhưng thấy chưa đúng lúc, liền ngưng lại ở đó. Tôi biết có chí lớn và quyết tâm chưa đủ: người làm cách mạng còn phải có chính nghĩa. Mộng bá vương há không phải là chí lớn! Chẳng phải những nhà độc tài và giàu tham vọng như Tần Thủy Hoàng, Hitler, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu... là những kẻ có chí lớn đó sao! Nỗ lực thực hiện mọi thủ đoạn để thỏa mãn tham vọng cá nhân há chẳng phải là có quyết tâm à! Nhưng không có chính nghĩa, mọi cuộc cách mạng đều là sự vùng dậy của xuẩn động và vị kỷ. Mà chính nghĩa của một phong trào cách mạng là gì nếu không phải là động cơ của lương tri và lẽ phải, thúc đẩy và quy tụ người ta dưới một ngọn cờ để quét khởi và triệt tiêu những cái sai lầm, tàn ác? Động cơ của lương tri và lẽ phải đặt trên nền tảng thương yêu và quyền lợi chung của công chúng. Kẻ làm cách mạng chân chính đứng dậy từ nền tảng đó. Thương dân tộc đau khổ mà đứng dậy chứ có phải đâu vì quyền lợi nhỏ mọn của riêng mình hay bè nhóm của mình mà chạy theo cách mạng hay khởi động một cuộc cách mạng! Cũng không phải vì lòng tự ái bị xúc phạm mà nổi điên lên đòi khởi nghĩa! Nói riêng trường hợp của ông Trọng, nếu không bị đày đọa trong tù vì tội tình nghi hoạt động chính trị và không bị xúc phạm bởi một anh cán bộ đáng tuổi con mình, liệu ông ấy có thay đổi thái độ yên phận của mình chẳng? Quá khứ ngang dọc vàng son của ông bị chọc khuấy, sự an thân của ông bị xâm tổn. Sự kiện này đã gián tiếp tác động vào quyết định làm cách mạng của ông. Tôi thấy bản ngã của ông sùng sộ đứng dậy.

Và tôi nhìn lại tôi. Nếu bản ngã của tôi cũng lăm le đứng dậy trong cùng một cách thế như vậy, tôi nhất định phải làm một cuộc “cách mạng nội tâm toàn diện” nơi chính tôi trước khi bước ra khỏi trại giam này.

Đất nước và dân tộc sẽ tiếp tục khổ đau nếu những người làm cách mạng chưa thực sự cách mạng được chính họ.

[TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC](#)

Chương mười bốn

Tù nhân dưới chế độ cộng sản có quyền suy diễn, tưởng tượng, mơ mộng và hy vọng về ngày tự do của mình. Điều này mới thực sự là thứ tự do mà không anh công an cán bộ nào ngăn cấm nổi. Cho nên, suốt gần một tháng, từ lần khai cung cuối cùng đến nay, ông Trọng vẫn cứ hy vọng và chờ đợi tự do từng ngày từng giờ từng phút từng giây như thế, không chịu bỏ cuộc. Ngoài xã hội, ai lại chẳng yêu chuộng tự do, nhưng người ta bị tước đoạt tự do trắng trợn mà không dám hé miệng, và thì giờ của họ dành để nghĩ đến tự do cũng hiếm hoi: họ có những việc cấp bách cần làm khác. Chỉ có tù nhân trong các trại giam là đặt nhiều thì giờ cho vấn đề tự do nhất. Tự do lúc này chính là lý tưởng, là lẽ sống, là tình nhân của họ.

Tôi cũng không thoát khỏi thông lệ ấy. Đã nhiều lúc tôi mơ tưởng, ôm ấp hình bóng của tự do trong những giấc mộng lạnh giá của đêm tù. Nhưng tôi không hy vọng tự do từng giờ từng phút như ông Trọng. Tôi biết điều đó là vô ích, chẳng thiết thực. Tôi dùng thì giờ rảnh rang trong tù để ngồi thiền, tụng chú, niệm Phật. Tôi ngồi thiền hoặc tụng chú khi ông Trọng ngủ say. Tôi niệm Phật suốt ngày, xen kẽ vào những lúc ngồi không với ông ấy. Khi nào tôi và ông ngưng nói chuyện, khi đó câu niệm Phật khởi lên. Và ngày tháng cứ thế mà trôi.

Tôi đã trải qua một tháng ở trại giam này rồi. Cũng như ông Trọng, tôi chưa được cán bộ cho phép liên lạc với gia đình, nhưng tôi vẫn cứ vui vẻ, không mong đợi, không than trách. Tỉnh trưởng sư cô Trí Hải lại nhờ anh nuôi mang đến cho tôi một gói quà nhỏ và một vài phiếu tiền để cầm cự qua ngày. Tôi vẫn hầu như chưa biết thế nào là cái khổ trong tù. Chỉ có thời tiết nóng lạnh của ngày đêm là hơi phiền cho cơ thể tôi.

Từ cuối tháng năm bước qua đầu tháng sáu, thỉnh thoảng Sài-gòn có những cơn mưa tầm tã, nhất là về đêm. Ban ngày không mưa, trong phòng giam vẫn nóng hừng hực, nhưng ban đêm thì lạnh buốt. Tôi không quen mặc đồ tây chật bó để ngủ – lúc còn ngoài tù, trong thời gian lẩn tránh công an, tôi chỉ mặc đồ tây khi ra đường, còn trong nhà tôi vẫn mặc đồ tu rộng rãi (bộ vạt hò, tương tự bộ đồ bà ba của người dân quê Việt Nam) cho thoải mái; buổi tối mặc đồ tu mà ngủ thì còn thông thả hơn bộ pi-gia-ma nữa – nhưng bây giờ, trời lạnh quá mà tôi chỉ có bộ đồ tây duy nhất nên phải mặc vào để chống lạnh. Vậy mà đến khuya, cái lạnh cũng làm cho tôi phải co rúm người lại. Cả tôi và ông Trọng đều chưa được liên lạc với xã hội bên ngoài, lấy đâu mừng mãn để đắp mà chống lạnh, chống muỗi. Muỗi thì thực ra không đáng ngại lắm vì phòng biệt giam bít bùng, họa hoằn lắm mới có một con muỗi chịu khó ghé vào. Chỉ có cái lạnh là không gì ngăn nổi. Cánh cửa sắt dường như còn muốn tiếp sức cho hơi lạnh tấn công chúng tôi nữa là đằng khác. (Cũng cần phải chua thêm ở đây rằng: là công dân Việt Nam, người ta phải tự biết là khi bị công an bắt vào tù thì mọi thứ nhu cầu sinh sống hàng ngày đều bị cắt đứt. Không bao giờ tù nhân được phát mừng mãn, chăn chiếu, áo quần hay bất cứ thứ vật dụng cá nhân nào. Nhà giam của cộng sản chỉ phát cơm và chút nước muối để làm thức ăn thôi. Bởi xã hội cộng sản chỉ chú trọng miếng ăn thức uống, cho nên chỉ cần phân phát cho tù nhân hai thứ đó mà sống cầm hơi, khỏi chết, không cần phải cấp thêm thứ vật dụng nào khác! Nếu không có muông thì có thể bốc ăn bằng tay, còn không có ca hay chén để lãnh phần cơm, phải nhanh nhẹn lấy đại giấy báo hay bịch ni-lông đầu đó để anh nuôi xúc đổ vào, kéo không kịp thì mất phần ăn. Tù nhân trong xã hội cộng sản muốn được sống còn thì phải tìm cách liên lạc với gia đình để được thăm nuôi.

Nhưng liên lạc thì cũng phải chờ khi nào cán bộ cho phép mới được viết một lá thư. Thời gian lâu hay mau tùy hứng cảm và trí nhớ của cán bộ. May mà tôi được sư cô Trí Hải và bạn tù tiếp tế trong thời gian này).

Tôi nằm co như một con tôm, hai tay bó lấy chân, điều hòa hơi thở để chống lạnh mà vẫn không sao tránh được những cơn rùng mình chườn qua xương sống và cái tê buốt như xâm kim dưới lòng bàn chân. Trong tư thế nằm co mình chống lạnh như vậy, đã có những lúc tôi cảm thấy mình bé nhỏ một cách lạ lùng khó hiểu. Chỉ có những đứa bé mồ côi bụi đời mới nằm ngủ trong tư thế đó mà thôi, chứ một thầy tu như tôi, ngay cả khi còn là thầy tu nhỏ xíu (chú tiểu), lúc nào cũng nằm ngay ngắn đàng hoàng, ngủ mà phải giữ tư cách như là đang thức, nằm tư thế uy nghiêm của sư tử để ngủ giấc ngủ *cát tường* (an lành): nằm nghiêng bên phải, tay phải co lên để gối đầu, tay trái duỗi theo hông, chân trái hơi co một chút, tựa trên chân phải đang duỗi thẳng. Nhưng tôi không thấy xấu hổ gì về chuyện nằm ngủ một cách mất trang nghiêm như đứa bé mồ côi bụi đời đâu. Tôi còn thích thú nữa là khác. Cứ nằm thử một cách mất trang nghiêm, một cách con nít như thế, tự nhiên người ta cảm thấy mình hồn nhiên vô tư lự ngay. Mà không phải sự việc sẽ ngưng lại ở chỗ vô tư lự. Nó còn dẫn người ta đến cái tâm trạng có vẻ như là tui thân, cần tình cảm, hoặc bỗng dưng mà thương yêu con người, thương yêu cuộc đời chi lạ nữa! Tóm lại là trong tư thế nằm ấy, mọi thứ tình cảm–hình như bị dồn ép lại từ đôi chân co lên–tự nhiên dâng tràn, dâng tràn. Bất cứ hình ảnh nào, kỷ niệm nào, mộng ước nào, thuộc về tình cảm, cũng đều đầy hiện trong tư thế nằm kỳ cục đó. Tôi bỗng nghĩ bậy bạ rằng, không chừng vì vậy mà đức Phật dạy đệ tử phải nằm một chân duỗi ra, một chân hơi co lại cho được quân bình! Suy ra, một người nằm ngửa với hai chân duỗi thẳng đơ thì chắc là khô kiệt tình cảm, chẳng biết nghĩ đến ai; nằm nghiêng bên trái thì càng duy lý hơn (vì ép trái tim xuống phía dưới!), còn nằm sấp mà ngủ thì chắc là người khùng! Và tôi cũng nghiệm ra rằng, hễ bị lạnh, cơ thể con người sẽ co rút, nhưng tâm lý của hắn trở nên xung động, hoang tưởng, tràn ra ngoài. Phản ứng cơ thể trước cái lạnh nó lạ lùng như thế, mà phản ứng của tình cảm trong tư thế co mình cũng kỳ lạ không kém! Ừ thì có thể những suy nghĩ của tôi chẳng trúng trật vào đâu, nhưng dù sao, đó cũng là kinh nghiệm của bản thân tôi lúc ấy.

Trong tư thế như con sâu cuộn mình trên lá, hay như con ốc sên trở mình lắng nghe tiết lạnh của cơn mưa đầu mùa, tôi lắng nghe cái tê buốt của niềm cô đơn thấm vào da thịt mình. Rất lâu trong tư thế nằm đó vào mỗi đêm, tôi thấy mình như một đứa bé mồ côi đang thắc mắc rằng ai sinh ra nó. Tôi thấy tôi là em bé lam lũ ở thôn quê, trên các vùng kinh tế mới, hoặc theo cha mẹ bỏ vùng kinh tế mới để về thành phố sống lang thang ở các vỉa hè. Tôi nhớ những khuôn mặt hớt hơ hớt hải chạy loạn lúc tàn xuân của năm 1975. Nhớ sáu người bị xử bắn ở sân trại Nguyễn Văn Sâm, Phú Lâm vào năm 1978 vì tội chống chính quyền cách mạng nhân dân. Nhớ ba mẹ tôi, hai nhà nghệ sĩ thất thời hiền hậu, nét mặt lúc nào cũng lo âu, chỉ biết dang đôi tay trắng yếu đuối bất lực để bảo bọc bầy con khỏi móng vuốt của xã hội cách mạng siêu việt. Nhớ anh chị em. Nhớ những bạn bè cũ, mới, thân, sơ, tốt, xấu, từ Hội An, Nha Trang, Sài-gòn, Long Thành... Nhớ chú Đức tướng người vạm vỡ khỏe mạnh lại chết sớm vì cơn bệnh mắc phải trên chuyến vượt biên đường rừng. Nhớ hai sư cô Nguyễn Anh, Nguyễn Xuân, em ruột của chú Đức, cứ mỗi lần gặp tôi là nhắc chuyện anh mình, rồi ngồi khóc, làm cho người qua lại thậm chửi là tôi chọc gheo gì hai cô ấy! Nhớ cô bé Xù hàng xóm đi đâu mất biệt ở khung trời Phan Rang, không bao giờ tái ngộ. Nhớ cô bé Như Như tinh nghịch với cuộc tình của chàng trai tu sĩ trên đồi Trại Thủy thơ mộng năm xưa. Nhớ thiếu nữ tên Mộng Huyền với cuộc kỳ ngộ ngắn ngủi và một cuộc phân ly vội vàng để lại cả một dấu ấn nặng trĩu trong tâm hồn... Mộng Huyền ơi. Mộng Huyền ơi...



Chúng tôi được ông Hưng, một trong những người tổ chức, sắp xếp thành từng toán, tập trung tại nhiều địa điểm khác nhau; rồi từ các địa điểm này, chúng tôi lại được chia thành từng cặp đôi để xuống bãi. Trừ trường hợp đã có cặp sẵn như vợ với chồng, vị hôn thê với vị hôn phu, bạn trai cùng bạn gái, ngoài ra, những người còn lại đều bị cặp mắt sắc lém lanh lợi của ông Hưng quét qua một lượt rồi sắp xếp đầu vào đó, thích hợp ngay. Ông già đi với bà già. Chú trung niên đi với cô trung tuần. Thanh nam cặp với thanh nữ. Bộ dạng nhà quê thì cặp với người quê nhà. Anh cái lương thì cặp với em vọng cổ. Chàng dân phố cặp với nàng thị thành. Lúc đó tóc tôi đã được hai tháng không cạo nên cũng xúng xểng, lúp xúp, không còn cái dạng đầu tròn của thầy tu, mà lại đội một cái mũ cát-két kiểu công nhân ăng-lê màu đen, rồi thêm mặc âu phục nữa, nên ông Hưng cũng chẳng ngại ngần gì chuyện cặp đôi tôi với một thiếu nữ đang đứng nép vào một góc như là muốn tránh bị gọi tới vậy. Dầu sao, người vượt biên trẻ tuổi như chúng tôi cũng ngoan ngoãn đối với người trong ban tổ chức y như lính quèn nghe lệnh cấp trên vậy. Nếu ông Hưng biết tôi là thầy tu, tôi nghĩ là ông vẫn cứ ra lệnh tôi đi chung với thiếu nữ kia như thường, và tôi sẽ tuân lệnh, cũng như thiếu nữ kia sẽ sẵn sàng tuân lệnh. Không ai trong chúng tôi muốn làm trở ngại gì cho chuyện sắp xếp ấy. Cho nên, bảo sao làm vậy. Tôi và nàng ngó nhau một cái thật nhanh. Nàng gật đầu nhẹ để chào. Tôi cũng gật đầu đáp lại. Rồi chúng tôi đóng vai tình nhân, cùng đi xuống bãi.

Trời lúc đó chưa tối hẳn. Nghe nói đường đi khá xa. Cứ đi bộ một lúc thì trời sẽ tối. Người tổ chức nói vậy. Chúng tôi vừa đi vừa ngó chừng người dẫn đường ở phía trước, cách khoảng trăm mét.

Sau lưng chúng tôi, mặt trời đã chìm xuống vực mây phía tây nhưng hãy còn nuôi tiếc lưu lại dấu vết hồng tía của nó trên các đầu núi. Trước mặt chúng tôi, những cụm mây xa ở hướng biển như bị nền trời loang qua màu tím sẫm. Từng vệt mây tím kéo ngang như những nét vẽ còn ướt sơn khi chàng họa sĩ vừa buông cọ xuống. Chân trời tím. Tôi đưa tay tính chỉ nàng xem cái đẹp diễm lệ và thơ mộng ấy, nhưng nghĩ sao lại thôi. Nàng quay mặt qua, ngược nhìn tôi, chờ đợi. Thấy tôi không nói gì, nàng chỉ cười. Nước da nàng trắng hồng, nổi bật lên trong bộ đồ đen. Áo thun cổ tròn, dài tay, màu đen. Quần jean, cũng màu đen. Giày xăn-đan cũng màu đen hay màu hồ phách sẫm. Nàng cố tình trang phục toàn màu tối như vậy cũng dễ hiểu. Không phải để làm nổi bật màu da trắng như bông bưởi đâu, mà để thích hợp với đêm tối, thích hợp cho một cuộc vượt trốn. Tôi biết vậy, vì chính tôi cũng được người tổ chức của mọi chuyến vượt biên trước đây dặn dò như thế. Tôi mặc áo sơ mi dài tay màu xanh lá cây hơi sẫm, quần ka-ki đen, giày xăn-đan đen. Theo sắp xếp, chúng tôi sẽ bước thong thả như cặp tình nhân đi dạo, từ điểm tập trung đến tận bãi biển. Đến bãi, chúng tôi sẽ lựa một chỗ thích hợp dưới gốc cây, trên bụi đá, một quán nước nào đó để làm đôi tình nhân hóng mát.

“Em tên Mộng Huyền. Anh tên chi vậy?”

“À, tên Khang, Vĩnh Khang.”

Nàng nói tiếng Huế lai giọng Sài-gòn. Sau hai câu để biết tên nhau, chúng tôi cứ tiếp tục bước đi trong im lặng. Chúng tôi là những tình nhân đóng kịch, đâu có thân mật nắm tay nhau được. Giữa chúng tôi có một khoảng cách khá rộng. Chốc chốc nàng lại lấp cái khoảng trống đó bằng cách đi sát lại phía tôi.

“Mình phải nói chuyện chi cho tự nhiên chứ đừng có lặng thinh mà đi như vậy người ta biết mình vượt biên đó,” nàng yêu cầu với giọng nhỏ nhẹ, rót riêng vào tai tôi.

“Ừ, phải vậy mới được,” tôi đáp. Nhưng rồi tôi cũng chưa biết phải nói chuyện gì. Chúng

tôi đi thêm một đoạn trong im lặng. Cuối cùng, nàng lại cất tiếng:

“Nhà anh ở đâu vậy?”

“Cũng Sài-gòn như Mộng Huyền vậy.”

“Sao anh biết em ở Sài-gòn?”

“Mấy người dân Bà Rịa, Long Hải, đâu cần người dẫn đường, đâu cần phải đóng kịch. Họ rành quá nên đi thẳng xuống bãi luôn cũng được mà. Nhóm người khi nãy được ông Hưng sắp xếp dặn dò, hầu hết là dân Sài-gòn.”

“Ừ há, vậy mà em không biết. Anh mới đi lần đầu hả?”

“Cũng khá nhiều lần. Bây giờ không nhớ là lần thứ mấy. Còn Mộng Huyền thì sao?”

“Em mới đi lần đầu thôi. Thực ra, em sợ lắm, em chẳng muốn đi đâu. Tại mẹ em bảo không đi thì mất cơ hội tốt, vì chuyến này mẹ em nghĩ là đàng hoàng, chu đáo lắm.”

Tôi nhìn nàng, thích thú góp thêm niềm tin của mình về chuyến vượt biển:

“Ừ, nghe nói có công an biên phòng lo bãi nữa mà, còn ghe thì mới đóng, máy tốt.”

“Vội lại có một ông thầy đi trong chuyến này nữa... Có thầy đi chung, mẹ em nói là tốt nhiều chuyện lắm. Nhất là có thể tránh được nạn hải tặc Thái Lan...”

“Cái gì? Ông thầy nào?”

“Em đâu biết. Chỉ nghe mẹ em nói có một thầy trẻ cần đi gấp trong chuyến này. Hình như thầy ấy bị công an tìm bắt dữ lắm, chắc là hoạt động chính trị. Tội nghiệp. Có lẽ thầy ấy tập trung ở địa điểm khác nên mình chưa thấy.”

“Nãy giờ em nói thầy là thầy tu hả.”

“Chứ thầy gì nữa. Thầy tu ở chùa đó mà.”

“Em biết tên thầy ấy không?”

“Không. Hình như mẹ em có biết, nhưng cũng không biết mặt. Trời cũng tối rồi há anh, thấy ghê quá, chỗ này sao cây cối nhiều, âm u quá, rùng rợn hả?”

Nàng tự nhiên ôm lấy cánh tay tôi. Khoảng cách giữa hai chúng tôi đã được lấp. Biết nàng sợ, tôi cứ để yên cho nàng bầu lấy cánh tay mình như vậy. Và lại, tôi nghĩ, đóng kịch cỡ này thì quá tốt rồi, sẽ chẳng ai nghi ngờ là tình nhân giả nữa.

“Không phải rùng rợn đâu, chỉ là vườn của người ta thôi. Vườn điều.”

“Anh rành quá há. Nhìn cây đó anh biết cây điều liền.”

“Ừ, có một đạo anh ở Long Thành... Ô, coi chừng mất dấu... Cái anh dẫn đường đâu rồi?”

“Khuất sau chỗ kia, chắc không sao đâu. Mình cứ đi tới. Theo hướng đó thế nào cũng tới bãi mà, phải không?”

“Ừ, nhưng làm gì thì làm, mình phải bắt kịp anh chàng dẫn đường, vì chút nữa lên ghe lên tàu gì, mình cũng theo dấu hiệu của anh ta mà.”

Chúng tôi tiến thêm một đoạn xa nữa, quẹo bên phải theo hướng mà người dẫn đường khuất vào khi nãy. Cách khoảng hơn trăm mét, chúng tôi thấy được mờ mờ lung áo trắng của anh ấy. Nhưng rồi, anh ta không tiến tới nữa, lại chạy ngược về hướng chúng tôi. Tôi giữ Mộng Huyền lại:

“Đừng bước tới nữa, chắc có chuyện. Anh dẫn đường chạy lui kia!”

Tôi vừa dứt lời đã nghe tiếng súng nổ đầu đó. Một tiếng rồi hai, ba tiếng. Rồi một loạt súng liên thanh nổ dồn. Tôi kéo Mộng Huyền bỏ con đường đất, chạy dạt về hướng vườn điều. Anh dẫn đường chạy vụt ngang qua, hô lên:

“Chạy, chạy mau!”

Rồi anh chạy về hướng đường nhựa. Tôi nghĩ nhanh, hướng đường nhựa không tốt, vì công an từ tư gia hay trụ sở ấp, xã, nghe tiếng súng nổ sẽ kéo tới từ hướng đó. Tôi liền kéo tay

Mộng Huyền chạy băng vào vườn điều. Rồi tôi chạy trước, nàng chạy theo sau, cứ nhắm khoảng trống trước mặt mà chạy. Tự dưng, trong lúc hiểm nguy và cấp bách ấy, tôi cũng trở nên mạnh dạn, nhanh chân, chứ không chậm chạp khờ khạo như thường lệ. Hơn nữa, so với Mộng Huyền, tôi cũng là người có kinh nghiệm hơn, đó là chưa nói chuyện tôi là con trai, nàng là con gái: ít nhất tôi cũng phải biết chủ động trong những hoàn cảnh hiểm nguy này. Giữa những hàng điều có các lối đi rộng ba thước, cành lá hai bên túa ra choáng hơn một thước, hãy còn gần hai thước, rộng chán. Chúng tôi men theo các lối đó mà chạy về hướng tây, tức hướng ngược chiều với bãi biển, nơi có tiếng súng nổ. Cứ chạy một đoạn đường thẳng về hướng tây, chúng tôi lại rẽ qua một khúc, để tránh phía sau nhìn thấy, rồi lấy lại hướng tây, chạy thẳng tiếp. Chạy một đoạn khá dài mà tiếng súng nổ vẫn còn lè tè vọng sau lưng, nhưng Mộng Huyền đã có vẻ đuối sức, tôi phải đứng dậy chờ nàng từng chập. Chúng tôi chạy băng suốt chiều ngang của mấy vườn điều. May mà giữ các khoảng vườn không có hàng rào rậm hay kềm gai làm ranh giới, mà chỉ có những vòng đất làm dấu. Băng hết các vườn điều, chúng tôi hết lối. Trước mặt chúng tôi là một khoảng đất rậm rịt tre gai, cỏ tranh mọc cao ngang ngực, lau mọc quá đầu. Tôi quay lại lắng nghe động tĩnh phía bãi biển. Tiếng súng đã ngưng nhưng có tiếng chó sủa và tiếng la hét khóc lóc đầu đó. Mộng Huyền đứng sát bên tôi, thở mạnh. Dưới ánh sao mờ mờ, tôi thấy khuôn mặt trắng bệch của nàng toát ra một vẻ liêu trai ma quái. Tôi hơi rùng mình. Không phải rùng mình vì sợ, mà vì một phần khích nào đó, khó hiểu. Tôi nói khẽ:

“Chắc mình phải băng qua đám cỏ này, tìm chỗ ngồi nấp. Đứng như vậy không ổn đâu.”

Nàng có vẻ sững sốt một chút khi đưa mắt nhìn đám cỏ rậm rịt, nhưng rồi cũng gạt đầu nhẹ, tỏ ý tùy tôi. Tôi đi dọc theo đường ranh giữa đám cỏ và hàng điều cuối cùng để tìm một khoảng tương đối ít cỏ gai. Nàng bước theo tôi sát nút. Cuối cùng, tôi chọn vùng cỏ tranh, rẽ lối bước vào, dùng chân đạp ngã những ngọn cỏ lau cao khi cần để dọn đường cho nàng bước theo phía sau. Nàng im lặng chẳng nói một lời, có vẻ sợ hãi lắm. Thấy tội nghiệp, tôi quay lại khích lệ nàng:

“Ráng một chút nữa đi, mình sắp đến một cánh đồng lúa thì phải.”

Nàng không nói, chỉ chồm tới, níu lấy cánh tay tôi. Gió từ phía trước lùa đến chúng tôi mùi bông lúa của vụ đông xuân. Lúa tháng này mới ngậm hạt. Và tôi nghe phảng phất một mùi hương phấn nào đó từ phía nàng cũng phả nhẹ qua mũi tôi. Tôi và nàng đứng im một lúc. Nàng hỏi khẽ:

“Có sao không anh?”

“Không sao. Mình thoát những người rượt đuổi rồi. Bây giờ chỉ còn tìm cách trở về lại đường nhựa để đón xe về Sài-gòn. Nhưng tốt nhất là phải chờ lúc sáng sớm, người ta còn ngủ.”

“Sao vậy?”

“Bây giờ công an, du kích hãy còn chạy tới chạy lui, họ sẽ chặn đón bất cứ ai đi trên đường trong thời gian này. Ngoài quốc lộ, họ cũng sẽ chạy rà tới rà lui.”

“Sao anh rành quá vậy?”

“Trước đây cũng bị đổ bể một chuyến tương tự như vậy, nhưng chuyến đó còn nguy hiểm hơn nhiều. Thôi mình đi há.”

Quả nhiên trước mặt chúng tôi là ruộng lúa cỡ vài mẫu tây, đang trở bông, trải dài trên một vùng đất hơi trũng thấp như thung lũng. Chúng tôi đứng ở vị trí cao, có thể nhìn thấy bên phải cánh đồng là những hàng mít cao; bên trái cũng rợp bóng cây, hình như là điều hay một loại cây ăn trái thấp. Ẩn sau những lùm cây phía trước mặt chúng tôi, nơi tiếp giáp với cuối bờ ruộng, là một căn nhà ngói quét vôi trắng, nổi bật lên trên như một cồn đảo nhỏ. Dường như quanh đây chỉ có duy nhất căn nhà đó. Thấy nhà ngói khang trang, tôi ngần ngại không dám đến, vì dân quê mà có nhà ngói thì thường là công an hay cán bộ đang làm việc cho nhà nước; còn không thì

cũng là gia đình liệt sĩ có công với cách mạng.

“Minh đi đâu vậy?” nàng hỏi nhỏ.

“Chắc tìm chỗ nào khuất để ngồi chờ sáng. Vườn mít phía kia đi.”

Tôi đi trước, dọc theo bờ ruộng, về hướng phải, nàng theo sát phía sau. Một chặp, nàng lại níu lấy cánh tay tôi, đi ngang với tôi. Vào sâu với vườn mít, bóng đêm càng cô đặc lại như mực tàu. Dù sao, cỏ đã được chủ nhân dọn sạch sẽ, nên chúng tôi chẳng nhọc công tìm kiếm cũng chọn được một gốc mít to, đất hơi bằng phẳng. Tôi bảo nàng ngồi tạm ở gốc mít chờ tôi đi quơ một mớ cỏ chung quanh đem đến. Cỏ này vừa được cuốc dọn đâu chừng vài ngày, lại nằm trong bóng rợp của những cây mít nên chưa khô hẳn, mùi cỏ còn ngai ngái. Tôi giũ đất rồi trải cỏ xuống.

“Mộng Huyền nằm nghỉ ở đây nghe.”

“Chứ anh đi đâu?”

“À... thì cũng gần đây thôi. Chỗ cây mít kế bên kia.”

Nàng ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Thôi, anh ở tuốt bên đó em sợ quá à. Hay là anh cứ nằm gần đây đi. Trải thêm cỏ chỗ này nè.”

Tôi lưỡng lự nhưng rồi cũng làm theo ý nàng. Trải thêm cỏ. Chúng tôi nằm xuống. Nàng nằm phía trong, sát gốc mít. Tôi nằm ngoài, phía bên trái của nàng. Cùng nhìn lên trời. Nàng đặt hai tay xuôi theo thân hình. Tôi đặt hai tay đan trên bụng. Hình như nàng liếc nhìn tôi, rồi nàng bắt chước, đan hai tay đặt trên bụng, Cùi chỏ trái của nàng và cùi chỏ phải của tôi tựa vào nhau. Tôi nhìn qua phải, thấy hình dạng hai ngọn đồi cao vuron dậy trong bóng đêm. Sao lấp lánh giữa những cành lá. Có con chim ăn đêm nào đó vừa chuyền qua cành. Chúng tôi nằm im lặng ngó mông lung như vậy chứ chưa ngủ được. Đồng hồ lúc đó chỉ mới gần tám giờ tối. Một lúc, nàng hỏi nhỏ:

“Nhà anh ở quận mấy Sài-gòn vậy?”

“Ở tạm nhà một người quen, quận 3, đường Nguyễn Thiện Thuật. Còn Mộng Huyền?”

“Nguyễn Trãi, quận nhứt. Sáng mai anh đến nhà em chơi nghe.”

“Đề coi thử.”

“Anh đừng ngại, nhà em chẳng có ai đâu, chỉ có mẹ em với em. Thôi, anh không đến liền cũng được nhưng anh nhớ cho em địa chỉ của anh há. Rồi khi nào tiện, em đến chỗ anh, hay anh đến nhà em.”

“Không được đâu... à, không tiện đâu.”

“Sao vậy? A, anh sợ chị ghen hả?”

“Đâu phải... độc thân mà. Có điều là không tiện thôi, tại vì nhà người quen, mình chỉ đến ở tạm, chẳng khai báo với công an.”

“Vậy chứ gia đình anh ở đâu?”

“Nha Trang.”

“Ồ, Nha Trang. Biển Nha Trang đẹp lắm, em có ra đó nghỉ hè với ba mẹ hồi xưa...” nàng thở dài, nói tiếp với giọng thật buồn. “Từ ngày ba đi tù, không còn một kỳ nghỉ hè nào cho gia đình cả... Thôi, vậy đi, sáng mai anh đến nhà em chơi. Đi chuyến này, thăm hại như vậy, ngày mai mình chia tay liền sao được! Buồn chết! Mai nay đi chơi một vòng phố, nha. Chắc anh không rành Sài-gòn bằng em đâu. Mai mình đi chơi cho khuây khỏa chuyện thất bại đêm nay, há!”

“Đề mai hãy tính. À này, hồi chiều Mộng Huyền nói là chuyến này có một ông thầy tu đi chung, sẽ tốt lắm mà. Sao tốt đâu không thấy, chỉ thấy chạy muồn đứt hơi.”

Nàng bèn vực:

“Chắc tại thầy ấy đổi ý không đi chuyến này.”

“Em cũng tin tưởng nơi mấy thầy dữ há! Vậy chứ em có nghe là một số thầy đi vượt biên bị mất tích trên biển không?”

“Em tin tưởng cái nghiệp chứ đâu phải tin hoàn toàn vào sự có mặt của mấy thầy. Em chỉ nghĩ rằng mấy thầy thường phước mạnh, nghiệp nhẹ, đi chung với họ mình có thể bớt gặp chướng nạn, không phải sao?”

Tôi phì cười:

“Ừ, cái đó người ta gọi là *dựa hơi* đó mà. Cũng có lý, nhưng trên thực tế, gặp trường hợp như đêm nay, chắc ông thầy đó cũng vất giò mà chạy như tụi mình chứ đâu có hơn gì.”

Nàng như chồm dậy, đưa nhanh bàn tay phải trắng muốt qua phía tôi, ba đầu ngón tay của nàng tì lên đôi môi tôi, ý chừng không cho tôi nói bậy:

“Anh đừng nói vậy, mang tội chết!”

Nhưng khi nằm trở lại vị trí cũ rồi, nàng lại cười lên khúc khích. Mấy ngón tay nàng đập lên môi tôi thật nhanh rồi rút đi cũng thật nhanh nhưng nó kèm môi tôi một lúc lâu chẳng nói nên lời. Tôi mỉm cười, vui theo tiếng cười của nàng. Một lúc, nàng gọi một thắc mắc ngộ nghĩnh:

“Anh đoán thử xem, gặp chuyện nguy hiểm như vậy, ông thầy đó sẽ như thế nào, có chạy không?”

“Ồ... anh nghĩ là không chạy đâu. Ông ấy đi từ từ, nếu công an bắt được thì bắt, không bắt được thì tốt. Nhưng cũng có trường hợp ông ấy phải chạy.”

“Trường hợp nào?”

“Trường hợp ông có trách nhiệm phải bảo vệ cho một em bé, một thiếu nữ, hay một người già cả chậm chạp nào.”

“Chứ không bảo vệ đàn ông con trai khỏe mạnh à?”

“Đàn ông con trai khỏe mạnh thì bỏ thầy mà chạy đi mất đất rồi, ông ấy có đuổi theo kịp đâu mà đòi bảo vệ.”

Nàng lại cười phá lên, tự lấy tay bịt miệng. Tôi nhìn nghiêng thấy đôi vai và ngực nàng rung rung. Nam mô A Di Đà Phật, tôi khẽ nhắm mắt niệm thầm. Đang cười vui như vậy bỗng nghe tiếng súng lại nổ vang từ xa. Nàng bật ngồi dậy, tính đứng lên chạy. Tôi kéo nàng lại:

“Khoan đã, tiếng súng ấy xa lắm. Chắc họ không tìm đến đây đâu. Mộng Huyền ngồi đây nha, chờ chút.” Nói rồi tôi đứng dậy, bước một đoạn về hướng cũ, nghe ngóng. Hình như có tiếng la hét, chạy đuổi. Tôi vừa xoay lại, định quay về chỗ nàng thì đụng ngay nàng đứng sát phía sau. Nàng bước tới, tôi quay lui. Chúng tôi sáp vào nhau, không khựng lại được. Tôi phải cố gắng giữ thăng bằng để cả hai không té nhào. Tôi dùng hai tay kèm hai tay nàng lại. Chúng tôi đối mặt nhau, đứng sát nhau. Và ngay trong tư thế thuận lợi hợp tình đó, cọng với niềm hãi sợ cần được nương tựa, nàng choàng cả hai tay, ôm lấy tôi:

“Em sợ quá. Anh đừng bỏ em ngồi một mình ở đó nữa nghe.”

“Ừ, không bỏ đâu. Chắc mình phải tìm chỗ khác khuất hơn để trốn, Mộng Huyền ạ.”

Tôi gỡ tay nàng ra, kéo nàng đi dọc theo những hàng mít, hướng về phía quốc lộ. Nhưng đi một đoạn thì gặp bờ rào kẽm gai; sau bờ rào, cỏ mọc um tùm. Đã hết lối rồi. Từ chỗ này, chúng tôi chỉ còn hai hướng để chọn lựa: hướng thứ nhất, đi lui về phía trái của cánh đồng, nơi có vườn cây ăn trái thấp, mà hướng đó cũng là hướng đi về biển; hướng thứ hai, đi về chỗ ngôi nhà ngói đỏ quét vôi trắng. Tôi đứng lại định tâm một lúc. Hai hướng đi ấy, tôi chẳng thấy hy vọng loé lên ở hướng nào. Tôi lại đi nhanh, vợ một bó cỏ khô. Mộng Huyền cũng bắt chước, làm theo tôi, ôm một nhúm cỏ đi theo. Tôi chọn một gốc mít, trái cỏ xuống. Tôi bảo nàng nằm nghỉ, tôi ngồi bên cạnh.

“Không đi nữa hả anh?” nàng ngây thơ hỏi.

“Không. Hết lối rồi. Đi lúc này còn nguy hiểm hơn. Cứ nán lại đây đi, không sao đâu. Trước sau gì mình cũng thoát.”

“Anh tin vậy à?”

“Ừ, linh tính cho biết vậy.”

Tôi vẫn có niềm tin như thế. Không phải tin vào một sức mạnh thiêng liêng nào mà tin ở sự bình tâm của mình. Một khi tâm tôi bình thản, có vẻ vô sự, thì tôi bình an. Có lần tôi và thầy Nguyên Lạc đi chung một chuyến vượt biên cũng đâu gần vùng này. Chúng tôi được tập trung trong một căn nhà. Bước vào nhà, đã thấy nằm ngòai la liệt sẵn dưới đất gần hai chục người vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa con nít. Tôi và Nguyên Lạc cũng lặng lẽ ngòai xuống đất, chờ đợi. Người ta nói khoảng tám giờ tối sẽ có người đến hướng dẫn từng tốp đi ra bãi đậu ghe. Vậy mà đến tám giờ rưỡi tôi, vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Có người sốt ruột quá, bỏ về trước. Nguyên Lạc cũng khá lạnh, chạy ra vườn sau của căn nhà, leo lên cây mít vừa để tránh điểm tập trung khá nguy hiểm của căn nhà, vừa thăm dò tình hình bên ngoài dễ dàng hơn. Những người còn lại trong nhà bồn chồn, nóng ruột, lo lắng, hãi sợ mà chẳng biết làm gì—vì bỏ về thì sợ bị bắt ngoài đường, mà cũng tiếc là sẽ mất cơ hội vượt biên. Trong khi mọi người xao động, đứng ngòai không yên như vậy, tự dưng tôi lại cảm thấy trong lòng vô cùng bình thản. Và bằng một tác động tự nhiên như là đổi thế ngòai khi mới, tôi ngòai xếp chân trong thế kiết già, hai tay đan vào nhau đặt trên lòng bàn chân. Cảm giác bình an đến với tôi lúc ấy, khiến tôi cứ ngòai yên mà mỉm cười một mình như thế. Đó là lần đầu tiên trên đời, tôi ngòai thiền giữa một đám đông người lạ. Một lúc khá lâu, mở mắt ra, tôi thấy mọi người trong căn nhà, có cả Nguyên Lạc từ ngoài vườn mới vào nữa, đều làm theo tôi, tất cả đều ngòai xếp bằng để cầu nguyện, niệm Phật hay cầu Chúa. Và đâu chừng nửa giờ đồng hồ sau đó, có tiếng la hét khóc lóc, rồi lại có tiếng súng nổ, ở nhà kế bên, chỉ cách nơi chúng tôi một bờ rào kẽm gai thưa. Công an vào xét và bắt những người tập trung ở nhà bên ấy. Rồi lại nghe tiếng công an lục xét, bắt người dẫn đi. Chó sủa vang rân. Đèn bin rọi chiếu tứ tung. Ánh sáng đèn bin có khi quét ngang hai cửa sổ của căn nhà mà chúng tôi đang ngòai. Đoàn người bên ấy bị công an dẫn đi đâu chừng mười phút thì có dấu hiệu của một cơn mưa lớn sắp đổ ụp xuống. Sấm chớp ì ầm. Gió cuốn qua cây vườn rào rạt. Và rồi mưa rơi thật lớn, mưa suốt đêm. Chúng tôi tự biết chuyến đi coi như thất bại. Một vài người tìm cách thoát đi. Số còn lại phải chờ gần sáng mới chia nhau từng đợt thoát ra khỏi căn nhà ấy, lòn theo những người đi lễ nhà thờ, ra lễ đường đón xe trên quốc lộ để về lại Sài-gòn.

Nay dặt tay Mộng Huyền, không tìm ra lối, mà tự dưng tôi lại chẳng thấy một chút lo âu nào cả. Tôi biết đó là dấu hiệu của sự bình an.

Mộng Huyền nằm, thấy tôi cứ ngòai yên, bèn nói:

“Sao anh không nằm, đàng nào cũng ở đây không đi nữa mà.”

“Mộng Huyền ngủ một chút cho khoẻ đi, tôi phải ngòai thức để canh giờ mà về.”

“Chỗ này đâu có đường đi.”

“Có một con đường phía bên phải của mình, cách đây khoảng bốn năm trăm thước. Khuya nay chừng ba giờ mình sẽ men theo con đường đó mà ra quốc lộ.”

“Sao anh biết có con đường?”

“Vì có cái nhà ngòai nằm một mình trong đồng ruộng này, tất nhiên người trong nhà ấy phải tự trở đường mà ra chứ. Mà đường cho xe chở lúa, chở phân, chở rom thì tương đối rộng chứ không nhỏ đâu. Có điều, nếu chỉ có duy nhất một căn nhà ngòai sử dụng con đường đó thì mình đi rất nguy hiểm, dễ bị chặn hỏi.”

“Vậy sao đây?”

“Cứ yên tâm ngủ đi. Rồi mình cũng thoát mà.”

“Anh phải nói ra cái gì cho chắc ăn thì em mới yên tâm được chứ.”

“Thì mình đi sớm, ra khỏi con đường riêng của căn nhà ngói, đến con đường chung của khu xóm trở ra quốc lộ thì đâu ai biết mình thuộc nhà nào nữa. Tóm lại mình sẽ rời chỗ này khoảng ba giờ sáng, lúc người ta ngủ say, còn công an cũng mỏi mệt cả rồi.”

“Bây giờ mới gần chín giờ. Anh cũng nằm xuống ngủ một lúc đi.”

“Lỡ hai đứa ngủ quên hết thì phiền lắm. Mộng Huyền cứ ngủ, để anh canh chừng cho. Ngày mai ngủ bù cũng được mà.”

“Thôi, em không chịu đâu. Anh thức thì em cũng thức. Hay là anh nằm xuống đi, hai đứa nói chuyện, khỏi ngủ. Một chặp thì đến giờ về chứ gì đâu.”

Tôi đành nằm xuống theo đề nghị của nàng. Chúng tôi nằm nhìn trời đêm kéo xuống càng lúc như càng thấp hơn. Muỗi khá nhiều, tôi phải dùng cái mũ cát-két để xua. Chúng tôi nói chuyện xì xào bằng hơi gió. Nàng hỏi về đời tư của tôi. Tôi chỉ âm ừ trả lời cho qua. Tôi thất nghiệp. Tôi chỉ ở nhà đọc sách, đọc truyện. Tôi lang thang sống với bạn bè. Nàng cũng nói tôi nghe khá nhiều về tâm tính và sở thích của nàng. Nàng hai mươi bốn tuổi, nhỏ hơn tôi hai tuổi. Nàng chỉ học xong trung học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa rồi nghỉ vì thuộc thành phần có cha là sĩ quan chế độ cũ phải đi học tập cải tạo. Nàng có người anh ruột rời nước từ năm 1975, đang ở Mỹ. Chỉ còn hai mẹ con sống trong một căn nhà rộng. Mẹ nàng mượn giáo sư về dạy kèm Anh ngữ cho nàng để chờ ngày qua Mỹ. Nàng cũng được mẹ thuê giáo sư đến nhà dạy dương cầm. Nàng thích đọc truyện. Thường ra các quầy sách ở gần đường Ký Con, quận Nhứt Sài-gòn, để mua sách cũ về đọc. Không rõ tôi có bắt gặp nàng lúc nào đó trên con đường đầy những quầy sách ấy không. Nàng chưa có người yêu nhưng cũng có vài người bạn trai, không thân lắm. Nàng không thích chàng nào. Một chàng hay nói dóc. Một chàng thích giảng đạo và thường khích lệ nàng rửa tội, bỏ đạo Phật, theo một đạo khác. Một chàng thích ăn chơi và thường hãnh diện chuyện ăn mặc đẹp nhưng bên trong thì rỗng tuếch. Rồi tôi kiếm chuyện để kể nàng nghe. Những chuyện mà tôi chỉ mới viết trong đầu chứ chưa hề viết ra trên giấy cho ai đọc. Nàng hỏi, truyện của ai mà buồn quá, thảm quá. Tôi phịa tên một tác giả quen. Rồi kể tiếp chuyện khác. Nàng nói nàng sẽ không ngủ, nhưng rồi nàng cũng ngủ. Tôi hỏi nhỏ mấy lần, còn thức không vậy. Nàng không trả lời. Tôi nằm thức một mình, quạt muỗi cho nàng. Trời càng về khuya, màn đêm như được kéo dần lên trong khi sương lạnh thì chùng xuống từ từ. Nàng xoay người qua phía tôi, mở mắt nhìn tôi một thoáng, kéo tay tôi lên, tựa đầu, rồi đưa tay choàng ôm ngang ngực tôi. Tôi chẳng rõ là nàng ôm tôi trong giấc mơ hay nàng vừa mới thức. Hơi thở nàng hơi dồn dập lúc choàng tay ôm tôi, nhưng rồi cũng điều hòa trở lại. Thở rất nhẹ. Mùi sữa. Giống như mùi con nít. Tay và vai nàng rung lên từng cơn. Biết nàng lạnh, tôi xoay qua trong một phản ứng tự nhiên, ôm lấy lưng nàng. Quả tình lúc ấy tôi chỉ thấy thương nàng như thương một đứa em gái nhỏ, nếu không nói là một chúng sinh bé nhỏ đang cần nương tựa. Chính cái nhu cầu cần được che chở của nàng đã đánh bật đi bản năng khát dục của tôi, khiến tôi ứng xử như một chàng quân tử, một người anh lớn, hay như một gã đàn ông sung sướng được cơ hội bảo vệ phái yếu. Một thứ giá trị tinh thần cao kỳ nào đó trong tôi ngẫu nhiên đứng dậy, chiếm lĩnh cái vũ đài tâm tôi, và bởi nó được huấn luyện từ lâu như một thứ khí giới, hay một thứ áo giáp hữu hiệu, nó thừa năng lực để qui phục các thứ bản năng thấp hèn khác vốn quen nép trong sự kềm chế.

Mặt chúng tôi kề sát nhau. Tôi nín thở. Nàng thở đều. Hơi thở nhẹ, thơm, vu vơ như con gió đi lạc. Và trong cái vẻ hoang sơ của bìa rừng với ngàn sao như sa xuống cùng sương lạnh, tôi nghe chùng đây không phải là lần đầu tiên tôi nằm với một thiếu nữ, một sinh vật giống cái, một cách gần gũi tự nhiên như vậy. Hình như từ một triệu năm trước, hay trăm ngàn năm, hay mười ngàn năm, hoặc chỉ mới đâu chừng một ngàn năm trước đây thôi, rõ ràng là tôi đã từng trải qua những đêm nằm lăn kềnh một cách vô tư giữa màn trời chiếu đất như đêm nay. Có cái gì đó rất quen thuộc trong cảnh nằm nghiêng, nhìn sau lưng một người phụ nữ, thấy bờ cổ vươn lên, còn

mây mù và sao đêm thì kéo thấp xuống dưới chân trời.

Tôi thích thú thả hồn lơ lửng đi tìm cái cảm giác quen thuộc bị bỏ rơi trong quá khứ xa xăm nào đó, bỗng nghe tiếng bước chân từ đâu hướng về phía chúng tôi. Tai áp sát dưới đất, tôi nghe rất rõ. Tiếng chân có vẻ cẩn trọng, dè dặt như rình rập hoặc không muốn phiền đến ai vào giấc khuya; nhưng tôi đoán kẻ ấy cũng phải to lớn lắm mới có những bước chân nặng thịch như vậy. Tôi khẽ rút tay ra khỏi đầu Mộng Huyền, gỡ nhẹ cánh tay nàng ra. Nàng ú ớ nói một vài chữ. Lạnh quá. Đừng bỏ em nghe. Tôi nằm im một lúc chờ nàng thờ đều rồi mới rón rén ngồi dậy, nhìn quanh, nghe ngóng. Kẻ kia hình như ngừng bước khi thấy tôi ngồi dậy. Tôi không nghe tiếng gì nữa. Nhưng ở cạnh góc mít cách chỗ chúng tôi chừng năm mươi thước, rõ ràng là có một bóng trắng đang đứng. Vóc người to lớn vạm vỡ. Tôi đứng dậy nhìn. Bóng kia từ từ bước về hướng chúng tôi. Lúc ấy tôi chỉ sợ công an chứ không sợ ma. Tôi biết có kẻ Mộng Huyền dậy cũng chẳng chạy đi đâu cho kịp, đành đứng yên, chờ đợi. Hình như là một ông già, đầu quấn cái khăn rằn. Mặc áo bà ba trắng, quần dài đen. Nách ông kẹp một thứ gì như một cây gậy hoặc một cây súng. Ông tiến tới gần hơn. Không phải súng hay gậy mà là một cái rựa. Tôi tiến tới vài bước gần ông ấy, lên tiếng, không lớn lắm:

“Chào bác. Tụi cháu đi lạc, ngủ tạm ở đây chờ trời sáng rồi ra quốc lộ đón xe...”

Ông già chống cái rựa xuống đất, nhìn tôi rồi nhìn dáng Mộng Huyền đang nằm ngủ, hỏi:

“Đi hai vợ chồng à?”

“Dạ, hai người.” Tôi định nói thêm: nếu cần gì bác cứ nói, cháu ở lại đây với bác để thương lượng sau, miễn bác thả cho cô ấy về là được rồi... Nhưng tôi chưa kịp nói gì đã thấy Mộng Huyền trờ tới, níu lấy cánh tay tôi:

“Giì vậy anh?”

Tôi quay qua nàng:

“Không sao đâu, có bác này ở trong xóm... để coi bác tính sao...”

Ông lão bật cười lên một tiếng:

“Tính gì mà tính. Theo bác vô nhà mau chứ nằm đây không được đâu.”

Mộng Huyền níu tay tôi, ngón tay nàng bấm nhẹ trên tay tôi tỏ ý nên cẩn thận. Tôi nhìn dáng ông già bước đi trước, tự dung thấy yên tâm. Tôi nói nhỏ với nàng:

“Đi theo bác ấy, không sao đâu. Bác ấy cứu mình đó.”

Mộng Huyền vẫn trờ trờ chưa muốn bước. Ông già quay lại:

“Sợ hả? Ở ngoài này còn nguy hiểm hơn gấp trăm lần. Vượt biên không được thì vào nhà mà trốn chứ nằm ngoài sương như vậy suốt đêm sao! Mấy đứa bây may phước mới gặp tao. Không theo thì trước sau cũng vô tù nghe các con.”

Tôi kéo tay Mộng Huyền. Nàng ngoan ngoãn bước theo. Ông già dẫn chúng tôi đi băng vườn mít, qua một bờ ruộng nhỏ rồi đến một con đường đất khá rộng có trồng bạch đàn thẳng tắp ở hai bên. Con đường dẫn vào căn nhà ngói có tường quét vôi trắng. Ngôi nhà mà chúng tôi nhìn thấy trước đây từ xa. Tôi đưa tay nhìn đồng hồ dưới ánh sao đêm nhấp nháy. Gần mười hai giờ khuya.

Từ xa, chúng tôi có thể nhìn thấy căn nhà ngói với hai cửa sổ hắt ra thứ ánh sáng vàng vọt của một cây đèn dầu loại lớn. Cửa chính của căn nhà hình như cũng chỉ khép hờ nên ánh sáng bên trong túa ra một vệt thẳng đứng. Có lẽ có người còn thức bên trong căn nhà ấy. Mộng Huyền vẫn hai tay níu lấy cánh tay tôi. Tôi có thể nghe được những cơn rùng lạnh hay hãi sợ từ cơ thể nàng chuyển trực tiếp vào cánh tay tôi qua phần ngực bên trái của nàng. Phần ngực ấy đáng ra là nóng rang, lại rung mình trong một tiết điệu khó hiểu nào đó để rồi chính nó đã run rẩy mà còn khiến tôi cũng lạnh run theo. Tôi thờ dờn đập.

Ông già bước gần đến cửa chính thì cất tiếng, chắc là để báo hiệu cho người bên trong

khỏi giật mình khi ông đẩy cửa bước vào:

“Cũng khuya rồi há, sương lạnh quá.”

Một bà già thấp người từ trong bước ra, đón ông và chúng tôi. Ông khoát tay làm một cử chỉ như là muốn giao chúng tôi cho bà vợ, rồi ông rút vào trong lối đi có phủ tấm sáo vẽ hình ngôi chùa Một cột. Ông ho húng hắng ở trong đó. Bà già có vẻ như chẳng ngạc nhiên gì về sự có mặt của chúng tôi cả. Bà nắm tay Mộng Huyền kéo vào, vừa đóng cửa vừa nói:

“Chao ôi, tội nghiệp chưa. Vô mau kéo lạnh, con. Tao biết mà, mỗi lần có tiếng sùng nổ là thế nào cũng có mấy cô mấy cậu chạy lung tung ở ngoài. Không biết ngộ thì cuối cùng cũng bị tụi nó bắt. Ông đi vòng vòng để rước mấy đứa bây vô đó. Nè, ăn gì chưa con, đói bụng không, để bác nấu cho ăn?”

“Dạ không đói đâu bác,” tôi đáp.

“Không, cái vụ này thì phải nói thiệt à nghe, đói thì ăn, không đói thì thôi, đi ngủ. Phải thiệt tình mới được. Không đói há? Thôi vậy thì đi ngủ há. Sáng sớm ông đưa ra ngoài mà về. Yên tâm đi. Ông cũng giúp nhiều người rồi chứ không phải chỉ hai vợ chồng bây thôi đâu,” bà nhỏ giọng xuống, “ông tốt lắm, thấy cái bộ vó thì dữ dằn nhưng chưa có hại ai bao giờ. À, này con gái của má có muốn đi tiểu đi tiêu, rửa chân rửa cẳng gì để má dắt con đi. Con nữa, muốn đi không, à, hay con ngồi đây một chập đi. Để bác dẫn bà xã con đi chút rồi trở lại liền.”

Nói rồi, bà ấy kéo Mộng Huyền tính dẫn ra nhà sau. Mộng Huyền hơi níu lại, nhìn tôi như hỏi ý. Tôi tự nghĩ thật nhanh, sao lại hỏi ý trong cái trường hợp riêng tư này nhỉ hay là nàng sợ nên muốn có tôi đi theo, đứng canh chừng giùm nàng, yên tâm hơn là đi theo một người lạ. Tôi định đi theo nàng nhưng nghĩ lại, thấy không cần. Tôi tin tưởng hai ông bà ở đây. Tôi gật đầu thật nhanh để khích lệ nàng cứ yên tâm mà đi theo bác gái. Lúc ấy nàng mới chịu đi. Làm như tôi là ông cố vấn rất giỏi trong mọi trường hợp vậy!

Còn lại một mình nơi bàn khách, tôi bật cười với ý nghĩ rằng tôi và Mộng Huyền mới khi chiều đóng kịch làm tình nhân mà bây giờ đã thành vợ chồng. Nhanh quá! Một nỗi vui thú rất bản năng dấy lên trong lòng tôi một lúc. Lạy Phật, xin giúp con thêm bình tâm và yên tĩnh. Yên cả chuyện ách nạn bên ngoài và yên cả chuyện sóng gió bên trong.

Tôi ngồi ngó vu vơ. Nhà chia làm ba gian, gian giữa thờ tổ tiên. Hai bên bàn thờ là hai lối đi xuống nhà sau. Cạnh mỗi lối đi là một căn phòng, tôi đoán vậy Trên vách tường bàn khách, một cái khung kiếng lớn đặt nhiều ảnh nhỏ của gia đình. Hai khung kiếng khác nhỏ hơn là hình cô dâu và chú rể trẻ, có lẽ là con của ông bà chủ nhà. Và riêng biệt ở một vách khác phía phải của bàn thờ, một cái bằng tường lục gì đó. Chắc là bằng liệt sĩ hay giấy khen thưởng của nhà nước. Tôi rời bàn, đến nhìn, chưa kịp đọc đã thấy bác gái và Mộng Huyền bước lên. Bác gái nói với tôi:

“À, cái này là bằng ghi công của ông. Hồi đó ông đi theo cách mạng, sau giải phóng ông về hưu, được cái giấy này để treo. Xi, ban đầu cũng ham lắm, nhưng bây giờ thì hết rồi. Treo thì treo để chúng khỏi bắt nạt mình thôi chứ có đáng giá gì! Nè, con có muốn đi ngoài không, để nó đưa con đi há, nó biết đường rồi. Đi đi con, tự nhiên. Để bác lo mừng mản cho hai con. Có cái giường của con Thu ở phòng bên, nó theo chồng nên để trống, bác tháo mùng cất rồi, để bác lấy ra treo cho hai con.”

Mộng Huyền kéo hai tay tôi xuống nhà sau. Có một cái đèn dầu nhỏ đặt ở cạnh bếp. Ngọn đèn chiếu lờ mờ một cánh cửa trở ra vườn sau. Mộng Huyền đẩy cánh cửa, chỉ cho tôi thấy một nhà cầu cũng được xây đàng hoàng bằng gạch, quét vôi trắng, nằm biệt lập ở phía bên trái, sát mé ruộng. Nàng định bước theo, tôi nói:

“Mộng Huyền lên nhà trên với bác gái đi, không cần chờ ở đây đâu.”

Nàng ngập ngừng một lúc rồi quay lên. Tôi bước ra ngoài, thấy sao trời sa xuống thật

gần. Tôi vươn vai, phủi áo quần một lúc. Sau khi làm vệ sinh, rửa ráy, tôi trở vào, đóng chặt cửa sau lại. Có tiếng ho của bác trai ở căn phòng phía phải bàn thờ. Bác gái và Mộng Huyền đã treo xong mùng. Hai người ngồi nơi cạnh giường, trò chuyện. Thấy tôi trở lên, bác gái đứng dậy nói:

“Thôi, cũng khuya rồi, hai vợ chồng con đi ngủ để sáng còn dậy sớm mà theo ông đi ra. Đừng có suy nghĩ gì hết á. Cứ ngủ ngon rồi bác kêu dậy.”

Mộng Huyền leo lên giường, chui vào phía trong. Tôi còn trù trù đứng ở ngoài thì bác gái thúc giục:

“Lên giường nhét mùng lại đi, để bác thổi đèn rồi chẳng thấy đường bây giờ.”

Tôi không kịp suy nghĩ gì nữa, vén mùng chui vào. Vừa nhét xong cửa mùng xuống dưới chiếu đã thấy đèn vụt tắt. Tối thui. Tiếng giếp của bác gái sè sè rút đi, nhỏ dần rồi mất hút vào căn phòng bên phải của bàn thờ. Tôi ngồi im một lúc để mắt quen với bóng tối. Có một ngọn đèn nào đó rất nhỏ, tỏa một thứ ánh sáng mờ mờ huyền ảo từ bàn thờ ở gian giữa phản chiếu vào giường chúng tôi. Mộng Huyền nhìn tôi, nói thì thảo bằng giọng hơi:

“Ngủ đi chàng. Thiếp cũng mệt lắm rồi,” rồi nàng cười khúc khích.

Tôi ái ngại nằm xuống, nhưng cũng nghe một nỗi rạo rục bưng khắp toàn thân. Kỳ lạ! Khi nãy nằm bên nhau ngoài rừng đã sao đâu, bây giờ vào đây giường chõng chẵn màn đàng hoàng, lại thấy như có cái gì chướng chướng. Có lẽ vì cả bác trai và bác gái cứ đĩnh ninh và nhắc hoài hai chữ *vợ chồng* khiến cho cái tự nhiên của tôi bị đánh mất. Hai chữ *tình nhân* đối với tôi còn có thể dễ dàng chấp nhận, chứ hai chữ *vợ chồng* thì có cái vẻ gì khủng khiếp và nặng nề lắm: nó không những chỉ mô tả cái yêu đương của một đôi trai gái (như chữ *tình nhân*) mà còn xác định một hình ảnh khắng khít, gấn bó, quấn quít, ràng buộc, cột trói, đeo chặt... một cách thực tế và dung tục của đôi trai gái khi họ chấp nhận buông bỏ tất cả tính thơ mộng lãng mạn ban đầu để xây dựng một tổ ấm, trong đó, mỗi cá nhân không còn là cá nhân, mọi riêng tư đều biến thành của chung, và lấy chính cái hệ lụy khủng khiếp đó làm niềm hạnh phúc bền lâu cho đời mình. Nói trắng ra, hai chữ *vợ chồng* ấy gợi trong óc tôi một thứ đục tình nhậy nhựa nhưng đầy sức quyến rũ. Lạy các vị Phật và Bồ tát khắp mười phương thế giới, xin đừng thử thách con, con yếu lòng lắm, các ngài thừa biết chuyện đó rồi, đâu cần phải trắc nghiệm gì nữa!

Tôi muốn là tu sĩ tốt. Tôi muốn là người con trai đàng hoàng. Cả hai con người đó đều phải nghiêm túc, đứng đắn, không thể làm bất cứ điều gì cho nàng nghĩ rằng mình thiếu tư cách được.

“Sao anh không nói gì hết vậy? Anh không thích em giống như vậy hả?” nàng thì thảo hỏi.

“Đâu có sao. Giống vui chứ có sao đâu. À, phía trong có cái gối dài phải không? Có cần...”

“Anh tính đặt cái gối này ở giữa để làm hàng rào ngăn đó hả? Ngăn em hay ngăn anh vậy?” nàng hỏi rồi lại cười khúc khích, “anh cẩn thận quá sức. Chứ không phải hồi nãy hai đứa mình nằm chung trên cỏ ở ngoài rừng sao?”

“Lúc nãy khác, bây giờ thì... chỉ sợ là Mộng Huyền thấy ngại thôi.”

“Em không thấy ngại gì hết. Em tin tưởng anh mà. Anh kể chuyện gì cho vui đi, rồi mình ngủ. À, anh nghĩ coi, sao hai bác cứ đĩnh ninh mình là vợ chồng mà chẳng hỏi lại thử xem có đúng không. Bộ em giống vợ anh lắm sao?”

“Chắc tại hai bác thấy mình... Thôi, thắc mắc làm gì, ngủ cho rồi.”

“Anh muốn ngủ chứ không muốn nằm nói chuyện hả? Hồi nãy ngoài rừng, hình như chỉ có mình em ngủ thôi, còn anh thức, phải không? Ở ngoài đó lạnh quá. Lần đầu tiên em ngủ ngoài trời đó. Mà cũng là lần đầu tiên... em nằm trên tay một người con trai. Đã vậy còn vào đây nằm chung nữa... Anh với em hình như có cái duyên gì lạ lắm. Anh có nghĩ vậy không? Không hả,

anh buồn ngủ hả? À, khi này ngoài kia, anh nói mình sẽ bình an, sẽ thoát. Sao anh đoán hay quá vậy! Bộ anh là thầy bói hả? Hi hi. Mà anh ơi, lúc vào đây, thấy hai bác đối xử tốt, tự nhiên em có ý nghĩ rằng: chắc là có ông thầy mà mẹ em nói, đi chung trong chuyến này. Dù ông ở nhóm khác nhưng cũng chung chuyến, cho nên bọn mình mới may mắn gặp hai bác tốt như vậy. Anh nghĩ đúng không?”

Tôi không đáp. Giả vờ nhắm mắt. Niệm Phật. Nam mô A Di Đà Phật... Thấy tôi im, nàng tôn trọng, không nói nữa, nàng khẽ ngồi dậy kéo tấm chăn mỏng lên, đắp ngang ngực tôi, sửa lại cho ngay rồi nằm xuống. Chúng tôi đắp chung cái chăn. Chung chăn chung chiếu. Tôi trầm nghĩ. Sao giống vợ chồng quá. Mô Phật! Tôi nằm ngửa. Nàng nằm nghiêng, day mặt qua phía tôi. Tôi đoán là nàng đang nhìn tôi. Chập lâu, một cánh tay nàng như rút xuống, tựa vào lưng tôi, rồi nằm yên ở đó. Người tôi nóng ran. Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật...

Lạy Phật, do nhân duyên kỳ diệu nào mà ngài từ bỏ vợ đẹp con ngoan để xuất gia tầm đạo, chứng đắc đạo quả vô thượng; và do nhân duyên trớ trêu nào mà con phải nằm đây, bên cạnh một thiếu nữ yêu kiều! Phải chăng không có những hoàn cảnh như vậy thì chí nguyện xuất trần sẽ không kiên cường hơn sao? Ôi, đày đọa chi tôi, thằng con trai đa cảm này!



Khi bác gái đến cạnh giường tăng hắng mấy tiếng, tôi thức giấc và giật mình thấy rằng tôi và Mộng Huyền ôm chặt lấy nhau, đầu nàng rúc vào ngực tôi. Có lẽ chúng tôi đã ôm nhau thật chặt để đi hết cơn mộng ngắn ngủi phù du ấy, vì cái nghiệp thức mê muội mà linh giáo của chúng tôi tự biết rằng khi bùng tỉnh, chúng tôi sẽ chia tay nhau, không còn là vợ chồng nữa. Mộng Huyền cũng thức dậy, cười chào tôi buổi sáng đầu ngày bằng một nụ cười nửa bẽn lẽn nửa thích thú. Ngồi dậy, nhìn đồng hồ thấy đã bốn giờ, tôi nói:

“Tụi con thức rồi, bác ạ.”

“Ừ, dậy rửa ráy sơ, ăn mấy củ khoai rồi ông đưa hai đứa bây ra ngoài đường.”

Mười lăm phút sau, chúng tôi cùng ngồi ăn khoai mì với hai bác ở bàn ăn gần nhà bếp. Ăn xong, tôi lễ phép thưa:

“Tụi con chẳng biết nói sao để cảm ơn hai bác...”

Bác gái xoa tay:

“Thôi, đừng có nói chuyện ơn nghĩa gì ở đây, hai bác không thích đâu. Giúp gì được cho ai thì giúp, hai bác đều nghĩ vậy. Bây khổ không sống được với tụi nó thì bây tìm đường đi. Ông còn nói là chính ông rước tụi nó vô đây để làm khổ dân, bây giờ ông giúp cho bây đi để chuộc lại cái lỗi của ông đó!”

Tôi thực cảm động khi nghe bác ấy nói vậy. Và tôi càng tin tưởng mạnh thêm rằng chế độ này sẽ không tồn tại lâu dài, vì chính những người từng ủng hộ họ cũng quay lưng lại với họ rồi. Cả bốn người, hai già hai trẻ, ngồi bên nhau chẳng biết nói gì trong một lúc.

Bỗng dưng, trong một thoáng duyên mơ hồ nào đó, tôi thấy ấm lòng như thể hai ông bà là chứng nhân cho cuộc hôn phối tạm bợ của tôi và Mộng Huyền. Rõ ràng là ở cái giây phút im lặng đó, trước mặt hai vợ chồng già chất phác, tôi thấy có cái gì rất gần gũi giữa tôi và nàng, như thể tôi và nàng là vợ chồng với nhau thực sự. Có thể trong một tiền kiếp nào đó, tôi mắc nợ nàng, hoặc có hứa hẹn gì đó với nàng, nhưng kiếp này vì tôi quyết chí đi tu, tôi không trả nợ được, nàng không đòi nợ được, đành phải làm vợ chồng với nhau trong vài giờ đồng hồ để xoá ân tình cũ... Tôi đang trầm ngâm suy nghĩ về điều đó, bỗng bác trai lên tiếng:

“Chút nữa ra sau, hai đứa bây leo lên xe bò nghe. Kệ nó, nằm tằm trên xe một đỗi còn hơn nằm tù một gông. Bác đã dọn bớt đồ trên xe, lót sẵn ít rơm trên đó rồi. Bây nằm xuống, bác

phủ rơm lên trên sơ sơ, phủ có lệ thôi. Rồi bác đánh xe ra ngoài lộ, băng qua phía bên kia đường để thuận chiều đón xe về, bây ở Sài-gòn mà, phải không? Ừ, ngó là biết ngay mà. Bác sẽ tìm chỗ nào khuất để bây xuống xe, rồi tìm cách ra quốc lộ. À, bây đi chùa hay đi nhà thờ? Chùa hả. Ngoài đó có ngôi chùa. Vậy bác cho bây xuống ở phía chùa đi ra, đứng ngay trước cổng chùa mà đón xe. Bác biết tụi nó còn ở ngoài nhiều lắm. Bây đi lạng quạng là tụi nó bắt liền. Xe bò của bác tụi nó chẳng dám đụng tới đâu. Bác cũng dân cách mạng mà. Vậy nha, đón xe về mà lo chuyện khác. Đi đứng cho cẩn thận, đừng để người ta gạt mà khổ.”

Chúng tôi dạ cảm ơn rồi đứng dậy. Bác trai bước ra vườn sau. Bác gái giữ chúng tôi lại, nói chờ một chút, khi nào bác trai ngoắc thì mới ra. Tôi nhìn ra cửa sổ thấy trời chưa hẳn sáng. Nhìn đồng hồ. Gần năm giờ. Và tôi chợt nảy ý gởi tặng hai bác cái đồng hồ đeo tay của tôi. Tôi cởi đồng hồ ra thật nhanh, dúi vào tay bác gái:

“Cái đồng hồ này con gởi tặng bác trai hay anh gì con rể của bác để làm quà. Bác nhận dùm con đi nghen, tụi con cảm ơn hai bác thật nhiều.”

Mộng Huyền thấy vậy cũng cởi nhanh chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ xíu của nàng ra, dúi vào tay bác gái:

“Con cũng gởi chị Thu cái này, con có cái khác ở nhà. Bác nhận cho tụi con vui, nghe bác.”

Bác gái xua tay nâng nặc từ chối nhưng cũng vừa khi ấy, bác trai đưa tay ngoắc, chúng tôi lợi dụng cơ hội đó bước nhanh ra khỏi nhà. Vừa đến chỗ xe bò, chúng tôi đã bị bác trai thúc giục lên xe, chưa kịp nói thêm điều gì với bác. Thùng xe chiều ngang đâu chừng một thước rưỡi, còn chiều dài thì cỡ một thước tám, vừa đủ cho tôi duỗi chân. Thùng xe đóng khá cao, nếu chúng tôi có ngồi thì người ngoài cũng khó mà thấy được; nhưng bác trai bảo nằm thì chắc ăn hơn, vì nếu ngồi, có người đến đứng bên cạnh thùng xe, sẽ phát giác ngay cái đầu ló lên của chúng tôi. Tôi nằm xuống trước, Mộng Huyền nằm xuống sau. Hai bên có rơm hay thứ gì nệm chạt cứng nên chúng tôi bị dòn vào khoảng giữa, nằm thật sát bên nhau. Chờ chúng tôi nằm yên đâu vào đó rồi, bác trai lấy hai bó rơm khá lớn, đặt nhẹ lên:

“Bác để rơm lên à nghe. Nhắm mắt lại, coi chừng bụi. Được chưa. Có che khuất trên đầu không? Không hả, không thì tốt, còn để thở cho thoải mái chớ.”

Hai bó rơm đủ che khuất thân hình chúng tôi từ ngang cổ cho đến chân. Rồi chiếc xe bắt đầu lăn bánh lọc cọc.

Bầu trời hãy còn lác đác vài ngôi sao ngái ngủ. Những nhánh cây bạch đàn từ hai bên đường chạy lui trên đầu chúng tôi. Xe bò không thể nào êm ái được. Chúng tôi bị dằn xóc dữ lắm. Rèm cả lưng. Càng dằn xóc, thân hình nàng và tôi càng ép sát vào nhau hơn. Một lúc thì giữa chúng tôi chẳng còn chút ngại ngùng gì trong chuyện choàng tay ôm lấy nhau nữa. Hình như trong tư thế ôm nhau, chúng tôi cảm thấy bớt bị dằn xóc. Mà cũng có thể, trong sức cuốn hút mê hoặc nào đó, chúng tôi hồi hả ôm lấy nhau, muốn nói với nhau chút gì đó bằng đôi vòng tay và hai cơ thể bừng nóng để rồi sẽ chia tay nhau trong những giờ phút sắp tới. Một lúc sau, tôi thấy xe chạy êm, dễ chịu, không dằn xóc như trước nữa. Nhưng trái tim tôi lúc ấy, giống con xúc xắc, bị xóc mạnh và xóc liên tục trong một cơ thể run rẩy. Tôi nhìn xuống thấy Mộng Huyền nhắm nghiền đôi mắt. Khuôn mặt thiên thần, ngây thơ. Nàng tuyệt đẹp. Dường như đến lúc này, tôi mới thực sự nhận ra điều đó. Khuôn mặt nàng hơi xương. Vàng trán cao. Đôi mắt nhắm tạo thành hai vàng trắng lưỡi liềm cong. Rèm mi dài, đen, cũng cong lên một cách sung sức. Cánh mũi thon, cao. Môi trên, khoảng giữa, hơi đưa ra trước một chút. Môi dưới đầy đặn, hơi trề xuống. Hồng tươi như hoa. Đôi môi đẹp và khêu gợi đến nỗi tôi tưởng chừng chúng được hiện hữu với một chức năng duy nhất là để được hôn mà thôi. Tôi vội nhắm mắt lại.

Xe lục cục lăn bánh một lúc lâu thì trời sáng lên mờ mờ. Bầu trời đầy mây. Tôi vừa vui

nhẹ trong lòng mà cũng vừa tự thán: cái nghiệp hay duyên nợ nào mà cứ đẩy ta hết nằm chung dưới đất, nằm chung trên giường, rồi lại nằm chung trên xe bò với một thiếu nữ duyên dáng như vậy?

Cũng khá lâu sau, xe dừng hẳn. Chúng tôi nghe tiếng bác trai nói nhỏ:

“Ây, đến rồi. Hai đứa chuẩn bị sẵn nghe. Khi nào bác mở cái bửng ở sau thì tung rom ra, nhảy xuống, chạy liền vô sân chùa nghe. Sân chùa nằm ở hướng sau xe đó.”

Nghe bác nói vậy, nàng bèn nhảy biết trước là sẽ bắt đầu chia tay, không còn lý do để ôm nhau, gần nhau nữa, bèn mạnh dạn ngược lên, hôn lấy môi tôi. Tôi ngập ngừng một lúc, muốn hôn trả lại nàng một cái trên trán nhưng không dám. Nàng có vẻ chờ đợi. Thấy tôi không có dấu hiệu gì là sẽ hôn cả, nàng cười nhẹ. Rồi chúng tôi đỡ nhẹ bó rom lên, ngồi dậy.

Tám bửng bật xuống, tôi nhảy xuống trước, phủi áo quần, cảm ơn ông già. Mộng Huyền xuống sau, cũng phủi sơ, cảm ơn vội vã. Chúng tôi tiến nhanh về hướng chùa. Chùng vài chục bước. Bờ rào thưa, chỉ cần bước qua, không cần leo. Ngang sân sau. Ngang nhà bếp. Phòng tăng. Chánh điện. Tượng Quan Âm lộ thiên. Tôi đứng lại chấp tay bái tượng Quan Âm. Nàng cũng làm theo. Rồi chúng tôi đi qua sân trước, đến cổng tam quan, đến sát con lộ. Đứng dưới cây muồng trâu cao rậm những cành lá và những chùm hoa vàng sẫm. Đường vắng. Xa xa, vài người dọn hàng bên lề đường. Hình như có một cái chợ ở đó. Có một quán nước gần chợ. Nàng ngược nhìn tôi, mỉm cười. Rồi ngó băng quơ ở đâu. Tôi chỉ mong xe đà từ phía Vũng Tàu chạy đến. Một lúc, nàng bước đến gần tôi, hỏi nhỏ:

“Sau chuyến này, anh còn muốn đi nữa không?”

“Chưa biết nữa.”

“Em hy vọng sẽ đi chung với anh trong chuyến khác.”

“Nhưng đừng có xui xẻo như chuyến này.”

Nàng ngó tôi một lúc, rồi nguýt dài.”

“Chắc gặp em xui lắm hả?”

“Không phải. Chuyện đi không thành thì xui, thế thôi.”

“Nhưng em cũng thấy vui vui. Anh có thấy vậy không?”

“À... cũng vui.”

Xe đà tấp vào. Chúng tôi lên xe. Ngồi bên nhau. Xe chạy một đoạn, bàn tay nàng đan lấy bàn tay tôi, giỡn với mấy ngón tay của tôi. Cử chỉ thân mật. Có lẽ nàng muốn đóng cho trót vai trò tình nhân hay vợ của tôi cho đến khi an toàn đặt chân xuống Sài-gòn.

Rời bến xe Hàng Xanh, chúng tôi tản bộ với nhau một đoạn, chưa biết quyết định phải chia tay thế nào. Lúc này nắng đã lên cao. Có lẽ khoảng tám giờ rưỡi sáng. Mấy anh xích lô, xe thô, chạy tới chạy lui hỏi chúng tôi muốn đi đâu. Tôi không buồn trả lời. Nàng cũng không ngược mặt lên. Chúng tôi cứ bên nhau, bước tới, bước tới, chẳng kể gì ngựa xe xuôi ngược chung quanh. Một chặp, nàng nắm tay tôi, ngược nhìn tôi với đôi mắt rung lệ:

“Em chưa muốn chia tay. Minh đón xe lên Nguyễn Huệ uống cà phê nghe nhạc cho đỡ buồn. Anh đừng ngại, em còn tiền mang theo nè, nhiều lắm! Để em bao anh đi chơi hôm nay. Em biết có tiệm mở nhạc hay lắm. Đi nga, anh thích không?”

“Cũng được.” Tôi biết trời sáng như vậy tôi trở về nhà bà Bàng không tiện. Lúc nào vào nhà cũng lựa giấc ban trưa vắng người hoặc lúc trời mới nhá nhem tối.

“Vậy đi xích lô há, chứ đi xe thô mỗi đứa một chiếc sợ mình lạc nhau quá...” nàng đề nghị.

“Ừ thì xích lô, có sao đâu. Xe bò còn đi được mà.”

Nàng cười. Chúng tôi kêu xích lô. Nàng nói địa điểm rồi trả trước để tôi khỏi giành. Chúng tôi lên xe. Lại ngồi sát bên nhau.

Phố Sài-gòn người xe tấp nập. Nhưng buồn quá. Lại thêm một chuyến đi không thành. Hình như đến giây phút rời bến xe, tôi mới nhớ lại cái thực tế đó: vượt biên thất bại lần nữa! Không có lúc nào nặng trĩu buồn tẻ như lúc vượt biên không được, trở về. Tất cả mọi dự định, mọi sắp xếp cho cuộc sống, sẽ được tính lại từ đầu. Tôi buồn ừ ừ. Nhưng nàng thì có vẻ vui. Mười ngón tay búp măng nhỏ xíu của nàng nhảy múa trên cánh tay tôi trong một tiết điệu không lời nào đó mà chỉ có nàng, một tay chơi dương cầm mới nghe ra nổi.

“Nếu anh đến nhà, em sẽ đánh đàn cho anh nghe. Anh biết chơi dương cầm không?”

“Không, nhưng anh mê nghe tiếng dương cầm và vĩ cầm lắm.”

“Em cũng biết vĩ cầm nữa, nhưng không nhuyễn bằng dương cầm. Anh hát được không, giọng anh ấm như vậy chắc hát hay lắm hả?”

“Cũng tạm tạm.”

“Em sẽ đàn cho anh hát nha.”

Tôi im.

Chúng tôi vào quán thì nhạc vừa trỗi bản *Imagine* của Beatles. Giọng ca John Lennon. Bản ấy tôi đã nghe nhiều lần và rất thích từ những ngày trước khi xuất gia. Chỉ thích nhạc, chẳng hiểu lời. Nay bất chợt nghe lại bản nhạc cũ với tâm thức mới, rồi rung động dễ sợ nhưng cũng chỉ nghe tiếng được tiếng không, chẳng làm sao mà bắt trọn được lời. Nàng nói, không hiểu lời cũng đâu có sao, có nhiều bản nàng cũng không hiểu gì cả mà vẫn thích. Âm nhạc tự nó đã là lời rồi. Nói vậy, nhưng nàng cũng nhắc tôi nghe từng câu... *Imagine there is no heaven... No hell below us. Above us only sky... Imagine there's no country... and there's no religion too... Imagine all those people living for today...*

Mở nhạc ngoại quốc như vậy, chủ quán phải trả tiền hoặc cho mấy anh công an khu vực uống cà phê, hút thuốc thơm miễn phí bất cứ lúc nào. Nàng chọn một bàn gần khung cửa kính. Chúng tôi cùng ngồi một phía, mặt hướng ra đường. Nàng nói ngồi đây nhìn thiên hạ dập dìu qua lại, thỉnh thoảng có mấy người ngoại quốc khối xã hội chủ nghĩa cũng cao lớn, cũng mũi lõ tóc vàng, đi ngang, sẽ có cảm tưởng mình đang ngồi trong một quán cà phê bên Tây.

“Em tưởng tượng nhiều chỉ thêm khổ,” tôi nói.

“Em biết vậy, nhưng chẳng còn thứ vui nào khác trên đất nước này. Anh Ngôn của em có làm giấy bảo lãnh gia đình đó chứ. Nhưng nếu được đi liền mẹ em cũng chưa đi, vì bà muốn chờ ba về. Mà đâu phải có giấy xuất cảnh là đi được đâu. Chờ hoài, chờ hoài. Cho nên mẹ lo cho em đi. Nếu quen anh sớm chắc đời em vui hơn. Anh nói chuyện diều quá đó ghen. Anh chọc em cười hoài. Nhưng sao mặt anh thấy lúc nào cũng nghiêm trang, như có vấn đề gì phải suy nghĩ, đắn đo, cân nhắc. Anh có muốn chia sẻ với em không? Anh lạ quá, lúc thì nói nhiều, kể chuyện tùm lum, lúc thì im lặng như tượng đá...”

Cà phê tí tách nhỏ chậm. Nhạc ngoại quốc chọn lọc. Nàng cũng thích một số bản nhạc giống tôi. Uống xong cà phê, nàng lại kêu nước cam vắt để được ngồi thêm một lúc. Anh muốn về bây giờ chưa? Chưa, phải chờ trưa đứng bóng hoặc lúc sắp tối. Sao vậy? Bộ anh ở bất hợp pháp hay sao mà phải chờ? Ừ, đại loại như vậy, nói em nghe rồi mà. Hay anh đến nhà em chơi cái đã, khi nào anh muốn về thì về. Mà anh muốn ở lại cho đến ngày đi chuyến khác cũng được nữa, nhà em rộng lắm. Có phòng của anh Ngôn bỏ trống. Về nhà em đánh đàn anh nghe, há.

Chúng tôi cùng thả bộ với nhau một lúc trên hè phố Lê Lợi. Người qua kẻ lại nườm nượp. Chúng tôi im lặng không nói gì. Nỗi thất vọng từ chuyến vượt biển khiến chúng tôi có cảm giác như từ hành tinh khác bị rơi xuống hè phố này. Lạc lõng, xa lạ. Thôi, về nha anh. Đi bằng gì đây? Xích lô. Ừ. Lại xích lô. Lại ngồi sát bên nhau cho đỡ cô đơn. Đòi sao buồn quá, anh nhỉ?

Mẹ nàng vừa ngạc nhiên, vừa thất vọng và cũng vừa mừng rỡ thấy nàng bước vào. Hai mẹ con ôm nhau. Nàng nói tíu tít một lúc. Ai đây? Dạ, anh ấy đi chung chuyến với con. Anh

Khang. Không có ảnh chắc con chết quá mẹ ơi. À, mời ngồi. Uống nước trà nghe. Hình như mẹ nàng nhìn tôi với một vẻ ngờ vực khó hiểu nào đó. Mẹ nàng xuống nhà dưới. Nàng đứng lại với tôi, xoay qua xoay lại, nói huyền thuyên. Về nhà, nàng có vẻ tung tăng, nhí nhảnh, tự nhiên hơn. Anh ngồi đây nói chuyện với mẹ em nha. Em đi tắm cái đã, được không? Chút nữa, anh muốn tắm thì cứ tự nhiên, trong nhà có đồ của anh Ngôn để lại. Anh ấy cũng đáng trung bình, không mập không ốm như anh. Chắc đồ của anh Ngôn anh mặc vừa. Ngồi đây chờ em, đừng bỏ đi nha, em giận lắm đó. Hứa đi. Hứa. Tôi ngồi lại một mình ở xa-lông. Vài bức tranh lập thể trên tường. Tôi nhà quê chẳng thưởng thức gì được. Chỉ thấy tranh và đồ vật chung quanh màu sắc hài hoà, sáng, nhạt. Cây dương cầm ở góc trái phòng khách nổi bật lên một màu đen óng. Mẹ nàng trở ra với khay trà. Một người đàn bà đẹp, quý phái. Cũng gần năm mươi. Bà nói giọng Huế, nhỏ nhẹ. Có thể kể tôi nghe chuyện xảy ra làm sao không. Dạ thì như vậy, như vậy... Dĩ nhiên tôi không đủ can đảm để kể hết sự thực. Bà xuýt xoa. Phật trời ơi, may mà có cậu chứ không thì nó khờ lắm, nhát lắm, gặp chuyện gì ngồi một chỗ mà khóc thối. Đâu có, Mộng Huyền cũng lạnh lợi lắm chứ bác. Không đâu, nó khôn nhà đại chợ. Mẹ nói xấu con đó hả. Nàng bước lên với bộ đồ lụa màu hồng. Tóc còn ươn ướt. Nàng thật tươi mát như một đóa hồng hé nụ một sáng tinh mơ. Nàng vui vẻ nhắc lại vài chuyện của đêm qua, đôi mắt long lanh nheo riêng với tôi ở vài đoạn không tiện nói. Rồi mẹ nàng phải đi tìm gặp vài người liên quan đến nhóm tổ chức đề hỏi lại về chuyên đi. Nàng đưa mẹ ra cửa rồi đóng lại, trở vào, đánh đàn tôi nghe. Nàng đánh đàn hay, điêu luyện, tôi biết. Nhưng tôi không còn tâm lý đâu mà thưởng thức. Tôi muốn về. Trưa rồi, phải về. Anh về thực à? Anh không muốn ở chơi đến tối sao? Anh không muốn ở lại đây sao? Đề em nói mẹ em cho anh ở lại. Ở đây cũng yên lắm. Không bao giờ công an xét nhà em đâu. Không, phải về. Còn nhiều việc phải lo. Thôi cũng được, nhưng anh phải biết rằng em lúc nào cũng chờ đón anh đến chơi hết nha. Anh biết địa chỉ em rồi đó. Đường này, căn nhà có giàn hoa chuông ở trước. Đối diện là căn nhà có giàn bông hoa giấy màu cam. Anh khó ghê không chịu cho em địa chỉ của anh! Thôi hẹn gặp lại anh. Nàng nhón lên, hôn tôi một cái nơi má.

Vài ngày sau tôi trở lại. Cái gì khiến tôi trở lại thì tôi không biết. Tôi buồn, tôi đi vu vơ, rồi tôi ghé nàng. Cũng có thể tôi ý tìm đến nàng, dù chẳng biết để nói gì. Tôi lúc ấy như con xúc xác còn bị xóc trong đĩa, hoặc đã được người xóc đĩa đặt xuống bàn nhưng vẫn còn quay lẩn theo cái trớn quá mạnh của con xóc. Biết làm sao bây giờ. Nó còn lẩn thì cứ lẩn.

Tôi bấm chuông. Nàng ra mở cửa, reo lên. Tôi vào trong, nàng ôm tôi. Nhớ anh quá. Nàng thật tự nhiên. Mẹ em đi vắng rồi, chốc nữa sẽ về. À, mẹ em nói là chuyến đi của mình hôm đó chưa có đủ bề hoàn toàn. Họ sẽ khởi hành trong vài ngày tới thôi. Anh có biết chuyện đó không? Anh có đi chuyến đó nữa không? Vậy hả. Anh cũng đi, ôi sướng ghê, có anh đi em vui biết bao. Em có nghĩ trước rồi: nếu anh không đi, em cũng không đi. Bậy, phần người nào thì người đó cứ lo đi. Chờ đợi chi nhau. Thực tình anh đó, lạnh lùng, lạt lẽo, mau quên quá. Bộ anh không nhớ gì chuyện hôm đó hết hả? Có anh đi, em thấy yên tâm hơn. Mẹ em cũng nghĩ vậy nữa. À, mẹ nói là có ông thầy đi trong chuyến rồi, nghe nói ông cũng chạy thoát với một người nào đó. Vậy là em đoán trúng, thấy chưa. Chuyến sắp tới cũng có ông ấy đi nữa. Anh đi nha. Chuyến này chắc lắm mà. Kỳ rồi bị tui du kích phá vì không được chia phần đó. Chuyến tới người ta mua luôn cả du kích lẫn công an. Ủ, thì đi. Tôi ngồi chơi với nàng một lúc. Nghe nàng đánh đàn. Nghe nàng nói chuyện. Nàng cười. Nàng khóc. Nàng nói yêu tôi. Nàng hôn tôi. Nhưng ruột tôi nóng quá. Công an đang tầm nã tôi. Mọi người khuyên tôi nên vượt biên gấp. Nhưng tôi đâu sợ bị bắt, vì vậy, tôi vừa muốn vượt biên, vừa muốn ở lại. Tâm tôi bất an. Như lên sốt. Tôi nghĩ là tôi không yêu được. Hay tôi có yêu mà lại chẳng muốn thừa nhận. Tôi đến nàng để thăm dò trái tim của tôi, hình như vậy. Tâm trí tôi bấn khoăn, bấn loạn suốt thời gian đó mà chẳng biết bày tỏ cùng ai. Nếu tôi nói ra e chừng người ta lại tưởng tôi khùng, hoặc vương một thứ bệnh

tâm thần nào đó. Tôi không muốn trốn lánh công an nhưng cũng muốn trốn lánh công an, tôi không muốn vượt biên nhưng cũng muốn vượt biên, tôi không muốn ở tù nhưng cũng muốn ở tù, tôi không muốn làm thầy tu lãng mạn nhưng cũng muốn làm thầy tu lãng mạn... Tôi thích chọn lựa mà cũng không thích chọn lựa, cho nên mới để ra những thứ chọn lựa trái ngược nhau mà thực chất của chúng đúng ra chẳng phải là chọn lựa gì cả. Tự do hay ở tù, yêu và tu, vượt biên và ở lại... và tất cả những cặp đôi đối nghịch khác, chẳng hạn như niết bàn và sinh tử, hạnh phúc và khổ đau... tôi đều thích, đều có thể chấp nhận được. Và nếu vì sự kiện *không biết chọn lựa cần nhắc gì cả* ấy của tôi mà người ta cho rằng tôi mất tư cách, không lập trường, không căn bản... tôi nghĩ, tôi đều có thể chấp nhận được.

Ba hôm sau, chuyến đi khởi hành. Người ta sắp xếp tập trung tại nhiều địa điểm trên khu xóm khác với lần trước, vì tàu sẽ vào bãi mới chứ không phải bãi cũ. Tôi biết nếu tôi đi chuyến ấy, tôi sẽ gặp nàng. Nếu tôi gặp nàng ở một điểm tập trung, cùng ngồi với nàng trên ghe, cùng nàng đến trại tỵ nạn, cùng nàng đến Mỹ... chắc chắn tôi sẽ không khỏi yêu nàng. Nàng dễ thương như vậy, gần gũi tôi như vậy, làm sao tôi khỏi động tâm. Và chúng tôi sẽ không cần giả đò làm tình nhân hay vợ chồng nữa mà là làm thực! Tôi biết trước tôi sẽ thua cuộc. Thôi thì tôi ở lại, để nàng ra đi. Tạm biệt em, Mộng Huyền.

Nửa tháng sau, tôi không kèm được nổi háo hức muốn biết tin nàng. Tôi đến nhà nàng. Bấm chuông. Mẹ nàng ra mở cửa mời tôi vào. Không nói gì. Chỉ khóc. Chỉ khóc. Tàu bị bão, lật chìm. Chết hết. Chỉ còn một thanh niên được tàu buôn vớt. Mẹ nàng nói, tôi tưởng thanh niên đó là *thầy*... té ra không phải. Phải chi có *thầy* đi chung với nó thì có thể chuyện không xảy ra thảm như vậy. Tôi thầm hỏi sao bà ấy biết tôi là *thầy*. Bà tự động giải thích: cái hôm *thầy* đến đây lần đầu, tôi đã biết rồi. Cái dáng như vậy, nói năng hiền lành chừng chạc như vậy, lại có vẻ ngập ngừng trong bộ âu phục như vậy, chỉ có Mộng Huyền thơ dại, vô tư như con nít mới không nhận ra. Lúc *thầy* về, tôi có nói nó nghe. Nói rằng *thầy* pháp danh là Tâm Quang. Nó đùa, nói rằng nó chỉ biết anh Khang thôi. Tôi bảo nó phải cung kính, không được đùa giỡn với *thầy*... Nó dạ, nhưng cứ cười cười, chẳng biết có chịu thực hành không. Hình như vài hôm sau *thầy* có trở lại, phải không? Nó giấu, nhưng tôi biết, vì *thầy* nó vui hơn những ngày trước. Rồi như vậy đó... nó cứ tưởng có *thầy* đi chung. Nó nói có *thầy* đi sẽ may mắn và vui nữa... Nó nói *thầy* nói chuyện vui lắm, chọc nó cười hoài, nhưng *thầy* thì lúc nào cũng buồn như có tâm sự gì đó. Hu hu. Nó thương *thầy* lắm. Tội nghiệp. *Thầy* đừng trách nó nghe. Nó còn non dại... không biết được cái chi là điều cấm kỵ... Tôi ghi tên tuổi của nó, *thầy* đem về làm lễ cầu siêu dùm nghe *thầy*. Ôi, chắc nó bơ vơ ngoài biển chẳng biết nương tựa ai. Nó chỉ tin có *thầy* mà thôi...

Tôi lặng người, như kẻ vô hồn, nhét mảnh giấy nhỏ ghi tên nàng vào túi áo, bước ra khỏi ngôi nhà có giàn hoa chuông vàng rực. Vì mẹ nàng và cả nàng đều tin rằng nếu có tôi đi cùng, nàng sẽ không gặp nạn, nên tôi có cảm tưởng là tôi hại nàng, có lỗi với nàng. Tôi cũng có cảm tưởng như tôi đã bỏ nàng, làm mất niềm tin nơi nàng. Nhớ đêm chạy nạn, nàng ôm tôi, nói: đừng bỏ em. Bị lạnh, nàng cũng ôm chặt tôi, nói: đừng bỏ em nha anh. Đi tắm, để tôi ngồi lại phòng khách, nàng cũng nói: đừng bỏ em đi, nha anh. Tại sao nàng cứ bị ám ảnh là tôi bỏ nàng. Phải chăng những cuộc phân ly đau khổ nào đó của nhiều kiếp hãy còn lưu lại và âm ỉ khuấy động trong tận cùng tiềm thức nàng, khiến nàng sợ hãi thốt lên lời ấy? Ôi, đời tôi sao cứ làm khổ người ta mãi vậy. Tại sao tôi cứ phải phụ người! Mộng Huyền ơi, hãy tha thứ cho anh. Anh đã có lỗi với em, vì anh đã không đi chuyến tàu ấy. Vĩnh biệt em... Nhưng thực ra, em nên hiểu rằng nếu anh có đi chung chuyến ấy, cũng không chắc là chúng ta có duyên gì với nhau. Trước sau rồi cũng chia tay thôi Mộng Huyền ạ. Anh đâu phải là kẻ biết yêu... bởi vì anh không bao giờ tin rằng thế gian này có thật cả.

Dù sao, anh cũng không thể quên được một đêm nằm bên nhau dưới ngàn sao lấp lánh,

hay buổi sáng tinh mơ nhìn từng đám mây rượt đuổi theo chiếc xe bò đầy rơm.

Và làm sao quên được những bản nhạc hợp ý cùng nghe với nhau trong quán cà phê sang trọng hào nhoáng của một xứ sở nghèo đói tàn tạ nhưng lúc nào cũng âm ập những khẩu hiệu... Mộng Huyền ơi, mượn ý của John Lennon, hãy cùng anh tưởng tượng thử: nếu không có thiên đàng, địa ngục, quốc gia, tôn giáo, chủ nghĩa, ý thức hệ... nếu không có những tên gọi, những thông tục, những qui tắc, đạo đức, gia phong... không có những giấc mộng điên rồ, không có những niềm tự hào và tự ti, không có kẻ chiến thắng và người chiến bại, không có cai tù và tội phạm, không có tất cả những người máy và máy móc, không có tất cả những gì thuộc về khối óc của con người... chỉ có hai chúng ta hiện hữu trên đời với hai trái tim nguyên vẹn chưa hề biết đối gian dưới một bầu trời xanh biếc, thì sao nhỉ?

[TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC](#)

Chương mười lăm

Bên ngoài im lặng quá. Không có cả tiếng ếch nhái hay côn trùng kêu ra rả như mọi khi. Không có tiếng động cơ của xe cộ hay tiếng chuông nhỏ của chiếc xích lô nào. Cũng không có cả tiếng mớ đòi ăn của anh tù nhân bụng đói. Không có cả tiếng ngáy như sấm của ông Trọng. Cái im lặng ấy đánh thức tôi thì phải.

Tôi trở dậy đến bên cửa. Cửa gió hôm nay bị một anh lính gác khó tính nào đó cài then lại khi đi tuần tra. Nhưng dĩ nhiên là anh không thể nào bít được cái kẽ hở mong manh có hình dạng mặt trăng lưỡi liềm ở góc trái, bên dưới của cửa gió. Trong phòng giam có hai bóng đèn sáng, còn bên ngoài thì tối thui. Tôi chưa nhìn ra ngoài, nhưng có thể đoán được màn đen ấy qua cái im lặng đến sững người của không khí chung quanh. Cái im lặng ấy làm cho thế giới đặc quánh lại thành một toàn thể duy nhất, và làm cho trời đêm trở nên bát ngát, mang mang hơn. Tôi ghé mắt nơi lưỡi trăng mỏng ấy để nhìn ra ngoài. Đứng ngay người, nhìn xuống, tôi thấy lờ mờ cái nền xi măng của hành lang ướt đẫm sương đêm hay một cơn mưa nhỏ nào vừa lướt qua khi tôi đang còn ngon giấc. Nhìn xéo ngang bên trái, tôi thấy một phần bức tường của dãy nhà giam tập thể phía đối diện; bức tường ấy màu vàng nhạt, dưới bóng đèn trở thành một màu trắng trắng, úa héo. Khom người thấp xuống một chút với đôi mắt ngược lên, tôi có thể thấy được bầu trời đêm đen kịt với duy nhất một ngôi sao nhỏ xíu, phát ánh sáng còn yếu hơn con đom đóm. Ngôi sao ấy đang đứng im để trầm tư hay đang tọa thiền nơi cái tĩnh lặng bao la của hư không. Ngôi sao ấy dễ thương làm sao. Ừ, nếu được tự do đứng ngoài sân kia, hẳn tôi sẽ không nhìn thấy ngôi sao bé xíu ấy. Bao nhiêu ngôi sao to lớn, rực rỡ, nhấp nháy vui nhộn khác, sẽ lần lướt, trùm lấp ngôi sao nhỏ khiêm nhường này. Tôi xúc động nhìn mãi ngôi sao ấy không biết chán. Rồi một nỗi vui lạ kỳ xâm chiếm con tim khiến tôi bỗng thấy lạc quan vô cùng. Tôi như đưa trẻ lần đầu tiên hiện hữu nơi trần gian với đôi mắt tinh khôi, nhìn ngắm từng khoảng không gian và sự vật trước mặt với nỗi ngạc nhiên sung sướng dường như bất tận. Ôi thú vị làm sao, kỳ diệu làm sao! Chỉ một khoảng không gian chật hẹp của hành lang, của khung trời hẹp ở giữa hai dãy nhà, nay cũng trở nên một cái gì mệnh mông kỳ vĩ... Ồ, ngôi sao kia, đám mây mờ kia, sao tôi muốn tung người lên ôm chúng vào lòng quá! Ồ, cái vách tường vàng tróc một mảng vôi bên dãy phòng tập thể kia, cùng với nền xi măng ngoài cánh cửa sắt này, sao tôi muốn rờ chúng một cái quá! Tôi bòn chòn thụp lên, thụp xuống, xao xuyên, bồi hồi, cơ hồ muốn đập tung cánh cửa sắt để nhảy từng bước dài ngoài kia. Tôi có cảm tưởng là nếu được tự do rời phòng giam này, tôi có thể bay được bất cứ nơi nào tôi muốn, bay thong thả, nhẹ nhàng hơn những cánh chim, bay như một làn gió nhẹ vi vu, bay như chiếc lông tơ mỏng manh của con gà con vịt mới chui ra khỏi trứng...

“Cậu nhìn cái gì vậy?” ông Trọng nằm co, mở mắt nhìn tôi, hỏi với giọng ngái ngủ.

Tôi quay lại, cười:

“Có gì đâu, chỉ nhìn trời, nhìn đất... nhìn sao.”

“Lãng mạn!” ông làm bầm nói trong miệng hai tiếng ấy xong, nhắm mắt ngủ tiếp.

Tôi lặng lẽ trở về chỗ của mình. Tựa lưng vào tường, ngồi im một lúc cho mọi xao động được lắng xuống, tan loãng vào cái tịch lặng mệnh mông của không gian chung quanh. Dường như bản ngã của tôi đã bắt đầu tỏ thái độ phản kháng đối với sự tù hãm.

Thế giới này thật khủng khiếp. Cả tôi cũng khủng khiếp nữa. Đã có khi tôi bắt chước ai đó,

nghĩ rằng tôi tỉnh giữa một đám người điên, hoặc điên một mình giữa đám người đang tỉnh táo. Nay tôi thấy cả hai trường hợp đều sai: tất cả đều điên. Lũ chúng ta, hiện hữu trên thế giới này, đều là những người điên. Khi nào ở tù mới thấy thấm thía ý nghĩa của tự do. Khi nào khổ đau mới mơ được hạnh phúc. Khi nào quá động mới cần đến yên tĩnh. Khi nào quá tĩnh mới yêu được động... Trái tim và khối óc của loài người y hệt quả lắc đồng hồ: hễ đi hết tròn về phía bên này thì lại trả về phía bên kia. Phải chăng những người điên chúng ta chỉ có thể tìm thấy ý nghĩa cuộc sống qua sự nhảy dội nhịp nhàng của tim óc trên cái hành trình bất định một cách cố định giữa trùng vi chằng chịt của các đối cực, đối thể, đối vật, đối tượng, đối cảnh, đối lực, đối điểm, đối nhân, đối duyên, đối quả...? Và chúng ta có tìm thấy hạnh phúc thực sự bằng cái ý nghĩa cuộc sống kỳ cục như thế chăng? Tôi phải làm gì đây? Tôi đang muốn gì đây? Tôi chẳng biết. Nhưng tôi thấy thấm. Thấm vào tim tôi một khát vọng nào đó. Cái khát vọng này thực ra cũng chẳng lạ lùng gì đối với tôi đâu. Nó không phải lúc này mới từ bên ngoài mà xâm nhập tôi. Nó dấy lên từ bên trong, thấm từ bên trong, thấm từ những tiền kiếp cũ rích xa xưa nào đó. Nó như một cái gì to lớn bị thu nhỏ lại, bị nê m chặt, bị đóng kín, bị nhốt cứng vào một vật có dung tích bé xíu. Nó vùng vẫy tìm cách thoát ra. Nó muốn phá vỡ cái vật chứa đựng nó. Có hai cách phá vỡ hiệu năng của vật chứa: hoặc là tung mạnh lên bằng một tiềm lực khủng khiếp vĩ đại, hai là nhẹ nhàng thoát ra bằng cách tan chảy nhẹ nhàng, nhu hòa và thấm đượm. Có lẽ tâm thức và hoàn cảnh tôi đang thích hợp cho cách thứ hai. Và tôi nghe cái khát vọng giải thoát nhẹ nhàng trôi trong tôi như một con lạch nhỏ. Êm đềm.



Tính theo âm lịch, hôm nay là ngày Phật đản. Buổi khuya ngồi thiền sớm, tôi nghe có tiếng tụng thần chú Lăng Nghiêm của Thiện Đắc từ phòng biệt giam số 2 vọng đến. Âm thanh như sóng biển. Hùng tráng. Bất tận. Âm vang của tiếng kinh đánh động cảm xúc thường lệ của tôi đối với sinh hoạt thiền môn, khiến tôi muốn vùng đứng dậy. Vâng, cho đến lúc này, tôi đã xuất gia được mười lăm năm, quen thuộc tiếng kinh kệ chuông mõ. Tôi mê tụng kinh lắm. Tu sĩ Phật giáo mê tụng kinh như ca sĩ mê hát. Tụng nhiều quá thì có khi cũng thấm mệt, muốn nghỉ ngơi. Nhưng bỏ tụng một ngày, nghe kẻ khác tụng, lại thấy nhớ, muốn cất cao giọng lên mà hòa theo. Từ nhiều tháng nay, bỏ chùa ở kinh tế mới, về Sài-gòn lánh nạn tại nhiều tư gia khác nhau, tôi đã không tụng bất cứ một thời kinh nào. Hơn một tháng ở tù, dĩ nhiên tôi cũng chưa hề tụng lấy một câu kinh ra thành tiếng nói chi cả một khóa lễ. Bây giờ, tôi thực sự muốn tụng. Mà hôm nay cũng là ngày lễ Phật đản, ngày kỷ niệm sinh nhật của đức Phật, tăng ni và tín đồ Phật giáo khắp nơi trên thế giới đang tập trung tại các chùa chiền, tu viện, tịnh xá... để cử hành lễ tưởng niệm một bậc giác ngộ siêu phàm. Tôi thực sự muốn tụng một thời kinh dâng lên đức Phật. Tôi không cần phải cầu nguyện cho tôi một điều gì. Tôi chỉ muốn nhân ngày Phật đản, cùng với những người con Phật khác trên thế giới, cất lời tán dương đức Phật để từ niềm kính ngưỡng đó, vực con người hèn mọn của mình đứng dậy.

Ông Trọng hầy còn ngủ ngon, tôi không dám tụng niệm gì để động phá giấc ngủ của ông. Tôi ngồi trầm tư nơi chỗ của mình, chờ đợi. Sáng sớm ông thức dậy làm vệ sinh, tập thể dục, tôi nói:

“Hôm nay Phật đản, cháu muốn tụng kinh, chỉ sợ phiền chú.”

“Tụng kinh à? Cậu biết tụng sao? Cậu thuộc kinh gì, dài hay ngắn?”

“À, cũng không dài lắm đâu. Chủ yếu là... lạ.”

“Giống như lạ sám hối đó hả?”

“Dạ.”

“Vậy thì cậu cứ lay đi, sao phải hỏi ý tôi chứ?”

“Cháu sợ phiền chú nên chờ chú thức, thưa trước với chú, vì khoá lễ có thể kéo dài cả tiếng đồng hồ.”

“Không sao đâu. Tôi biết mà. Cậu cứ tự nhiên tụng kinh gì đó thì tụng, tôi đứng chơi ở cửa gió này được mà.”

Tôi cảm ơn ông rồi mặc áo quần vào. Chiếc áo sơ mi trắng và cái quần tây đen xếp thẳng thớm, đặt mãi ở đầu giường của tôi trong phòng biệt giam này cũng trở nên trang nghiêm lạ thường. Dường như không có sự khác biệt nào trong việc mặc âu phục lúc này với việc khoác ca-sa để hành lễ lúc còn ở chùa.

Lúc đó khoảng năm giờ rưỡi sáng. Tôi đứng chấp tay hướng về bức vẽ Phật Thích Ca trên vách, nơi đầu nằm của tôi, bắt đầu ngân nga tụng bài tán dương Phật, rồi tụng kinh Lăng Nghiêm, sau đó, tôi bắt đầu xướng các bài kệ ngôn kèm theo danh hiệu mỗi vị Phật, cứ mỗi danh hiệu Phật hay Bồ tát thì lay xuống một lay (đây là nghi thức lễ tụng hàng ngày được áp dụng tại Tu viện Già Lam do Hoà thượng Trí Thủ soạn ra). Nghi thức này gồm 108 lay. Nhưng tôi lay thêm các câu xung tán cuộc đời đức Phật Thích Ca nữa, thành ra hơn 120 lay. Mà cách lay của Phật giáo Bắc tông Việt Nam khác với cách lay của Phật giáo Nam tông. Bên Nam tông chỉ quỳ mà lay, Bắc tông thì mỗi lay mỗi đứng dậy. Động tác đứng dậy quỳ xuống phải dùng nhiều sức, nhiều thời gian hơn. Hoà thượng Trí Thủ dạy rằng đó là một lối thiền tập hữu hiệu nhất vì nó tác động đến cả ba nghiệp: tâm thì nghĩ đến Phật, thân thì cúi lay, miệng thì đọc tụng danh hiệu Phật. Thân cúi lay không những là phương pháp dẹp trừ bản ngã và sự kiêu mạn, học hạnh khiêm cung, mà còn là một động tác thể dục rất tốt cho sức khỏe. Ban đầu, ông Trọng đứng né nơi cửa gió phía bên ông để hít thở không khí và xem tôi lễ tụng. Tôi lay đầu chừng mười lay thì bỗng dưng ông tự động mặc quần áo vào, đến quỳ lay phía sau lưng. Ông lay theo tôi từ khoảng cái lay thứ hai mươi cho đến hết khóa lễ. Cả tôi và ông đều đổ mồ hôi, ướt đầm cả quần áo, dù rằng lúc ấy mặt trời chưa mọc, hoặc đã mọc nhưng còn lẫn trong những đám mây dày đặc. Cởi quần áo ra, chúng tôi trải dưới đất chờ nắng hong khô. Dù vậy, tâm tôi bấy giờ vô cùng hoan hỉ. Mồ hôi tuôn ra, tôi tưởng chừng bao thứ phiền não, dục vọng của tôi cũng theo đó mà tiêu tan.

“Chưa bao giờ tôi lay cả trăm lay như vậy,” ông Trọng nói khi đưa tấm cạc-tông cho tôi làm quạt. “Kể cũng lạ, thẳng con tôi đi tu, vậy mà nó chẳng bao giờ khiến tôi phải chấp tay cúi đầu trước nó hay trước Phật. Nói thiệt, tôi chỉ chấp tay cúi đầu trước bàn thờ đức Huỳnh giáo chủ, trước bàn thiên, chứ chưa chấp tay trước Phật. Trong khi đó... cậu, một thanh niên đời, lại làm tôi phát tâm cúi lay Phật một cách tự nguyện, vui vẻ, chẳng biết mệt mỏi... Có lẽ tại cậu tụng kinh quá hay, hoặc vì cái vẻ thành tâm của cậu làm tôi xúc động... Chắc cậu phải đi chùa thường xuyên lắm mới tụng thuộc lòng nhiều đoạn kinh và tụng hay như vậy? Tôi cũng muốn nghe giáo lý Phật lắm, nếu cậu có biết giáo lý Phật, cậu nói tôi nghe khi nào cậu có hứng nhé.”

Tôi chỉ ậm ừ, không quên cảm ơn ông đã tôn trọng buổi lễ của tôi. Nhưng ông lại cảm ơn tôi đã mang lại cho ông tín tâm đối với Phật giáo. Ông hiểu biết khá nhiều về thế sự, nhưng quả thật là mù tịt về vấn đề Phật giáo, dù ông là tín đồ của Phật giáo Hòa Hảo, một tôn giáo xuất phát từ hệ thống giáo lý nhà Phật. Ông thực không biết rằng giáo chủ của ông cũng là đệ tử của Phật. Tôi giới thiệu cho ông nghe sơ về Phật giáo trong những ngày kế tiếp, nhưng vẫn không cho ông biết tôi là tu sĩ.

Xế chiều hôm đó, sau khi tôi kể ông Trọng nghe một câu chuyện cổ trong Phật giáo, ông rất vui. Ông bước qua bước lại trong phòng một lúc rồi ngồi xuống bên tôi, nói:

“Những ngày trước, tôi kể chuyện này nọ về tình cảm tình dục... chắc cậu không vui. Tôi cảm thấy như đã làm một điều gì thất lễ. Thành thật xin lỗi... nghe.”

Tôi cười, xoa tay nói:

“Ô, có gì đâu. Trong tù rảnh rỗi, chú kể chuyện đời cho nghe thì vui chứ cháu đâu có phiền hà gì.”

Ông ngưng như để lựa lời. Một lúc, ông nói:

“Tôi muốn qui y Tam Bảo.”

Tôi rất ngạc nhiên, nhìn vẻ mặt thành khẩn của ông:

“Chú cứ lợi dụng thời gian ở tù, siêng năng tu tập và giữ tín tâm, rồi khi nào được tự do, hãy tìm đến một chùa nào đó gần nhà nhất. hoặc một vị thầy mà chú ngưỡng mộ, để xin làm lễ qui y.”

“Thầy có ở đây rồi, cần gì chờ đợi hay tìm kiếm đâu cho xa.”

“Ai nói chú như vậy!”

“Không, hồi đó chưa nhận ra nhưng bây giờ thì không thể nhầm lẫn được nữa. Phải là tu sĩ thực thụ mới có cốt cách, ngôn ngữ, cách tụng kinh, nói pháp như thầy. Hèn gì cả tháng nay, tôi cứ thắc mắc hoài, không biết thầy là loại người nào trong xã hội. Thầy cho tôi qui y đi.”

Biết tông tích mình đã lộ, không thể che giấu và cũng không cần thiết để che giấu ông nữa, tôi nói:

“Thực ra, tin và tu học theo giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo cũng đủ rồi. Giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo cũng rút ra từ kinh điển Phật, áp dụng vào đời sống xã hội, rất thích hợp với tâm tình của người dân miền tây nam bộ. Lâu nay chú theo Phật giáo Hòa Hảo thì cứ giữ như vậy, đâu cần phải thay đổi. Điều quan trọng là biết tu tập, cải đổi tâm tính của mình mà thôi. Chú phát tâm như vậy thì đã trở thành đệ tử Phật rồi, không nhất thiết phải làm một lễ qui y hoặc phải bỏ Phật giáo Hòa Hảo...”

Tôi chưa dứt lời thì tiếng cái then cài cửa gió kêu “cạch” một tiếng, cửa gió mở, một cái mặt ló ra:

“Vĩnh Khang, có không?”

“Có,” tôi đáp và đứng dậy, bước đến cửa.

Tôi tưởng là một cán bộ, nào ngờ là anh nuôi. Anh nói nhanh:

“Cán bộ bảo anh chuẩn bị đồ đạc cá nhân, năm phút nữa cán bộ xuống là phải ra ngay, rời trại đó.”

Ông Trọng xen vào, hỏi người anh nuôi:

“Sao, được về hả?”

“Không biết,” anh nuôi đáp nhanh.

Tôi xoay vào, lấy áo quần. Đồ đạc cá nhân, ừm, có đồ đạc gì đâu mà chuẩn bị. Chỉ có áo quần mặc vào thân, tay thì cầm cái ca nhựa đựng cái muỗng nhựa, khăn mù-xoa thì nhét vào túi quần. Giày xăn-đan thì xỏ vào chân. Vậy là xong. Còn các thức ăn khô do sư cô Trí Hải gửi biếu cũng như thức ăn tươi do tôi và ông Trọng gửi mua được từ hợp tác xã của trại bằng phiếu tiền, tôi để lại hết cho ông Trọng. Phiếu tiền còn khoảng hai trăm, tôi cũng biếu ông Trọng nốt. Ông ấy không chịu, đòi gói ghém ít thức ăn cho tôi mang theo. Nhưng tôi biết tôi có thể chịu đựng được hơn ông, nên nhất quyết chỉ mang theo cái ca nhựa và cái muỗng, giống như các nhà sư nguyên thủy tu hạnh đầu đà khát thực ngày xưa, chỉ mang theo cái bình bát làm tài sản sống qua ngày.

“Chắc không phải được tự do đâu. Như tôi đoán hôm trước, thầy sẽ bị chuyển qua một trại giam nào đó của tỉnh Đồng Nai vì thầy liên can vào vụ án ở tỉnh đó. Thầy à, cảm ơn tất cả những gì thầy đem đến cho tôi trong hơn một tháng qua. Tôi thực sự là mang ơn thầy lớn lắm, chẳng lời nào nói hết được. Mai sau, nếu còn nhớ đến tôi, còn có ý định vào Bảy Núi, thầy tìm đến nhà tôi, địa chỉ tôi cho thầy bữa trước rồi. Còn nếu như thầy về trước tôi mà muốn đi thẳng vào vùng Hòa Hảo, hãy xuống Long Xuyên, hỏi đường đến cù lao Ông Chưởng. Ở đó có ông Hai giữ miếu thờ

Đức Ông, Đức Bà, thân phụ thân mẫu của đức Huỳnh giáo chủ. Thầy nói tên tôi, ông Hai sẽ giúp những gì thầy cần. Riêng phần tôi, xin hứa với thầy, nếu có dịp tái ngộ, sẽ hết lòng theo giúp thầy để thực hiện ý nguyện mà thầy đeo đuổi...”

Tôi xúc động nhìn ông ấy. Ông ngáp ngừng rồi bước sát lại, ôm lấy tôi một lúc. Khi ông buông tôi ra, tôi đưa tay cho ông bắt, nói:

“Chú giữ gìn sức khỏe. Hẹn ngày gặp lại. Địa chỉ của gia đình tôi, đã cho chú rồi, nếu chú về sau, nhớ đến đó hỏi tin tức của tôi. Đừng quên nha.”

“Còn điều này nữa, thầy ạ. Ở các trại tù khác mà bị nhốt chung trong phòng biệt giam với tù nhân nào, thầy phải hết sức cẩn thận mới được. Có khi tù nhân đó chỉ là một thằng công an, hoặc một thằng đặc tình của công an cài vào giả đồ kết thân với thầy để khai thác tin tức đó. Thầy tin tưởng tôi là thầy xét đúng người, chứ với người khác, xin thầy đề phòng một chút. Đừng tiết lộ bất cứ cái gì của thầy cho họ nghe. Xin giữ lấy thân để còn tiếp tục đấu tranh cho đất nước. Đất nước khổ đau này, lúc nào cũng cần những người có lòng như thầy...”

Ông ứa nước mắt. Tôi không ngờ ông tình cảm đến thế. Tiếng ổ khoá đã vang lên. Cái then lớn được kéo ra. Rồi cánh cửa mở toang, ánh sáng lùa vào. Tôi đưa tay vẫy nhẹ với ông Trọng một cái, rồi bước thẳng ra ngoài. Cán bộ trực nhìn tôi, hỏi:

“Sao không mang đồ đạc cá nhân theo?”

“Có mang theo rồi,” tôi đưa cái ca bên trong có đựng cái muống lên.

“Chỉ vậy thôi à?” Cán bộ trực hỏi.

“Chỉ vậy thôi.”

Ở đầu dãy, nơi bàn trực, có Sơn và Hùng đứng sẵn. Có một anh công an khác. lạ mặt, dáng to cao, mặc đồ dân sự, mang mắt kiếng đen, đang nói chuyện với Sơn và Hùng. Thấy tôi từ phòng biệt giam bước ra, cả ba người cùng quay về hướng tôi, im lặng nhìn tôi chăm chú, có vẻ như quan sát.

“Chào anh Khang, bữa giờ cũng thường hả?” Sơn hỏi.

“Thường,” tôi đáp.

“Đây là đồng chí Dũng, cán bộ của trại B5, Biên Hòa,” Sơn chỉ người cán bộ lạ mặt, giới thiệu. “Hôm nay anh Khang đi theo anh Dũng qua trại B5 há. Bên đó cũng thoải mái lắm, phải không anh Dũng?”

Dũng chỉ cười nhạt, mắt dán vào tôi, từ đầu đến chân. Dũng nhìn tôi khá kỹ. Đôi mắt anh như ngờ vực, hoặc có một điều gì khó hiểu.

“Còn một người nữa hả?” Sơn hỏi Hùng.

“Kìa, ra rồi,” Hùng đáp.

Viên cán bộ trực dậy mở cửa phòng biệt giam số 2. Thầy Thiện Đắc từ trong bước ra, hai tay xách hai giỏ lát nặng trĩu. Hướng về chỗ bàn trực, thấy tôi, Thiện Đắc vui mừng, lo cười chào tôi, có vẻ như chẳng hề để ý đến những anh công an đang đứng chờ đợi. Dũng, anh công an của Biên Hoà, thấy vậy thì tự ái, mở lời thị uy:

“Cười cái gì! Cười với ai vậy hả? Anh có biết là anh đi đâu không?”

Thiện Đắc không trả lời, đứng lại một bên tôi. Sơn và Dũng lo làm một số thủ tục bàn giao nào đó rồi lệnh cho tôi và Thiện Đắc theo họ ra sân trước. Có Hùng đi sau lưng chúng tôi. Ngoài sân có một chiếc xe hơi màu trắng, loại bốn cửa. Dũng lục xét lại chúng tôi một lần nữa trước khi cho chúng tôi lên xe. Hai giỏ đồ của Thiện Đắc bị bày soạn ra đất. Bình nước tương hai lít của Thiện Đắc bị Dũng bắt trút hết xuống cái mương gần đó vì sợ mang theo sẽ bị đổ trên sàn xe. Xong phần khám đồ đạc, Dũng lại cẩn thận khám xét luôn cả chúng tôi, bắt tôi và Thiện Đắc đưa hai tay lên trời. Tôi và Thiện Đắc cứ nhìn nhau cười tủm tỉm. Hình như bị giam lâu, nay gặp bạn bè cũ, chúng tôi thấy mừng mừng tủm tỉm, nhìn nhau không chán.

Khám xét rồi, Dũng lấy cái còng số 8, vừa còng hai tay tôi lại nói:

“Xin lỗi nha anh Khang, tôi không muốn làm điều này một chút nào.”

“Đâu có sao, anh lo phận sự của anh mà,” tôi nói.

Dũng tính còng hai tay tôi ra sau, nhưng nghĩ sao, anh lại cho tay tôi ra trước. Rồi anh mở cửa băng ghế sau, phía trái, sau lưng tài xế, bảo tôi bước lên xe trước. Thiện Đắc thì được đưa qua phía bên phải, cũng ngồi cùng băng sau với tôi. Dũng không còng tay Thiện Đắc, một phần vì anh chỉ mang theo có một cái còng, phần khác, có lẽ vì Thiện Đắc tội nhẹ hơn tôi. Tuy nhiên, cán bộ ở đây cũng đưa cho Dũng một sợi dây điện dài cỡ hai chục thước. Dũng bảo Thiện Đắc bước ra khỏi xe, lấy dây điện trói chặt lại hai tay Thiện Đắc nhiều vòng, rồi bảo Thiện Đắc lên xe trở lại. Khúc dây điện còn dư cỡ mười mấy thước từ hai tay bị trói của Thiện Đắc, Dũng quấn quanh người Thiện Đắc vài vòng, rồi kéo xuống trói luôn hai chân; dây vẫn còn dư, Dũng kéo qua phía tôi, trói cả hai chân tôi, xong lại kéo ngược lên, quấn quanh người tôi vài vòng, rồi lại xiết mấy gút thật chặt sau lưng tôi. Xong công việc ấy, Dũng đưa cái ca của tôi cùng hai giỏ đồ của Thiện Đắc lên xe, rồi xoa tay, thở phào.

Chỉ có mình Dũng lên xe, vừa là tài xế, vừa là cảnh sát áp tải chúng tôi từ trại giam Sài-gòn sang trại giam Biên Hòa. Hình thức dẫn độ không được kỹ lưỡng như vậy kể cũng khá đặc biệt, chẳng rõ lý do gì. Có lẽ vì tù nhân là hai ông thầy tu mà công an biết rõ là chẳng phải loại dữ dằn, bạo động.

Xe chuyển bánh rời sân trại. Cổng trại bít bùng được anh công an từ bót gát kéo ra hai bên. Thế giới bên ngoài với người xe tấp nập hiện ra trước mắt tôi như cảnh tượng trên một màn ảnh. Cảnh tượng của một cuốn phim mới được chiếu lần đầu. Tôi cơ hồ quên mất rằng tôi chưa được trả tự do nên được nhìn cảnh vật bên ngoài đã ham hố, thấy hân hoan tươi mát trong lòng vô cùng. Nhưng khi ngang chợ Bà Chiểu, nhìn đám đông đông bào lam lũ chen chúc bán mua trên những ngã chợ bụi bặm, nổi đau lòng trước cái khổ của người dân bất chợt quay trở lại, trùm lấp ngay ảo giác hạnh phúc được nhìn ngắm ngoại cảnh của tôi. Tôi biết, không có tôi, đời vẫn thế. Dù tôi đang ở chùa, ở nhà bà Bàng, trốn ra nước ngoài, hay chấp nhận vào tù, thì đời vẫn thế. Cái nghiệp dĩ nặng nề nào đó đè xuống thân phận của nước tôi, khiến cho nghìn năm, rồi trăm năm, rồi mấy chục năm nay, dân tôi cứ thế mà khổ. Phải chăng đó là một thứ định mệnh không thể chống trả, không thể hoán cải? Hừ, thực ra có cái gì trên thế gian này mà lại không thể chuyển dịch được đâu kia! Sông cạn, núi mòn. Bao nhiêu dâu bể thăng trầm đã diễn ra. Bao nhiêu mây trắng mây đen đi ngang bầu trời này rồi hóa kiếp trên những núi thẳm, đồng xanh khác nhau. Thế mà, từ những năm gần đây, thời gian như cô kẹo lại. Cái gì cũng có vẻ chết cứng. Xác thân, cảm giác, tư tưởng, ý chí và nhận thức của con người thời nay như bị đặc quánh lại thành một thứ hắc ín dẻo nhẹ. Cái màu đen của hắc ín, chỉ nhìn thấy thôi, đã có ngay cảm giác là khó gột rửa. Ủ, đất nước này, con người này, như vậy đó. Hình như họ không bao giờ được sống trong hiện thực. Họ chỉ sinh ra để sống cho một thứ lịch sử đã chết, hay sống cho một thứ tương lai xán lạn moi móc trong chính cái lịch sử đã chết đó. Tôi có cảm tưởng rằng, dù gì đi nữa, họ vẫn vất vả, nghèo đói, khổ đau. Vẫn nghi kỵ, che giấu, giả dối. Vẫn ần ần chịu đựng để sống. Vẫn giả dò tin tưởng chế độ để được yên thân... Cái xã hội này sẽ vẫn như thế, dù mười năm hay hai mươi, ba mươi năm sau, khi tôi bước ra khỏi trại giam với cái lưng còng xuống và mái tóc bạc phơ.

Có ngõ thoát nào chẳng? Tôi nhìn hai tay bị còng của mình và tủm tỉm cười một mình. Dũng đang lái xe, nhìn kiếng chiếu hậu, thấy tôi cười, liền hỏi:

“Cái gì đó anh Khang?”

“Không có gì,” tôi đáp.

Im lặng một lúc, Dũng nói:

“Anh Khang à, tôi thật tiếc là anh trở thành một can phạm của nhà nước đó nghe.”

“Sao vậy?” tôi cười hỏi lại.

“Cái vụ ở Long Thành, thực ra anh đâu có liên can gì nhiều đâu, phải không? Vậy mà anh lại bỏ chùa trốn về Sài-gòn, đi lang thang thế nào đó để rồi vào bót công an Sài-gòn. Thật đáng tiếc. Phải chi lúc đó, cùng với những người khác trong lực lượng Phục quốc, anh thành khẩn ra đầu thú trình diện với chúng tôi thì có thể giờ này anh được tự do rồi, mặc chi phải trốn tránh để rồi trở thành can phạm!”

“Ồ, tưởng anh nói gì chứ chuyện trở thành can phạm thì chẳng sao. Có làm có chịu, tôi chẳng ân hận gì. Còn nói rằng trình diện thì được tha sớm, chuyện đó chẳng có gì bảo đảm, mà cũng chẳng phải là nghĩa cử gì đẹp để cho lắm. Xưa nay, chỉ có cái thiện bị cái ác bao vây tiêu diệt chứ có cái thiện nào lại đi đầu hàng cái ác đâu kia! Huống chi lại được anh trói chung với một ông thầy tu như thầy Thiện Đắc, chở đi trên phố chợ để nhìn thiên hạ, giờ lại ngang qua những đồng lúa xanh ngát như thế kia, thì còn gì vui thú cho bằng chứ!”

Thiện Đắc bật cười:

“Phải rồi, thú vị quá đi chứ! Tôi thì chẳng làm gì, tôi bị bắt oan; nhưng bị trói chung với thầy Khang này trên một chuyến xe, tôi cũng hãnh diện lắm.”

“Anh nói gì mà vợ vẫn quá, chẳng trúng trật vào đâu cả!” Dũng nhăn mặt nói.

Thiện Đắc cười cười, tiếp tục nói giọng cợt:

“Này nhé, tôi nghĩ rằng các anh cứ bắt hết mấy ông thầy tu trên khắp đất nước, từ bắc vào trung, từ trung vô nam, cứ thầy tu là bắt bỏ tù, như vậy may ra đất nước yên bình ngay. Giống như thời ông Diệm đó mà, cứ việc bắt hết thầy tu, bắt tới đức Tăng thống và các vị lãnh đạo tối cao của Phật giáo, thì tự nhiên đất nước phải có thay đổi.”

“Nói nhảm! Nhà nước ta có hiến pháp hẳn hoi, đâu phải muốn bắt ai thì bắt. Quyền tự do tôn giáo để đâu mà làm ba cái chuyện tào lao đó. Chúng tôi chỉ bắt mấy ông thầy chùa chống phá tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhà nước mà thôi.”

“Ồ, té ra là vậy! Nhưng sao lại có sự chống phá cái tiến trình xây dựng ấy nhỉ?” Thiện Đắc hỏi.

“Ai mà hiểu nổi mấy ông,” Dũng nói, “thôi cứ vào tù đi rồi biết tại sao. À, anh Khang, nếu cái còng nó xiết tay anh đau, anh cho tôi biết để tôi dùng xe lại, nói cho anh một chút. Đừng ngại nhé, đau cứ nói là đau.”

“Không sao,” tôi đáp.

Tôi có cảm tưởng là Dũng cố tình tỏ vẻ thân thiện với tôi và cũng thẳng thắn biểu lộ ác cảm đối với Thiện Đắc. Chẳng rõ có lý do hay âm mưu chính trị nào không. Hay chỉ vì tôi có số may mắn lâu nay? Cái số may của tôi nó lạ lùng như vậy: ít khi nào tôi bị người khác ghét. Đã có khi tôi làm cho kẻ nào đó giận, ghét, gây gổ... nhưng rồi trước sau gì họ cũng không còn ghét tôi nữa. Họ nhìn tôi, nói chuyện với tôi, rồi từ từ, họ cũng mến. Tôi có nhiều bạn bè, một phần cũng do cái may mắn này.

Xe chạy thêm một đoạn xa mà cả ba người trên xe chẳng nói một lời nào nữa. Năng chiều có vẻ gay gắt, nhưng khi phủ xuống trên đồng ruộng bát ngát, lại trở thành một tấm lụa vàng mềm mại phát phơ, trôi lướt về hướng sau xe. Những cây bạch đàn và dương liễu cũng rũ xuống những cành lá dài lê thê, vui đùa trước gió và có vẻ như vẫy tay từ giã tôi để cuốn theo nắng lụa mà trôi về hướng nghịch chiều với chiếc xe. Bầy trẻ chơi đùa vô tư chạy lon ton trên bãi đất rộng. Mấy cô thôn nữ cúi húi dọn cỏ hay cấy mạ non dưới ruộng, thấy xe chạy qua thì ngưng tay, ngược nhìn. Một chàng nông dân trẻ tuổi, giơ tay vẫy chào, chẳng cần biết người trên xe là ai. Từng dáng người, từng bụi lúa, từng bờ ruộng, từng nhánh lá, từng mảng mây, từng đóm nắng... lần lượt vụt qua, vụt qua, vừa thấy đó đã mất hút về phía sau. Tôi không rõ chúng đã từ bỏ tôi, hay chính tôi đã cảm lạnh già biệt chúng.

Dù sao ngồi bên cạnh Thiện Đắc, tôi rất vui mà cũng vừa đau lòng cho anh ấy. Tôi muốn nói với Thiện Đắc nhiều điều, nhưng dĩ nhiên là không nói được. Tôi đành lấy ngón tay út, khoèo nhẹ đầu gối Thiện Đắc. Hai cườm tay bị còng nhưng các ngón được tự do, tôi lấy ngón tay trở phải, vẽ lên đầu gối Thiện Đắc một mặt trăng tròn. Thiện Đắc gật gù, chẳng rõ anh có hiểu đúng ý tôi không. Tôi không nhắc nhủ Thiện Đắc bất cứ điều gì thuộc về chuyện khai cung. Tôi chỉ muốn anh luôn được an lạc, sống trọn với lý tưởng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Vẽ một mặt trăng chỉ là gợi đến anh một lời chúc tụng mà thôi. Nhưng Dũng lạnh lắm: chỉ nhìn thái độ và ánh mắt của Thiện Đắc qua kiếng chiếu hậu mà anh biết ngay là tôi hoặc Thiện Đắc có ra dấu hiệu gì với nhau. Anh hỏi lớn:

“Gì vậy anh Khang?”

“Có gì đâu,” tôi đáp.

“Anh đừng làm dấu hiệu gì hết nghe anh Khang, như vậy tốt hơn. Hờ, tôi thật đáng tiếc là phải bắt anh trong hoàn cảnh này. Tôi đã nói với anh khi nãy rồi, anh Khang. Tôi nói thực đó. Tôi nghĩ, một người tuổi trẻ có học như anh, nếu góp sức với chúng tôi trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì hay biết mấy. Đàng này, anh lại đi con đường phản động quá. À, anh Khang, anh có biết là ngày 30-4 vừa qua, kỷ niệm mười năm giải phóng, tại quảng trường Biên Hòa có triển lãm và trưng bày hình ảnh các tổ chức phản động đã bị nhân dân phát hiện và công an phá vỡ trong mười năm qua tại tỉnh Đồng Nai không? Chắc, ở quảng trường có trưng bày vụ án Phục quốc mà anh liên can nữa đó. Ngôi chùa Long Quang của anh trên kinh tế mới lại được triển lãm như là một trong những cơ sở đầu não của lực lượng Phục quốc. Có điều là thiếu cái hình của anh thôi, nên người ta cứ đoán mò, nghĩ rằng anh là sư cụ nào đó ở Long Thành! Tôi thì biết tuổi anh trong hồ sơ truy nã rồi, có điều tôi vẫn chưa tin là thật. Cho đến khi nãy, gặp anh ở T20, tôi mới thực sự tin đó. Anh trẻ thật chứ hả? Vậy mà ông Lương tin tưởng, nghe lời anh quá cỡ nghen. Lâu nay anh có gặp ông Lương không? Trần Văn Lương đó. Không à, hừ, chứ không phải là anh và ông ấy sát cánh với nhau để bày thêm những trò chơi khác sau vụ Long Thành sao?”

Tôi im lặng. Lòng người phức tạp, phiền toái quá! Mới khi nãy nói anh đâu có liên quan gì nhiều đâu rồi bây giờ lại nghi ngờ là có quan hệ mật thiết với lãnh tụ Phục quốc. Tôi không muốn nói thêm một câu nào nữa, đưa mắt nhìn qua cửa kiếng.

Ruộng lúa mới cấy. Ngọn mạ vừa gượng đứng được đã ươm xanh cả một vùng loang loáng nước. Nắng chiều chọc thủng lớp mây mù, roi xuống ruộng sóng sánh. Mây con cò trắng thủng thỉnh nhón đưa những cẳng chân cao nghệu, bước qua bước lại trên ruộng lúa, đầu ngoắc bên này lại ngoắc bên kia. Một con cò ngóng cổ đưa cái mỏ dài ngoằng lên trời cao để nuốt mồi hay uống nước, trông như một đạo sĩ ngửa mặt mà cười với mây xanh. Bất chợt tôi nhớ hai câu thơ của thiền sư Không Lộ. *Hữu thời trực thượng cô phong đánh. Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.* Đôi lúc ngẫm lý hội cái vẻ nhiệm màu của thể tính, sáng khoái vô cùng tận trong lòng mà chẳng biết tỏ cùng ai, chẳng biết nói câu gì với nhân gian mộng mị, bèn vạch gai vén cỏ, leo lên tận chóp núi hoang, gõ đầu những tảng đá trợ vợ phơi mình trong sương sớm, bật cười một chuỗi làm run lạnh cả hư không tịch tịch. Ôi thống khoái siêu tuyệt làm sao nụ cười vô ngôn hiu quạnh ấy.

Từ câu thơ của Không Lộ, tôi hứng cảm nhớ về ngôi chùa Long Quang trên vùng kinh tế mới. Ở đó tôi có một thảo am nhỏ đặt tên là Phương Thảo Am, nằm sát bìa rừng, giáp ranh một đồng lúa mênh mông của nông dân xã kế cận. Trên bờ ruộng có một cây tràm đã chết khô không còn chiếc lá nào, nhưng nó to lớn hùng vĩ quá, ai cũng kiêng dè, không dám đốn ngã. Cây tràm cách chỗ tôi chừng hai trăm thước. Khoảng đó ít người qua lại. Thỉnh thoảng mới có bầy chim hay vài con quạ đảo cánh lướt qua, nhưng cũng chẳng buồn đậu lên những nhánh cây quắt queo

đó. Chỉ có một con cú mèo to lớn, như một con đại bàng ngạo nghễ, độc chiếm cây tràm. Chiều chiều, tôi thường ra đứng ở hiên sau, nhìn hoàng hôn phủ xuống ruộng những vệt hồng cuối ngày; và trong khi người trong làng nhìn cây tràm với kẻ kinh sợ thì tôi nhìn nó như một gã điên cô độc, đứng bên bờ cỏ biếc chờ đợi ai. Con cú đậu trên vai gã điên ấy cũng là một nhân vật khó hiểu. Hình như nó đến bên gã điên để thăm lặng an ủi gã, hoặc để được gã điên cảm thông niềm cô đơn kinh tợn của nó. Tôi thương cái gã điên ấy lắm và tôi cũng thương con cú mèo nữa. Nhưng một chiều nọ, khi nắng vừa tắt, sương lam buổi đầu đông sa xuống sớm, phủ khắp nơi, khiến cho rừng hoang và đồng rộng liền lạc nhau trong một thế giới mù mù mịt mịt. Tôi đứng nhìn một chốc thì thấy trước mắt mình, chỉ còn là một bãi sương hay một bãi sông lênh láng màu sữa. Thấp thoáng trong bãi sương, cây tràm vẫn đứng yên, con cú mèo vẫn đậu yên. Tôi chạy vù đến hướng cây tràm. Cỏ, gai chằng chịt níu lấy chân tôi. Tôi khó khăn lắm mới leo lên được một cái gò nhỏ, nhưng rồi cũng té lăn khỏi đó, lồm cồm ngược dậy. Cây tràm vẫn đứng yên. Con cú vẫn đứng yên. Không có lối đến gần cây tràm, tôi đứng lại giữa một khoảng đất trũng, sinh lớp nhóp dưới chân. Tôi đứng đó, ngược nhìn lên. Cây tràm vẫn đứng đó. Con cú vẫn đứng đó. Bỗng dưng, một nỗi cô đơn hay một niềm hạo khí khó hiểu rùng rùng bốc dậy muốn tuôn thành lời, nhưng tôi chẳng biết phải nói gì, bèn hét lên một tiếng lớn, chọc thủng màn sương mù mịt. Cây tràm vẫn đứng đó, con cú vụt vỗ cánh bay đi. Tôi có thể nhìn thấy từng mảng sương loãng đi dưới sức đập cánh mạnh mẽ của nó. Chỉ thoáng chốc, con cú mèo chìm khuất giữa rừng sương. Còn lại cây tràm sừng sững đứng đó. Nó nhìn tôi. Tôi nhìn nó. Giữa chiều sương cô tịch. Nhưng càng nhìn nó, tôi càng thấy nó bé nhỏ làm sao! Lần đầu tiên tôi đánh đuổi được con cú mèo. Và lần đầu tiên, tôi thấy cây tràm không còn là một gã điên cô độc nữa. Nó có vẻ là một cụ già bi quan, an phận, lặng lẽ đếm từng ngày rơi xuống theo màn sương sớm chiều. Từ đó, tôi trở thành con đại bàng cao ngạo, độc chiếm khoảng rừng hoang, một mình xông lên tận chóp đỉnh của niềm cô tịch để sục tìm ý nghĩa của con đường giải thoát.

Nghĩ đến chuỗi cười Không Lộ, lại nhớ tiếng hét của mình dạo đó nơi bãi sương, trong tôi lại có một cái gì đó động dậy; ban đầu chỉ như một cánh hoa lay mình trước cơn gió nhẹ trưa hè, nhưng càng lúc nó càng động mạnh hơn, như một khối nham thạch sùng sục trong lòng núi lửa. Tôi ý thức được, đó là một thứ khát vọng cuồng ngông của bản ngã, muốn bày tỏ cái bất toàn bất lực của nó. Nó không bằng lòng với sự tồn hữu của nó trong thế gian, hay sự tồn hữu của thế gian ở trong nó. Nó loay hoay muốn tìm một ngõ thoát trong khi chính nó lại tự giam nhốt nó bằng cái nhận thức sai lầm rằng: nó tự hữu một cách biệt lập với mọi sự mọi vật trên thế gian. Vung vẩy, lắt lẩy trong cái vòng mâu thuẫn buồn cười đó, nó trở thành gã điên cô đơn, đi tìm cái gì không biết, chờ đợi cái gì không biết. Gã điên muốn nói một điều gì. Hoặc muốn viết ra một điều gì. Mà không làm được. Gã điên ấy không đủ bản lĩnh buông được một chuỗi cười thương thừa như Không Lộ để xé toạc mọi thứ ngữ ngôn văn tự mà chạm đến thực tại tối hậu. Gã điên ấy chỉ biết lảm ba lảm bảm vài thứ ngôn từ vụn vặt, què quặt, mà mỗi lời mỗi tiếng buông ra, chỉ khiến hấn thêm thất vọng, thất vọng...

Nhìn lại mình với hai tay bị còng và mười mấy thước dây điện quấn quanh, trói chung với một nhà tu có khuôn mặt khắc khổ, hiền lành, ần ần, bất chợt, một cách vô thức, tôi buột miệng bật lên một tiếng cười khá lớn. Chẳng rõ Thiện Đắc hiểu gì về tiếng cười ấy, cùng cười theo tôi. Và chúng tôi cười nghiêng ngả.

“Cái gì vậy? Các anh cười gì? Các anh muốn gì?” Dững hỏi với giọng hơi hoảng hốt.

Thấy chúng tôi chẳng nói gì mà chỉ cười từng chuỗi dài, Dững tấp xe vào lề đường, dừng hẳn, rồi quay lại nhìn kỹ tay chân chúng tôi, nhìn các gút dây điện.

“Các anh âm mưu gì đây? Đừng có hòng trốn thoát nghe. Có ra khỏi chiếc xe này cũng không thoát khỏi được mạng lưới của chúng tôi đâu. Đừng có manh tâm trốn chạy mà thiệt

thân!”

Nói rồi, Dũng rú ga cho xe chạy thật nhanh. Anh có vẻ bán loạn trước những chuỗi cười khó hiểu của hai nhà tu bị trói.

Đúng, Dũng nói đúng. Có phá được cái vòng tay và sợi dây trói để thoát khỏi chiếc xe này, tôi cũng không thoát khỏi được cái thiên la địa võng của công an, của xã hội, của những bóng sắc dụ dằng quuyến rũ liêu trai, của Như Như hay của Mộng Huyền, của nhân loại, của thế gian, của cõi luân hồi nghiệp chướng, và của chính những triền phược cột trói tự ngã tôi.

Đất nước và con người hôm nay là như thế: luôn luôn muốn tranh cãi, chống trái, chèn ép nhau; và cứ khi nào suy vi thống khổ cùng tận thì lại có những thầy tu Phật giáo bị bắt trói, giam vào tù. Thầy tu như tôi muốn gì đây? Tại sao cứ phải đứng dậy, cứ phải lên tiếng, cứ phải đòi hỏi sự thật và công lý... để rồi lần lượt hết thầy đến trò, hết người này đến người kia, thế hệ này sang thế hệ khác, hy sinh máu xương hoặc vướng vào vòng tù tội. Thầy tu chúng tôi đâu biết làm chính trị! Người ta làm chính trị bằng khối óc, chúng tôi làm chính trị bằng con tim. Chúng tôi chỉ có tấm lòng. Thấy thương thì phải hành động. Thấy bất bình thì phải can. Thấy ai làm một thì biết là một, nghe ai nói hai thì biết là hai. Đâu có ngờ thế sự rối rắm, chẳng phải chỉ đi theo một chiều giản đơn như tâm hồn ăn chay quét lá của người ở chùa. Cho nên mới có chuyện tôi là nạn nhân bị bội phản bởi Hân, hay bởi ông thầy Tư. Thật thà đến độ khờ khạo là con người của thầy tu. Con người đó không biết hại ai nhưng luôn luôn làm cho kẻ ác phải sợ và muốn hủy diệt.

Bởi thế, dù gì đi nữa, tôi vẫn cứ thấy thương và tội nghiệp cho những người đã vì lý do tồn tại của họ mà phải hại tôi: đồng thời cũng thấy rằng, tất cả những gì tôi từng làm và đang nhận chịu hôm nay, đều chỉ là bước khởi đầu cho một hành trình dài vô hạn. Hành trình đó là lối thoát chung cho mọi người, nhưng mỗi người sẽ phải bước đi bằng, đôi chân trần với tất cả niềm cô đơn lặng lẽ của chính mình.

Và trong niềm cô tịch ấy, tôi biết rằng ngộ thoát duy nhất cho một con người để tiến đến sự toàn thiện và vượt khỏi những thống khổ, không phải chỉ là con đường nỗ lực đập vỡ tất cả những ước định ràng buộc của ngôn từ và biểu tượng trần gian, mà còn phải xóa sạch luôn cả những vết tích huyền mộng đã tạo tác hoặc vẽ vờ nên cái gọi là ngộ thoát nữa.

Dù tốc độ xe tăng nhanh hơn trước, cảnh tượng hai bên đường, qua cửa kính trong ngần, như được tinh lọc kỹ càng, đã hiện hữu trước mắt tôi một cách sắc nét, tinh xảo hơn. Bờ đất vàng. Ngọn lúa xanh. Cây dương rũ lá. Những nông phu cúi gập lưng xuống ruộng đồng. Mảng mây xa. Ráng nắng hồng. Tất cả vụt đến rồi vụt đi, nhưng luôn luôn tinh anh, mới mẻ, một cách tráng lệ, huy hoàng...

Tôi nhìn xuống hai cổ tay bị còng chặt của mình lần nữa. Không thấy buồn. Chỉ thấy một niềm bình yên lặng lẽ. Tôi tủm tỉm cười. Rồi bằng ngón tay trở tự do cử động, tôi vẽ thêm trên đầu gối của Thiện Đắc một mặt trăng thật tròn.

California, 1996

TRỞ LẠI TRANG MỤC LỤC